

# CỎ THƠM



TAM CÁ NGUYỆT SAN  
VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO  
NĂM THỨ 21 - SỐ 75 - MÙA HÈ 2016



# CỎ THƠM

MÙA HÈ 2016

## CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG  
<dsenser@yahoo.com>

## PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM  
<phanvyle@yahoo.com>

## PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG  
<dathphan1@gmail.com>

## CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN  
<littlesaigonnews@aol.com>

## TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH  
<hanhbang@hotmail.com>

## WEBSITE

PHAN ANH DŨNG  
NGUYỄN VĂN BÁ  
THỦY SENSER  
<www.cothommagazine.com>

## TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER  
<dsenser@yahoo.com>

## TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY  
RESTON, VA 20194, USA  
TEL. (571) 926-8962  
<dsenser@yahoo.com>

## BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BẰNG.  
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐỖ BÌNH.  
ĐINH CƯỜNG. NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.  
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.  
NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỒI.  
NGUYỄN QUỐC KHÁI. PHAN KHÂM.  
HUY LÂM. NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.  
NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.  
ĐẶNG NGUYỄN. NGUYỄN VĂN NHIỆM.  
PHẠM THỊ NHUNG. ĐỖ PHÚ.  
TRẦN BÍCH SAN. NGUYỄN SƠN.  
HỒ CÔNG TÂM. NGUYỄN VĂN THÀNH.  
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.  
PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.  
TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIỀN.  
THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN. KIM VŨ.

## ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA  
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA  
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN  
NGUYỄN BẠCH: Lake Wood, WA  
DIỄM CHÂU: Spring Valley, CA  
TIỂU THU: Québec, Canada  
VŨ NAM: Germany  
NGUYỄN MÂY THU: France



## **DANH SÁCH HỘI VIÊN**

B. Lê Anh Dillard , Ô. Hồ Trường An, B. Văn Thị Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh,  
TS Võ Hùng Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá, B. Nguyễn Bạch, Ô.B. Nguyễn Ngọc Bích,  
Ô.B. Phạm Hữu Bính, Ô. Phan Thanh Bình. Ô. Đỗ Bình, Ô. Vũ Đức Bình,  
Ô. Nguyễn Bông, Ô.B. La Trung Chánh, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Trương Minh Châu,  
Ô. Lê Văn Chính, B. Lê Thị Ngọc Dung, B. Dzung Senser, Ô. B. Phan Anh Dũng,  
ÔB. Đại Dương-Phạm Thị Nhung, Ô.B. Nguyễn Quý Đại, B. Dương Tâm Đạt,  
B. Đạt Thu Lê, Ô. Nguyễn Văn Đoàn, ÔB. BS Nguyễn Anh Dũng & Phương Liên,  
Ô.B. BS Hoàng Giang, B. Đỗ Thị Minh Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao,  
B. Nguyễn T. Song Hà, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Ô. Lý Thy Hiểu, B. Tô Diễm Hồng,  
Ô. Trương Hùng, Ô.B. Nguyễn Mậu Hưng, Ô. Nguyễn Quốc Khải, Ô. B. Phan Khâm,  
Ô. Nguyễn Quốc Khoa, Ô.B. Đinh Kỷ. Ô.B. Nguyễn Lâm, Ô.B. Nguyễn Khoa Lâm,  
Ô.B. Nguyễn Huy Linh, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. Vũ Nam, Ô.B. Nguyễn Phú Long,  
Ô.B. Phạm Bá Luân, B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA),  
B. Nguyễn T. Phương Nga, B. Trần Tuệ Nga, Ô. Cao Nguyên, Ô. Đăng Nguyên,  
B. Phan Thị Nhẫn, B. Nguyễn Tú Nhật, B. Uyên Phương Minh Nguyệt,  
Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận, Ô.B. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi,  
Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô.B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Lê Quang Phùng, B. Kim Phụng,  
Ô.B. Lưu Quang, B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phương, Ô. B. Đèo Văn Sách,  
Ô. Trần Bích San, Ô.B. Nguyễn Sơn, Ô. Hồ Công Tâm, B. Nguyễn T. Minh Tâm,  
Ô.B. Nguyễn Diệu Tân, B. Phong Thu, Ô. Mỹ Phước Nguyễn Thanh,  
Ô. B. Nguyễn Văn Thành, Ô.B. BS Nguyễn Văn Thành. Ô. B. Trịnh Đức Thông,  
B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu, Ô. Lê Văn Trạch, B. Nguyễn Hồng Thủy,  
Ô. Bùi Thanh Tiên, Ô. Nguyễn Toàn, B. Sarah Liên Trang, B. Diệm Trân Kratzke,  
Ô. Nguyễn Đình Trân, B. Lê Thúy Trúc, B. Tô Bạch Tuyết, ÔB. Phạm Văn Tuấn,  
BS Phan Khắc Tường, Ô.B. Phạm M. Xuân, Ô. Đoàn Ngọc-Xuân.

## **MẠNH THƯỜNG QUÂN**

Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung,  
BS. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty Inc, Harvest Moon Restaurant.

# MỤC LỤC

|                                 |              |                                  |     |
|---------------------------------|--------------|----------------------------------|-----|
| <b>BIÊN KHẢO</b>                | <b>Trang</b> |                                  |     |
| TRẦN BÍCH SAN:                  | 10           | PHẠM HỮU BÌNH: Phượng            | 88  |
| NGUỒN GỐC CHỮ QUỐC NGŨ          |              | KIM VŨ: Một thoáng hương đêm     | 92  |
| NGUYỄN VĂN THÀNH:               | 22           | NGUYỄN LÂN: Ngã Năm Bình Hòa     |     |
| Vườn Quốc Gia Phong Nha...      |              | Tết Mậu Thân                     | 96  |
| Quản thể di tích cổ đô Huế      | 24           | TẠ QUANG KHÔI: Đoạn kết của một  |     |
| NGUYỄN VĂN NHIỆM:               |              | chuyện tình                      | 98  |
| Nghề Nông                       | 28           | VŨ NAM: Kỷ niệm tuổi thơ         | 111 |
| HẢI BĂNG HOÀNG DÂN BÌNH         | 39           | NGUYỄN THUY:                     |     |
| Lê Thánh Tôn                    |              | Khuynh hướng khoa học            | 114 |
| PHẠM VĂN TUẤN: Jonathan Swift   | 54           | ĐỖ BÌNH: Con người và            |     |
| NGUYỄN XUÂN BÍCH:               |              | tác phẩm                         | 117 |
| Điền cổ tình yêu trong văn học  | 66           | DIỆM CHÂU (CĐS) Mưu kế           | 122 |
| PHẠM TRỌNG LÊ:                  |              | TÔN NỮ MẶC GIAO:                 |     |
| Kỳ diệu: Thơ Nguyên Sa          | 136          | 40 năm nội chiến                 | 129 |
| <b>VĂN</b>                      |              | HỒ CÔNG TÂM: Thi phẩm            |     |
| NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:           | 6            | "Còn lại chút tình"              | 133 |
| Lá thư mùa hè 2016              |              | DIỆM TRẦN: Bản luân vũ cuối cùng |     |
| SƯỞNG BIÊN THUY:                |              | của "U Tình"                     | 141 |
| Tháng cá chết                   | 32           | Ỡ NGUYỄN: Miền đất hứa:          | 144 |
| VĂN QUANG: Chuyện con cá chết   | 34           | NGUYỄN PHÚ LONG:                 |     |
| NGUYỄN ĐẠI:                     |              | Nhân đọc tập thơ ...             | 154 |
| Mưa Chiều Singapore             | 46           | PHẠM BÁ: Niềm vui &              |     |
| NGÔ TẮNG GIAO: Luật pháp và văn |              | Nỗi buồn                         | 158 |
| học nghệ thuật...               | 63           | NGUYỄN T. N. DUNG: Hẹp mặt       |     |
| ĐẠT THU LÊ: Tiếng Việt tiếng Mỹ | 74           | Cỏ Thơm và RMS "Luật Pháp và văn |     |
| TRẦN NHẬT KIM:                  |              | học nghệ thuật"                  | 161 |
| Hà Nội: Hoài niệm một thời      | 80           | ĐỖ BÌNH: GS Võ Thanh Tịnh        | 172 |
|                                 |              | PHAN ANH DŨNG: Nguyễn Ngọc       |     |
|                                 |              | Bích một người đa tài ...        | 177 |
|                                 |              | TRƯƠNG ANH THUY: Vài mẫu         |     |
|                                 |              | chuyện tản mạn trong cuộc đời... | 184 |
|                                 |              | PHAN KHÂM: Tưởng niệm            | 194 |
|                                 |              | Nhà Thơ Phan Ngọc                |     |

**THƠ**

|                               |     |
|-------------------------------|-----|
| PHƯƠNG DU NBH: Làng tôi       | 26  |
| HỒ CÔNG TÂM: Mùa xuân đã chết | 32  |
| CAO NGUYỄN: Lửa Tù            | 37  |
| VŨ HỒI – PHAN KHÂM: Thư Họa   |     |
| THÚY TRÚC: Mơ Về Việt Nam     | 62  |
| NGUYỄN KINH BẮC:              | 64  |
| Về Mái Nhà Xưa                |     |
| NGUYỄN LÂN: Đêm Nguyên Cầu    | 72  |
| LÝ HIỂU: Buồn theo năm tháng  | 73  |
| ĐẶNG NGUYỄN: Bốn một năm dư   | 73  |
| BÙI THANH TIỀN: Ta thấy em,   |     |
| Nước mắt em                   | 89  |
| ĐỖ T MINH GIANG: Đóa hoa lòng | 93  |
| TUỆ NGA: Giọt lệ vô thường    | 130 |
| HỒNG THỦY: Hoa chia ly        | 142 |
| KIỀU ANH: Đi giữa đường hoa   | 159 |
| Ý ANH: Nông Sơn của bố        | 160 |
| NGUYỄN MÂY THU:               |     |
| Đêm khuya nhớ nhà             | 160 |

**GIAO ĐIỂM**

|                             |     |
|-----------------------------|-----|
| THANH THANH:                | 61  |
| Chính Nghĩa- Just Cause     |     |
| DIỄM HOA: Comme un Chrétien | 97  |
| SSGT BARRY SADLER: Ballad   |     |
| Of The Green Berets         | 159 |
| NGÔ TĂNG GIAO:              |     |
| Bài ca mũ xanh              | 159 |

|                          |     |
|--------------------------|-----|
| NGUYỄN HUY LINH:         |     |
| Bướm hoa, bìa trước      | 1   |
| Làm Ruộng                | 29  |
| Vịnh Hạ Long             | 140 |
| Water Lilies, bìa sau    | 208 |
| PHẠM BÁ, PHẠM VĂN TUẤN   | 167 |
| NGUYỄN HUY LINH:         |     |
| Hình ảnh hộp mật Cỏ Thơm |     |

**GIỚI THIỆU**

|                                                             |     |
|-------------------------------------------------------------|-----|
| HÀ NGUYỄN & ASSOCIATES,                                     |     |
| C.P.A                                                       | 2   |
| DANH SÁCH HỘI VIÊN                                          | 4   |
| THIỆP MỜI KỶ NIỆM 21 NĂM                                    | 27  |
| Sách "Luật Pháp và Văn Học Nghệ Thuật" của Nguyễn Văn Thành | 135 |
| Sách "Quê Người Nhớ Quê Nhà"                                | 135 |
| SOVEREIGN REALTY, INC.,                                     | 157 |
| BS NGUYỄN QUỐC QUÂN                                         | 171 |
| BS NGUYỄN THỊ KIM DUNG                                      | 176 |
| WASHINGTON MUSIC                                            | 194 |
| ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ                                        | 199 |
| Soạn phẩm của Ngô Tăng giao                                 |     |
| SINH HOẠT CỎ THƠM                                           |     |
| HARVEST MOON RESTAURANT                                     | 200 |
| Tủ Sách Cỏ Thơm                                             | 201 |
| PHIẾU MUA BÁO                                               | 202 |
| LUẬT SƯ IVAN M. WALDMAN &                                   |     |
| ASSOCIATES                                                  | 203 |

# LÁ THƯ MÙA HÈ 2016

Chắc quý vị cũng biết mùa xuân vừa qua có nhiều tin buồn hơn tin vui trong giới văn học. Tiếp theo sự ra đi vĩnh viễn của Họa sĩ Đinh Cường và Học giả Nguyễn Ngọc Bích, Nhà thơ Phan Ngọc của Cỏ Thơm vừa từ trần ngày 1 tháng 4, 2016 sau nhiều tháng đau yếu. Nhà thơ Phan Ngọc thường đến dự buổi sinh hoạt hằng năm của Cỏ Thơm. Lần cuối cùng chúng tôi được gặp Nhà thơ là ngày Cỏ Thơm họp mặt nhân dịp phát hành báo Cỏ Thơm số mùa thu vào cuối tháng 9, 2015 tại Trụ Sở Hội Cao Niên, Falls Church, Virginia. Nhà thơ Phan Khâm và phu nhân cùng Nhạc sĩ Vĩnh Điện và Ngọc Dung đã đến viếng di hài và tang lễ nhà thơ Phan Ngọc. Nghe Nhạc sĩ Vĩnh Điện sụt sùi bên cạnh, tôi chợt nhớ ông cũng vừa đưa tiễn hiền thê đến nơi an nghỉ cuối cùng một tuần trước. Cỏ Thơm có đăng bài điệu văn của Nhà thơ Phan Khâm và những vần thơ xướng họa về kỷ niệm với thi sĩ Motthoi của các thi hữu Trần Quốc Phiệt, Ngô Văn Giai và Phan Khâm, trang 195-196.

Nhân dịp 49 ngày Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích quy tiên, 5/14/2016, được tổ chức long trọng và đông đảo tại Falls Church, Virginia, chúng tôi được Giáo Sư Đào Thị Hội tặng tuyển tập "Nguyễn Ngọc Bích, Tám Lòng Cho Quê Hương", gồm những bài viết tưởng niệm vị giáo sư của 70 tác giả, trong đó có bài viết của Nguyễn Thị Ngọc Dung đã đăng trong số báo Cỏ Thơm trước, bài viết của Phan Anh Dũng đăng trong số báo này, trang 178 và bài viết Trương Anh Thụy trang 185. Phải sống như thế nào mới được sự tự nguyện sùng kính, thương tiếc này phải không quý vị?

Đó là những tin buồn trong cộng đồng gần gũi. Tin buồn từ xa tới là tin Nhạc sĩ lừng danh Nguyễn Ánh 9 qua đời ngày 4/14/2016 tại Sài Gòn. Bây giờ hát lại những bài hát của ông mới càng ngậm ngùi, cảm phục thêm về người nhạc sĩ hiền lành một đời cho âm nhạc, bộc lộ tâm tư mình và thông cảm tâm tình người.

Rồi đến tin ký giả kỳ cựu Phan Lạc Phúc qua đời ngày 28 tháng 4 tại Úc Châu. Cỏ Thơm trong số này có bài viết của Nhà văn Văn Quang viết về người bạn văn nghệ quân đội, trang 197. Xin mời quý vị vào Website Cỏ Thơm <[www.comthommagazine.com](http://www.comthommagazine.com)> xem những trang biên soạn rất công phu, phong phú của Phó Chủ nhiệm ngoại vụ Cỏ Thơm Phan Anh Dũng về các vị văn thi nhạc nghệ sĩ quá cố chúng tôi vừa nhắc tới ở trên và những vị đã qua đời từ trước...

Sự bùi ngùi chưa hết thì đến sự phẫn nộ của người dân trong nước cũng như hải ngoại về sự việc hăng thép Đài Loan Formosa đã xả chất độc thải ra bờ biển Vũng Áng, Hà Tĩnh, Bình Định làm hàng triệu cá chết lan tràn trên 250 km dọc bờ biển

miền Trung. Đúng là bọn Tàu ngoại muốn dân Việt "sống chết mặc bay tiền thầy bỏ túi". Dân miền ven biển miền Trung chỉ trông vào nghề đánh cá, nay cá ngộ độc chết hết thì lấy gì mà sống. Vô tình hay liệu lĩnh ăn cá ngộ độc vào cũng chết luôn. Càng nghĩ càng thương dân mình chịu tai ương từ kiếp này qua kiếp khác, hết bọn tàu rồi đến chính bọn ta hại dân ta, tan nát non sông, đất nước.

Người hải ngoại vui mừng phần nào thấy đồng bào quốc nội hết chịu nỗi kiếp nhục nhằn, nhân dịp tai ương này đã nổi lên biểu tình khắp nơi chống Tàu, công khai cuồng nhiệt chống nhà cầm quyền. Sự khao khát tự do, dân chủ, văn minh, phú cường thấy rõ trên những khuôn mặt của giới trẻ tràn ra đường hô hào chào đón Tổng thống Mỹ Obama, tại Sài Gòn ngày 24-05-2016, như ông là thần tượng, là một cứu tinh của họ. Xin Thượng Đế cứu vớt người dân và đất nước Việt Nam.

Quay lại cuộc sống của chúng ta ở hải ngoại, người cực nhất thì vẫn được sống thoải mái hơn ngàn lần dân nghèo, dân thấp cổ bé miệng ở trong nước. Quý vị và người Cỏ Thơm vẫn tự làm vui, làm ích cho cuộc sống. Có một vị độc giả mới về hưu được vài tháng, đi khám sức khỏe tại phòng mạch Bác sĩ Nguyễn Thị Kim Dung, ân nhân cho Cỏ Thơm quảng cáo. Bà đọc một cuốn báo Cỏ Thơm ở đó và thích quá. Bà gọi điện thoại tới Tòa soạn Cỏ Thơm mua tất cả các tập truyện của Nguyễn Thị Ngọc Dung và 12 số báo Cỏ Thơm gần nhất. Bà muốn mua thêm. Nhưng sức bà và sức tôi không bẻ nổi. Tôi phải nói bà đọc hết số sách báo đó rồi hãy lấy thêm. Đó là một niềm vui và biết ơn của người cầm bút và làm báo chúng tôi.

Một niềm vui nữa là sau buổi phát hành số báo mùa Xuân và giới thiệu sách "Luật Pháp và Văn Học Nghệ Thuật" của Biên khảo gia Nguyễn Văn Thành, quý vị văn thi, nhạc và nghệ sĩ thân hữu hài lòng, thích thú lắm, vài email khen tặng cho Ngọc Dung huy chương vàng. Ngọc Dung cảm động quá nói với Nhà văn Phạm Xuân Thái để Ngọc Dung mua cái mixer cho Hoàng Cung Fa và Thái khỏi mất công đem tới mỗi lần sinh hoạt. Có mixer do Thái giới thiệu rồi, tôi lại nói với Thái, từ từ tôi sẽ mua cặp loa để khỏi nối dây loĩ thoi từ bộ loa của TV và Karaoke trong phòng khách vào phòng kiếng dành cho các ca nhạc sĩ chơi nhạc và hát "live". Thái nói ngay, chị việc gì phải mua, người Cỏ Thơm chịu chơi thì chịu chung chứ. Thế là Thái email hô hào mọi người Cỏ Thơm đóng góp. Chỉ trong vòng 3 ngày, anh Trần Bích San ở mãi tận New Orleans, email về bảo khóa sô, thiếu bao nhiêu anh chịu. Tuy nhiên sau khi khóa rồi có vị vẫn còn ủng hộ tài chánh. Cỏ Thơm có được hơn số tiền cần thiết để mua hai cặp loa. Thái làm luôn việc mua loa on-line. Một tuần sau hai thùng to tổ chẳng đến trước cửa, tôi phải còng lưng kéo lê chúng vào nhà và lại đẩy một thôi dài vào phòng nhạc. Ngày hôm sau, Thái và Cung Fa tới ngay và lắp liền cặp loa, có cả kiềng ba chân và hai cái microphone đang hoàng, trông đồ sộ, le lói lắm. Chúng tôi thử hai cái mics.

Quả thật âm thanh sắc sảo hơn nhiều, hứa hẹn một ngày họp mặt phát hành số báo này hào hứng hơn nữa. Các con tôi rất mừng tôi có nguồn vui với báo Cỏ Thơm và văn nghệ, ca nhạc là thú vui lành mạnh. Tôi không chịu ngồi không gặm nhấm nỗi buồn phiền nào.

Trong cộng đồng cũng có nhiều những buổi văn nghệ hát cho nhau nghe được tổ chức tại tư gia, tại nhà thờ của Nhạc sĩ vĩ cầm Phạm Dương Hiến, của nghệ sĩ Nguyễn Xuân Thường, trong nhà hàng như của ca sĩ Như Hương và Nhạc sĩ Nguyễn, trong hội trường lớn như của Ca sĩ Đèo Văn Sách và Kim Phụng, ca nhạc ngoài trời của Hoàng Cung Fa, Hoàng Dung và Nguyễn Tự Tín. Hoan hô quý bạn ca nhạc sĩ thật nhiều cho chúng tôi được những giờ phút vui thanh thản, thường thức thanh âm nghệ thuật và gặp gỡ thân hữu.

Mới chiều qua đây, chúng tôi đã đi tham dự buổi ca nhạc "Giọt Lệ Tri Ân" gây quỹ trùng tu Nghĩa Trang Quân Đội VNCH, Biên Hòa, do một số thành viên Quốc Gia Nghĩa Tử tổ chức, trong đó có Nhà Văn Phong Thu của Cỏ Thơm. Không đông lắm, cũng không vắng nhưng thu được hơn \$5000 Mỹ kim. Tổ chức mới mẻ bao giờ cũng phải chứng tỏ việc làm đúng đắn và hữu hiệu rồi sẽ được biết tới và ủng hộ nhiều hơn nữa để tiến tới mục đích trung thực. Sự bày tỏ nguyên nhân tổ chức của các thành viên QGNT rất cảm động làm ướt những mảnh khăn giấy của quan khách. Ai không đau sót khi thấy mồ mã cha, anh, em mình bị bỏ hoang, đào sới. Tuy lý do tham dự của chúng tôi là để tri ân các anh hùng chiến sĩ đã nằm xuống trong Nghĩa Trang Quân Đội, nhưng cũng được thưởng thức một chương trình ca nhạc cho quê hương, cho chiến sĩ khá hay.

Chúng tôi cũng muốn gửi lời cảm tạ đến Nhà thơ Thúy Trúc, Florida đã tặng một số tác phẩm "Viết Cho Người Tình" đến các tác giả Cỏ Thơm. Cảm ơn Giáo sư Nhà văn Nguyễn Thùy ở Thụy Sĩ đã giới thiệu Nhà thơ Thúy Trúc với Cỏ Thơm. Cảm tạ Nhiếp ảnh gia Nguyễn Huy Linh đã cho báo Cỏ Thơm dùng hình ảnh đẹp làm bìa báo và phụ bản; Cảm tạ quý văn thi hữu đã gửi bài vở cho Cỏ Thơm thêm phong phú, giá trị.

Sau hết chúng tôi xin trân trọng thông báo và tha thiết mời quý vị tham dự Kỷ Niệm 21 Năm Sinh Hoạt Văn Học Cỏ Thơm, sẽ được tổ chức tại Nhà hàng Harvest Moon, Falls Church, Virginia vào lúc 11 giờ 30, Chủ Nhật 28 tháng 8, 2016. Chúng tôi sẽ có hội sách, ăn trưa, giới thiệu sách và một chương trình ca nhạc địa phương đặc sắc. Giá vé ủng hộ 25 Mỹ Kim. Xin quý vị xem thêm chi tiết trên Thiệp Mời trang 27.

Hẹn gặp quý độc giả, văn thi nghệ sĩ thân hữu xa gần ngày đó và chúc quý vị một mùa hè thanh thản, an vui.

**NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG**



# NGUỒN GỐC CHỮ QUỐC NGỮ

## Trần Bích San

(Tiếp theo số báo trước)

**Pierre-Joseph-Georges Pigneau de Béhaine (1741-1799)**

Pierre-Joseph-Georges Pigneau de Béhaine (Bá Đa Lộc), sinh năm 1741 ở Origny en Thiérache, Pháp Quốc, giám mục d'Adran, tốt nghiệp Trường Thầy Dòng của Hội Truyền Giáo Ngoại Quốc (Société des Missions Étrangères, được thành lập ở Ba Lê vào năm 1663). Năm 1765 thụ phong Linh Mục và được xung vào Giáo Đoàn Đàng Trong. Học viện của Hội Thừa Sai lúc này đã rời từ Miến Điện đến Cần Cai (Hòn Đất), phía tây Hà Tiên, ông được cử làm Quản Đốc và giảng dạy ở Trường Thầy Dòng này từ năm 1767 đến cuối năm 1769. Trong năm 1768 ông cùng với Linh Mục Artaud và một Linh Mục Trung Hoa bị cáo buộc đã tiếp rước và giúp một ông hoàng Xiêm có tội trốn thoát về lối Nam Vang. Ông bị bắt bỏ tù và mang gông rất cực khổ trong hai tháng, sau mới được thả. Cuối năm 1769 dân Miên ở Hà Tiên nổi loạn cướp phá học viện ông phải đi lánh nạn tại chủng viện Virampatnam gần Pondichéry thuộc Ấn Độ, nhân chưa được khỏe nên ở lại đây dưỡng bệnh. Trong thời gian này ông nghiên cứu về Khổng Giáo và soạn được ba tác phẩm mà quyển có giá trị nhất là *Tự Điển Việt - La Tinh* (*Dictionarium Annamiticum-Latinum*), nhưng tiếc thay chưa kịp in thành sách thì bản chính bị tiêu hủy trong vụ hỏa hoạn tại nhà Chung ở Cà

Mâu năm 1778. Còn hai quyển kia thì một là *Thánh Giáo Yếu Lý Quốc Ngữ* (*Catéchisme Cochinchinois*) viết bằng chữ Nôm, bài tựa bằng chữ Hán (in tại Quảng Đông năm 1774), và một quyển nữa là *Tự Điển Hoa - Việt - La* (*Dictionnaire Chinois - Annamite - Latin*). Năm 1771 giám mục Piguel mất, ông được cử thay thế.

Tháng 10/1777, ông gặp Nguyễn Ánh (Nguyễn Phúc Ánh) trên đường trốn chạy sự lùng bắt của quân Tây Sơn. Nguyên là vào năm 1777, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đem quân thủy bộ vào đánh lấy thành Gia Định, đuổi bắt được cả Thái Thượng Vương và Tân Chính Vương đem giết đi, thế là nghiệp chúa ở Đàng Trong bị nhà Tây Sơn dứt từ đây. Nguyễn Ánh là cháu Thái Thượng Vương lúc đó mới 17 tuổi, chạy thoát được. Trên đường bôn đào tháng 10/1777 Nguyễn Ánh gặp Giám Mục Bá Đa Lộc và được đưa đi tạm lánh ở cù lao Poulo Panjang, một đảo nhỏ nằm trong vịnh Thái Lan. Ít lâu sau, Nguyễn Ánh trở về Long Xuyên chiêu mộ binh mã lo việc khôi phục, khởi binh tiến chiếm Sa Đéc rồi lấy lại được đất Gia Định vào tháng 11/1777. Bá Đa Lộc đến cư ngụ ở Tân Triều (gần Biên Hoà) và thường đi lại giao thiệp với Nguyễn Vương. Năm 1782, Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đem hơn 100 chiến thuyền vào cửa Cần Giờ đánh tan quân Nguyễn Vương ở Thất Kỳ (nay là Ngã Bảy), Nguyễn Ánh phải bỏ Sài Gòn chạy về Ba Giồng rồi ra đảo Phú Quốc tạm lánh. Quân Tây Sơn rút về Qui Nhơn để hàng tướng Đỗ Nhân Trập ở lại giữ thành Gia Định. Nghe

tin, Châu Văn Tiếp đem quân từ Phú Yên hợp với các đạo quân khác đánh đuổi Đỗ Nhân Trập rồi cho người ra Phú Quốc đón Nguyễn Vương. Năm sau Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ lại đem quân vào đánh, tháng 3/1783 Nguyễn Vương phải đem cả mẹ và cung quyến chạy ra Phú Quốc. Nguyễn Huệ đem quân đuổi theo ra tận Phú Quốc, Nguyễn Vương bôn tẩu về đảo Côn Nôn, quân Tây Sơn lại đến vây Côn Nôn. May sao lúc đó một trận bão thổi đến đánh đắm nhiều chiến thuyền Tây Sơn nên Nguyễn Vương thoát khỏi vòng vây chạy sang đảo Cổ Cốt, rồi về lại đảo Phú Quốc ẩn náu. Lúc bấy giờ Nguyễn Vương thể cùng lực kiệt, binh sĩ phải hái rau, đào củ chuối mà ăn.

Thủ bút của Gia Long gửi Béhaine



Cuối năm 1784, Nguyễn Vương gặp lại Bá Đa Lộc ở cù lao Poulo Panjang, sau khi bàn tính, nhờ đem Hoàng Tử Cảnh cùng quốc ấn, lá thư riêng gửi vua Louis XVI, và một lá quốc thư sang Pháp cầu viện. Bá Đa Lộc thay mặt Nguyễn Vương ký với Pháp hiệp ước Versailles ngày 28/10/1788 nhưng sau vì nhiều lý do hiệp ước đã không được thi hành. Sau đó, Bá Đa Lộc tự xuất tiền mộ lính, mua khí giới, tàu chiến rồi trở về Gia Định ngày 21/7/1789 giúp Nguyễn Vương đánh Tây Sơn. Từ đây Bá Đa Lộc bày mưu tính kế, giữ văn thư và thường theo đi đánh Thủ bút của Vua Gia Long gửi Béhaine



Vua Gia Long



Pigneau De Béhaine

trận. Năm 1799 theo Nguyễn Vương ra đánh thành Qui Nhơn, nhưng trong lúc đang vây thành ông bị bạo bệnh mất, hưởng dương 58 tuổi.

Nhờ sự giao thiệp mật thiết giữa giám mục Bá Đa Lộc và Nguyễn Ánh mà việc truyền đạo của Giáo Đoàn Đàng Trong được dễ dàng, nếu không muốn nói là được biết đãi, nhất là trong thời kỳ Nguyễn Vương còn ở Gia Định. Các thừa sai đã biết lợi dụng hoàn cảnh thuận tiện này để củng cố và phát triển đạo Thiên Chúa ở Đàng Trong. Chung viện được dựng lên ở Cà Mau và Hà Tiên, Giáo Đoàn Đàng Trong được khuếch trương mạnh mẽ, nhờ số tín đồ mỗi ngày một đông nên số người biết đọc biết viết Chữ Quốc Ngữ càng nhiều, tất nhiên Chữ Quốc Ngữ nhờ đó được dịp sử dụng và phát triển. Bá Đa Lộc cũng là người đầu tiên nhuận lại quyển tự điển của Alexandre de Rhodes, sửa những chữ phiên âm sai và thêm nhiều chữ mới. Tuy nhiên, trận hỏa hoạn tại Chung Viện Cà Mau năm 1778 đã thiêu huỷ một phần lớn công trình này [06].

#### **J.L.Taberd (1791-1840)**

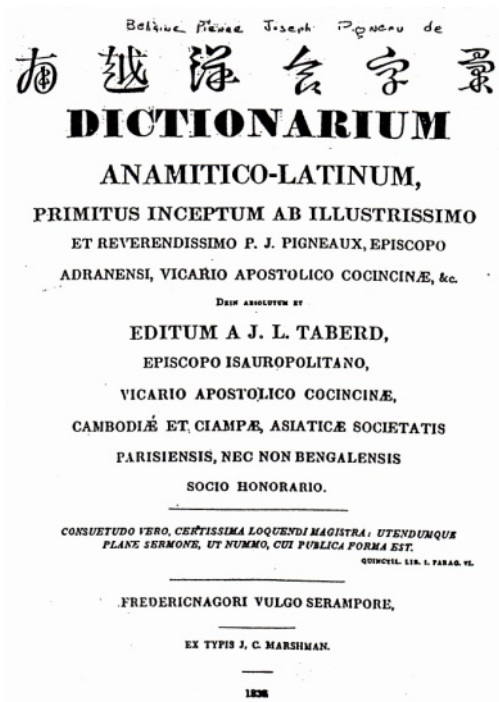
J.L. Taberd, giáo sĩ Dòng Sai, sinh năm 1791 tại Saint Etienne Pháp Quốc,

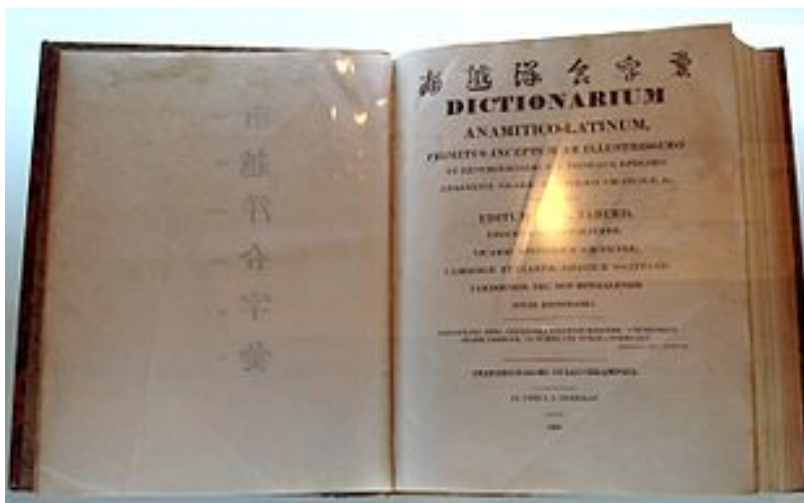
mất năm 1840 tại Calcutta, Ấn Độ. Thụ phong Linh Mục năm 1817, đến năm 1820, đời vua Minh Mạng, ông sang Việt Nam trên cùng một chuyến tàu với J.B. Chaigneau. Khi Bá Đa Lộc mất, Labartetti (1799-1823) thay thế. Đến khi Labartetti chết, Taberd được cử giữ chức giám mục Giáo Đoàn Đàng Trong vào năm 1827, lúc đó nhà Chung ở Lái Thiêu.

Năm 1833 khi Lê Văn Khôi, con nuôi Tả Quân Lê Văn Duyệt làm loạn, ông phải tạm lánh nạn qua Xiêm. Tại đây vua Xiêm nhờ ông kêu gọi giáo dân người Việt chống đối vua Minh Mạng để làm hậu thuẫn cho quân Xiêm sang đánh Việt Nam. Ông từ chối, về trú ngụ tại Chung Viện Penang. Quân Xiêm bị quân ta đánh bại tại Hà Tiên và Châu Đốc nên phải rút về do đó vua Xiêm không ưa ông, còn vua Minh Mạng thì lại nghi ông sang Xiêm viện quân để giúp Lê Văn Khôi. Tuy ông có gửi một lá thư minh oan đề ngày 16/07/1834 đăng trên tờ Singapore Chronicle, nhưng vì thấy không thể nào trở lại Sài Gòn được nữa nên bàn giao chức vụ cho Cuénot ở Singapore năm 1835.

Sau đó ông sang Bengale, Ấn Độ trú ngụ tại Chung Viện Sérapore. Tại đây ông dùng những tài liệu đã thu thập được trong thời gian làm giám mục Giáo Đoàn Đàng Trong để xây dựng lại quyển tự điển của Bá Đa Lộc đã bị hỏa tai, rồi vận động với Hội Société Asiatique du Bengale nhờ xuất bản *Tự Điển An Nam - La Tinh* (*Dictionarium Annamitico - Latinum*) thường được gọi là *Nam Việt Dương Hiệp Tự Vựng*, và quyển tự điển *La Tinh - An Nam* (*Dictionarium Latino - Annamiticum*). Hội này không đủ tiền in nên khuyên ông nhờ chính quyền Bengale giúp.

Sau hai năm Taberd vận động tích cực, kết quả Lord Auckland chịu ứng tiền đặt mua 100 bộ nhưng đòi ông phải thêm phần tiếng Anh để thương gia và thủy thủ có thể dùng được và nhà cầm quyền Bengale sẽ mua hết phần phụ lục tiếng Anh đó. Vì vậy trong quyển *Tự Điển La Tinh - Việt* ông thêm phần phụ lục dày 135 trang bằng bốn thứ tiếng Anh, Pháp, La Tinh, Việt (*Appendix ad Dictionarium Latino - Annamiticum*). Sách in xong năm 1838, bản gỗ do chính Taberd sửa chữa, trong đó mỗi chữ Việt đều có cho thêm chữ Nôm. Tự điển này của Taberd gồm 46 trang văn phạm, 620 trang tự điển, 52 trang về hoa quả của Nam Việt (*Hortus floridus Cocincinoe*) với bản kê các chữ Nôm trong tự điển sắp xếp theo các “bộ” và “số nét”.





Bìa *Nam Việt Dương Hiệp Tự Vựng* của Taberd in tại Bengale, Ấn Độ năm 1838

Về sau hai quyển tự điển của Taberd lại được hai giáo sĩ Théréul và Leserteur, sau khi thêm một số chữ được dùng ở Bắc Kỳ, đã cho tái bản lần thứ nhất ở trong nước (in tại Ninh Phú năm 1877). *Nam Việt Dương Hiệp Tự Vựng* của Taberd không những hoàn hảo hơn quyển tự điển của Alexandre de Rhodes mà còn được sử dụng làm gốc cho các quyển tự điển in sau này như *Dictionnaire Élémentaire Annamite Francais* của Legrand de la Liraye in năm 1868, *Dictionarium Latino-Amamiticum* của cố Ravier in năm 1880, *Petit Dictionnaire Francais-Annamite* của Trương Vĩnh Ký xuất bản vào năm 1884 (bản in nhà Chung Sài Gòn, sách dày 1192 trang).

## NGUYỄN VĂN VINH VÀ SỰ PHỔ CẬP CỦA CHỮ QUỐC NGỮ

Nguyễn Văn Vĩnh, sinh ngày 15 tháng 06, 1882 (năm Pháp chiếm thành Hà Nội,



nờ nhà người bà con bên ngoại tại số 46 phố Hàng Giấy Hà Nội, lại thêm đông con (7 người, 2 trai, 5 gái) nên không thể lo chu đáo sự học của các con được. Thời gian này Nguyễn Văn Vĩnh được theo học chút ít chữ Nho.

Năm 8 tuổi, Nguyễn Văn Vĩnh được cha xin cho chân kéo quạt ở lớp đào tạo thông ngôn Pháp mở ở đình làng Yên Phụ, Hà Nội do D'Argence vừa làm hiệu trưởng vừa làm giảng viên. Ngồi cuối lớp vừa kéo 2 hàng quạt liên nhau, vừa tỏ mò nghe lỏm

Phan Thanh Giản tuần tiết theo thành) tại làng Phượng Vũ, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông (nay là huyện Phú Xuyên, Tỉnh Hà Tây). Ông là con đầu lòng của ông bà Nguyễn Văn Trực, một gia đình nông dân rất nghèo. Hồi đó chưa có công trình thủy nông cống Đồng Quan cả vùng quanh năm ngập nước, cánh đồng chiêm chỉ cấy lúa được mỗi năm một vụ, nên nhiều dân làng phải bỏ lên tỉnh sinh sống. Gia đình ông Trực cũng phải rời quê ra ở



bài giảng, Nguyễn Văn Vĩnh ghi nhớ lời dạy và trả lời được các câu hỏi của thầy trong khi các học trò trong lớp còn lúng túng. Thầy D'Argence thấy vậy bèn cho thi thử khi mãn niên học năm 1893, không ngờ Nguyễn Văn Vĩnh đỗ hạng 12 trên sĩ số 40 học sinh. Thầy D'Argence thương tình đặc cách xin học bổng và cho chính thức vào khóa đào tạo Thông Ngôn Tòa Sứ. 1896: 14 tuổi Nguyễn Văn Vĩnh đỗ thủ khoa, được bổ về Tòa Sứ Lào Cai làm thông ngôn cho đoàn chuyên gia Pháp nghiên cứu chuẩn bị thiết lập đường xe hỏa Hải Phòng-Hà Nội-Lào Cai-Vân Nam. Khi đoàn dời về Hải Phòng để chuẩn bị vật liệu xây dựng đường sắt, ông cũng được chuyển về Kiến An, Hải Phòng theo họ (1897-1901). Lúc này cảng Hải Phòng đang được Pháp mở mang, Nguyễn Văn Vĩnh phải giúp tiếp nhận vật liệu, hướng dẫn việc bốc dỡ hàng hóa vào kho nên hàng ngày tiếp xúc với thủy thủ ngoại quốc. Nhân đó ông học và thông thạo thêm tiếng Anh và tiếng Tàu. 1902: trợ lý cho Công Sứ Pháp tỉnh Bắc Ninh, nhiệm sở sau cùng của ông là Thông Ngôn tòa Đốc Lý Hà Nội.



Nguyễn Văn Vĩnh với 2 bạn văn Phạm Quỳnh và Phạm Duy Tốn



Gia đình Nguyễn Văn Vĩnh với vợ và 3 con

- Năm 1906, Nguyễn Văn Vĩnh được cử vào phái bộ sang Pháp dự hội chợ đầu xảo (Foire d'Exposition) ở Marseille. Tại đây, ông có dịp giao tiếp với nghề in và báo chí. Gian hàng của Bắc Kỳ ngay cạnh gian hàng của báo *Petit Marseillais*. Ông chủ báo này muốn quảng cáo cho báo mình nên đã mang nguyên xưởng máy, tòa soạn, trị sự vào trường đầu xảo. Hàng ngày máy in chạy ầm ầm, phóng viên mang tin ra vào tới tấp. Ông đam mê nghề báo nên hàng ngày sang hỏi chuyện ông chủ báo, chú tâm nghiên cứu, học hỏi [07]. Cũng trong thời gian này ông gia nhập hội Nhân Quyền Pháp và là hội viên người Việt Nam đầu tiên.

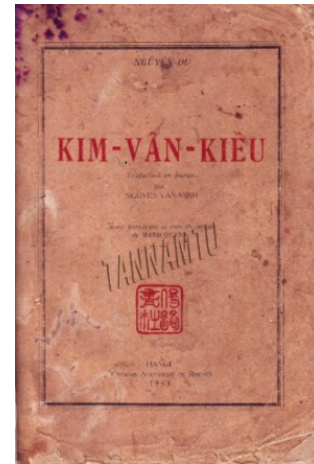
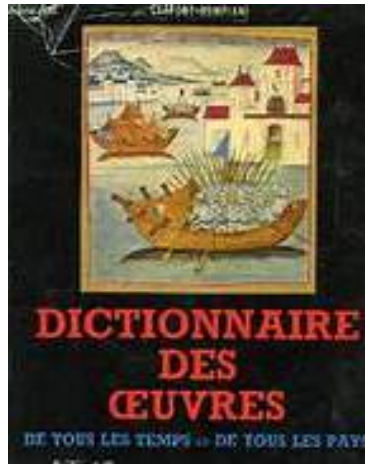
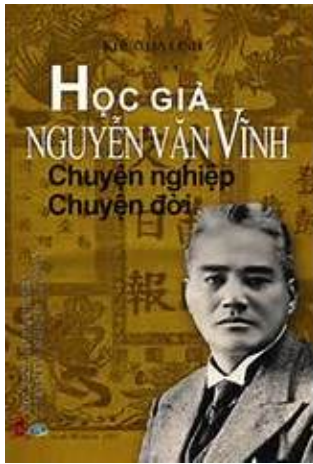
Trở về nước, ông từ bỏ cuộc đời công chức, ra làm báo, mở nhà in, kinh doanh và hoạt động chính trị. 1907: chủ bút *Đồng Văn Nhật Báo*, sau cùng Đỗ Thận lập tờ *Đăng Cổ Tùng Báo* (số đầu tiên ra ngày 28 tháng 03, 1907), tờ báo đầu tiên bằng Chữ Quốc Ngữ ở Bắc Kỳ. 1908: chủ trương tờ *Notre Journal* (1908-1909). 1910: ra tờ *Notre Revue* (được 12 số), cùng năm đó làm chủ bút *Lục Tỉnh Tân Văn* ở Sài Gòn (do Schneider lập ra). 1913: chủ bút *Đông Dương Tạp Chí* (tuần báo, số đầu ra ngày 15 tháng 05, 1913). 1915: trông nom bài vở cho tờ *Trung Bắc Tân Văn* (do Schneider thành lập). 1919: chủ nhiệm *Học Báo* (*Đông Dương Tạp Chí* đổi tên), cùng năm, Schneider già yếu rút lui ông mua lại và đổi thành nhật báo. 1927: cùng Vayrac lập tờ sách *Đông Tây Tư Tưởng* (*La Pensée de l'Occident*) in các sách ông dịch thuật. 1931-1934: chủ nhiệm kiêm chủ bút *Annam Nouveau*.

Ông là người đầu tiên dịch ra Chữ Quốc Ngữ tác phẩm của các văn hào Pháp Balzac, Victor Hugo, Alexandre Dumas, La Fontaine, Molière, v.v. và là người đầu tiên dịch *Truyện Kiều* sang tiếng Pháp. Bản dịch của ông rất đặc sắc vì còn thêm phần dịch nghĩa từng chữ và các điển tích liên hệ, một điều chỉ người am hiểu sâu xa văn chương Việt, Tàu và Pháp mới có thể làm được. Ông giảng dạy và là hội viên hoạt động tích cực của hai học hội lớn Trí Tri và Khai Trí Tiến Đức [08]. Về hoạt động chính trị, làm hội viên nhiều khóa liên tiếp của Hội Đồng Thành Phố Hà Nội, từ 1913 là hội viên Tư Vấn Bắc Kỳ (tương tự Viện Dân Biểu), có chân trong Đại Hội Nghị Kinh Tài Đông Dương (cơ quan tư vấn tối cao của chính phủ Đông Pháp). Ngoài ra, ông còn là

người của Hội Nhân Quyền Quốc Tế tại Việt nam (Ligne des Droits de l'Homme), Hội Tam Điểm Quốc Tế (Franc Maconnerie).

Vì ông dịch ra Pháp văn bài “*Đầu Phấp Chính Phủ Thư*” của Phan Châu Trinh và cho đăng tải trên *Đăng Cổ Tùng Báo* nên Phan Chu Trinh bị bắt. Ông nhân danh thành viên Hội Nhân Quyền cùng 4 người Pháp ký đơn xin ân xá. Ông luôn luôn lên tiếng phản đối chính sách hà khắc của Pháp đối với thuộc địa và là người Việt Nam đầu tiên và duy nhất hai lần từ chối huân chương Bắc Đẩu Bội Tinh của chính phủ Pháp ban tặng.

Khoảng 1934-1935, sau hồi kinh tế khủng hoảng, công việc kinh doanh ấn quán bị lỗ lã nên thiếu tài chánh hoạt động, cộng thêm nợ nần chồng chất, báo của ông vỡ nợ, gia sản bị tịch biên. Ông cùng một người Pháp tên Clémenti sang Lào tìm khai mỏ vàng. Hành trình gian khổ, lần đầu ông chịu được nhưng đến lần sau bị bệnh kiết lỵ, từ trần ngày 02 tháng 05, 1936, hưởng dương 54 tuổi. Người ta tìm thấy xác ông nằm trong chiếc thuyền độc mộc trên một dòng sông ở Tchépone, trong tay vẫn còn nắm chặt cây bút và quyển sổ ghi chép thiên ký sự viết dở dang bằng tiếng Pháp “*Một Tháng Với Những Người Đi Tìm Vàng*”. Linh cữu ông được đưa về Hà Nội mai táng. Khi chuyển xe hỏa chở quan tài mang thi hài ông về đến ga Hàng Cỏ hàng ngàn người dân đứng đón chờ trong sự yên lặng trang nghiêm và



Sách viết về Nguyễn Văn Vinh và bìa bản dịch quyền Kim Vân Kiều của ông.

luyện tiếu. Đám tang ông có cả làng báo đông đảo Bắc Kỳ đi sau linh cữu và tặng ông danh hiệu “*Thủy tổ nhà báo nước ta*”. Sau khi ông mất, Phan Khôi trong một bài viết đã cho rằng ông xứng đáng là một trang hào kiệt mang danh hiệu “kẻ sĩ hào kiệt”[09].

Trong 20 năm làm báo Nguyễn Văn Vinh vừa viết bài, vừa trông nom quản trị. Ông không chỉ làm báo mà còn đi rộng vào nghề in và xuất bản. Trong lúc đầu ông được 2 người Pháp giúp kinh nghiệm là Dufour và Schneider. Ngay khi làm tờ *Đăng Cổ Tùng Báo* ông cùng Dufour lập nhà in, ấn hành bộ *Tam Quốc Chí* do Phan Kế Bính dịch. Đây là nhà in thứ nhất của người mình ở Hà Nội. Năm 1919 mua lại cơ sở ấn loát của Schneider in truyện dịch, thơ ngụ ngôn của ông và các tác phẩm của Phan Kế Bính,

Nguyễn Đỗ Mục. Những sách này cũng là những ấn phẩm đầu tiên của ta ở Bắc Kỳ lúc đó. Như thế, Nguyễn Văn Vinh là người mở đường cho ngành ấn loát và xuất bản.

Từ 1885 Pháp đặt quyền bảo hộ ở Bắc Kỳ cho đến đầu thế kỷ 20 báo chí còn rất xa lạ với người dân. Ngoài Bắc chỉ có 2 tạp chí bằng tiếng Pháp của chính quyền bảo hộ, tờ *Avenir du Tonkin* và *Courier de Haiphong*. Đến 1890 Nha Kinh Lược với sự chấp thuận của Toàn Quyền De Lanessan mới cho xuất bản tờ *Đại Nam Đồng Văn* bằng chữ Nho chuyên đăng tải công văn và chỉ dụ của chính phủ. Năm 1905, Babut, người Pháp, ra *Việt Tân Báo* ở Hà Nội, Đào Nguyên Phổ làm chủ bút, nhưng cũng chỉ chú trọng vào phần chữ Hán.

Trước 1913 chỉ là giai đoạn học Chữ Quốc Ngữ, từ khi *Đông Dương Tạp Chí* ra đời mới là giai đoạn dùng chữ Việt để viết câu

văn. Trước đó báo chí ngoài Bắc chỉ nhằm mục đích thông tin, từ *Đông Dương Tạp Chí* mới thiên về văn hóa và tạo ra nhiều nhà văn sau này. Ông qui tụ được những cây bút có tiếng, gây được phong trào yêu mến quốc văn trong đám thanh niên trí thức đương thời. Theo ông, việc học quốc ngữ là một sự “*bất đắc bất nhiên*”, là việc sống chết của nước ta [10]. Sống chết vì đó là cây cầu bắc sang văn minh Tây Phương đưa tới duy tân tiến bộ, sinh lộ thoát khỏi lao lung Hán học phong kiến tối tăm. Ông nói như một lời tiên tri, một niềm tin, một lời nguyện “*Nước Nam ta mai sau hay dở cũng ở như Chữ Quốc Ngữ*”[11].

Nguyễn Văn Vĩnh là người rất có công với Quốc văn, không phải những dịch phẩm của ông, nhưng nhờ tạo nên phong trào quốc văn, đứng chủ trương các cơ quan ngôn luận hô hào, cổ động mọi người học và sử dụng Chữ Quốc Ngữ vào buổi mà chữ Việt chưa được phổ cập trong quần chúng. Không những ông tranh đấu việc truyền bá và thăng thế cho Chữ Quốc Ngữ mà còn đề ra chương trình kiến thiết nền văn học mới bằng chữ Việt mà sau đó Phạm Quỳnh và nhóm *Nam Phong Tạp Chí* là những người thực hiện con đường mà Nguyễn Văn Vĩnh đã vạch ra trước đó.

## DANH TỪ "CHỮ QUỐC NGỮ" ĐÚNG HAY SAI

Cho đến bây giờ, chúng ta chưa tìm biết được ai là tác giả đã đặt tên cho thứ chữ ghi âm theo mẫu tự La Mã là "Chữ Quốc Ngữ". Tuy nhiên, trong lá thư của giám mục



Từ phải sang trái: Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Văn Tố, Phạm Duy Tốn, Phạm Quỳnh và doanh nhân Bùi Duy Thành - Ảnh tư liệu

Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Văn Tố, Ứng Hòe, Phạm Duy Tốn, Phạm Quỳnh



(Đám tang Nguyễn Văn Vĩnh ở Hà Nội (1936)

Puginier ngày 4/5/1887 viết cho Tổng Trưởng Thuộc Địa đã gọi là "Chữ Quốc Ngữ" và các nghị định của Pháp trong thời kỳ đầu cũng dùng "Chữ Quốc Ngữ". Thực ra đây là một trường hợp sử dụng từ sai lầm. Quốc: Nước, Ngữ: Tiếng, Quốc Ngữ là tiếng nói của một nước. Khi dùng danh từ "Chữ Quốc Ngữ" để chỉ chữ viết của nước ta là đã lầm lộn giữa chữ viết (văn tự) và tiếng nói (ngôn ngữ). Dương Quảng Hàm nêu lên vấn đề này, nhưng theo ông,



"từ ngữ này mọi người đã quen dùng rồi không thể đổi được nữa" [12].

### VẤN ĐỀ CHỮ QUỐC NGỮ BỊ THỰC DÂN PHÁP LỢI DỤNG

Người đầu tiên đề cập đến vấn đề này là Lê Ngọc Trụ. Trong bài diễn văn đọc tại giảng đường Học Viện Quốc Gia Hành Chánh Sài Gòn ngày 28/11/1961 có đoạn như sau:

*"Như vậy, Chữ Quốc Ngữ trước tiên được sáng chế để phụng sự chánh nghĩa, truyền bá tinh thần giáo lý bác ái nhân đạo của chúa Giê-Su, nay lại bị người ta đem dùng vào việc cai trị, để thay bỏ lần hồi chữ Hán và chữ Nôm, dẹp lần ảnh hưởng của Nam Triều và của văn hoá đông phương. Nhưng trong cái rủi có cái may, Chữ Quốc Ngữ nhờ đó được phổ biến sâu rộng và sự truyền bá tư tưởng tân tiến, mở mang dân trí về sau được xúc tiến mau lẹ"*[13].

Phạm Thế Ngũ trong chương III, *Bước Đầu Tiên của Văn Quốc Ngữ*, nhìn vấn đề một cách tương tự: *"Người Pháp đến Nam Kỳ trước, đến để dựng cuộc đô hộ nhưng cũng để bảo vệ giáo dân, để đưa đạo Gia Tô lên một địa vị chính thức. Và cũng đến để đưa thứ Việt Tự La Tinh, sáng chế riêng của mấy ông giáo sĩ người Âu lên địa vị văn tự quốc gia Việt Nam sau này. Chủ tâm của người Pháp ngay sau khi bước chân vào xứ này là cắt đứt liên lạc văn hoá giữa người Việt với người Tàu, với quá khứ Việt Nam nặng nề Hán Học. Đối với họ, chữ Hán chữ Nôm cũng vậy mà thôi, là chữ Tàu hết. Họ thấy muốn kéo dân chúng về với người Tây, cần phải triệt bỏ thứ văn tự "kỳ khôi" ấy và dạy cho dân chúng chữ Pháp, hoặc nếu cần một văn tự cho tiếng nói bản xứ thì là Chữ Quốc Ngữ đã sẵn sàng đó và*

*cùng một họ mẫu tự La Tinh. Trong chủ trương ấy việc đầu tiên của họ là dựng những cơ sở văn hoá để truyền bá chữ Pháp và chữ Việt La Tinh. Ngay năm 1861 đô đốc Charner đã ký nghị định ngày 8/5/1861 lập trường Collège d'Adran để đào luyện người Việt Nam làm thông ngôn và cả người Pháp muốn học tiếng Việt. Năm 1865 chính phủ Sài Gòn lại cho ra đời tờ công báo Việt Nam đầu tiên viết bằng tiếng Việt quốc ngữ là tờ Gia Định Báo. Văn quốc ngữ từ đây chính thức ra đời. Chữ Quốc Ngữ được tuyên truyền và ca tụng"* [14].

Nguyễn Văn Trung đồng quan điểm với Phạm Thế Ngũ, Chữ Quốc Ngữ bắt đầu bị chính trị lợi dụng sau khi thực dân Pháp chiếm Nam Bộ và thiết lập guồng máy cai trị: *"Trước khi người Pháp xâm chiếm nước ta, các nhà truyền giáo thuộc nhiều quốc tịch Âu Châu đã theo đường lối thích nghi văn hoá, phong tục những nước bị truyền giáo (nhất là các nhà truyền giáo thuộc dòng Tên). Chính trong tinh thần đó mà họ tìm cách sáng chế ra Chữ Quốc Ngữ. Đến thời kỳ Pháp xâm lược, các nhà truyền giáo thuộc dòng Tên phải nhường chỗ cho Hội Thừa Sai Paris, và những người này đều là người Pháp, theo một lối truyền giáo cứng rắn chủ trương xoá bỏ, tiêu diệt tất cả những gì là phong tục, văn hoá, tư tưởng của các nước bị truyền giáo không hợp với giáo lý Thiên Chúa. Hơn nữa, họ còn đồng hoá quyền lợi nước Pháp với quyền lợi của đạo, vừa phục vụ tổ quốc vừa phục vụ quyền lợi của đạo bằng cách phục vụ quyền lợi tổ quốc của nước Pháp, nên họ đã tích cực góp phần vào việc thiết lập chế độ thực dân (xâm chiếm, chinh phục) và vào việc duy trì củng cố chế độ đó. Những Linh*

*Mục, Giám Mục thừa sai đưa nhau viết những báo cáo, dự án, kế hoạch chinh phục, bình định gởi về Pháp. Theo Toàn Quyền Đông Dương Lanessan, chính những thừa sai đã đề ra những đường lối về chính trị, văn hoá mà các quan cai trị Pháp đã tuân theo và áp dụng. Về mục đích việc sử dụng Chữ Quốc Ngữ vào mục tiêu chính trị có lợi cho thực dân là do các thừa sai khuyến cáo khi bàn về vai trò của các hội truyền giáo trong chế độ bảo hộ (Les missions et le Protectorat)... Dụng ý thâm hiểm dùng Chữ Quốc Ngữ như một lợi khí tuyên truyền những chính sách lừa bịp, đầu độc văn hoá, chính trị và sau cùng, cực kỳ thâm hiểm, mưu đồ dùng Chữ Quốc Ngữ như một phương thức làm mất gốc những người chỉ biết Chữ Quốc Ngữ bằng cách có lập họ với văn hoá dân tộc lúc đó chủ yếu dựa vào Nho học và dùng chữ Nho như phương tiện diễn tả."*[15].

## KẾT LUẬN

Đi tìm vết tích Chữ Quốc Ngữ trước Alexandre de Rhodes, các nhà khảo cứu không tìm được những tài liệu chắc chắn. Tài liệu sớm nhất trong giai đoạn "*Chữ Quốc Ngữ Không Dấu*" có lẽ là bức thư của giáo sĩ Buzomi, người Ý, viết vào khoảng năm 1625-1626 cho thấy lúc đó Chữ Quốc Ngữ chưa có dấu. *Bản Điều Trần về Xứ Đàng Trong* (in ở La Mã năm 1631) của giáo sĩ Cristoforo Borri, người Ý, có nhiều câu chữ Việt La Mã nhưng những chữ này cũng chưa có dấu. Giai đoạn "*Chữ Quốc Ngữ Có Dấu*" bắt đầu xuất hiện từ 1632 với các bài văn về Thánh Lễ đã có các dấu hỏi, huyền và ngã, và trong bài tường trình hàng năm về nước An Nam năm 1632 gửi cha André Palmeiro, giám sát các tỉnh Nhật Bản

và Trung Hoa của Gasparo d'Amiral viết bằng chữ Bồ tại Thăng Long ngày 31/12/1632 có những chữ như chữ Việt ngày nay. Như vậy, Chữ Quốc Ngữ là công trình của nhiều giáo sĩ người Âu sang truyền đạo ở nước ta bắt đầu từ giữa thế kỷ thứ 16 mà các giáo sĩ Bồ Đào Nha chắc chắn đã đóng góp rất nhiều trong việc chế tác chữ Việt bằng mẫu tự La Mã, đặc biệt là các linh mục Francisco de Pina, Gasparo d'Amiral, Antonio de Barbosa. Tuy nhiên, người có công nhiều nhất là Alexandre de Rhodes vì ông đã hệ thống hoá cách thức ghi âm, đưa ra những nguyên tắc căn bản đầu tiên về văn phạm Việt Nam, cùng ấn định hình dạng và liệt kê các chữ cái và các dấu. *Quyển Tự Điển An Nam-Bồ Đào Nha-La Tinh* và sách *Bài Giảng Giáo Lý Tám Ngày* của ông là hai tài liệu bằng chữ Quốc Ngữ có dấu đầu tiên được ấn hành.

Chữ Quốc Ngữ có đủ mọi giọng trong tiếng Việt là nhờ khi sáng tạo các giáo sĩ người Âu đã căn cứ vào giọng Bắc Kỳ và miền Bắc Trung Kỳ. Tiếng Nam Kỳ và Nam Trung Kỳ có nhiều chỗ sai, nhiều nhà ngữ học nhận xét là càng xuống miền Nam Trung Kỳ sự sai càng gia tăng. Lý do vì người miền Nam Trung Kỳ phát âm tiếng Việt không đủ giọng bằng người Bắc Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Do đó khi đặt ra Chữ Quốc Ngữ chỉ dùng giọng Bắc Kỳ và miền Bắc Trung Kỳ là đủ. Chữ Quốc Ngữ tuy căn cứ vào giọng miền Bắc nhưng bắt đầu được thông dụng, được học tập, được in thành sách lại là công của người miền Nam. Người trong Nam là những người sử dụng Chữ Quốc Ngữ trước nhất [16].

Một tình cờ của lịch sử đã đưa các vị giáo sĩ sang truyền đạo ở Việt Nam phát minh ra loại chữ viết cho dân tộc ta, trong

đó họ dùng mẫu tự La Mã với âm tiết của ngôn ngữ Bồ Đào Nha để diễn tả tiếng nói của người Việt với ngũ cung trầm bổng như tiếng chim hót. Mục đích ban đầu của Chữ Quốc Ngữ là để giúp các giáo sĩ giao tiếp với người nước ta bằng chữ viết. Về sau, khi các nhà cai trị Pháp đến Việt Nam, họ chủ trương cắt đứt liên lạc văn hoá nặng về Hán học giữa người Việt với Tàu, nên cần một thứ chữ thay thế chữ Hán và chữ Nôm. Giải pháp thuận tiện cho họ không gì bằng Chữ Quốc Ngữ, điều này giải thích được phần nào lý do tại sao người Pháp cho làm nổi bật vai trò của Alexandre de Rhodes.

Tuy Pháp có lợi dụng Chữ Quốc Ngữ để củng cố chế độ bảo hộ ở Việt Nam như phần nhận xét của Lê Ngọc Trụ, Phạm Thế Ngũ và Nguyễn Văn Trung, nhưng nhờ các nhà báo, văn gia, các nhà ái quốc, Chữ Quốc Ngữ rút cục lại trở thành lợi khí khơi dậy tinh thần quốc gia, dân tộc chống lại sự đô hộ của Pháp.

Năm 1915 vua Duy Tân ra chỉ dụ bãi bỏ các khoa thi Hương ở Bắc Kỳ. Năm 1918 vua Khải Định ra chỉ dụ bãi bỏ các khoa thi ở Trung Kỳ. Năm 1919 là khoa thi Hội cuối cùng ở Huế, các trường dạy chữ Nho bị bãi bỏ hoàn toàn, thay thế bằng hệ thống trường Pháp-Việt. Ngày 18/09/1924, Toàn Quyền Đông Dương Merlin ký quyết định cho dạy Chữ Quốc Ngữ ba năm đầu cấp tiểu học. Sau gần ba thế kỷ kể từ khi cuốn *Từ Điển Việt-La-Bồ* của Alexandre de Rhodes ra đời, người Việt Nam mới thật sự đoạn tuyệt với chữ viết của Trung Hoa, chính thức chuyển sang dùng Chữ Quốc Ngữ.

Từ lúc phôi thai đến khi trưởng thành, thời điểm mà chữ viết của ta tiến tới trình độ cao đạt là những mốc thời gian quan trọng đáng ghi nhớ. Nỗ lực của Nguyễn Văn Vĩnh

và *Đông Dương Tạp Chí* đã tạo cho Chữ Quốc Ngữ trở nên phổ quát. Phạm Quỳnh với *Nam Phong Tạp Chí* đặt nền tảng vững chắc cho văn chữ viết nước ta. Nhất Linh và nhóm Tự Lực Văn Đoàn bằng hai tờ *Phong Hoá* và *Ngày Nay* "tập đại thành" được chữ Việt, hoàn tất giấc mộng của tiền nhân có được thứ chữ viết riêng cho dân tộc mà Hồ Quý Ly, Quang Trung Nguyễn Huệ là những người ấp ủ và khởi xướng.

**Trần Bích San**

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, Hà Nội, 1941; Bộ Giáo Dục tái bản, Sài Gòn, 1968.
- Dror, Olga ed. *Views of Seventeenth-century Vietnam, Christoforo Borri on Cochinchina and Samuel Baron on Tonkin*. Ithaca, Cornell Southeast Asia Program, NY, 2006.
- Đỗ Quang Chính. *Lịch sử chữ Quốc ngữ*. Ra Khơi, Sài Gòn, 1972.
- Lê Ngọc Trụ, *Chữ Quốc Ngữ Từ Thế Kỷ XVIII Đến Cuối Thế Kỷ XIX*, Việt Nam Khảo Cổ Tập San, Bộ QGGD, Sài Gòn 1961. Đăng lại trong *Tuyển Tập Ngôn Ngữ Văn Tự VN*, Dòng Việt, Hoa Kỳ, 1993.
- Nguyễn Thị Mỹ Huyền, *Hội Truyền Bá Quốc Ngữ và Phương Pháp Đánh Vần I Tờ*, Tuyển Tập Ngôn Ngữ Văn Tự Việt Nam, Dòng Việt, Hoa Kỳ, 1993.
- Nguyễn Văn Trung, *Chữ Văn Quốc Ngữ Thời Kỳ Đầu Pháp Thuộc*, Nam Sơn, Sài Gòn, 1975.
- Phạm Quỳnh, *Khảo Về Chữ Quốc Ngữ*, Nam Phong Tạp Chí số 122, trang 327.
- Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*, Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn, 1962-1965.

- Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, Vĩnh và Thành, Hà Nội, 1928; BGD tái bản, Sài Gòn, 1971.
- Vũ Ngọc Phan, *Nhà Văn Hiện Đại*, Tân Dân, Hà Nội, 1942; Thăng Long tái bản, Sài Gòn, 1960.
- Zwartjes, Otto. *Portugese Missionary Grammars in Asia, Africa and Brazil, 1550-1800*. John Benjamins Publishing Co, Amsterdam, 2011.

## CHÚ THÍCH

[01] Chữ La Mã là thứ chữ được biến cải từ chữ Hy Lạp. Khoảng năm 1000 TTL người Etruscans từ miền đông Địa Trung Hải dời về trung thổ nước Ý mang theo chữ cái Hy Lạp (the Greek alphabet). Người La Mã học các chữ cái từ người Etruscans rồi sửa đổi hình dạng, thêm và bỏ bớt vài chữ. Khởi thủy chữ La Mã có khoảng 20 chữ cái, sau dần dà thêm 3 chữ, và cuối cùng thành bộ 24 chữ cái. Có thể nói hầu hết các học giả của ta đều gọi nhầm là chữ La Tinh nhưng thực ra mẫu tự tiếng Việt hiện nay xuất phát từ bộ chữ cái La Mã (Roman alphabet).

[02] Kinh Kỳ chỉ thành phố Hà Nội.

[03] *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, quyển 33, tờ 6b.

[04] Trương Vĩnh Ký, *Cours d'Histoire Annamite*, bản in nhà nước, 1875 & 1877.

[05] Dror, Olga ed. *Views of Seventeenth-century Vietnam*, trang 36.

[06] Thérèul viết Tựa trong tự điển của Taberd được tái bản tại nhà in Ninh Phú năm 1877.

[07] Bài phỏng vấn Nguyễn Văn Vĩnh của phóng viên báo Tin Văn số 1 ra ngày 28 tháng 07, 1935.

[08] Nguyễn Văn Vĩnh làm trưởng ban giảng huấn Pháp văn cho Đông Kinh Nghĩa Thục, đề xướng môn thể thao, lập sân thể dục, mời chủ trường Lương Văn Can cùng ra lập Hội Dịch Thuật Bắc Kỳ (1907).

[09] Mạnh Tử nói: *Đến như kẻ sĩ hào kiệt thì dù không có Văn Vương cũng dậy lên*.

[10] Nguyễn Văn Vĩnh: *Ai muốn khai hóa cho nước Nam tôi tưởng nên lo cho mấy đứa trẻ đó trước. Và nghĩ đến thế thì lại càng nên quý cái chữ quý hóa là chữ quốc ngữ, nay mai ta khéo cố động thì chuyển được tới chốn lưng trâu mà lên cho đến chiếu cạp đĩnh, cho đến nơi thư phòng người đi học, cho đến công đường ông quan, từ gốc mà lên cho đến ngọn, mới thực là cái duy tân chính sách*. (Xét Tật Minh, Đông Dương Tạp Chí số 7).

[11] Nguyễn Văn Vĩnh viết trong bài Tựa của bộ *Tam Quốc Chí* do Phan Kế Bính dịch thuật (1907).

[12] Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn Sử Học Yếu*, trang 191.

[13] Lê Ngọc Trụ, *Việt Nam Khảo Cổ Tập San*, Bộ QGGD, 1961, các trang 113-141.

[14] Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*, quyển 3, trang 66-67.

[15] Nguyễn Văn Trung, *Chữ, Văn Quốc Ngữ Thời Kỳ Đầu Pháp Thuộc*, trang 13-15.

[16] Vũ Ngọc Phan, *Nhà văn Hiện Đại*, quyển 1, trang 36.

# VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA - KÊ BÀNG

## (Di Sản Thiên Nhiên Thế Giới)

-----

**Nguyễn Văn Thành và BNK**

Sưu tầm hợp soạn

Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng thuộc tỉnh Quảng Bình - miền Trung Việt Nam. Với tổng diện tích 343.300ha, trong đó vùng lõi là 123.300ha và vùng đệm là 220.000ha, Phong Nha - Kẻ Bàng thuộc địa phận các huyện Quảng Ninh, Bố Trạch và Minh Hoá, cách thành phố Đồng Hới 50km về hướng tây bắc.

Bên cạnh giá trị về lịch sử địa chất, địa hình, địa mạo, Phong Nha - Kẻ Bàng còn được thiên nhiên ưu đãi ban tặng cho những cảnh quan kì bí, hùng vĩ. Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng ẩn chứa bao điều bí ẩn của tự nhiên, những hang động như những lâu đài lộng lẫy trong lòng núi đá vôi được tạo tác từ hàng triệu năm trước.

Phong Nha - Kẻ Bàng được ví như một bảo tàng địa chất khổng lồ có giá trị và mang ý nghĩa toàn cầu bởi cấu trúc địa lý phức tạp, tập hợp nhiều loại đá khác nhau như sa thạch, thạch anh, phiến thạch, đá vôi chứa silic, đá mac-nơ, đá granodiorite, đá diorite, đá aplite, pegmalite... Phong Nha - Kẻ Bàng cũng chứa đựng lịch sử phát triển địa chất phức tạp, lâu dài từ 400 triệu năm trước của trái đất. Trải qua các giai đoạn kiến tạo quan trọng và các pha chuyển động đứt gãy, phôi tạng, uốn nếp đã tạo ra các dãy núi trùng điệp và các bồn trầm tích bị sụp lún. Những biến động

trên cũng đã góp phần tạo nên sự đa dạng về địa chất, địa hình, địa mạo.

Vùng đá vôi Phong Nha - Kẻ Bàng có những đặc trưng toàn cầu trong nhiều giai đoạn phát triển từ kỷ Ordovic muộn - Silur (463,9 - 430 triệu năm trước) đến kỷ Đệ Tứ (1,75 triệu năm trước). Một đặc điểm mang tính đặc thù ở đây là hệ thống sông chảy ngầm và các hang động trong lòng núi đá vôi.

Vùng địa mạo phi đá vôi có đặc điểm chung là núi thấp với thảm thực vật phủ trên bề mặt. Quá trình bào mòn tạo ra các thềm dọc theo các thung lũng của các sông Son, sông Chày hay tại các bờ của các khối núi đá vôi ở vùng trung tâm. Vùng địa hình chuyển tiếp là những dạng khác nhau xen giữa các núi đá vôi.

Nằm trong vùng có lượng mưa trung bình hàng năm khá cao nhưng nước ở đây đã ngấm và chảy ngầm trong lòng các núi đá vôi, trải qua hàng chục triệu năm đã tạo nên vô số hang động ở khu vực này. Tại Phong Nha - Kẻ Bàng có khoảng 300 hang động lớn nhỏ được chia thành ba hệ thống chính : hệ thống động Phong Nha, hệ thống hang Vòm và hệ thống hang Rục Mòn.



Toàn cảnh Sông Son



Cửa hang trong động Phong Nha



Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng



Nhũ động Phong Nha



Vườn Quốc Gia Phong Nha – Kẻ Bàng



Cửa vào động Phong Nha

# QUẦN THỂ DI TÍCH CỔ ĐÔ HUẾ

(Di Sản Văn Hoá Thế Giới)

**Nguyễn Văn Thành và BNK**

sưu tầm hợp soạn

Quần thể di tích cổ đô Huế nằm dọc hai bên bờ sông Hương thuộc thành phố Huế và một vài vùng phụ cận thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Thành phố Huế là trung tâm văn hoá, chính trị, kinh tế của tỉnh, là cổ đô của Việt Nam thời phong kiến dưới triều nhà Nguyễn từ 1802 đến 1945.

## **Lịch Sử**

Từ năm 1306, sau cuộc hôn phối giữa công chúa Huyền Trân (Nhà Trần) với vua Chăm là Chế Mân, vùng đất Châu Ô, Châu Lý (gồm Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và một phần của Bắc Quảng Nam ngày nay) được lấy tên là Thuận Hoá. Vào nửa thế kỷ 15, thời vua Lê Thánh Tông, địa danh Huế lần đầu tiên xuất hiện (?). Năm 1636 Phủ Chúa Nguyễn đặt ở Kim Long (Huế), tới năm 1687 dời về Phú Xuân - thành Nội Huế ngày nay. Vào những năm đầu của thế kỷ 18, Phú Xuân là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của xứ "Đàng Trong". Từ năm 1788 đến 1801, Phú Xuân trở thành kinh đô của triều đại Tây Sơn.

Từ 1802 đến 1945, Huế là kinh đô của nước Việt Nam thống nhất dưới sự trị vì của 13 đời vua nhà Nguyễn. Cũng vào thời gian này, tại đây đã hình thành các công trình kiến trúc lịch sử văn hoá có giá trị mà tiêu biểu là kinh thành Huế, đặc biệt là khu Đại Nội (có 253 công trình), 7 cụm lăng tẩm của 9 vị vua Nguyễn, đàn Nam Giao, Hồ Quỳên, diện Hòn Chén.

## **Giá Trị Văn Hoá**

Bên bờ Bắc của con sông Hương, hệ thống kiến trúc biểu thị cho quyền uy của chế độ trung ương tập quyền Nguyễn là ba toà thánh: Kinh thành Huế, Hoàng thành Huế, Tử cấm thành Huế, lồng vào nhau được bố trí đăng đối trên một trục dọc xuyên suốt từ mặt Nam ra mặt Bắc. Hệ thống thành quách ở đây là một mẫu mực của sự kết hợp hài hoà nhuần nhuyễn giữa tinh hoa kiến trúc Đông và Tây, được đặt trong một khung cảnh thiên nhiên kỳ tú với nhiều biểu tượng sẵn có tự nhiên đến mức người ta mặc nhiên xem đó là những bộ phận của kinh thành Huế - đó là núi Ngự Bình, dòng Hương Giang,



còn Giã Viên, còn Bộc Thanh. Hoàng thành giới hạn bởi một vòng tường thành gần vuông với mỗi chiều xấp xỉ 600m với 4 cổng ra vào mà độc đáo nhất thường được lấy làm biểu tượng của Cố đô : Ngọ Môn, chính là khu vực hành chính tối cao của triều đình Nguyễn. Bên trong Hoàng thành, hơi dịch về phía sau, là Tử cấm thành - nơi ăn ở sinh hoạt của Hoàng gia.



Tạ Trường Du trong Cung Diên Thọ



Cửu Đỉnh



Cửa Hiển Nhơn



Kỳ Đài



Lăng Khải Định



Ngọ Môn



Lầu Thương Bạc



Điện Thái Hòa

## LÀNG TÔI

Làng tôi ở tỉnh Hà Đông,  
 Thôn trên xóm dưới ruộng đồng bao quanh,  
 Làng tôi có lũy tre xanh,  
 Con ngòi nước chảy long lanh dưới cầu.  
 Làng tôi dân chúng không giàu,  
 Cây cà mùa hạ, làm mầu mùa đông.  
 Làng tôi đa số tiểu nông,  
 Ưa nuôi gà vịt, thích trồng bưởi cam.  
 Làng tôi có gió nồm nam,  
 Chiều về đàn trẻ mê ham thả diều.  
 Làng tôi có tiếng chuông chiều,  
 Ngân dài một điệu làm xiêu tâm hồn.  
 Làng tôi có tiếng ốc dồn,  
 Giục dân về xóm hoàng hôn xuống dần,  
 Làng tôi chùa đẹp bội phần,  
 Hồ sen bán nguyệt nằm gần tháp chuông.  
 Làng tôi có lấm chim muông,  
 Sáng kêu rú rít như tuồng gọi nhau.  
 Làng tôi san sát vườn cau,  
 Ông già bà lão ăn trầu nhuộm răng.  
 Làng tôi có hội hoa đăng,  
 Trai thanh gái lịch tung tăng sân đình.  
 Bao nhiêu cảnh vật hữu tình  
 In sâu vào óc những hình ảnh quê.  
 Tôi nay tuy bận trăm bề,  
 Luôn luôn tưởng nhớ hương về cố hương,  
 Là nơi hè sáng tinh sương  
 Trông như xanh tỏ ánh dương chan hòa.

Phương Du Nguyễn Bá Hộ

# THIỆP MỜI

Trân trọng kính mời quý vị tham dự

## KỶ NIỆM 21 NĂM

Sinh hoạt văn học nghệ thuật của

## **TAM CẢ NGUYỆTSAN CỎ THƠM**

Chủ Nhật 28 tháng 8 năm 2016

Khai mạc đúng 11:30am tại

### **HARVEST MOON RESTAURANT**

**7260 Arlington Blvd, Falls Church, VA 22042**

**(703) 573-6000**

Chương trình có Hội sách, Ăn trưa,

Giới thiệu sách "Quê Người Nhớ Quê Nhà"

của Nhà văn Vũ Nam từ Đức Quốc qua,

*và văn nghệ chọn lọc với sự tham dự của một số nghệ sĩ  
vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn.*

**Giá vé: \$25 Mỹ kim**

### LIÊN LẠC

Nguyễn Thị Ngọc Dung: (571) 926-8962

Phan Khâm: (301) 592-8608

Phan Anh Dũng: (804) 387-8773

Nguyễn Quốc Khải: (301) 922-6137

Hồng Thủy: (301) 466-6120

Phong Thu: (202) 657-8654

Trúc Mai: (703) 534-0712

Trương Anh Thụy: (703) 525-4538

# NGHỀ NÔNG

(Tiếp theo Việc Làm Ăn ở chương: Quê Hương và Con Người trong sách  
Ca Dao - CDVHV của Nguyễn Văn Nhiệm)

**T**ình trạng giai cấp trong xã hội Việt Nam xưa kia rất đặc biệt ở chỗ không có tính cứng nhắc, cố định, mà co giãn tùy thời, tùy hoàn cảnh:

*“Nhất sĩ nhì nông  
Hết gạo chạy rong  
Nhất nông nhì sĩ.”*

Theo đuổi việc sách đèn không phải ai cũng thành công. Nếu thấy không có triển vọng thì mau mau đổi nghề, mà nghề nông thì đâu đâu cũng có ở một đất nước nông nghiệp:

*“Công danh đeo đuổi mà chi,  
Sao bằng chăm chỉ giữ nghề canh nông.  
Sớm khuya có vợ có chồng,  
Cày sâu bừa kỹ mà mong được mùa.”*  
*“Nay mừng những kẻ nông phu,  
Cầu cho hòa cốc phong thu bình thời.”*

*Vốn xưa nông nghiệp bậc hai,  
Thuận hòa mưa gió được dài lên trên.”*

Quan niệm quân phân tài sản, một quan niệm độc đáo trong nền văn hóa nông nghiệp của nước Việt xưa có liên hệ đến nguyên lý quân bình, nguyên lý tuần hoàn:

*“Ruộng nương là cái đồng lân,  
Trời đất xoay vần kẻ trước người sau.  
Chưa ai ba họ cùng giàu,  
Chưa ai nghèo khó đến đâu ba đời.”*

Nhà nông phải có đất để canh tác, nghĩa là phải có quyền làm chủ đất đai thật sự để cày cấy làm ăn sinh sống. Mỗi tấc đất là một tấc vàng, cho nên đừng bỏ ruộng hoang:

*“Ơn trời mưa nắng phải thời,  
Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu.  
Ra công chẳng quản bao lâu,  
Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng.  
Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang,  
Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu.”*

Theo tiếng chuông chùa làng đánh thức vào mỗi buổi sáng sớm, người nông dân hăm hở rủ nhau ra đồng cày cấy. Trong gia đình, người vợ cũng đánh thức chồng:

*“Mặt trời tang tảng rạng đông,  
Chàng ơi, thức dậy ra đồng kéo trâu.  
Phận hèn bao quản nắng mưa,  
Cày sâu, bừa kỹ được mùa có phen.”*

Trong mỗi gia đình, chồng, vợ, con trâu thân thuộc đều chịu khó nhọc để có ngày được phong lưu:

*“Rủ nhau đi cấy đi cày,  
Bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu.  
Trên đồng cạn dưới đồng sâu,  
Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa.”*

Nghề nông tuy vất vả, nhưng có tương lai:

*“Ai ơi, chớ phụ nghề nông,  
Đồng cao ruộng thấp ra công cấy cày.  
Chân bùn tay lấm cày cày hay,  
Có công vất vả, có ngày phong lưu.”*

Thật ra, nghề nông rất vất vả:

*“Thân em vất vả trăm bề,  
Sớm đi ruộng lúa, tối về ruộng dâu.  
Có lợc chẳng kịp chài dầu,  
Có cau chẳng kịp tằm trâu mà ăn.”*

Nghề nông khó nhọc:

*“Thân anh khó nhọc trăm phần,  
Sáng đi ruộng lúa, tối nằm ruộng dưa.  
Vội đi quên cả cơm trưa,  
Vội về quên cả trời mưa ướt đầu.”*

Muốn có đời sống ấm no thì nghề nông cũng như hầu hết mọi nghề khác đều phải có sự chuyên cần:

*“Quanh năm cấy hái, cày bừa,  
Vụ chiêm thì hạ, vụ mùa thì đông.  
Ai về nhả chị em cùng,  
Muốn cho sung sướng nghề nông phải cần.”*

Ngoài việc khó nhọc, vất vả, chuyên cần, nhà nông còn luôn luôn lo lắng nhiều bề:

*“Người ta đi cấy lấy công,  
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.”*

*Trông trời trông đất trông mây,  
Trông mưa trông gió trông ngày trông đêm.  
Trông cho chân cứng đá mềm,  
Trời yên bể lặng mới yên tâm lòng.”*



Hình: Nguyễn Huy Linh

Ở đây nổi bật lên cái hay, cái tính tích cực của quyền sở hữu đất đai, qua đó người canh tác chính ruộng đất của mình có phong cách hoàn toàn khác những người đi cấy lấy công. Cô gái làm chủ ruộng đất trong bài ca dao trên đây trông lo đủ mọi bề, mà câu: *Trông cho chân cứng đá mềm* cho thấy cái ý chí cao độ của người con gái ở nông thôn thời xưa. Cái ý chí đó nhất định phải đi đôi với một cơ thể khỏe mạnh như tục ngữ đã nói:

*“Con gái mười bảy bề gãy sừng trâu.”*

Quả thật là nhà nông lo đủ mọi bề:

*“Nhà nông lo đủ trăm chiều,  
Mưa nhiều lo ngập, nắng nhiều lo khô.”*

Muốn giải tỏa mối lo này, con người phải quan sát sự vận hành của trời đất,



tinh tú, thế giới tự nhiên để tìm ra các  
qui luật mà áp dụng vào cuộc sống,  
công việc làm ăn:  
“*Biết được cơ trời, việc đời chẳng khó.*”

Nắng mưa là hai hiện tượng biểu  
hiện của nguyên lý âm dương. Nắng  
nhiều, mưa nhiều là hai cực đoan làm  
mất quân bình trong thiên nhiên đưa  
đến nạn ngập lụt hoặc hạn hán. Cả hai  
đều gây tai hại cho mùa màng, đe dọa  
đời sống của con người. Triết lý của  
Đạo Việt là *lưỡng hợp thái hòa*, cho nên  
nhà nông luôn ước mong có *mưa nắng  
thuận hòa*, vì chính *thái hòa, thuận  
hòa, hài hòa* là cái Đức của Đạo Việt:  
“*Hoa cà hoa bắp nở khắp cánh đồng,  
Này vài đơm bông bên vồng khoai sắn.  
Em mong sao mưa nắng thuận hòa,  
Cho mùa lúa tốt, trẻ già ấm no.*”

Muốn rõ việc nắng mưa, người nông  
dân xưa kia dựa vào *điềm trời* xem như  
một phương cách tiên đoán thời tiết để  
trù liệu việc làm ăn:  
“*Đêm trời tang, trăng sao không tỏ,  
Ấy là điềm mưa gió tới nơi.  
Đêm nào sao sáng xanh trời,  
Ấy là nắng ráo yên vui suốt ngày.  
Những ai chăm việc cấy cày,  
Điềm trời trông đó, liệu xoay việc làm.*”

Từ kinh nghiệm về thời tiết, người  
nông dân mới sắp xếp thời vụ:  
“*Tháng chạp là tháng trồng khoai,  
Tháng giêng trồng đậu tháng hai trồng cà.  
Tháng ba cày vỡ ruộng ra,*

*Tháng tư làm mạ mưa sa đầy đồng.  
Ai ơi, cùng vợ cùng chồng,  
Chồng cày vợ cấy trong lòng vui thay.*”

Kinh nghiệm về đất đai:  
“*Ruộng cao trồng mầu,  
Ruộng sâu cấy chiêm.*”

“*Đất mầu trồng đậu, trồng ngô,  
Đất lầy cấy lúa, đất khô làm vườn.*”

“*Trời nắng chang chang đất cày khó cuốc,  
Trời mưa phân phát ướt đất dễ cày.*”

Kinh nghiệm phối hợp với kỹ thuật:  
“*Gỗ kiền anh để đóng cày,  
Gỗ lim, gỗ sến anh nay đóng bừa.  
Răng bừa tám cái còn thừa,  
Lưỡi cày tám tác đã vừa luống to.  
Muốn cho lúa tốt bông to,  
Cày sâu cuốc bẫm, phân tro cho nhiều.*”

Trong các yếu tố thì nước cần trước  
hết: “*Phân tro chẳng bằng no nước.*”

Kinh nghiệm về hạt giống:  
“*Gieo mạ cần phải kén giống*”  
“*Trồng cây lựa giống*”  
“*Trồng khoai đất lạ, gieo mạ đất quen.*”

Tóm lại, nếu nhà nông có đầy đủ  
kinh nghiệm về thời tiết, thời vụ, kỹ  
thuật cày bừa, đất, phân, hạt giống tốt  
thì sẽ có kết quả mong muốn. Nhưng  
nói chung thì nghề nông vất vả, cho nên  
người dân khi có được bát cơm ngon  
hàng ngày cũng nên nghĩ đến công lao  
của bác nông phu chân lấm, tay bùn:

“Lao xao gà gáy rạng ngày,  
Vai vác cái cày, tay dắt con trâu.  
Bước chân xuống cánh đồng sâu,  
Mắt nhắm mắt mở đuổi trâu đi cày.  
Ai ơi, bưng bát cơm đầy,  
Nhớ công hôm sớm cấy cày cho chăng?”

Luân lý của Đạo Việt là quý trọng  
ơn nghĩa:  
“Ăn trái nhớ kẻ trồng cây,  
Ăn cơm nhớ Thần Nông cấy ruộng.”

Chẳng những nhớ ơn, mà người Việt  
còn tôn vinh người đầu tiên dạy dân kỹ  
thuật cấy cày, làm ruộng là Thần Nông.  
Cũng như các lãnh vực khác, nghề  
nông, đồng ruộng là nguồn cảm hứng  
bất tận cho ca dao:

“Giòng sông mặt nước lờ đờ,  
Chiều nay tựa cửa em chờ đợi anh.  
Ngó ra đồng cỏ xanh xanh,  
Ai đương cấy ruộng giống anh quá chừng.”  
“Trên xuống đây cách năm bảy dặm  
ruộng đồng,  
Muốn ghé thăm anh một chút, sợ cô bác  
nói gái tâm chồng em hổ người.”  
“Nắng tháng tư, nắng gieo sâu đám mạ,  
Bao giờ mưa hạ cho tươi tốt ruộng đồng.  
Thấy em gặt lúa bên sông,  
Mà dạ anh xót, mà lòng anh đau.”  
“Chim buồn tình chim bay về núi,  
Cá buồn tình cá lủi xuống sông.  
Anh buồn tình anh dạo chốn non bồng,  
Dạo miền sơn cước, xuống chốn ruộng  
đồng mới gặp em.”  
“Gió đông thổi cạn ruộng đồng,  
Biểu em chậm chậm lấy chồng chờ anh.”

SỐ 75

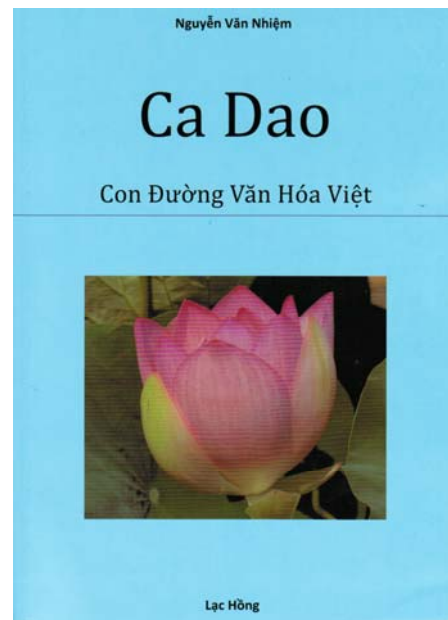
“Ruộng sâu cấy lúa đừng chừa,  
Biết ai nhân nghĩa chỉ giùm làm ơn.”

Nghề nông tuy khó nhọc, nhưng  
những cảnh sinh hoạt vui vẻ, đầy tình  
nghĩa ở ruộng đồng, cảnh đẹp thiên  
nhiên, không khí trong lành, đời sống  
ấm no, hạnh phúc nơi thôn dã đã là  
nguồn cảm hứng cho người bình dân và  
là nội dung phong phú cho nền văn hóa  
nông nghiệp, nền văn hóa có Đạo thờ  
cúng tổ tiên với tâm lòng trung hiếu:

“Trời cho cày cấy đầy đồng,  
Xứ nào xứ nấy trong lòng vui ghê.  
Một mai gặt lúa đem về,  
Thờ cha kính mẹ nhiều bề hiếu trung.”

## Nguyễn Văn Nhiệm

(Germany)



31



## MÙA XUÂN ĐÃ CHẾT

Mùa Thu chết đã từ lâu  
Từ ngày đầu tổ chặt đầu dân oan!  
Dụ dân vào Đảng vào Đoàn  
Thi đua ăn độn, bữa toàn sắn khoai

Búa Liềm biểu tượng độc tài  
Đập đầu, cắt cổ... Đảng sai đồng bào  
Phải thờ Bác Xít, Bác Mao  
Triệt tiêu Trí, Phú, Địa, Hào... cho mau

Nồi da xáo thịt giết nhau  
Dân theo Đảng đánh cho Tàu cho Nga!  
Cha con... đầu tổ ông bà  
Đầu hàng Giai Cấp mới là cháu ngoan!

Thất lạng buộc bụng theo Đoàn  
Vào Nam đánh Mỹ... hân hoan tiến vào!  
Mùa Xuân Đại Thắng ra sao ?!!!  
Đảng ta vỗ ngực tự hào công to!

Hoan hô "Sự Nghiệp Đánh Cho"  
Cho ai ?! - Cho cái Lưỡi Bò Biển Đông!  
Mùa Xuân đã chết, thấy không?!  
Cửu Long cạn kiệt cánh đồng héo khô!

Ruộng khô nứt nẻ ô hô  
Lại chim cá chết "vĩ mô" trùng trùng  
Chạy dài năm tỉnh miền Trung  
Giạt bờ trắng xóa hải hùng... vì sao ?!!!

Sóng sàu biển chết thét gào  
Ngư dân ai oán nhao nhao xuống đường  
Mùa Xuân biển chết thảm thương  
Vũng Lầy ngạo nghễ kiên cường... thải ra

Formosa có Đảng ta  
Quyết tâm bảo vệ, ai mà dám đương ?!!!  
Phân chia dứt khoát đôi đường  
Nay Dân với Đảng chiến trường chia hai !!!

1-5-2016

**Hồ Công Tâm**

## THÁNG CÁ CHẾT

**1**

**Nói với hồn cá**

Cảm ơn các em đã hy sinh chết, cho dân  
tộc này hồi sinh  
Cảm ơn cái chết của các em như những  
nhát cuộc đào huyệt chôn đảng cộng sản.

Cảm ơn các em đã chết để thức dậy tuổi  
trẻ việt năm sau giắc ngủ dài 41 năm.  
Họ đã thực sự thức dậy từ ngày 1 thành 5  
năm 2016, sau một tháng,  
kể từ ngày các em chết  
Và từ nay, họ sẽ thôi ngủ, không bao giờ  
ngủ khi những tên bán nước còn ngồi trên  
ngai vàng ngập đầy máu nhân dân.  
Họ sẽ thức và nhìn đảng cộng sản với con  
mắt đau đầu, căm hờn.  
Hoan hô những cái chết vĩ đại của cá.

Những cái chết vì đại của cá  
Là điểm báo giờ cáo chung của chế độ,  
nhất định thế.  
Những cái chết vĩ đại của cá  
Là khởi báo cho hàng hàng lớp lớp biển  
người xuống đường, nhất định thế.  
Những cái chết vĩ đại của cá  
Lịch sử mở trang mới  
Đi chết đi, trọng lú  
Hèn với giặc, ác với dân

**2**

**Nói với trọng lú**

Nếu không muốn vợ, con mày chết  
Hãy đầu hàng nhân dân đi, trọng lú.  
Chiến thắng nhất định về phía nhân dân  
Phía của đạo lý, công bằng, lẽ phải.

Thất bại nhất định về phía trọng lú  
Phía của gian ác, tham lam, bạo tàn

Phía của tay sai bán nước  
 Hãy đầu hàng nhân dân đi, trọng lú.  
 Sức mạnh nhân dân là trời, đừng hòng lấy  
 nạng mà chống.  
 Hỡi lú và bè lũ trong bộ chính trị  
 Hãy đầu hàng nhân dân đi  
 Để cứu vợ con.

### 3

#### Nói với đồng bào tôi

Đất nước mình, cái chi mô. Lạ rứa  
 Một thằng cha căng chú kết, du thủ du thực  
 Phá xóm ,phá làng, phá nát cả giang sơn  
 Ăn quýt, " chơi " chạy bốn biển năm châu  
 Qua đất nước mình, từ dân đen tới trí thức,  
 khoa bảng  
 Điều tôn vinh "cha già dân tộc"  
 Mọi người im re, chấp nhận, cúi đầu.

Đất nước mình, cái chi mô, lạ rứa  
 Một đảng du côn, gian manh, ngu dốt  
 Vẫn độc quyền lãnh đạo nhân dân  
 Từ dân đen, trí thức, khoa bảng  
 Im lặng đóng thuế nuôi chúng và hãnh diện  
 làm tay sai cho chúng.

Đất nước mình, cái chi mô, lạ rứa  
 Rừng vàng, biển bạc, khoáng sản, im lặng  
 cho chúng bán chia nhau  
 Chọn cho mình đứng ngoài mọi nỗi bất  
 hạnh của dân oan  
 Vẫn cười vui khoái chí trước nỗi đau đồng loại  
 Đất nước mình, có còn không đất nước  
 mình, chung một mẹ Âu Cơ.

Đất nước mình đã sáng mắt chưa  
 sau ngày cá chết  
 Sẽ tới ngày chết như cá suốt chiều dài tổ quốc  
 Vậy sao không lấy ngày 1 tháng 5 năm  
 2016 làm ngày quật khởi  
 Người người xuống đường, ngày ngày  
 xuống đường, trong chỉ một tháng thôi



Là một lú hay nhiều lú, như trọng, cũng xin  
 đầu hàng trước nhân dân.

Này không còn là lúc ngồi than khóc  
 Này không còn là lúc nguyên rửa chúng  
 Này không còn là lúc chờ phép lạ  
 Dậy mà đi, xuống đường, chiến thắng  
 về với nhân dân.

Này các nhà thơ, hay làm thơ nhưng cũng  
 phải xuống đường hòa chung nhịp bước  
 Này các nhà trí thức, phản biện,  
 tâm thư, kiến nghị  
 Vẫn cứ kiến nghị, tâm thư, nhưng vẫn phải  
 xuống đường hòa chung khát vọng nhân dân

Hỡi các ngài đảng viên vẫn còn ôm thê  
 đảng, dù biết đảng là tội đồ dân tộc, tại sao?  
 Hỡi các ngài đảng viên viết báo, viết văn  
 chửi đảng, nhưng vẫn nhân tiền hưu, dù  
 biết tiền đó là mồ hôi, máu nhân dân, tại sao?

Hãy trả lời đúng và làm đúng với lương tâm  
 một con người chân chính  
 Là môi trường biển sạch ngay  
 Là cá thôi chết liên, có chi mô.

#### Sương Biên Thùy

3/5/2016

# Chuyện con cá chết và những ông tiến sĩ VIỆT NAM

**VĂN QUANG**

(Viết từ Sài Gòn)

Trong tuần vừa qua và cho đến nay, dư luận ở VN bùng lên gay gắt với những con cá bỗng dưng lặn xuống ra chết từ gần một tháng nay. Thật ra cá biển chết hàng loạt từ bao giờ không ai biết, có thể cá chết từ mấy tháng trước, người dân chỉ biết đến gần một tháng nay. Bằng ấy ngày mà các cơ quan chức năng của VN không ai chú ý tới. Cho tới khi người dân la lối om xòm và hội nghề cá VN lên tiếng trên các diễn đàn thì các cơ quan gọi là “chức năng” của VN mới quỳnh quáng họp nhau đi tìm nguyên nhân. Nhưng con cá chết sao lại có liên quan đến các ông tiến sĩ ở VN? Rất giản dị bởi trong các “cơ quan chức năng” ấy toàn những ông bằng cấp đầy mình, toàn những ông tiến sĩ nắm giữ những chức vụ hàng đầu để lo cho đời sống của người dân. Thế nên người dân mới đặt câu hỏi các ông tiến sĩ ấy đi đâu, làm gì trong khi người dân chết lên chết xuống vì cá nhiễm độc. Chẳng phải chỉ có cá chết, chim ở “vương quốc đảo chim” cũng chết sạch, cây cối ở rừng ngập mặn cũng đang chết.

Và cũng rất trùng hợp, trong thời gian này chuyện “lò đào tạo tiến sĩ” lại được dư luận đặt vấn đề về chất lượng và con

đường ngắn nhất lấy bằng tiến sĩ của những cái “lò đào tạo” đó. Thì ra hai chuyện con cá chết và ông tiến sĩ tưởng khác nhau mà thật ra chỉ là một. Nhu cầu kiếm cái bằng tiến sĩ bằng mọi cách, mọi giá ở VN ngày càng cần thiết hơn bao giờ hết, nhất là các ông học hành chẳng ra sao lại muốn làm quan to hoặc đã làm quan to nhưng chưa có cái bằng tiến sĩ. Có cầu tất có cung nên từ đó tới nay các lò đào tạo tiến sĩ vẫn đắt hàng như tôm tươi. Học hành như thế làm sao các ông ấy trả lời được vì sao cá chết. Đó là nguyên nhân chính cho cái sự liên quan giữa con cá chết và ông tiến sĩ.



Trước hết về cái “thảm họa” cá chết hàng loạt đã và đang xảy ra tại VN. Phải nói đó là một cơn bão mạng, có quá nhiều bài từ trong nước đến nước ngoài, tôi tường thuật những nét chính

và sự thật khách quan để bạn đọc tiện theo dõi.

### **Tai hại trước mắt và lâu dài**

Vụ cá chết hàng loạt và hiểm họa đang đến với người dân, không chỉ ở những vùng có cá chết như ở miền Trung bởi cá thường được chở từ nơi này sang nơi khác bán ở các chợ và ngay ở các siêu thị trong toàn quốc, người dân ăn cá chẳng biết con nào có độc con nào không. Cho nên người ở đâu cũng có thể gặp chất độc hại trong con cá chết. Cá chết, điều đó cũng có nghĩa là tính mạng của người dân bị đe dọa bởi nguồn thức ăn từ biển có nguy cơ độc hại.

Chuyện được biết đến bắt đầu từ ngày 6-4, hiện tượng cá biển chết hàng loạt bắt đầu xuất hiện ở gần khu kinh tế Vũng Áng (thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh), sau đó lan rộng ra suốt dọc trên 300 km bờ biển 4 tỉnh miền Trung: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, môi trường sống và sinh kế của người dân. Thống kê đến ngày 25/4 vừa qua cho biết, bốn tỉnh ven biển phát hiện gần 70 tấn cá tự nhiên chết dạt vào bờ.

Một bé gái 8 tuổi, ở huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình bị ngộ độc phải nhập viện cấp cứu do ăn phải cá chết. Một thợ lặn ở cảng Sơn Dương (Vũng Áng, Hà Tĩnh) tử vong sau khi lặn xuống biển để xây dựng đê chắn sóng và 5 thợ lặn khác cũng phải vào viện để kiểm tra sức khỏe. Đó là những “hệ lụy” đầu tiên mà người dân phải gánh

chịu. Còn những tàn phá ngấm trong cơ thể người dân và trong toàn xã hội chưa ai có thể thống kê được. Nó là thứ có thể tàn phá cơ thể từ từ như cái chết chậm không được báo trước.

### **Chỉ cần 2 tiếng thí nghiệm đã biết vì sao cá chết**

Trước sự chứng kiến của đại diện Trung tâm Quan trắc môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh và nhiều người dân, phóng viên đài Truyền Hình VTC đổ nước vàng đục lấy từ vùng biển Vũng Áng - nơi Formosa xả thải khỏi nhà máy luyện thép, bị nghi là nguyên nhân gây ra tình trạng cá chết hàng loạt trong 21 ngày qua - ra thau nhựa rồi cho 2 con cá đang sống khỏe vào. Sau 2 phút tung tăng, 2 con cá đuối dần rồi chết ngay đơ.

Không cần nói nhiều, bấy nhiêu đã đủ khẳng định nước biển chỗ Formosa cực độc!

Trở lại với cuộc họp báo của Formosa, trả lời phóng viên về việc nhập gần 300 tấn hóa chất về súc rửa đường ống, lãnh đạo công ty này nói Formosa có nhập “một ít axít” về rửa đường ống nhà máy nhưng không phải là dùng cho đường ống xả thải (!?). Vậy khi “rửa đường ống nhà máy” xong, nước thải ấy không xả ra biển thì xả đi đâu?

Tất nhiên, thực nghiệm nói trên của VTC chưa có cơ sở khoa học đầy đủ để “buộc tội” nhưng lý do vì sao nước biển ở Vũng Áng chỗ nhà máy luyện thép độc

hại đến như vậy? Chẳng ai trả lời! Mới chỉ có “biện pháp giám sát tiếp cận”

Vào 14 giờ chiều 27-4-2016, đại diện của 7 bộ gồm: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Y tế, Công an, Quốc phòng cùng Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, cuộc họp đầu tiên giữa các bên cũng có sự tham gia của nhà khoa học đến từ Tokyo, Nhật Bản. Lãnh đạo 4 tỉnh ven biển đã có cuộc họp kín kéo dài 5 tiếng. Sau đó đã công bố trước hàng trăm phóng viên báo chí châu lục từ trưa tới tối, cuộc họp báo tối 27-4 diễn ra trong vòng 10 phút.

Thứ trưởng Tài nguyên và Môi trường Võ Tuấn Nhân công bố kết quả điều tra ban đầu. Có thể tóm tắt công bố đó như sau:

Ông Nhân nói: “Một là do tác động của độc tố hoá học thải ra từ hoạt động của con người trên đất liền và trên biển. Hai là do hiện tượng dị thường của tự nhiên kết hợp với tác động của con người tạo nên hiện tượng tảo nở hoa mà trên thế giới gọi là thủy triều đỏ”. Và “Chưa có bằng chứng kết luận mối liên hệ của Formosa đến cá chết hàng loạt. Số liệu quan trắc cho thấy các thông số môi trường chưa vượt chuẩn quy định”. Thế là hết, vẫn cứ đi tìm nguyên nhân. Các nhà báo chỉ còn biết nói “hụt hẫng”, “phần nộ”, “thất vọng”.

Người dân hãy chờ đó. Theo lời tuyên bố này thì nhà máy Formosa vẫn

cứ đứng vững như kiềng 3 chân. Ông chủ cứ yên tâm.

Tuy nhiên những câu hỏi của Hội nghề cá VN vẫn còn đó. Họ cần phải biết có quyền được biết rõ nguyên nhân để yên tâm sinh sống. Dù cho ông Bộ trưởng Tài nguyên Môi trường thừa nhận cá chết hàng loạt ở miền Trung là thảm họa môi trường lớn, việc ứng phó chậm và lúng túng “xin nhận khuyết điểm” và mấy ông chủ công ty có cúi đầu xin lỗi vì một câu nói ngu xuẩn của tên Chu Xuân Phàm cũng chẳng giải quyết được gì và cũng chẳng làm người dân bớt nổi giận.

Việc các quan đầu tỉnh Đà Nẵng nhảy xuống biển tắm và mời các nhà báo cùng ăn cá ở cửa hàng là một “chiêu chào hàng” hay nhưng mới chỉ là phần ngọn. Điều họ cần được thông tin minh bạch là vì sao cá chết, nguy hiểm ở những vùng nào, giải quyết ra sao để loại trừ hậu họa.

### **Lương tâm cũng chết luôn rồi**

Làm việc với lãnh đạo Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh (FHS), Bộ trưởng Trần Hồng Hà khẳng định: “Đối với pháp luật VN, hệ thống xả thải mà lắp đặt ngầm là không cho phép. Chúng tôi đề nghị phải có biện pháp để giám sát, tiếp cận và quan sát hệ thống này”.

Lý giải thêm về phát ngôn trái chiều giữa Bộ trưởng và Thứ trưởng TN-MT Võ Tuấn Nhân về việc đường ống xả thải ngầm của Formosa đặt có đúng pháp luật hay

## Lửa Tù

(mến tặng các nghệ sĩ thực hiện CD nhạc Lửa Tù)

Lửa Tù sáng rực đêm đen  
xuyên qua tấm tối rọi tìm tương lai  
sáng từng góc khuất bị ai  
sáng từng nhân dáng miệt mài khổ đau

Càng bị hận lửa càng cao  
soi đời rõ lối khỏi nao núng tình  
giữa khuya gọi ánh bình minh  
gọi từng vật nặng gọi hình quê hương

Lửa Tù nung nấu can trường  
chuoốt hồng từng chữ trên chương sử buồn  
để đời nhớ, để tình thương  
từng thân xác gục trên đường chinh nhân

Lửa reo tí tách đoạn trường  
thấm từng lời hát còn vương máu hồng  
lửa gào dọc sóng biển Đông  
ru êm từng mối tấm lòng ly hương

Xác không gục giữa sa trường  
tinh thần không chết trên đường đấu tranh  
quyết đi xuyên cuộc bạo hành  
đòi lại quyền sống an lành cho dân

Lửa Tù sáng khắp xa gần  
gom hào khí lại phục hưng sơn hà  
Tổ Quốc trong trái tim ta  
hòa cùng nhân thế bài ca Lạc Hồng.

**Cao Nguyên**

Mùa Tưởng Niệm 2016

không, ông nói: “Tôi khẳng định pháp luật Việt Nam không cho phép vì điều 101 Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực từ năm 2015 đã thể hiện, trong đó quy định: bất cứ đường ống nào - nhất là đường ống xả thải - đều phải tạo điều kiện cho quá trình giám sát, tiếp cận, kiểm tra một cách dễ dàng, như vậy không thể đi ngầm được. Còn Thứ trưởng Nhân có nói về sự hợp pháp là do nhìn vào hồ sơ thấy có sự cho phép của cơ quan chức năng”.

Nếu cái gọi là “cơ quan chức năng” có bao che hay nhận hối lộ thì lương tâm cũng chết luôn rồi. Còn mong gì cứu vãn!

Trong khi đó nhiều biểu ngữ được giăng cao thể hiện thái độ dứt khoát của người dân:

*“Chúng tôi chọn tôm cá, không chọn nhà máy”*

*“Đuổi Formosa ra khỏi đất Việt Nam”*

*“Hãy trả lại biển sạch cho chúng tôi”...*

Cần phải nói rõ là chẳng phải chỉ có ở Vũng Áng Hà Tĩnh mà cả nước đòi “trả biên cho dân”. Trên các trang web, youtube, face book, bạn bè gửi cho nhau có hàng trăm video thông tin về thảm họa này. Cả thế giới cũng đang nổi giận (trừ Trung Quốc). May mà cho đến nay các nhà khoa học Mỹ, Đức, Israel đã đồng ý giúp đỡ VN tìm nguyên nhân.

### **Liên quan các ông tiến sĩ**

Theo dư luận báo chí VN: Có bao nhiêu nhà khoa học trong số 24.000 tiến sĩ khả kính của nước ta có thể trả lời được vì sao mà cá chết?

Trong những ngày mà cá chết xuất hiện trên trang nhất của tất cả mọi tờ báo vì người đọc chờ mãi vẫn không biết thực hư nguyên nhân là vì sao thì Dự án trắc lượng khoa học Việt Nam công bố số tiền ngân sách được cấp cho tổ chức khoa học quan trọng nhất đất nước là Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam trong 5 năm qua là 2.000 tỷ đồng.

### **Tiền tẩn để bảo vệ luận án!?**

GS Võ Khánh Vinh, Giám đốc Học viện Khoa học Xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, cho hay học phí của nghiên cứu sinh (NCS) – tức là những anh theo học tại học viện – rất thấp, khoảng 15 triệu đồng/năm. Nếu tính theo mức học phí quy định thì tổng chi phí cho một NCS chỉ khoảng 50 triệu đồng nhưng trên thực tế, để có được tấm bằng, số tiền NCS phải bỏ ra cao hơn khoảng 15-20 lần. Thầy ở xa tới thì chi phí đội lên không biết bao nhiêu mà tính. Chỉ cần 1 câu trả lời cũng đủ biết các ông tiến sĩ đó mua bằng chứ có học hành gì đâu.

Và còn một chuyện khôi hài đen nữa là nhiều nhà khoa học nhận được e mail mời mua vinh danh.

### **Thư mời kèm Hợp đồng kinh phí hỗ trợ**

Cụ thể như Tiến sĩ Nguyễn Công Lý, Khoa Văn học Ngôn ngữ kiêm Phó giám đốc Trung tâm nghiên cứu tôn giáo, trường ĐH Khoa học và Xã Hội Nhân văn - ĐH QG TP. Sài Gòn cho biết, tôi nhận được Email với 6 nội dung là: thư mời, đề án vinh danh, phiếu đăng ký, đề cử xét vinh danh,

bảng thông báo dự trù kinh phí tổ chức chương trình và thông báo tên tôi có trong 200 người được vinh danh đợt này... đặc biệt kèm theo cả Hợp đồng kinh phí hỗ trợ tổ chức của Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam, Công ty Cổ phần truyền thông và Phát triển thương hiệu Đại Việt.

Ngoài ra, PGS.TS Nguyễn Công Lý còn nhận nhiều cuộc điện thoại của người Ban tổ chức này hỏi có tham gia cuộc vinh danh này không và thông báo nếu tham gia đóng góp 20 triệu đồng.

PGS Lý cho biết thêm, khi họ nói như thế, tôi nói: Nhà giáo làm gì có tiền? và họ thông báo là giảm giá xuống cho tôi còn 10 triệu đồng.

“1 đồng tôi cũng không mua danh hão đó. Tôi thấy đây là một sự sỉ nhục, mua bán. Hiện nay có tình trạng, chạy chức, chạy quyền, chạy chức danh khoa học, chạy bằng cấp, chạy học vị... bây giờ thêm chạy danh. Tôi không ngờ đạo đức của trí thức lại xuống cấp như vậy. Tôi cũng không ngờ nhiều người có tiếng trong giới khoa học lại tham gia Hội đồng xét duyệt như vậy”.

Bạn đọc đã thấy tình hình học và mua bán bằng tiến sĩ, mua cả cái “vinh danh” ở VN trong thời đại này cũng mặc cả cù cưa bớt một thêm hai giống hàng tôm hàng cá ở chợ như thế nào. Thế cho nên cá cứ việc chết, người cứ việc lăn đùng ra chết theo, tiến sĩ vẫn âm âm ra lò. Người dân Việt nào cũng cảm thấy xấu hổ và đau lòng cho văn hoá Việt tàn tạ như ngày nay.

**Văn Quang**  
**04-5-2016**



# LÊ THÁNH TÔNG (1442-1497)

- Hải Bằng. Hoàng D. Bình

\*

**Vua Lê Thánh Tông là một vị vua tài giỏi và đạo đức nhất trong lịch sử Việt.**

Dưới triều đại của ông, đất nước ta sống trong cảnh thịnh trị và phát triển tốt đẹp về mọi mặt. Cảnh thanh bình kéo dài khoảng 300 năm đã để lại nhiều huyền tích sâu xa mà sau này nho sĩ Đặng Trần Côn đã gián tiếp bày tỏ trong "*Chinh Phụ Ngâm*" qua những câu như:

Nước thanh bình ba trăm cũ  
Áo nhung trao quan vũ từ đây  
Sứ Trời sớm dục đường mây  
Phép công là trọng, niềm tây xá nào

Trần Trọng Kim trong *Viết Nam Sử Lược* đánh giá Lê Thánh Tông là một ông vua thông minh, có hiếu với mẹ. Ông viết: *Vua Lê Thánh Tông đã sửa sang được nhiều việc chính trị, mở mang sự học hành, chỉnh đốn các việc vũ bị, đánh dẹp nước Chiêm, nước Lào, mở thêm bờ cõi, khiến cho nước Nam...bấy giờ được văn minh thêm ra và lại lừng lẫy một phương, kể từ xưa đến nay chưa bao giờ cường thịnh như vậy.*

*Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* đánh giá Vua Lê Thánh Tông là:

*Một bậc vua anh hùng tài lược, dẫu Vũ Đế nhà Hán, Thái Tông nhà Đường cũng không thể hơn được."*

Sử gia Phan Huy Chú (1782-1840) ghi nhận về Lê Thánh Tông:

*Tay không rời sách, kinh sử, dịch số, toán chương đều tinh thông, văn thơ càng giỏi hơn các bề tôi ... văn vũ tài lược hơn cả các đời.*

## Lai Lịch Vua Lê Thánh Tông

Nguyên Vua Lê Thái Tông có 4 người con trai: Nghi Dân, Bằng Cơ, Khắc Xương, và Tư Thành.

Khi Vua Thái Tông đột ngột qua đời, bà ái phi Nguyễn Thị Anh cho lập con của bà mới hai tuổi là Bằng Cơ lên làm Vua Đại Việt tức là Vua Nhân Tông.

Nhắc lại lúc Thái Tông còn sống, ái phi Nguyễn Thị Anh đã tìm cách hãm hại bà phi Ngô Thị Ngọc Dao đang có mang Tư Thành (tức vua Lê Thánh Tông sau này) để giành ngôi thái tử cho con mình. Nguyễn Trãi và Thị Lộ xin Thái Tông che chở và thuận cho bà phi Ngọc Dao đi trốn ở Chùa Huy Văn (Thăng Long), rồi sau tẩu tán về An Bang tức Quảng Ninh ngày nay.

Năm 1459, Hoàng Tử Nghi Dân đảo chính giết Nhân Tông và Thị Nga rồi lên làm vua. Tư Thành được cải phong làm Cung Vương. Chín tháng sau, Nguyễn Xí và Đinh Liệt, nguyên là cựu thần từ thời Vua Lê Lợi, làm cuộc đảo chính, giết Nghi Dân và đưa Lê Khắc Xương lên ngai vàng. Nhưng Khắc Xương có lẽ tự biết mình tài đức không bằng Tư Thành nên nhường ngôi báu cho Tư Thành.

Ngày 8 tháng 6 năm Canh Thìn (1460), **Lê Tư Thành** lúc đó được 18 tuổi lên ngôi, lấy niên hiệu là Quang Thuận (1460-1469), sau này đổi niên hiệu là **Hồng Đức** (1470-1497). Các đại công thần Nguyễn Xí và Đinh Liệt được nắm chức vụ cao quý nhất trong triều đình.

Sau một năm chấp chánh, vua Lê Thánh Tông (20 tuổi) đã thăng thưởng trách tư tưởng tự ti của hai cựu thần **Ngô Sĩ Liên và Nghiêm Nhân Thọ** với những câu như sau:

*Ta vừa mới coi chính sự, sửa mới đức tính, mà các người đã lưu ý ta rằng nước ta chỉ là hàng phiên bang của Trung Quốc thuở xưa. Thế là các người đã theo con đường chết, mang lòng không vua!”*

Chỉnh vậy thôi chứ nhà vua không bắt tội họ.

Sau này chính sử gia Ngô Sĩ Liên viết về Lê Thánh Tông: *"Vua sáng lập chế độ, mở mang đất đai, bờ cõi; văn vật tốt đẹp. Thật là vua anh hùng, đảm lược."*

*Tại sao Lê Tư Thành lại có thể trở thành một vị vua tài giỏi và hiền đức?*

Chắc chắn là vì nhà vua đã có cơ hội được giáo dục rất tốt từ chính bà mẹ hiền đức Ngô Thị Ngọc Dao lúc mang thai được nương nấu nơi Cửa Phật – Chùa Huy Văn.

Thật vậy, trong hơn mười năm trốn lánh, che dấu thân phận, bà Ngọc Dao (mẹ của Tư Thành) cũng như là thân tộc của Thái bảo Ngô Tử (ông ngoại của vua) chắc hẳn đã tập trung nỗ lực nuôi dạy Tư Thành để trở thành một con người tài đức vẹn toàn. Điều này đã được chứng minh ở tài năng lãnh đạo của nhà vua trên khắp mọi lãnh vực và đặc biệt là lòng hiếu thảo với mẹ và lượng tử bi đối với những vây cánh của Nguyễn Thị Anh.

Triều đại Lê Thánh Tông quả là một thời đại vàng son, hiển hách nhất trong lịch sử nước ta: vua hiền, tôi giỏi, dân no vui. Nhà vua có 14 hoàng tử và 20 công chúa.

## **Những Thành Tựu dưới Đời Vua Lê Thánh Tông**

Nhờ có hiểu biết và đạo đức hơn người, và với một lòng vì nước, vì dân, nhà vua đã được nhiều nhân tài hết sức phò giúp trong sạch hóa triều đình, tiến hành nhiều cuộc cải cách xã hội quan trọng, sát nhập vùng đất của Chiêm Thành, mở rộng bờ cõi xuống tận phía nam, và đặc biệt là ban hành một bộ luật cấp tiến mang tên là **Quốc Triều Hình Luật** được gọi tắt là **Luật Hồng Đức** do chính nhà vua khởi xướng.

### **Binh Bị**

Về Binh Bị, nhà vua tổ chức quân lực thành 5 Đạo tương tự như 5 Quân Đoàn ngày nay và quân sĩ thường xuyên phải tập luyện.

Nhà vua đích thân tuần tra nhằm khuyến khích quân sĩ. Trong một lần đi thăm quân sĩ ở vùng biển Hạ Long, nhà vua có bài thơ khắc trên vách núi, sau này dân địa phương gọi đó là Núi Bài thơ.

Các lực lượng trừ bị cũng được thành lập cùng bộ quân luật gồm 43 điều khoản để duy trì quân kỷ.

Nhà vua đặc biệt lưu ý các quan trú phòng ở biên cương về sự xâm nhập gián điệp của Nhà Minh và cải thiện các loại vũ khí và đạn dược theo kỹ thuật của phương tây và của Hồ Nguyên Trừng trước đó.

Về lương thực, quân đội có loại lương khô bằng thóc sấy chín có thể dùng trong vài năm. Nhà Minh vì vậy rất e dè không dám hạch sách hay dòm ngó.

### **Hành Chánh**

Về Hành Chánh, để chia sẻ quyền hành nhằm tăng cao năng suất quản trị, nhà vua

cho thành lập 6 Bộ thay vì chỉ có 3 Bộ dưới đời Vua Lê Lợi.

Đại cương trách nhiệm của sáu bộ đó là:

1. Bộ Lại: trách nhiệm tuyển mộ, phân phối, thăng thưởng các quan chức.
2. Bộ Lễ: trách nhiệm về văn hoá và giáo dục: tổ chức trường ốc, thi cử, và gìn giữ văn miếu, đền chùa, phong tục, tập quán.
3. Bộ Hộ: Trông coi về tài chánh, lương bổng, ruộng đất, nhà cửa, kho tàng, thuế khóa.
4. Bộ Binh: Trách nhiệm tổ chức, huấn luyện, thanh tra quân đội; canh phòng giặc giã.
5. Bộ Hình: Trông coi về việc thi hành pháp luật; tổ chức các tòa án xét xử các vụ kiện cáo.
6. Bộ Công: Trách nhiệm về xây cất cầu đường, dinh thự, thành trì, quản lý thợ thuyền.

**Về Kinh Tế** và Thương Mại, nhà vua cho sửa đổi luật thuế đinh, thuế điền, trợ giúp nhà nông, khuyến khích mở đồn điền cụ thể qua các Chi, Dự, hay Chiếu như "Chiếu Khuyến Nông", Chiếu Lập Đồn Điền", Chiếu Định Quan Chế", v.v. Nhờ các chính sách đó, nhiều ngành thủ công nghiệp đã phát triển đáng kể như nghề in và làm giấy, nghề làm đồ gốm, đồ sứ, dệt lụa, ương tơ, dệt vải, nghề mộc, trạm trổ. Nhà vua đích thân chỉ dụ rằng:

*Trong dân gian hể có dân là có chợ để lưu thông hàng hóa mở đường giao dịch cho dân. Các xã chưa có chợ có thể lập thêm chợ mới không được trùng hay trước ngày họp chợ cũ để tránh tình trạng tranh giành khách hàng của nhau.*

Thêm vào đó, nhà vua còn cho áp dụng những quy định đặc biệt như ấn định **tuổi 65 là tuổi về hưu và bãi bỏ luật tập quyền (cha truyền con nối) đối với các gia đình có công trạng.**

## Giáo Dục

*Chọn người tài đức ra làm quan.*

*Đề cao Khổng Học, thành lập Hàn Lâm Viện, Quốc Sử Viện, Nhà Thái Học, và Quốc Tử Giám.*

*Lập Bia Tiến Sĩ đặt tại Văn Miếu tức Quốc Tử Giám vào năm 1484.*

*Thành lập Hội Tao Đàn với 28 nhà thơ xuất sắc gọi là Nhị Thập Bát Tú và ông được coi là Sao Bắc Đẩu.*

## Luật Pháp

Nổi bật nhất trong triều đại Lê Thánh Tông là công trình tiếp tục biên soạn và hoàn tất bộ **Quốc Triều Hình Luật** hay **Luật Hồng Đức** và **tinh thần thượng tôn pháp luật.**

Chính nhà vua đã ra chỉ dụ rằng: "*Pháp luật là phép công của nhà nước. Ta cùng các người phải tuân theo.*"

*Bộ Luật Hồng Đức được coi là một bộ luật cấp tiến vào thời đại đó với những điều luật bảo vệ quyền lợi cho nữ giới như chồng và vợ phải có nghĩa vụ ngang nhau (tục ngữ: "của chồng, công vợ"); cấm ngược đãi vợ; vợ có quyền xin ly hôn; con gái có quyền thừa kế ngang với con trai; và nêu lên những nguyên tắc cơ bản như "vô luật bất thành hình" (không có luật thì không bị tội); "pháp bất vị thân" (pháp luật không chứa ai dù là thân thích); "nguyên tắc tự vệ chính đáng"; "tình trạng khẩn cấp"; "tình trạng bất khả kháng"; "tự thú"; và v.v.*

*Thêm vào đó, để bảo đảm sự công lý và tránh sự lạm dụng quyền lực, Luật Hồng Đức cũng minh thị những điều khoản luật tổ tụng quy định thẩm quyền của các hệ cấp tòa án, thủ tục xử án, phương pháp xử án, thủ tục bắt người.*

*Nhiều quy định cấp tiến kể trên không thấy có trong các bộ luật sau này vào thời Nhà Nguyễn.*

*Luật Hồng Đức* bao gồm nhiều bộ môn như: quân luật, hình sự, dân luật, tố tụng, hôn nhân, gia đình, và hành chính.

Đầu thế kỷ 20, bộ luật này được dịch sang tiếng Pháp và được Lương Thiện Cao Nãi Quang thuộc Đại Học Luật Khoa Saigon chuyển sang quốc ngữ, Nguyễn Sĩ Giác hiệu đính, Vũ Văn Mẫu viết lời tựa, và Nguyễn Văn Của ấn hành vào năm 1956.

Bộ Luật Hồng Đức có 6 quyển bao gồm 722 điều trong 13 chương.

1. Chương Danh lệ: 49 điều quy định về những vấn đề cơ bản có tính chất chi phối nội dung các chương điều khác (quy định về thập ác, ngũ hình, bát nghị, chuộc tội bằng tiền v.v)
2. Chương Vệ cấm: 47 điều quy định về việc bảo vệ cung cấm, kinh thành và các tội về cấm vệ.
3. Chương Vi chế: 144 điều quy định về hình phạt cho các hành vi sai trái của quan lại, các tội về chức vụ.
4. Chương Quân chính: 43 điều quy định về sự trừng phạt các hành vi sai trái của tướng, sĩ, các tội quân sự.
5. Chương Hộ hôn: 58 điều quy định về hộ tịch, hộ khẩu, hôn nhân-gia đình và các tội phạm trong các lĩnh vực này.
6. Chương Điền sản: 59 điều, trong đó 32 điều ban đầu và 27 điều bổ sung sau (14 điều về điền sản mới tăng thêm, 4 điều về luật hương hỏa, 9 điều về chiêm chúc bổ sung luật hương hỏa) quy định về ruộng đất, thừa kế, hương hỏa và các tội phạm trong lĩnh vực này.

7. Chương Thông gian: 10 điều quy định về các tội phạm tình dục.

8. Chương Đạo tặc: 54 điều quy định về các tội trộm cướp, giết người và một số tội chính trị như phản nước hại vua.

9. Chương Đấu tụng: 50 điều quy định về các nhóm tội đánh nhau (ẩu đả) và các tội vu cáo, lăng mạ v.v

10. Chương Trá ngục: 38 điều quy định các tội giả mạo, lừa dối.

11. Chương Tạt luật: 92 điều quy định về các tội không thuộc các nhóm tội danh trên đây.

12. Chương Bộ vong: 13 điều quy định về việc bắt tội phạm chạy trốn và các tội thuộc lĩnh vực này.

13. Chương Đoán ngục: 65 điều quy định về việc xử án, giam giữ can phạm và các tội phạm trong lĩnh vực này.

Tóm lại, các định chế pháp lý là biểu hiện của thượng tầng kiến trúc của xã hội văn minh phản ánh tư duy của giới cầm quyền.

Bộ Luật Hồng Đức (khoảng giữa thế kỷ 15: 1449) là một điểm son chói lọi biểu thị tinh thần pháp trị trong thời đại quân chủ của đất nước ta. Nhờ đó mọi hoạt động về văn hóa, văn học, giáo dục, nghệ thuật, quân sự, và kinh tế, ngoại giao phát triển tốt đẹp.

Ngược lại, các bộ luật sau này của Nhà Nguyễn Gia Long (1811) đã tỏ ra có sự thụ lùi trong chủ trương trở lại chế độ quân chủ chuyên chế.

*Một số điều khoản trong Luật Hồng Đức về hôn nhân, điền sản, và thừa kế quy định chi tiết và cụ thể hơn so với luật đời Nhà Đường nên sau này các tòa án dưới thời Pháp Thuộc và Việt nam Cộng Hòa vẫn sử dụng để xử các vụ kiện liên quan đến tài sản của vợ chồng.*

So với bộ *Hoàng Việt Luật Lệ* hay còn gọi là *Luật Gia Long*, Giáo Sư Vũ Văn Mẫu có nhận xét:

*Bao nhiêu những sự tân kỳ, mới lạ trong bộ luật Triều Lê đã không còn lưu lại một chút dấu tích nào trong luật lệ Nhà Nguyễn. Không còn liên quan đến hương hoả, đến chúc thọ, đến các điều kiện về giá thú, hay đến chế độ tài sản của vợ chồng.*" (Vũ Văn Mẫu, *Cổ Luật Việt Nam và Tư Pháp Sử*, 1973).

Điểm tiến bộ vượt bậc trong *Luật Hồng Đức* là vai trò của nữ giới được đề cao và bảo vệ hơn hẳn so với các bộ luật đương thời: người vợ có quyền quản lý tài sản khi chồng qua đời và có quyền thừa kế như nam giới; hình phạt cho nữ giới bao giờ cũng nhẹ hơn so với nam giới.

~\*~

### Thơ Lê Thánh Tông

Ngoài tài về lãnh đạo chỉ huy, vua Lê Thánh Tông còn tỏ ra lỗi lạc về văn chương thi phú và phê bình văn học hơn hẳn so với các nhà nho đương thời trong Hội Tao Đàn của nhà vua sáng lập nhằm khuyến khích các quan làm thơ Nôm. Nhà vua đã tự nói về mình như sau:

Trống đời canh, còn đọc sách  
Chiêng xế bóng, chưa thôi châu

Nhiều bài thơ của nhà vua tỏ ra khẩu khí của bậc đế vương như bài "Vịnh Con Cóc". Chẳng hạn:  
Bố mẹ sinh ra vốn áo sồi  
Chốn nghiêm thăm thẳm một mình ngồi  
Chép miệng nuốt ba con kiến gió  
Nghiến răng chuyển động bốn phương trời

\*

Nhân buổi sáng đi tuần tra từ Sông Cấm ra Biển Đông, vua Lê Thánh Tông ghi lại cảm hứng của bậc đế vương anh hùng trước phong cảnh hùng vĩ của non sông qua những câu thơ thật lẫm liệt và sống động như sau:

Nặng ăm nghìn trùng  
Tỏa trên ngọn cờ  
Khí thế ba quân át cây cáo  
Phượng đông mặt trời ló dạng  
Mây nhẹ trôi  
Phóng mắt nhìn  
Núi sông dài muôn dặm

Và sau đây là một vài bài thơ tình cảm của nhà vua:

### Hoa Biết Nói

Quốc sắc xem bằng ngọc mới đông  
Hay cười hay thốt khá bằng bông  
Nhiều phen hỏi nguyệt theo hơi quế  
Mấy phút chào xuân kém nhụy hồng  
Một thức thơm tho lâu gác phượng  
Mười phần tươi tốt mặt tai rồng  
Bên thành, cách ngõ, lòng chưa phỉ  
Bao mượn thuyền Đô đắp đỉnh Bồng

\*

### Nhớ Người Xa

Sông trong, sao lạt, vè sao thưa  
Gác cũ rêu đây lấp dấu thơ  
Mưa tạnh, hoa rầu, chiều lạt mặt  
Xuân về, én thắm, tiếng u ơ  
Đèn tàn, ruột thắt, hồn xơ xác  
Gối chiếc, châu dâm, giấc ngắn ngơ  
Lá thắm, thơ bày, mong bắt chước  
Nước xuôi, thơ ngược, biết bao giờ?

\*

## Trương Vương

Trợ dân, dẹp loạn, trả thù mình  
Chi cũng như em cất nghĩa binh  
Tô Định bay hồn, vang một trận  
Lĩnh Nam mở cõi, vững trăm thành  
Còn nước, còn non, còn miếu mạo  
Nữ trung đệ nhất đấng tài danh

\*

Trong dịp du ngoạn qua Miếu Vũ  
Nương tức Thiệu Phụ Nam Xương, người đã  
nhảy xuống sông tự vẫn để tự mình oan với  
chồng vì nghi nàng ngoại tình trong lúc  
chàng đi lính xa nhà, nhà vua có bài thơ:

## Điêu Vũ Nương

Nghi ngút đầu ghềnh tỏa khói hương  
Miếu ai như Miếu Vợ Chàng Trương?  
Ngon đèn dù tắt đừng nghe trẻ  
Dòng nước chỉ cho lụy đến nàng?  
Chứng quả đã đôi vàng nhật nguyệt  
Giải oan chớ mượn tới đàn tràng  
Qua đây mới biết nguồn cơn ấy  
Khá trách chàng Trương quá phũ phàng

\*

*T hươg cảm cho Vũ Nương bị oan  
khuất, nhưng tại sao nhà vua lại không có  
lấy nửa bài thơ thương cảm cho Thị Lộ,  
người đã có ơn cứu mạng mẹ con nhà vua  
dưới đời Lê Thái Tông?*

Chắc hẳn nhà vua không còn muốn  
nhắc tới câu chuyện thương tâm ấy nữa vì  
nhắc tới bao nhiêu chẳng nữa thì cũng  
chẳng làm sao đền bù lại được. Chi bằng  
giữ nguyên vẹn tấm lòng biết ơn hơn là  
khuấy động lại làm cho linh hồn người oan  
khuất không được an nghỉ.

Tuy nhiên nhà vua đã xuống chiếu giải  
oan cho Nguyễn Trãi với một câu nói giản

dị mà rất sâu xa: "Ức Trai tâm thượng  
quang Khuê tảo" nghĩa là "**Tấm lòng Ức  
Trai sáng như Sao Khuê**".

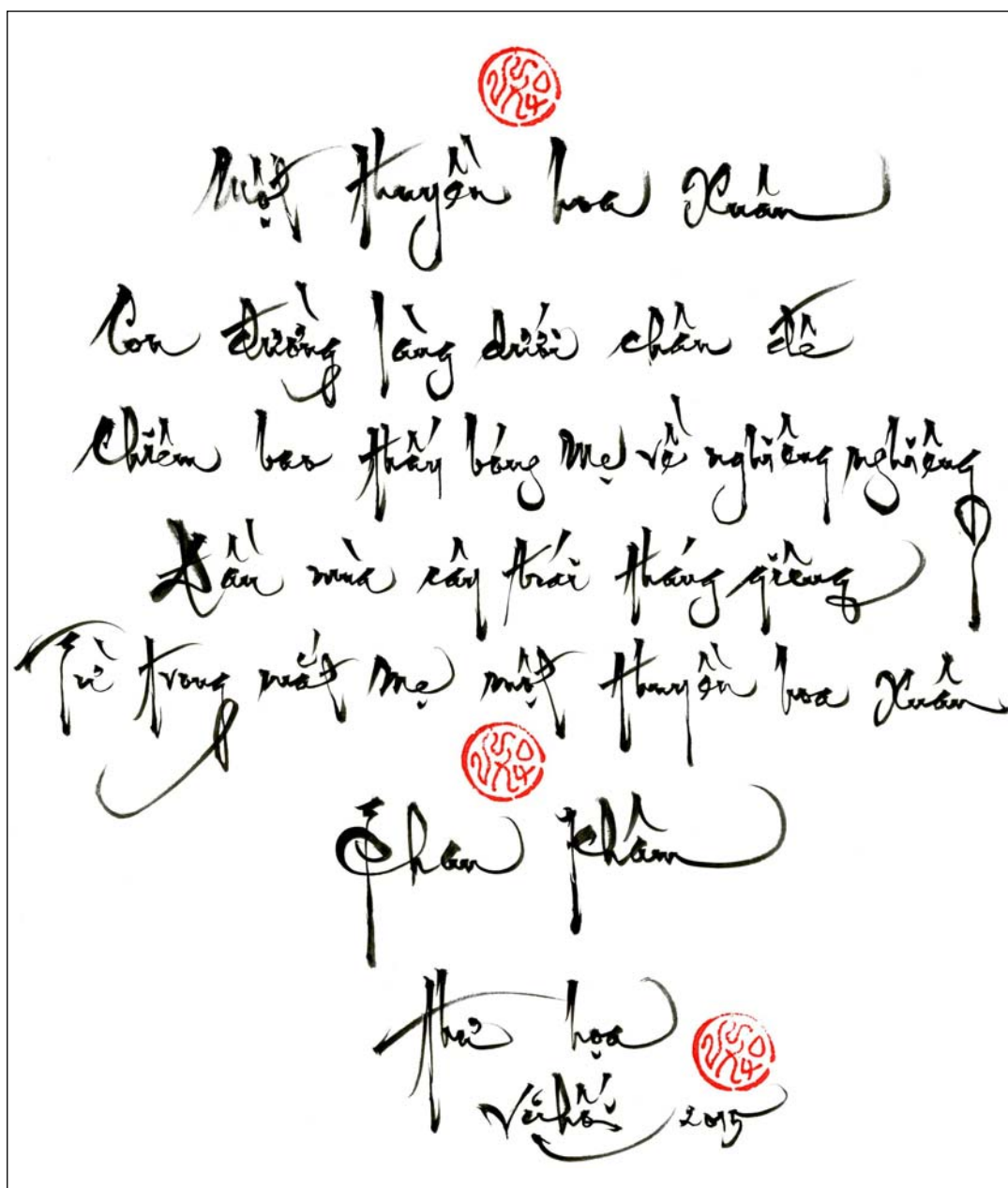
## Tổng kết

Vua Lê Thánh Tông là một vị vua thông  
minh, hiểu biết cao rộng, và đức hạnh hơn  
người. Chắc hẳn nhà vua đã được bà mẹ  
Ngọc Dao chăm sóc thật chu đáo và các vị  
chân sư hết lòng truyền thụ kiến thức và  
kinh nghiệm kể từ khi bà Ngọc Dao phải ẩn  
tránh ở Chùa Huy Văn.

Nhà vua khi lên ngôi đã giải nổi hăm  
oan cho Nguyễn Trãi và không cho truy cứu  
ai là thủ phạm giết vua Thái Tông, có thể vì  
bà Ngọc Dao đã dặn vua Thánh Tông rằng:  
"Chính Nguyễn Thị Anh đã ngậm sai Tạ  
Thanh bỏ thuốc độc cho Thái Tông chết.  
Nhưng con nên giữ kín việc ấy." (Hoàng  
Cơ Thụy, *Việt Sử Khảo Luận*).

Với tất cả những công trình cải cách  
vượt bậc về mọi địa hạt cùng với sự mở  
mang bờ cõi Đại Việt đem lại một thời gian  
thái bình thịnh trị dài tới 300 năm mà đời  
sau vô cùng luyện tiếc, Vua Lê Thánh Tông  
nên phải được tuyên dương là "*Danh Nhân  
Cải Cách Xã Hội Thế Giới*".







# MƯA CHIỀU SINGAPORE

Từ Munich chúng tôi bay đến Changi International Airport Singapore mất 14 tiếng vì phải đổi chuyến bay ở Doha lúc 10 giờ sáng, phiếu nhập cảnh (phải ghi rõ địa chỉ Hotel ở Singapore nếu không có thì không được vào), khi nhận hành lý quan thuế kiểm soát rất nhanh. Chúng tôi thu gọn áo lạnh cho vào vali và đợi cậu mợ chuyến bay 12 giờ từ Houston đến. Ngồi uống cafe, hồi tưởng 35 năm trước tôi đã ở Singapore 3 tháng, từng đi làm kiếm tiền tại phi trường này. Thời đó tôi thoát khỏi Việt Nam trên con thuyền bé nhỏ lênh đênh trên biển mênh mông, sóng to gió lớn... may mắn được tàu Cap Anamur vớt đưa vào trại tỵ nạn chuyển tiếp ở 25 Hawkins Road Sembawang S'pore 2775 gần Marsiling là một làng nhỏ xa trung tâm thành phố. Hằng ngày Văn Phòng Cao Ủy Tỵ Nạn phát cho mỗi đầu người 2.S\$ (Singapore Dollar /S\$), một nhóm nấu ăn chung đủ sống, tôi còn chút ít vàng của bà xã cho mang theo bán mua quần áo, giày dép chuẩn bị đi định cư ở Đức.



Dù luật ở Singapore cấm người Việt tỵ nạn đi làm, nhưng ngồi trong trại buồn chán, muốn mua thêm chút hành lý mang theo trước khi đi định cư. Buổi sáng 5 giờ tôi canh chừng cảnh sát chui rào theo nhóm người từng đi làm núp trong bụi cây rậm bên đường, họ đã hẹn từ ngày trước chờ xe tới đón đi làm ở phi trường, công việc dọn dẹp ván, cây gỗ, vác gạch lót nền nhà, mò hôi đồ để kiếm chút tiền, mỗi ngày ông chủ „Tàu lùn“ bóc lột trả chỉ 10.S\$ (ăn trưa hết 2.S\$) chỉ bằng 1/3 lương của người lao động địa phương.

Thời gian 35 năm trôi qua bây giờ mình là một du khách, chuyến bay từ Mỹ qua cảnh Đài Loan tới đúng giờ, chúng tôi vui mừng gặp cậu mợ bắt đầu cuộc hành trình 3 tháng từ Singapore - Kuala Lumpur - Úc (Adelaide, Melbourne, Sydney) Myanmar (Yangon, Mandalay) Phuket, Island Phiphi, Bangkok, Siem Reap (Angkor Wat, Angkor Thom), Phnom Penh... tránh được mùa đông giá lạnh ở Munich. Buổi trưa ở Singapore trời nóng 30 độ C, chúng tôi đến phòng

Infomation mua bản đồ hướng dẫn, ticket đi tàu điện, xe bus. Từ Terminal 3 về trung tâm thành phố có hệ thống tàu điện ngầm được gọi MRT (Mass Rapid Transport, tiếng Đức gọi U Bahn), Có 5 tuyến đường mỗi tuyến có màu khác nhau, du khách đi MRT có thể đến tất cả các điểm du lịch ở Singapore, hằng ngày có hơn 2 triệu lượt từ 6h sáng đến 23h đêm. Từ sân bay đến MRT, có mũi tên chỉ dẫn có ký hiệu Skytrain to T2 để đi tàu điện miễn phí từ Ga 1 sang Ga 2 (nơi có tàu điện đi vào trung tâm thành phố). Sau đó, từ Ga 2 đi theo bảng chỉ dẫn Train to City để đi xuống tầng hầm đi vào thành phố. Nhớ xem bản đồ hướng dẫn đi MRT để đến nơi nào mình muốn, có xe bus công cộng và hệ thống giao thông tàu hỏa là SBS Transit (chú ý các phương tiện giao thông công cộng đều cấm ăn uống, hút thuốc xả rác, không được mang theo các vật liệu dễ cháy gas, vi phạm sẽ bị phạt 500 S\$).

“Singapore is a fine city”

Sau 35 năm tôi trở lại Singapore được nhìn thấy sự phát triển ngoài trí tưởng tượng của mình, tàu MRT màu đỏ đi từ Mariana South Pier đi đến Jurong East và ngược lại, đi qua Sembawang. Woodlands, Marsiling nơi gần trại tạm cư ngày xưa nay không còn những khu nhà gỗ. Nơi này xây nhiều chung cư, cao ốc sang trọng kiến trúc đẹp lộng lẫy, phố xá sầm uất... Singapore ngày nay là một trong các trung tâm thương mại lớn của thế giới, là trung tâm tài

chính đứng thứ tư và một trong năm hải cảng nhiều tàu thuyền quốc tế đến tấp nập. Nền kinh tế đa dạng: kỹ nghệ, thương mại... Singapore là đảo nhỏ không có tài nguyên, nguyên liệu đều phải nhập từ bên ngoài. Đất canh tác ít chỉ trồng cao su, dừa, rau và cây ăn trái, nông nghiệp không phát triển, hằng năm phải nhập cảng lương thực. Singapore chỉ có ít than, chì, nham thạch, đất sét, nước uống có đường ống dẫn từ Mã Lai, sông và kênh rạch ở Singapore bị ô nhiễm vì xăng dầu.

Singapore (Republic of Singapore)

Theo thể chế cộng hòa nghị viện đa đảng, có chính phủ nghị viện theo hệ thống Westminster (ảnh hưởng thời thuộc địa Anh). Đảng Hành Động Nhân dân (People's Action Party) giành chiến thắng trong tất cả các cuộc bầu cử kể từ khi Singapore tự trị vào năm 1959, có các đảng đối lập không có ảnh hưởng đáng kể đến hệ thống chính trị, là một quốc gia đa dạng và non trẻ, với nhiều ngôn ngữ, tôn giáo, và văn hóa. Diện tích 718,3 km<sup>2</sup> dân số trên 5.5 triệu, mật độ trung bình 7654/km<sup>2</sup> 77% người Hoa; 13,8% Mã Lai; 9% là Ấn độ và Parkistanern.

Singapore là một quốc gia đa chủng tộc, ảnh hưởng văn hóa của Đông phương và Tây phương. Những tôn giáo tại đảo quốc cùng hài hoà, góp phần xây dựng chung sống hoà bình trong đời sống xã hội. Phật giáo (Budhismus): 33% hầu hết tín đồ Phật giáo tại Singapore là người Hoa (ngày rằm các chùa thường đãi các món ăn chay);

15% theo Hồi Giáo/Islam; 18% theo Thiên Chúa Giáo, /Christum-römischkatholisch; 11% Đạo Lão/Taoismus; 5,1% Ấn Độ Giáo/Hinduismus và 17% những người không theo tôn giáo. Các tôn giáo sống trong đoàn kết và hòa hợp, người Singapore tự tin về đất nước, về tương lai của họ. Bốn ngôn ngữ chính thức là tiếng Anh, tiếng Mã Lai, tiếng Hoa và tiếng Tamil,

Giáo dục các cấp tiểu học (bắt buộc mọi người phải học hết tiểu học), trung học, và đại học hầu hết được chính phủ hỗ trợ không phải đóng học phí, tiếng Anh là ngôn ngữ giảng dạy trong toàn bộ các trường học công. Còn có 11 trường trung học quốc tế, nhiều đại học công và tư thực. National

University of Singapore (NUS) được xếp đứng hạng thứ 20 các đại học nổi tiếng thế giới.

Từ thời Singapore độc lập (1959) trải qua các đời thủ tướng: Lee Kuan Yew (1959-1990) Goh Chok Tong (1990-2004) từ 2004 là Lee Hsien Loong/ Lý Hiển Long (con trai của cố thủ tướng Lý Quang Diệu/ Lee Kuan Yew). Thuộc đảng Hành Động Nhân dân cầm quyền. Nhiều người phê bình hệ thống chính trị Singapore còn “độc tài”? Nhưng ít tham

những cũng như tỷ lệ tội phạm thấp nhất thế giới.

Singapore là một trong năm thành viên sáng lập của Hiệp Hội Các Quốc Gia Đông Nam Á (ASEAN), Diễn đàn Hợp Tác Kinh Tế Châu Á - Thái Bình Dương/ Asia-Pacific Economic Cooperation, (viết tắt là APEC). Là một thành viên của Hội Nghị Cấp Cao Đông Á, Phong Trào Không Liên Kết, (East Asia Summit, Non-Aligned Movement), và Thịnh Vượng Chung Các Quốc Gia

(Commonwealth of Nations). Sự phát triển nhanh chóng của Singapore tạo cho quốc gia này có ảnh hưởng đáng kể trên thế giới, một số nhà phân tích nhận định Singapore là một quốc gia nhỏ bé giàu mạnh „Cost



of living“ được công nhận là một trong 4 con hổ ở Á Châu, Singapore có lợi tức thu nhập quân bình mỗi đầu người trên 51.000 USD/năm. Là một trong những thành phố có chi phí cao, được xếp thứ ba trên thế giới. Theo đánh giá của các tổ chức như Ngân Hàng Thế Giới và Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế. Singapore được xếp hạng cao về các chỉ số "tự do kinh tế". Về an sinh xã hội Singapore không có khoản trợ cấp xã hội cho người nghèo như ở Đức, Âu Châu là những

quốc gia có nền kinh tế phát triển. Nhưng hàng năm Singapore trợ cấp xã hội khoảng 7 tỷ USD y tế cho người cao tuổi. 450.000 người từ 65 tuổi trở lên hưởng bảo hiểm y tế, mặc dù đất nước rất giàu nhưng không lấp hết lỗ hổng nghèo đói. Cuộc đời không có gì tuyệt đối thiên đường và địa ngục luôn cận kề trong đời sống của con người.

### Du lịch Singapore

Hàng năm có hơn 11 triệu du khách đến Singapore, du khách có thể mua ticket EZ-link card, mỗi ngày khoảng 8.S\$ (hối xuất 1€ #1,53S\$, 1.USD # 1,35 S\$). Phải trả 10. S\$ tiền cọc, xử dụng hết những ngày ở đó phải trả lại trước 18 giờ ở các quầy đã mua để lấy lại 10. S\$. Taxi ở Singapore rất nhiều (28.000 Taxis), phần lớn xe loại nhỏ, giá cước là 2,4.S\$ cho 1 km, khi đón xe ngoài đường phải chú ý Taxi có đèn đỏ đã có khách và rất đắt trong giờ cao điểm, ban đêm tính thêm 50%. Xe bus cũng nhiều tuyến nếu không có ticket mua trước phải trả 2.S\$ ở cửa trước do tài xế bán. Vì mật độ dân số cao, số lượng xe hơi tư nhân trên đường bị hạn chế vì sợ ô nhiễm và tắc nghẽn. Singapore có hệ thống đường bộ dài tổng cộng 3.356 km trong đó có 161 km là xa lộ (Expressway), cũng là một trung tâm vận tải thương mại quốc tế lớn ở Châu Á phục vụ các tuyến đường biển và trung tâm tàu tiếp nhiên liệu lớn nhất thế giới.

Đường phố cho người đi bộ ở các nước Châu Á hẹp, nhiều người bày bán

hàng rong, đôi khi đường không bằng phẳng, kéo hành lý rất khó. Nên chọn Hotel gần trạm MRT hay xe bus. Ngay tại phi trường có các shuttle bus đưa đón du khách về tới Hotel rất tiện, mỗi người trả chỉ 9.S\$. Chúng tôi về tới Hotel thì trời đổ mưa, mưa nặng hạt, mưa rơi trắng xóa làm không khí trở nên mát mẻ, dễ chịu hơn.

Mưa chiều Singapore gợi cho tôi nhớ lại kỷ niệm, những ngày ở trên tàu Cap



Anamur, đông người nóng nực ở dưới hầm tàu, chờ Cao Ủy Ty Nạn làm thủ tục chính phủ Singapore cho phép người tỵ nạn vào đất liền, tạm dung để đi định cư nước thứ ba. Hôm đó trời cũng mưa rơi, chúng tôi cũng rơi lệ vì vui mừng thật sự đến được bến bờ tự do. Người tỵ nạn VN không bao giờ quên ơn tiên sĩ Rupert Neudeck là người khởi xướng kêu gọi lòng nhân đạo của nhân dân Đức cũng như thế giới mở vòng tay nhân ái cứu giúp người vượt biển đi tìm tự do, để con tàu Cap Anamur ra khơi ...

Mưa chiều kéo dài 1 tiếng thì chấm dứt, đường phố lại tấp nập người đi, chúng tôi ở gần trạm Aljunied đến Esplanade mua ticket cho 3 ngày, đến Downtown đổi xe đi Chinatown ăn tối, nơi nào có đông cộng đồng người Hoa thì nơi đó ồn ào, tấp nập, các cửa tiệm treo bán thịt heo quay, vịt quay bốc mùi thơm hấp dẫn khách qua đường. Đồ ăn, thức uống ở nơi này rất nhiều và hợp khẩu vị ở những quán ăn nhanh, giá rẻ tùy theo người chọn từ 5 đến 10.S\$. Bier thì rất đắt một chai 0,5l phải trả 8.S\$. Chinatown là một trong số ít những địa điểm ở Singapore còn lưu giữ nét lịch sử và văn hóa riêng.

Về đêm Singapore lấp lánh ánh đèn màu, chúng tôi đi dạo qua những con đường xưa, đến nơi có tượng Ngư Sư Merlion đặt tại cửa sông Singapore, đối diện với khu Elizabeth Walk, gọi là Công viên Merlion, "Tượng Merlion được đặt tại đây như là một biểu tượng chào đón tất cả các du khách đến Singapore". Merlion lớn và nhỏ phun nước suốt ngày đêm. Theo tài liệu Merlion lần đầu tiên được xây năm 1964 của ông Fraser Brunner, thành viên của Ủy ban Lưu niệm và là người quản lý bể cá Van Kleef. Tượng cao 8,6m và nặng 70 tấn bằng xi măng, hình con thú đầu sư tử, mình cá đang cưỡi trên ngọn sóng. Ngư Sư Merlion là biểu tượng của đảo quốc Singapore, nhiều nơi ở công viên, bến cảng đều có những tượng lớn nhỏ khác nhau và Singapore được mệnh danh là 'thành phố Sư tử ...

Đến Harbourfront, mua Skypass 33.S\$ đứng trên đỉnh Faber (Mountain Faber), nơi cao nhất Singapore có Cable Car sang đảo Sentosa là điểm du lịch lý tưởng hòn đảo thiên nhiên, xanh tươi hoa lá có khu vui chơi giải trí, với 2500 sinh vật biển thuộc 250 loài, còn có viện bảo tàng, khu chơi thể thao, đi bộ, đi xe đạp, cây cối sum sê, những khu vườn được cắt tỉa nghệ thuật rất đẹp mắt. Gần Sentosa, các đảo St John's và Kusu bãi biển đầy cát có thể bơi lội thỏa mái.

Đảo Jurong có vườn chim Jurong rộng 20 ha là công viên chim lớn đẹp, với hơn 9.000 con chim, hơn 600 loài. Nhiều loài chim quý hiếm đến từ vùng Đông Nam Á, Phi châu và Nam Mỹ... Chuồng chim Waterfall là nơi được du khách yêu thích nhất, có 1.500 loài chim từ Phi Châu, các loài hồng hạc, kết đuôi dài Nam Mỹ, chim mỏ sừng, kết có mào của Úc, và cả loài điều hâu...

Singapore Flyer cao 165m, các nhà đầu tư Đức bỏ ra 135 triệu EUR. (London Eye ở bờ sông Thames cao nhất Âu Châu chỉ 135 m) Đi trên Flyer nhìn toàn cảnh Singapore với những tòa nhà chọc trời, giá ticket là 29,50 S\$ cho một lần đi quay trong 37 phút. Ăn tối ở Seafood Paradise có nhiều hải sản tươi tha hồ mà chọn lựa. Đến khu vực đường phố New York với nhiều hàng quán cà phê ven đường... Khu Ai Cập cổ xưa những bức tượng cổ cao lớn cùng kiến trúc xây dựng theo mô hình kim tự tháp như ở Cairo. Singapore cũng là trung tâm du lịch và mua sắm với nhiều mặt hàng miễn thuế, thu hút du

khách mua sắm như: Orchard plaza, Meridien Shopping Centre, Orchard plaza, China Town, Mustafa plaza và trung tâm Vivo City.

Đến khu tiểu Ấn/Little India thể hiện rõ ràng văn hóa Ấn Độ. Được gọi là "trái tim của Little India", từ xa ngửi được mùi cà ry, trung tâm Tekka bán vàng nữ trang đủ loại đẹp mắt, quần áo, vải lụa, các hàng lưu niệm, trái cây, hoa tươi được kết thành tràng hoa rất đẹp để cúng đền và chùa... đủ các loại thực phẩm đặc sản của Ấn. Dọc đường Serangoon có ngôi đền Sri Veeramakaliamman thờ vị thần Kali của đạo Hindu, là ngôi đền cổ xây năm 1881.

Những con đường phố Geylang gọi là lorong, có nhiều cửa hàng ăn, mở từ chiều đến khuya, còn bán nhiều trái cây: sầu riêng (durian) măng cụt (mangosteen) uống trà Tàu (herbal Chinese tea), muốn ăn "gà móng đỏ" thì đến khu phố đèn đỏ gà nhập từ Thái... Geylang và Chinatown còn nổi tiếng với món cháo ếch với gừng, hành và ớt, cua rang tiêu hoặc ớt (chili/pepper crabs), món ăn đặc sản của đảo quốc bé nhỏ này.

Đến Casino Hotel Marina Bay Sand ở trung tâm vịnh Marina, Casino chỉ giành cho du khách phải mang theo Passport, cấm người bản xứ vào, nếu ai

vào phải trả 100.S\$. Bên trong rộng lớn hai tầng đủ các loại máy như ở Las Vegas, đông khách phần lớn là đàn bà chơi bài, đàn ông bấm máy... Casino này thu hút nhiều người nhờ Hotel có 2500 phòng, cao 191m ở trên có hồ bơi, nổi tiếng nhất ở Singapore biểu tượng tòa nhà đỡ con thuyền vươn ra khơi nằm lơ lửng trên tầng cao nhất của Hotel, có những cây dừa và vườn cây xanh tạo bóng mát giữa trời, mà còn có một hàng rào sắt và kính trong suốt xung quanh, nên du khách có thể bơi

thả hồn theo mây nước. Nơi đây đủ tiện nghi còn có: Sân golf, tennis, hồ bơi, phòng thể dục, massage... Du

khách ở trên hotel nhìn xuống vịnh Marina, trung tâm Singapore thật hữu tình, nhưng số tiền

phải trả cho 1 đêm từ 400.S\$. Du khách đánh bài ở Casino có thể mua ticket lên xem phong cảnh.

Người ta chỉ chúng tôi nên đến Golden Mile là khu ăn uống giá rẻ ở Singapore có bán các món ăn ngon. Maxwell là khu ăn uống giá rẻ nổi tiếng bậc nhất ở Singapore. Đây chính là nơi tập trung của hàng trăm quầy thức ăn ngon, phong tục ăn uống khi ăn cơm, không được đặt đĩa lên trên chén hoặc lên đĩa thức ăn. Đối với những người làm việc trong lĩnh vực hàng hải, khi ăn





họ không lật ngửa con cá, bởi vì việc đó đồng nghĩa với việc lật thuyền. Thật ra chúng tôi không nặng phần ăn uống, nơi nào thuận tiện thì đến, ăn nhiều ít tùy theo sở thích của mỗi người, đã đi chơi thì chấp nhận tốn kém, chúng ta sống đi làm nhiều hơn đi du lịch, về hưu có thì giờ và sức khỏe thì nên đi, có tiền không có sức khỏe khó có thể chống gậy đi chơi được!

Người nào yêu thích hoa lan nên đến vườn Lan Quốc gia (National Orchid Garden) nằm trong vườn bách thảo (Singapore Botanic Gardens) đây là nơi phát triển của 60.000 cây lan bao gồm 1000 loài lan tự nhiên và 3000 loài lai tạo trong một khu vực 3 ha, trồng lan chia làm 4 mùa: khu mùa xuân màu tươi sáng và sống động của màu vàng, kem. Khu mùa hè là màu đỏ và hồng ấm áp, khu mùa thu, mùa đông lan trắng và xanh mát...

Phương tiện đi chơi tự túc ở Singapore thuận lợi, không cần người hướng dẫn, nên xem tài liệu trên Internet, chọn lựa nơi nào mình thích có thể mua các ticket Singapur Sightseeing, Hop-On-Hop-Off-Tour (27.S\$), City Tour of Singapore (29.S\$).

#### Người Việt ở Singapore

Đến các khu buôn bán, ăn uống sẽ gặp nhiều người Việt, làm việc theo hợp đồng lao động, kết hôn với người Singapore hay là du khách từ VN. Ăn trưa ở Kallang chúng tôi được các cô bồi là người Việt phục vụ nhanh, vui vẻ,

riêng cô giới thiệu bán Tiger beer làm việc tã tã cho hãng bier ăn lương mỗi giờ 8.S\$, Cô có thì giờ nói chuyện với chúng tôi về đời sống người Việt đi làm tại đây. Cô lập gia đình với người Singapore được 2 con đời sống ổn định, làm việc để dành tiền về già trở về miền Tây sống dưỡng già, nghịch lý người trong nước muốn đến Singapore còn người ở đó thì mong ước trở về. Thuế thu nhập ở đây tương đối thấp, chỉ vài phần trăm cho một năm. Nếu người định cư dài hạn (Permanent Residence- PR) thì phải đóng khoảng 15% vào một quỹ gọi là Central Provident Fund - CPF. Quỹ này chỉ được dùng khi mua nhà hoặc chữa bệnh hay về già. Khi nào rời Singapore thì có thể rút tiền từ quỹ này.

Đời sống ở Singapore cao nên hấp dẫn người Việt đi lao động, qua các Cty môi giới, may mắn gặp chỗ tốt thì có việc làm lãnh lương đủ sống trả nợ, người lao động được nhận một thẻ lao động (Employment Pass hay EP) do chính phủ cấp và được bảo lãnh bởi chủ lao động. Thẻ thường có thời hạn một đến hai năm, nhưng nếu người đang làm việc thì gia hạn dễ dàng hơn. Những công ty môi giới không tốt thì thường lấy phần trăm hoa hồng nhiều "Ngồi mát ăn bát vàng" bằng cách ký hợp đồng rất cao với chủ và trả lương cho người làm thấp. Cũng có trường hợp bị lừa bên Việt Nam họ phải đi vay nợ, cầm sổ đỏ, tiền nợ từ 7 ngàn USD, sang tới nơi không có chỗ làm, phải trốn ở lại đi làm chui mỗi giờ chủ trả 2.S\$ làm sao đủ



sống tiền ăn, tiền mướn nhà, tiền phải trả nợ cho ngân hàng ở VN! Từ chỗ sa cơ, lỡ vận nhiều cô phải bán mình làm nàng Kiều lưu lạc xứ người! Thương thay số phận những người đàn bà kém may mắn. Tôi cũng thấy ở góc đường một thanh niên bán thuốc lá lậu và một anh khác ngồi hút thuốc bên hè hỏi chúng tôi có hút thuốc không? Chúng tôi không hút nhưng biết anh là người VN nên đứng lại thăm hỏi đời sống công việc ở xứ người. Chúng tôi tiếp tục sang bên đường có các cô trẻ đẹp kéo tay mời ... không thấy cảnh sát, nhưng khi vào quán mua nước thì bị 2 nam, 2 nữ mặc thường phục, đến hỏi Passport. Hẳn nhiên chúng tôi yêu cầu họ trình thẻ là cơ quan công lực, và hỏi lý do tại sao xem giấy tờ du khách từ Đức - Mỹ có nhập cảng từ phi trường? Họ vui vẻ đáp ứng yêu cầu, trả lời lịch sự vì an ninh khu vực nên kiểm tra, nhưng thấy tôi có Reisepass (Passport Đức) họ cảm ơn và không cần xem. Ngày xưa chỉ có một cái card của Cao Ủy Ty Nạn UNHCR (indochinese Displaced persons Registration Card) cấp đi nhiều nơi ở Singapore không bị hỏi, 35 năm sau bị hỏi giấy. Tôi suy ngẫm lại mới hiểu rằng ngày nay Singapore có nhiều người Việt ở bất hợp pháp, như bán thuốc lá, gái đứng đường, nhóm người lợi dụng du lịch vào Shopping ăn cắp... 41 năm Việt Nam hòa bình thống nhất, nhưng Xã Hội Chủ Nghĩa đã "trồng" lên lớp người Việt "xấu xí"! Làm mất danh dự cho cả dân tộc Việt Nam. Chúng tôi đi du lịch đến

nhiều quốc gia đều gặp người Việt (xuất cảng lao động) đi làm thuê làm mướn... thật đáng buồn hơn bao giờ hết. Những năm đầu Singapore giành độc lập cổ thủ tướng Lý Quang Diệu "mơ ước Singapore được như Sài Gòn", ngày nay Singapore văn minh hơn Việt Nam! Bỏ lại phía sau nỗi buồn dân tộc, giã từ Singapore chúng tôi đi Kuala Lumpur...

## Nguyễn Quý Đại

Tài liệu tham khảo

Insight guides Singapore

<http://niedblog.de/singapur-sehenswuerdigkeiten-paare/>

### 11 Trường trung học quốc tế

Dover Court Preparatory School

French School of Singapore

German European School Singapore

Overseas Family School

Singapore American School

Singapore International School

Swiss School Association Singapore –  
Schweizer Schule Singapur

Tanglin Trust School – basiert auf dem  
britischen System

The Australian International School Singapore

The Canadian International School Singapore

United World College of South East Asia

### Đại học

National University of Singapore (NUS)

Nanyang Technological University (NTU)

Nanyang Technological Institute (NTI)

National Institute of Education (NIE)

Singapore Management University (SMU)

# JONATHAN SWIFT

(1667-1745)

Nhà Văn Ái Nhĩ Lan với Tác Phẩm "Các Chuyến Du Lịch của Gulliver"

## Phạm Văn Tuấn

**J**onathan Swift (1667 – 1745) là một nhà văn người Anh, tác giả của cuốn truyện "Các Chuyến Du Lịch của Gulliver" (Gulliver's Travels, 1726). Đây là một đại tác phẩm trong nền văn chương khôi hài.

Jonathan Swift đã quan tâm rất nhiều tới các hành vi và sự phúc lợi của các người dân vào thời đại của ông, đặc biệt là sự phúc lợi (welfare) của người dân Ái Nhĩ Lan và các hành vi của người dân Anh đối với xứ Ái Nhĩ Lan. Khi nhận thấy các tập quán, ý tưởng và hành động của người đương thời mà ông cho là ngớ ngẩn hay có hại, Jonathan Swift đã chế giễu các điều xấu xa này. Khả năng viết văn của Jonathan Swift để chế nhạo các tập quán, ý tưởng và hành động ngu ngốc đã khiến cho người dân nước Anh coi ông là một nhà châm biếm thuộc hạng cao cấp.

### 1/ Thời niên thiếu của Jonathan Swift.

Sau công cuộc Phục Hưng giòng họ Stuart (the Stuart Restoration) vào năm 1660, ông Jonathan Swift cha (the elder) là người Anh, đã định cư tại nước Ái Nhĩ Lan và trở nên người quản lý nhà hàng

(steward) của Nhà Hàng của Nhà Vua (the King's Inns) tại thành phố Dublin. Vào năm

1664, ông Swift cha kết hôn với bà Abigail Erick, bà này là con gái của một vị tu sĩ Anh.

Vào mùa xuân năm 1667, ông Swift cha bỗng nhiên qua đời, để lại cho các người em trai của ông chăm sóc người vợ, một cô con gái nhỏ và một đứa bé chưa sinh.



Jonathan Swift chào đời tại Dublin vào ngày 30 tháng 11 năm 1667. Cậu bé Jonathan này lớn lên mà không có cha, sinh sống tùy thuộc vào tấm lòng rộng lượng của các người chú. Tuy nhiên việc học hành của cậu Jonathan vẫn được lưu tâm.

Vào tuổi lên 6, cậu Jonathan được gửi tới trường Kilkenny vào thời gian đó, là ngôi trường hạng nhất của nước Ái Nhĩ Lan (Ireland). Vào năm 1682, Jonathan Swift theo học trường Đại Học Trinity (Trinity College) tại thành phố Dublin, nơi đây cậu đậu văn bằng Cử Nhân Văn Khoa (Bachelor of Arts degree) vào tháng 2 năm 1686 với hạng speciali gratia (by special favour = do ưu đãi đặc biệt), đây là loại khoan hồng cấp cho người sinh viên bị thi trượt về một vài môn học phụ, để người

sinh viên tốt nghiệp theo đủ các quy định thông thường.

Jonathan Swift tiếp tục theo học tại Đại Học Trinity để có văn bằng Cao Học về Văn Chương (Master of Arts) cho tới tháng 2/1689. Cuộc Cách Mạng năm 1688 đã khiến cho Jonathan Swift phải trở về nước Anh và sinh sống nhờ một nhân vật thuộc gia đình bên mẹ là Sir William Temple, tại Moor Park, Hạt Surrey. Jonathan Swift ở tại nơi này cho tới khi Sir Temple qua đời vào năm 1699.

## **2/ Các năm sinh sống tại Moor Park.**

Khi còn sinh sống, Sir William Temple đã viết hồi ký và các bài bình luận để in thành sách, nên đã dùng Jonathan Swift làm thư ký cho ông. Chính tại Moor Park, Jonathan Swift đã trở nên uyên bác nhờ tòa nhà thư viện rất đầy đủ của Sir Temple và cũng tại nơi đây, ông đã gặp cô Esther Johnson (người sau này là Stella), là con gái của bà quả phụ coi nhà cho Sir Temple. Vào năm 1692, Jonathan Swift nhận văn bằng Cao Học (M.A.) tại trường Đại Học Oxford.

Trong thời gian cư ngụ tại Moor Park, Swift đã hai lần trở lại xứ Ái Nhĩ Lan rồi trong lần thứ hai, đã chịu lễ làm tu sĩ của Nhà Thờ Anh Cát Giáo vào tháng Giêng năm 1695. Vào cuối tháng 1 này, Jonathan Swift được bổ nhiệm làm mục sư (vicar) của hạt Kilroot, gần thành phố Belfast.

Trong thời gian từ năm 1691 tới năm 1694, Jonathan Swift đã làm xong một số bài thơ, đặc biệt là 6 bài thơ ca ngợi (odes) nhưng thiên tài thực sự của ông chỉ xuất hiện khi ông viết ra những bài văn châm biếm, phần lớn tại Moor Park giữa các năm từ 1696 tới 1699. Một trong các tác phẩm chính của ông là cuốn truyện “Một Câu Chuyện của một cái Bồn Tắm” (A Tale of a Tub), xuất bản nặc danh vào năm 1704,

cuốn truyện này gồm có 3 cuốn nhỏ: phần chính = Câu Chuyện (the Tale itself), là phần châm biếm chống lại “một số lớn các hủ hóa (corruptions) trong tôn giáo và trong học vấn”, phần thứ hai là cuốn “Trận Chiến của các Cuốn Sách” (the Battle of the Books) dùng để nói về sự giả bộ anh hùng (mock-heroic), tác giả đã ủng hộ các người xưa trong việc tranh cãi các giá trị tương đối của văn chương và văn hóa mới đối với cũ, và phần thứ ba là cuốn “Bàn Luận về hoạt động cơ học của Tinh Thần” (Discourse Concerning the Mechanical Operation of the Spirit), trong đó tác giả chế giễu cách thức thờ phượng và giảng đạo của các người mộ đạo vào thời kỳ đó.

“Một Câu Chuyện của một cái Bồn Tắm” là một tác phẩm xuất sắc vì nhiều lời châm biếm khôn ngoan, văn phong tạo nên nhiều ảnh hưởng đặc biệt, phần lớn nhờ bản chất của lối văn nhại (parody). Jonathan Swift đã nhìn thấy phạm vi văn hóa và văn chương đang bị đe dọa bởi lối thông thái dỏm (pedantry) ghen tị, trong khi tôn giáo, đặc biệt là Anh Cát Giáo đang bị tấn công bởi nhà thờ Cơ Đốc La Mã (Roman Catholicism) và nhà thờ của những người bất đồng tôn giáo (dissenting churches). Tác giả cho rằng các nguy hiểm này đều do một nguồn gốc, đó là các “sự không hợp lý” (the irrationalities) đang làm xáo trộn các khả năng cao nhất của con người, đó là “lý trí” (reason) và “lương tri” (common sense).

## **3/ Nhà châm biếm, nhà báo chính trị và tu sĩ.**

Khi Sir Temple qua đời vào năm 1699, Jonathan Swift trở lại Dublin vào năm 1700, làm mục sư (pastor) tại Laracor, Ái Nhĩ Lan và thư ký cho Bá Tước Berkeley (the Earl

of Berkeley), ông này qua xứ Ái Nhĩ Lan làm Bộ Trưởng Tư Pháp (Lord of Justice).

Sau khi từ chức mục sư (vicar) tại Kilroot, Jonathan Swift đã giữ nhiều chức vụ trong Nhà Thờ Ái Nhĩ Lan và ông đã viết nhiều bài báo, chứng tỏ rằng tác giả đã thường xuyên theo dõi các biến cố tại Ái Nhĩ Lan và tại nước Anh. Trong số các bài viết này, có bài luận văn tên là “Khảo sát về các tranh luận và các mối bất hòa giữa các nhà Quý Tộc và các người Dân Thường tại hai thành phố Athens và Rome” (Discourse of the Contests and Dissentions between the Nobles and the Commons in Athens and Rome), và trong bài luận văn này, ông Jonathan Swift đã biện hộ cho sự cân bằng lực lượng theo Hiến Pháp giữa Vương Quyền và Hai Viện của Nghị Viện Anh bởi vì sự cân bằng này là cách chống lại sự độc tài.

Ông Jonathan Swift đã trở lại thành phố London vào các năm 1701, 1702, 1703 và các năm từ 1707 tới 1709. Tại thành phố London, ông Jonathan Swift được nhiều người thán phục vì sự duyên dáng cá nhân và lý trí sáng suốt của ông khi là một nhà văn. Về tôn giáo, Jonathan Swift là một người trung thành tuyệt đối với Nhà Thờ Anh Cát Lợi (the Anglican Church) nhưng ông không tin tưởng vào thần quyền của các vị vua (the divine right of kings).

Jonathan Swift trong khi điều hành nhà thờ, đã có được nhiều bạn bè thuộc hạng cao cấp của chính quyền Anh, ông sớm trở nên một nhà văn viết chính trị (a political writer), là nhà văn chính viết các cuốn sách nhỏ cho đảng Tory (đảng Bảo Thủ) rồi vào cuối tháng 10 năm 1710, ông là chủ bút của tờ báo “Người Xem Xét” (the Examiner), tờ báo tiếng nói của đảng Tory, giữ chức vụ này tới ngày 14 tháng 6 năm 1711. Ông đã cổ vũ sự hòa bình với nước

Pháp, kết quả là ông được tưởng thưởng vì các phục vụ, nên vào tháng 4 năm 1713, Nữ Hoàng Anne đã bổ nhiệm ông làm Tu Viện Trưởng (dean) của Nhà Thờ St. Patrick tại Dublin.

#### **4/ Rút lui về Ái Nhĩ Lan.**

Khi Nữ Hoàng Anne qua đời vào tháng 8 năm 1714, Vua George I lên ngôi vua khiến cho đảng Tory bị suy kém vì đảng Whig kiểm soát chính quyền vào năm đó, sự thay đổi này đã chấm dứt quyền lực chính trị của Jonathan Swift và các bạn bè của ông tại nước Anh. Ông trở về xứ Ái Nhĩ Lan và sống ẩn dật. Jonathan Swift bắt đầu làm thơ, trong các tập thơ, nổi tiếng nhất là cuốn “Các lời thơ về cái Chết của Tiến Sĩ Swift” (Verses on the Death of Doctor Swift).

Về đời tư, Jonathan Swift không lập gia đình. Trong khi làm việc cho Sir William Temple, Jonathan Swift đã gặp một cô bạn gái trẻ tuổi tên là Esther Johnson mà ông gọi là Stella. Khi đề cập tới cô Stella, Jonathan Swift vẫn coi cô ta như là một người bạn. Jonathan Swift đã viết nhiều bức thư dài gửi cho cô Stella trong những ngày bận rộn nhất của ông. Các bức thư này được xuất bản sau khi ông qua đời, in thành tập sách có tên là “Nhật Ký gửi Stella” (Journal to Stella).

Tác phẩm nổi tiếng nhất của Jonathan Swift là cuốn “Các Chuyến Du Lịch của Gulliver” (Gulliver’s Travels) xuất bản vào năm 1726. Người ta không biết ông đã bắt đầu viết tác phẩm này vào năm nào nhưng qua các bức thư của ông, nhiều người tin rằng Jonathan Swift bắt đầu viết tác phẩm kể trên vào năm 1721 và hoàn thành vào tháng 8 năm 1725. Sau khi xuất bản, tác phẩm kể trên đã thành công ngay bởi vì cuốn truyện vừa giải trí, vừa kích thích trí tò mò của mọi loại độc giả.

Vào mùa thu năm 1739 tại Dublin đã có một buổi lễ lớn vinh danh nhà văn Jonathan Swift rồi sau đó, tác giả này bị đột quỵ (stroke). Năm 1742, ông Jonathan Swift bị yếu sức rồi qua đời vào ngày 19 tháng 10 năm 1745 và được chôn cất trong khu vực Nhà Thờ St. Patrick. Jonathan Swift đã để lại một số tiền để xây dựng một bệnh viện dành cho những người bị bệnh tâm thần (mentally ill).

## 5/ Vài nhân vật chính trong truyện.

**Lemuel Gulliver:** là người đi du lịch và cũng là người mạo hiểm, đây là nhân vật chính trong cuốn truyện “Các Chuyến Du Lịch của Gulliver”. Gulliver cũng là người quan sát và nhận xét về các nền văn hóa và các sự việc xảy ra.

**Brobdingnag:** là xứ sở của các người khổng lồ.

**Glumdalclitch:** là con gái của người nông dân trong xứ sở Brobdingnag, cô bé này thường quan sát Gulliver và bảo vệ Gulliver khỏi các tai nạn.

**Houyhnhnms:** là các con ngựa loại cao cấp, biết lý trí và là chủ nhân của các con Yahoos.

**Yahoos:** là loại người vượn đáng ghét, bị các con ngựa houyhnhnms thuần phục.

**Con ngựa sám:** là con ngựa thuộc loại houyhnhnm và là chủ căn nhà mà Gulliver cư ngụ.

## 6/ Các Chuyến Du Lịch của Gulliver.

### A/ Chuyến Du Lịch thứ nhất: tới Xứ Lilliput.

Sau khi bị đắm tàu, Lemuel Gulliver, một bác sĩ người Anh ở trên tàu biển, đã tỉnh dậy và thấy rằng mình bị trôi xuống đất và vây chung quanh là các người cao 6 inches (15 cm), đây là những người Lilliput (the Lilliputians). Khi Gulliver dự tính tìm

cách tháo dây trói thì các người Lilliput đã bắn vào người Gulliver bằng các mũi tên giống như các mũi kim nhỏ, vì thế ông ta đành chấp nhận đầu hàng trước các kẻ bắt trói mình. Không lâu sau đó, các người Lilliput nhận thấy rằng Gulliver có cử chỉ tốt lành nên họ bắt đầu làm cho ông ta vui vẻ. Gulliver nhận biết rằng đây là xứ sở mà các nhà chính trị đi thăng bằng trên dây thừng để đạt được các chức vụ công. Các quan lớn thì nhận được các sợi chỉ màu nhờ nhảy qua hay đi luồn qua các thanh gỗ ngang mà Hoàng Đế kiểm soát, rồi các sợi chỉ màu này sẽ khiến cho họ có được các địa vị ưu đãi. Sau khi Gulliver thề trung thành với Hoàng Đế thì ông ta được cởi trói, nhưng một vị đô đốc tên là Skyresh Bolgolam không ưa ông ta.

Sau đó Gulliver thăm thành phố giống như đồ chơi của người Lilliput và quan sát các phong tục của họ, một số phong tục thì đáng quý mặc dù xa lạ. Thí dụ, lòng bất nhân là một tội phạm nặng nề, các công dân được thưởng thường khi tôn trọng pháp luật, cả hai loại người nam hay nữ đều được giáo dục như nhau. Nhưng người Lilliput cũng có các vấn đề. Các đảng phái chính trị bất đồng ý kiến với nhau vì hiến pháp cổ xưa đòi hỏi giày cao gót hay thấp gót. Các bộ trưởng của Hoàng Đế đi giày thấp gót trong khi giày cao gót lại được dùng phổ thông hơn.

Người Lilliput cũng có các tranh luận về tôn giáo. Trong khi giáo điều cổ điển đòi hỏi rằng quả trứng gà phải đập ở đầu lớn trong khi gần đây, Hoàng Đế lại ra nghị định rằng mọi người phải đập trứng tại đầu nhỏ. Nhiều người Lilliput do niềm tin, nên đã chấp nhận chịu chết còn hơn tuân theo nghị định. Vào lúc này, Hoàng Đế Blefuscu của một hòn đảo bên cạnh và là kẻ thù lâu đời của xứ Lilliput, đã ủng hộ loại người

Big-Endians, và loại người này đang đe dọa xâm lăng xứ Lilliput.

Gulliver đã lợi qua xứ Blefuscu và đã kéo hạm đội địch qua eo biển về xứ Lilliput. Hoàng Đế xứ Lilliput rất hân hoan, muốn chinh phục xứ Blefuscu nhưng Gulliver từ chối làm nô dịch một dân tộc tự do. Trong khi các thương lượng hòa bình đang được tiến hành, Gulliver đã giúp đỡ các đại sứ của xứ Blefuscu. Đô Đốc Bolgolam và Thủ Tướng của xứ Lilliput là Flimnap đã coi hành vi của Gulliver là phản bội. Flimnap cũng trở nên ghen tuông bởi vì có lời đồn xấu rằng Gulliver là người tình của vợ ông ta. Gulliver cũng có thêm nhiều kẻ thù bởi vì ông ta đã xúc phạm tới bà Hoàng Hậu khi ông ta đi tiểu để dập tắt một vụ hỏa hoạn. Bolgolam và Flimnap tố cáo Gulliver là phản bội nên Hoàng Đế đã bí mật ra lệnh xử tử Gulliver. Gulliver đã trốn qua xứ Blefuscu và rồi một tàu buôn Anh đã cứu ông ta và đưa trở về nước Anh.

## **B/ Chuyến du lịch thứ hai: tới xứ Brobdingnag.**

Khi Gulliver là một y sĩ trên một con tàu đi biển, ông ta và một nhóm thủy thủ được phái đi tìm nước uống trên một hòn đảo, nơi này lại là đất đai Brobdingnag của một giống người khổng lồ. Khi đã ở trên đảo, nhóm người của Gulliver bị một người khổng lồ săn đuổi. Trong khi các thủy thủ kia bỏ chạy được, Gulliver bị bỏ lại đằng sau và bị bắt. Người khổng lồ bắt được Gulliver là một nông dân, đã mang Gulliver về nhà và đã đối xử với Gulliver một cách tử tế nhưng cũng khác thường. Người nông dân này giao Gulliver cho cô con gái của ông ta chăm sóc, cô bé này tên là Glumdalclitch và cô ta đã lo lắng cho Gulliver với lòng từ tâm.

Người nông dân khổng lồ đã mang Gulliver đi trình bày khắp các miền quê để cho mọi người cùng nhìn rõ. Cuối cùng người nông dân đã bán Gulliver cho Nữ Hoàng. Tại triều đình, Gulliver đã gặp nhà vua và cả hai đã thảo luận với nhau vào nhiều dịp về các tập tục và hành vi tại quê hương của Gulliver. Vào nhiều lúc, nhà vua bị xúc động và buồn rầu vì những sự ích kỷ và nhỏ mọn mà Gulliver đã kể lại, trong khi đó Gulliver đã bào chữa cho nước Anh.

Một hôm và tại nơi bờ biển, Gulliver đang ở trong một chiếc hộp và nhìn ra ngoài khơi thì một con chim đại bàng đã chộp lấy chiếc hộp rồi thả trên mặt biển. Một con tàu biển đi gần đó đã nhận ra chiếc hộp đang trôi nổi và Gulliver được cứu thoát, sau đó ông ta đã trở về nước Anh và đoàn tụ với gia đình.

## **C/ Chuyến Du Lịch Thứ Ba: đi tới xứ Laputa.**

Gulliver đang ở trên một con tàu đi về phía đông của miền Địa Trung Hải. Gulliver được giao nhiệm vụ làm thuyền trưởng của một con tàu nhỏ một cột buồm để đi tới một hòn đảo gần đó và tìm cách thiết lập mối liên lạc thương mại. Trong chuyến đi này, các kẻ cướp biển đã tấn công con tàu và đặt Gulliver vào một con thuyền nhỏ để tự tìm cách thoát thân. Trong khi nổi trôi trên đại dương, Gulliver đã khám phá thấy một hòn đảo bay (a Flying Island) có tên gọi là Laputa. Khi ở trên hòn đảo bay này, Gulliver đã gặp nhiều người, kể cả nhà vua. Tất cả mọi người đều bận rộn vì các công việc liên quan tới Toán Học và Âm Nhạc. Ngoài ra các nhà thiên văn đã dùng các định luật về từ trường để di chuyển hòn đảo lên xuống, tiến về phía trước hay lùi về phía sau cũng như bay sang bên cạnh, như vậy họ đã kiểm soát được cách vận chuyển

của hòn đảo so với hòn đảo ở phía dưới có tên gọi là Balnibardi.

Trong khi ở trên hòn đảo bay, Gulliver đã thăm viếng các đảo Balnibarbi, Grubbudbrib và Luggnagg. Cuối cùng, Gulliver tới được nước Nhật Bản rồi tại nơi này, ông ta đã gặp Hoàng Đế Nhật Bản. Từ Nhật Bản, Gulliver trở về Amsterdam rồi cuối cùng về đến nhà trong nước Anh.

#### **D/ Chuyến Du Lịch Thứ Tư: đi tới xứ của loài ngựa Houyhnhnm và loài người vượn Yahoo.**

Khi Gulliver là thuyền trưởng của một con tàu buôn hướng về các hòn đảo Barbados và Leeward, nhiều thủy thủ của ông ta đã bị bệnh và chết trong chuyến đi biển. Tại Barbados, Gulliver đã thuê nhiều thủy thủ thay thế. Những người sau này hóa ra là những tên cướp biển, chúng đã thuyết phục các thủy thủ khác nổi loạn. Ngay lúc đó Gulliver đã bị tấn công bởi một nhóm sinh vật xấu xí, đáng kinh tởm và giống như người thường mà về sau này, ông ta mới biết tên của chúng là Yahoos. Những con người vượn này đã đánh phá Gulliver bằng cách leo lên cây rồi phóng uế vào người ông ta. Gulliver được cứu thoát bởi một con ngựa mà sau này mới biết tên gọi là Houyhnhnm. Con ngựa sấm Houyhnhnm đã đưa Gulliver về nhà của nó, tại nơi này Gulliver được giới thiệu với một con ngựa cái màu sấm là vợ và hai con ngựa con cùng với một con ngựa màu hồng, là đầy tớ.

Gulliver cũng nhìn thấy rằng các người vượn yahoos bị giam giữ trong các bãi rào kín, xa với khu nhà ở và không kể tới quần áo thì Gulliver và các người vượn yahoos đều là một loài thú vật, từ quan điểm này, Gulliver và chủ nhân là con ngựa sấm đã thảo luận về sự tiến hóa của giống người

vượn yahoos, về các đề tài, các quan niệm và hành vi liên quan tới xã hội yahoo mà Gulliver là người đại diện và về xã hội loài ngựa houyhnhnm.

Mặc dù Gulliver được đối đãi đặc biệt tại nhà của con ngựa màu sấm nhưng Hội Đồng của nhà Vua loài ngựa này đã quyết định rằng Gulliver là một con yahoo nên phải về sinh sống với các con yahoos không văn minh hay là phải trở lại thế giới riêng của Gulliver. Rất buồn, Gulliver phải đóng một con thuyền nhỏ rồi dương buồm đi tới một hòn đảo gần đó, tại nơi này Gulliver đã thấy một nhóm thủy thủ từ một con tàu Bồ Đào Nha. Thuyền trưởng của con tàu này đã đưa Gulliver trở về Lisbon rồi sau đó quay về nước Anh.

Khi về nhà, Gulliver đã bị gia đình yahoo của chính ông ta xua đuổi vì thế Gulliver đã mua hai con ngựa để chăm sóc và nói chuyện với chúng trong chuồng ngựa, ngõ hầu có thể xa lánh gia đình yahoo của chính mình càng lâu càng tốt./.

#### **7/ Vài nhận xét về cuốn truyện "Các Chuyến Du Lịch của Gulliver".**

Tác giả Jonathan Swift cho rằng trong đời sống xã hội, thường thấy các tật xấu như tham nhũng, khoe khoang, dèm pha... và các hành vi vô lý, trong khi các hành vi hợp lý là lý trí, lương tri, sự cứu xét đúng đắn, đây là các căn bản dùng cho đời sống công bằng và từ thiện... các đức tính sau này là của Vua Brobdingnag. Các định chế trong xã hội lúc đầu thì đơn giản nhưng dần dần trở nên suy đồi. Tại xứ Liliput, người ta đạt được các địa vị cao nhờ vào các thủ đoạn chính trị nhỏ mọn, không liên quan tới tài năng và khả năng.

Tại các xứ Liliput, Laputa và Luggnagg, quyền lực đã bị dùng không đúng cách cho nên người dân bị áp chế và đã có các âm

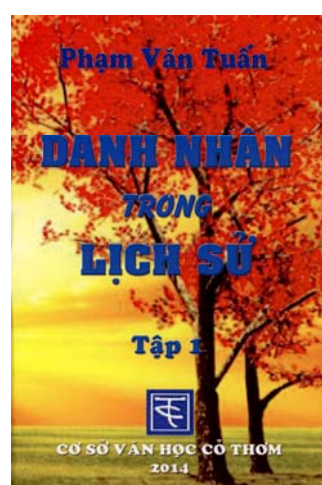
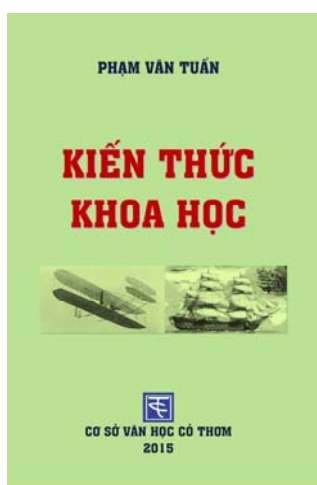
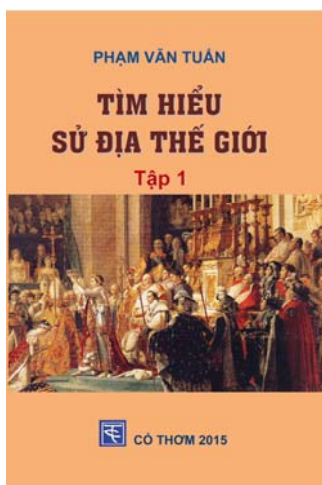


mưu chính trị. Trong khi đó, Vua Brogdingnag đã cai trị xứ sở bằng lương tâm và lý trí, nên đã tránh được các âm mưu như đã xảy ra với chính quyền Liliput, còn tại xứ sở của loài ngựa Houyhnhnms thì họ hoàn toàn theo lý trí, vì vậy họ được hưởng nền hòa bình, sức khỏe và sự hòa hợp. Tại xứ sở của loài ngựa này, các đại biểu quốc hội chỉ cần họp bàn với nhau một lần mỗi 4 năm bởi vì loài ngựa là các sinh vật theo lý trí nên họ cần đến tối thiểu các tổ chức xã hội.

Tác giả Jonathan Swift cũng tin tưởng giống như nhiều người trong thế kỷ 18 rằng không có hai con người bằng nhau, tức là luôn luôn có người này tài giỏi hơn, người kia tài kém hơn bởi vì mọi người không phải sinh ra bằng nhau và tác giả Swift không đồng ý về sự ưu tiên dành cho các người sinh ra từ các gia đình quyền quý. Ông Jonathan Swift đã chỉ trích sự không công bằng giữa người giàu có và kẻ nghèo

hèn, phê phán sự phân biệt giai cấp không được căn cứ trên tài năng. Theo tác giả Swift, giá trị cao phải được đặt vào lương tri (common sense), kiến thức thực tế và lý trí (reason). Tại xứ sở Brogdingnag, sự học vấn thì đơn giản và thực tế, các sách vở rất ít. Tại xứ sở của loài ngựa Houyhnhnms, họ không dùng chữ viết mà dùng lời nói, trong khi tại hai xứ sở Laputa và Balnibarbi, người ta nhấn mạnh vào lý thuyết và các vấn đề thiếu thực tế.

Tác giả Jonathan Swift cũng châm biếm nhiều loại nghề nghiệp: các nhà chính trị và các luật sư bị coi là các người làm hư hỏng chân lý (the truth), các bác sĩ là các lang băm (quacks) thường hay làm chết người. Ông Jonathan Swift không chối bỏ nền văn minh nhưng ông ca ngợi tính đơn giản, tính thuần lý. Theo ông, các xã hội tốt đẹp nhất là thứ xã hội không quá phức tạp, tại nơi này người dân được cai trị bằng lý trí và bằng tấm lòng từ thiện./.



**LIÊN LẠC TÁC GIẢ  
PHẠM VĂN TUẤN**  
Tuanpham1387@hotmail.com

# CHÍNH – NGHĨA

Em hỏi anh về nước Việt quê anh,  
Và gặt đầu ra về cảm-thông nhanh;  
Nhưng anh biết: em không hề chú-trọng  
Mà chỉ hiếu-kỳ vớ-vẩn chuyện xung quanh.

Anh hỏi thế này (quá đáng không nao?):  
Em nghĩ thế nào về cuộc chiến hư hao  
Dai-dẳng nhất và đầy mâu-thuẫn nhất  
(Dân-ý ngại-ngần, hùng-chí lao-đao)?

Đừng kể gì năm-vạn-tám vong-thân!  
Đừng kể gì trăm-tám tỷ phù-vân!  
Sự-thế ra sao? trong ngày qua đấng xót:  
Hội-chứng di-lưu về xã-hội, tinh-thần...

Em cảm nghĩ gì khi có kẻ rêu-rao:  
"Thiếu Chính-Nghĩa!" Em phản-ứng ra sao?  
(Trong lúc An-Ninh, Lợi-Quyền nước Mỹ  
Dù ở đâu trên thế-giới cũng gồm bao!)

Mỹ tiêu-trừ Phát-Xít Đức, giúp Tây-Dương!  
Mỹ chặn đường Quân-Phiệt Nhật,  
cứu Đông-Phương!  
Không để Liên-Xô lấn xâm Tây-Đức!  
Và Triều-Tiên cho Hoa-Cộng  
nói biên-cương!

Lẽ tất-nhiên phải tổn kém phần nào  
Để đạt cuối cùng Quyền Lợi Tối-Cao!  
Nếu họ phân-trần là "Không Chính-Nghĩa"  
Chỉ là vì họ đã lỡ-làng bỏ cuộc binh-đao!

Em hãy chờ xem! Mỹ sẽ lại lu-bù  
Can-thiệp mỗi Vùng, yểm-trợ từng Khu:

Trung-Đông, Phi-Châu... có phù, có chống,  
Hết "Lạ! Xa!", "Không hiểu rõ quân thù!"  
Đây! Hoa-Kỳ đang chuộc lỗi của ngày qua!  
(Cương hay nhu: do chiến-thuật mà ra!)  
Thế-Giới Tự-Do phải phục-hồi thể-diện  
Để chứng-minh Chính-Nghĩa thuộc về ta!

Thanh-Thanh

## JUST CAUSE

*Black April 1975*

You asked me to tell about my native land,  
And you made as if you did all understand;  
But, I was aware you gave to it no priority,  
Except to amuse yourself with your curiosity.

Would it be too demanding if I asked back  
Your opinion on the war that became a crack  
As the longest and most controversial conflict  
To bedevil and cause people to contradict?

Do not mention the fifty-eight-thousand lost,  
One-hundred-and-eighty-billion dollars cost,  
And the way it happened in that painful past,  
Its social and mental syndrome thence to last.

Just tell me what you feel, think, and react  
When they claimed lack of Just Cause a fact  
While National Security and Interests' scope  
Is asserted to include anywhere on the globe!

Why not to let Europe for the Nazis to take,  
And Asia for the Mikado militarists to invade,  
And West Germany for the Soviets to fool,  
And South Korea for the Red Chinese to rule?

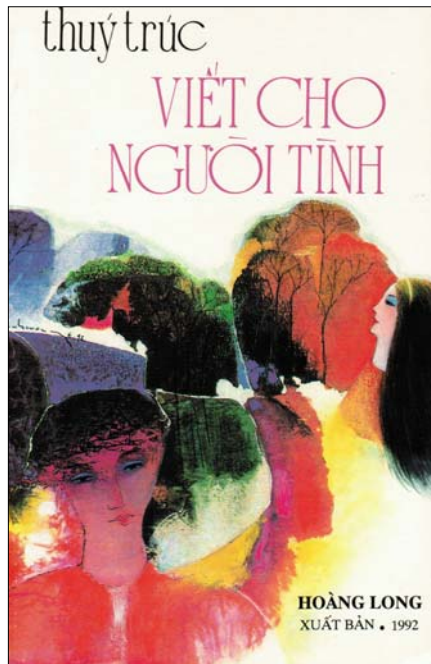
Of course, the States had to pay some prices  
To win and gain the biggest and best slices!  
Thus, they had recourse to "No Just Cause!"  
Only because they came to a defamed pause!

Wait and see! I bet, it will be taking actions  
To intervene for and against certain factions.  
The Middle East, Africa... the cons and pros:  
No more "Far! Strange! Misjudging the foes!"

Now, you have got it: It is remedying things!  
Iron fists? velvet gloves? just tactical swings!  
The Free World must win to redeem its pride  
And justify that the Just Cause is on our side!

## Thanh-Thanh

(chuyển ngữ)



## MƠ VỀ VIỆT NAM

Tự do, Hòa Bình hiện rõ trên từng khuôn  
mặt thân thương.

Đường vào thôn, vắng lặng, đều hiu,  
Chim nũng nịu hát mừng bình minh.

Hoa mủm mỉm cười với chàng bướm đa tình...  
Những hạt sương đầu cành long lanh đùa  
mặt trời.

Một cột cao ngất ngều như muốn trêu  
thọc không gian, trên đó là cờ vang ba sọc  
đỏ phất phơ gọi gió

Gọi hồn thiêng dân tộc, chiến sĩ  
trận vong,

Những người đã uất ức nằm xuống trong  
lòng đất mẹ.

Bỗng dưng lá cờ uốn lượn phấp phật như  
những bàn tay vô hình tự cầm lấy mà phất.

Phải, cờ đến tay, mình phải phất.

Quê hương và tình yêu là một,  
Na ná với tiếng thông reo rì rào,

Tiếng gọi của trăng sao.

Thì ra viễn xứ không là một hình phạt,  
Chính sự trở về là phần thưởng lớn của  
quê hương mình.

## Thúy Trúc

(Trích "Viết Cho Người Tình")

# LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

“LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT” là tên một tác phẩm của soạn giả Nguyễn Văn Thành do Cỏ Thơm xuất bản năm 2016.

Soạn giả Nguyễn Văn Thành sinh năm 1923 tại Hà Nội. Năm 1951 động viên theo học Khóa 1 tại quân trường Sĩ Quan Trừ Bị Nam Định. Năm 1952 là Thiếu Úy chuyển về Ban Pháp Chế Phòng nhất Đệ Tam Quân Khu đóng ở Hà Nội. Từ năm 1954 tới 1975 chuyển về Tòa Án Quân Sự Nha Trang và chức vụ cuối cùng là Đại tá Chánh Thẩm Toà Án Mặt Trận Biệt Khu Thủ Đô và Vùng 3 Chiến Thuật kiêm Cố Vấn pháp luật cạnh Tòa Tổng Trần Saigon Gia Định. Sau năm 1975 bị Việt cộng bắt đi tù “cải tạo” trong suốt 13 năm cùng 3 năm quản chế. Qua Mỹ theo diện HO4 và đoàn tụ với đại gia đình vào năm 1990 tại Virginia.

Những lúc rảnh rỗi soạn giả thường viết về đề tài nói lên sự liên quan giữa ngành Pháp luật với các lãnh vực Văn Học và Nghệ Thuật. Một loạt các bài đó được đăng tải trên các báo chí và tam cá nguyệt san Cỏ Thơm, nay được gom góp lại thành tác phẩm đầu tay này

Theo soạn giả thì “*Pháp luật không chỉ giới hạn ‘trước vành móng ngựa’ hay trong chốn ‘đáo tụng đình’ với những ngôn từ nghiêm khắc và khô*

*khan. Luật pháp đã xuất hiện dưới các hình thức đầy vẻ văn chương và nghệ thuật khác nữa như tiểu thuyết hư cấu, truyện thơ, các vở nhạc kịch, bút ký, biên khảo lẫn trong hội họa, điêu khắc và biết bao bộ phim trong lãnh vực điện ảnh nữa...*”

Soạn giả lý thú nhắc đến: “...văn học mà lại có nhiều hình ảnh về pháp lý như tác phẩm ‘Ngày cuối cùng của một tử tội’ (*Le Dernier Jour D’un Condamné*) của Victor Hugo; ‘Câu Chuyện Của Hai Thành Phố’ (*A Tale Of Two Cities*) của Charles Dickens và ngay trong ‘Truyện Kiều’ của Nguyễn Du...”

\*

Trong cuốn sách trên, thoát tiên soạn giả nhắc đến một số vụ án như: Vụ “*Nghệ sĩ xiếc tên Han*” (người đã giết chết cô vợ trẻ xinh đẹp trong một màn biểu diễn phóng dao); vụ án trong Thánh Kinh “*Cain giết Abel*” (cả hai cùng là con của ông Adam và bà Ê-va nhưng hai anh em đã giết nhau sau khi đem lễ vật dâng Chúa); vụ “*Vua Salomon xử án*” (để biết ai là người mẹ thật sự, Vua giả bộ ra lệnh đem gươm chặt đứa con nhỏ làm hai khi có hai người đàn bà tranh chấp cùng nhận là con mình); vụ án xa xưa “*Susanna và các trưởng lão*” (quyền đôi chất nhân chứng trong tinh thần thượng tôn pháp luật) và vụ án mới đây

được coi là vụ án thế kỷ “*Bill Clinton*” (không ai ở trên luật pháp dù là một Tổng thống). Còn một vụ án được coi là đã từng làm rung chuyển luật pháp quốc tế nữa, đó là “*Vụ án Pinochet*”...

Truyện “*L’assassin*” (Kẻ sát nhân) của nhà văn Pháp Guy de Maupassant được soạn giả chuyển ngữ, tường thuật lại những lời bào chữa của một luật sư trẻ tuổi cho một bị cáo bị truy tố tội sát nhân.

Về mặt nghệ thuật điêu khắc soạn giả tường thuật đến 3 bộ luật cổ khắc trên đá trước Công nguyên đó là: “*Bộ luật Lipit-ishtar*” (1868-1857); “*Bộ luật Hammurabi*” (1792-1750) và “*Bộ luật Moses*” (thế kỷ 13).

Về mặt thi phú có 3 bài thơ tiêu biểu được nhắc tới: Trước hết là “*Invictus*” (Bất bại) của thi sĩ Anh William Ernest (1849). Mới đây bài thơ này được thay lời nói cuối cùng của tử tội Mạc Vệ. Mạc Vệ can tội đặt bom phá hủy Tòa nhà Liên bang ở Oklahoma năm 1995 và bị hành quyết vào năm 2001. Mạc Vệ đã chép tay bài thơ này và trao cho người gác ngục để đưa cho báo chí và truyền thông trước khi thụ hình. Hai bài thơ kia đều của thi sĩ Anh là “*The Ballad of Reading Gaol*” (Bài ca nhà tù Reading) của Oscar Wilde và “*Law like Love*” (Luật như Tình) của Auden.

Sau đó soạn giả đề cập tới “*Tội diệt chủng*”. Tội danh này được sáng tạo ra vào năm 1944 bởi một luật gia Ba Lan. Những cuộc diệt chủng lớn nhất tại Châu Âu sau thế chiến thứ Hai được tường thuật lại và đặc biệt là vụ diệt

## VỀ MÁI CHÙA XƯA

\* *Kính tặng*

*Thi sĩ Tâm Minh Ngô Tằng Giao  
sau khi đọc bài viết "Văng Tiếng  
Chuông Chùa" đăng trên Cỏ Thơm  
số 74 - mùa Xuân 2016*

Từ buổi ra đi, nhớ chẳng vừa  
Trở về thăm lại mái chùa xưa  
Chùa đang quanh quẩn ngoài sương gió  
Ta cũng phiêu bồng giữa nắng mưa  
Bao lớp rêu phong mờ bụi phủ  
Từng hồi chuông mõ quện trầm đưa  
Trôi theo vận nước cùng dâu bể  
Chùa vẫn còn nguyên nét Đại Thừa!

**Nguyễn Kinh Bắc**

chúng 100 ngày vào năm 1994 tại Cộng hòa Rwanda ở Trung Phi đã giết chết trên một triệu người. Trong đó ít nhất 250 ngàn phụ nữ thuộc sắc dân thiểu số Tutsi đã bị cưỡng hiếp tập thể trong thời gian 100 ngày này. Một trong 5 thủ phạm chớp bu của tội phạm này lại chính là một phụ nữ, đó là Pauline, “*Tổng trưởng Gia đình và Thăng tiến Phụ nữ*”. Đây là một phụ nữ đầu tiên bị truy tố về tội diệt chủng vô cùng tàn bạo và kích động các vụ hiếp dâm tập thể man rợ nhất trong lịch sử.

Tội “*Khủng bố*” được quán chiếu dưới lăng kính pháp lý, nhất là sau vụ

khủng bố không tặc ngày 11-9-2001 tại Nữ Uớc và Ngũ Giác Đài ở Hoa Thịnh Đốn. Các “*Toà án Quân sự xét xử khủng bố*” được thiết lập. Rồi “*Toà án hình sự Quốc tế*”, “*Toà án Nhân quyền Âu Châu*”. Riêng “*Toà án Quân sự Đặc biệt*” được thành lập vào năm 1942 bởi Tổng thống Franklin Roosevelt cũng được đề cập tới.

Đặc biệt là vào tháng 9 năm 2002 Tổng thống George W. Bush đã đọc trước Quốc hội một bản báo cáo liên quan đến “Chiến lược” và “An ninh Quốc gia” của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ với các chiến lược như “tự vệ dự kiến”, “đánh phủ đầu” ra tay trước và “hành động phòng ngừa”. Từ đó soạn giả đã phân tích “*Chủ thuyết Bush*” dưới lăng kính pháp lý.



Luật Sư Ngô Tăng Giao và  
Thâm Phán Nguyễn Văn Thành

Cuối cùng soạn giả trình bày về “*Máy chém Guillotine*”. Máy chém này được Quốc hội Pháp chấp thuận năm

1792. Sau đó là hai vụ xử án Vua Louis 16 và bà Hoàng hậu Marie Antoinette, sau cuộc cách mạng Pháp năm 1789, bị truy tố về tội phản quốc và bị kết án tử hình được tường thuật đầy đủ. Kết quả là cả hai lần lượt bị lên đoạn đầu đài và rơi đầu dưới lưỡi dao của máy chém Guillotine. Vua Louis vào tháng 1-1793 và Marie Antoinette vào tháng 10-1793. Sau đó thêm khoảng 40 ngàn tử tội khác cũng bị lia đời theo dưới máy chém này.

\*

Lời tiên đoán của y sĩ với bệnh tình ung thư của soạn giả Nguyễn Văn Thành vào năm 1992 là chỉ sống thêm được từ 2 tới 3 năm mà thôi đã không trở thành hiện thực. Đây là một điều may mắn! Thời gian trôi nhanh, soạn giả vẫn sinh hoạt an vui cùng gia đình tính tới nay là cả gần một phần tư thế kỷ nữa. “*Vui với hiện tại trong cuộc sống ly hương nơi đất khách. Với thân tâm an lạc soạn giả đã tìm vui bằng ngòi bút của mình và đắm chìm trong kiến thức nghề nghiệp từ thuở xa xưa*”. Đó là cơ duyên mà tác phẩm “*Luật pháp và Văn học Nghệ thuật*” được ra đời vào năm 2016 dưới ngòi bút tài hoa của cự thủ pháp phán Nguyễn Văn Thành và vườn hoa văn học hải ngoại lại thêm khởi sắc vì có thêm một bông hoa tươi thắm nữa!

**LS. Ngô Tăng Giao**  
(Virginia, 4-2016)

# Điển Cổ Tình Yêu Trong Văn Học

## XUÂN BÍCH

(Tiếp theo)

Rồi nữa, vua **Salomon**, nổi tiếng là nhà thông thái, khôn ngoan, mặc dù được ghi nhận là ông có đến 700 vợ chính thức và 300 vợ lẽ, trong đó có hai người vợ được nhiều người biết tới là Naamah và con gái Pharaoh, song vì quá yêu nàng Djinn mà đã chịu nhiều đau khổ khi bị 9 vị chúa đảng thử thách nhất là vì những kỷ niệm với nàng khi Djinn cũng bị họ hành hạ.

Người ta bước vào cuộc tình mà không mấy ai dám chắc sẽ bên nhau bao lâu hay cuối cùng chỉ có tim mình và nỗi đau còn lại.

Chúng ta đã từng hứa với nhau bằng hai tiếng ‘mãi mãi’ mà quên đi rằng trên thế giới tương đối không có gì là tuyệt đối, nên điều không thể thay đổi duy nhất chính là sự đổi thay.

Hôn nhân luôn tặng con người một đặc ân là chỉ những ai có nó mới có thể ly dị được. Có những người đối diện với tổn thương bằng những cơn say, có những người khép cửa lòng suốt tháng ngày còn lại, và không ít kẻ đã, đang, và sẽ khờ dại vì yêu.

Với người con gái người đời có những nhận định:

Con gái khi có nhiều người theo đuổi sẽ làm cao, khi có một người theo đuổi sẽ làm dáng, khi không có ai theo... sẽ làm thơ; và ngược lại khi cô ta theo đuổi nhiều người sẽ làm ... ca-ve.

Bất cứ lúc nào, trong hoàn cảnh nào, hầu như con người vẫn luôn khao khát yêu và được yêu, trái tim còn nhịp đập là còn tình yêu. Trong thơ Xuân Diệu đã có những dòng tình tự thiết tha:

*Tôi đã yêu từ khi chưa có tuổi*

*Lúc chưa sinh vợ vẫn giữa dòng đời*

*Tôi sẽ yêu khi đã hết tuổi rồi*

*Không xương vóc chỉ huyền hồ vóc dáng.*

.....  
*Làm sao sống được mà không yêu*

*Không thương không nhớ một kẻ nào.*

Giám mục Bùi Tuần cũng với những lời nhận định về giá trị tình yêu:

“Tình yêu không phải là thứ xa xỉ phẩm, nó làm nên đời sống, ở trong cuộc sống, là chuyện của mỗi người.”

Trong tình trường có muôn vàn cảnh tượng và nhiều ý hướng, muôn vàn tình tự như ta thường nghe: Phụ nữ chơi với sắc đẹp như trẻ chơi dao, hoặc mình hoặc người khác bị thương, thông thường thì cả hai đều chảy máu. Nếu bạn chưa từng khóc, đôi mắt của bạn khó có thể đẹp.

Tình bạn có thể, và trở thành tình yêu, nhưng tình yêu không bao giờ dịu đi để trở lại tình bạn.



(Friendship may, and often does, grow into love, but love never subsides into friendship.) - (Lord Byron)

Nhà thơ Percy Bysshe Shelley trong tiểu luận “Triết lý về tình yêu” đã viết:

“Tình yêu là gì?

Hãy hỏi người đang sống ‘đời là gì?

Hãy hỏi người đang cầu nguyện ‘Thượng Đế là ai?

Tôi không biết điều gì ở trong những người khác.”

Và rồi cũng như nhà thơ Hàn Mặc Tử trong thi phẩm “Đà Lạt Trăng Mờ” với những câu:

*Ai hãy làm thình chớ nói nhiều*

*Để nghe dưới đáy nước hồ reo*

*Để nghe tơ liễu run trong gió*

*Và để xem trời giải nghĩa yêu.*

Sau cùng, sự hài hước đúng lúc, đúng chỗ, và đúng người đôi khi cũng cần trong mối quan hệ hàng ngày để cân bằng, làm hài hòa giữa tình yêu và cuộc sống.

Nếu quan niệm tình yêu đến với con người là do duyên nợ thì huyền tích Vi Cỗ, Nguyệt Lão xe sợi tơ hồng hẳn đã khởi nguồn từ ý niệm ấy. Từ đó tình yêu được coi như nhu cầu thiết yếu của con người nên cho dù “nước mắt có là độ chín của tình yêu”, con người vẫn yêu, vẫn đau khổ, và vẫn đi tìm những khuôn mặt tình yêu bởi đã có câu:

*Yêu là đau khổ mà không yêu là chết*

*(Aimer c'est souffrir, mais ne pas aimer c'est mourir.)*

Truyện tình Romeo và Juliet, chết cho tình yêu, chết vì tình yêu, và chết với tình yêu không chỉ đã nói lên mãnh lực của

tình yêu mà còn là động lực đưa đến sự cảm thông, hàn gắn mối quan hệ giữa hai giòng họ Capulets và Montagues.

Trong những chuyện tình nhân gian, đâu đó vẫn thấp thoáng bóng dáng người tình điển hình như Narihira yêu cô gái giúp việc trong hoàng gia, chàng tìm gặp nhưng nàng ngăn cản vì sợ bị phạt nhưng chàng lên tiếng:

*Khi đã yêu*

*Giác quan anh mất nhiều*

*ẩn tàng trong thị giác*

*nếu được gặp người yêu*

*chết đáng giá bao nhiêu.*

*I love with you*

*I have lost all sense of*

*Hiding from men's eyes*

*If in exchange for meeting you*

*Is death so great a price to pay?!*

Trên quê hương Việt Nam thật cũng không thiếu những gương trung nghĩa, từ ngàn xưa đến nay. Từ huyền tích “Thiếu phụ Nam Sương”, “Hòn Vọng Phu”, đến những chuyện tình chung thủy của người vợ lính VNCH, trong những ngày chiến tranh điều tàn cho đến những tháng năm người chồng uất ức phải buông súng rồi bị giam cầm trong ngục tù Cộng sản.

Những tình tự quý giá ấy như đã gói ghém trong những dòng thơ sau của người vợ lính:

*Đêm nay chẳng ngủ anh biết không*

*Em gom thì tứ viết cho chồng*

*Thương anh em khóc trên từng chữ*

*Thơ lạnh hơn trời đêm lập đông.*

*Thơ viết cho anh giữa chốn này*

*Đâu lời mật ngọt chuốc hương say  
Thân anh cá chậu chim lồng ấy  
Định mệnh an bài bao đắng cay!*

Để rồi mang về một ấn tượng buồn  
muôn thuở:

*Đoàn người ‘cải tạo’ về ngang đó  
Cúi mặt thương chồng lệ ướt mi!  
(không rõ tên tác giả)*

Tình yêu là mẫu số chung ai cũng có  
song lại như rất riêng tư, riêng tư đến độ  
không ai chấp nhận chung chạ, sang đoạt  
hoặc chuyển nhượng vì đó là sản nghiệp  
tinh thần, tình cảm không thể dùng để  
thể chấp, cầm cố hay vay mượn; mỗi cá  
nhân mang một định nghĩa và lý lịch  
riêng cho tình yêu của mình.

Tình yêu có rất nhiều ngôn ngữ, trên  
thế giới có bao nhiêu sắc dân thì có bấy  
nhiều ngôn ngữ của tình yêu; tuy nhiên  
cho dù ngôn ngữ có bất đồng, văn hóa  
địa biệt, khi nhập vào thế giới yêu  
đương, thế giới của con tim, người ta  
chỉ còn lại một ngôn ngữ đặc thù, “ngôn  
ngữ tình yêu”. Ngôn ngữ tình thật kỳ  
diệu, không chỉ là thanh âm, là từ ngữ  
trao gửi cho nhau, nhắn nhe qua đối  
thoại, những trang thư, qua ca khúc, vãn  
thơ mà còn là những thông điệp không  
lời qua ánh mắt, làn môi, và những  
vòng ôm v.v.

Tình yêu có một danh xưng nhưng  
nhiều danh hiệu: *tình yêu lý tưởng, tình  
vô vị lợi, tình không biên giới, tình yêu  
kết tinh, tình một chiều, tình câm* v.v.

Phải chăng vì thế mà Ngày Tình  
Yêu (Valentine’s Day), ngày đã, đang,  
và sẽ diễn ra theo thời khóa biểu hàng

năm của dòng nhân sinh được hiểu theo  
nghĩa là nhiều...nhiều lắm trong dòng  
giao lưu của trái tim, nơi có trí nhớ  
riêng của nó. Cũng vì trái tim là kho  
tàng kỷ niệm yêu thương, nơi ban phát  
những ngọt ngào, lưu luyến nên có  
người như Annette Wynne cho rằng:

*Trái tim được tạo nên để phân phát  
(Hearts were made to give away)*

Và Eleanor Leah Woods lại khẩn thiết  
trong lời xin một khi đã yêu nhau hãy  
viết tên nhau trong trái tim và đừng  
quên câu “*xin hãy là của nhau.*”

*Wrote it on a heart*

*And added, “Please be mine.”*

Trong một khúc tình ca tiếng Việt  
“Tôi Nhớ Tên Anh” của nhạc sỹ Hoàng  
Thị Thơ ta vẫn từng nghe những lời ca  
mang âm hưởng ngôn từ trái tim:

*Tôi viết tên anh trong trái tim tôi*

.....

*Tôi viết tên anh trên trán trên tay*

.....

*Tôi nhớ tên anh như nhớ trăng ai*

*Tôi nhớ tên anh muôn kiếp không phai*

*Tôi nhắc trong tôi đời đời còn nhớ  
thương hoài*

Ngày nay, gần gũi với chúng ta hơn,  
những ngày quê hương khói lửa, một  
Hữu Loan bên ngọn đèn khuya,  
nhớ thương người vợ bé bỏng miền quê  
với bao kỷ niệm khó quên:

*Ngày xưa nàng yêu hoa sim tím*

*áo nàng màu tím hoa sim*

*Ngày xưa đèn khuya bóng nhỏ*

*nàng vá cho chồng tấm áo*

*ngày xưa...*

(Mẫu Tím Hoa Sim)

Đến như Quang Dũng niềm nhớ  
mên mang, vời vợi:

*Thương nhớ ơ hờ thương nhớ ai*

*Sông xa từng lớp lớp mưa dài*

*Mắt kia em có sầu cô quạnh...*

(Đôi Bờ)

Trở lại với Ngày Tình Yêu mà ta đón nhận hàng năm bắt nguồn từ yếu tố tôn giáo. Người để lại dấu ấn tình yêu chứa chan lòng nhân ái là một Linh mục Thiên Chúa Giáo, L.M. Valentine, người đã sống đạo tại La Mã vào thế kỷ thứ 3 sau Tây lịch. Thời kỳ này Claudius II làm vua đế quốc La Mã, nghiêm khắc cấm đạo và cấm binh sỹ không được kết hôn trong lúc tòng quân.

L.M. Valentine đã cương quyết phản đối lại sắc lệnh vô luân và vô lý ấy. Ngài đã lấy tính mạng mình ra chống lại bạo quyền bằng cách vẫn bí mật làm phép hôn phối cho binh lính. Kết cục ngài bị bỏ tù, trong thời gian bị giam cầm trong ngục, cô bé mù lòa Julia, con của chủ ngục, thường đem hoa đến tặng và xin ngài cầu nguyện. Niềm tin của cô được ơn trên chữa lành đôi mắt, song cô chỉ kịp nhỏ lệ nhìn L.M. Valentine đường hoàng bước ra pháp trường vào ngày 14 tháng 2 năm 270 scn.

Để nhớ ơn vị thánh ấy, hàng năm người ta, nhất là các đôi tình nhân trao tặng nhau những đóa hồng với lời yêu thương nồng thắm trên những tấm thiệp.

Vùng trời yêu thương dành cho ngày Valentine's Day chính là vương quốc sương mù Anh Cát Lợi.

Vào thời Trung cổ (Middle Ages) và thời Phục Hưng (Renaissance) những tấm thiệp như ngày nay chưa được phổ biến. Tấm thiệp Valentine xưa nhất được viết vào năm 1415 của Quận công Charles gửi cho vợ (hiện lưu giữ tại Bảo tàng viện Anh quốc, theo tài liệu của Phạm Phong Dinh)

Với người Anh thì mãi năm 1800 mới in những tấm thiệp đầu tiên trên những bảng đồng, còn tại Hoa Kỳ, cánh thiệp đầu tiên được ghi nhận là bắt nguồn từ cô gái trẻ Esther Howland ở Massachusetts vào năm 1847. Cô đã nghĩ ra và tự làm những tấm thiệp cho người Mỹ dùng thay vì phải nhập cảng với giá đắt từ Anh hay Đức quốc. Công việc sản xuất thiệp của chị em nhà Howland rất thành công. Trên tấm thiệp thường có hình trái tim, phải chăng trái tim là trung tâm tình cảm.

Tên **Valentine** mãi tới thế kỷ 14 khi thi hào Geoffrey Chaucer đưa vào thi phẩm "The Parliament of Fowls", từ đó ngày lễ tình nhân luôn mang dấu ấn tình lãng mạn và anh hùng tính qua hàng thế kỷ.

Tên Valentine đã đi vào tự điển nhân gian để chỉ 'người yêu', người bạn đời' – My valentine (My sweetheart). Trong những bản tình ca cũng đã thấy có nhiều ca khúc trong tựa đề có 2 chữ 'trái tim': *Trái tim hoang vu, Trái tim không ngủ yên, Trái tim ngục tù, Trái tim làm lỡ...v.v.*

Trong những tác phẩm của các nhạc sỹ nổi tiếng như Bach, Beethoven, Mozart, Schubert v.v.; các thi sỹ thời danh như Shakespeare, Byron, Jean Apollinaire, Lamartine, Tagore..., các nhà danh họa như: Rembrandt, Picasso...; những phim ảnh như Romeo-Juliet, Nữ hoàng Cleopatra, tàu Titanic v.v., đều có bóng dáng tình yêu con người.

Riêng tại Việt Nam, những thi gia nổi tiếng như Tản Đà, Nguyễn Du, Chu Mạnh Trinh, các cây bút trong phong trào Thơ Mới, Thơ Tiền Chiến, các thi văn sỹ trong Tự Lực Văn Đoàn, và gần đây như Nguyên Sa, Nguyễn Tấn Nhiên, Phạm Thiên Thư, đồng thời những phim ảnh tại miền Nam tự do trước 1975 như Nắng Chiều, Bão Tình v.v.

Chuyện tình yêu thì thật nhiều, nhiều vô kể; tất cả mọi tác phẩm, từ văn thơ, nghệ thuật đến điện ảnh đều chứa đựng những chuyện tình nhân bản dựa trên tâm lý và tình tự dân tộc qua từng giai đoạn của quê hương, đất nước. Từ đó cho ta thấy những cái nhìn về tình yêu của nhân gian, đặc biệt là các danh nhân thế giới:

James Joyce: *Tình yêu là cái sai lầm dịu dàng nhất của sự giả dối trần gian.*

Marguerite Yourcenar: *Tình yêu là một hình phạt, chúng ta bị kết án không được sống một mình.*

François Sagan: *Tình yêu như một trò đùa của cuộc sống, gây nên những phong trào yêu cuồng sống vội, tạo nên những huyệt hăng, chao đảo.*

Với các triết gia thế giới như:

Tiến sỹ Richard Lewinsohl trong cuốn “Lịch Sử Đời Sống Tình Ái” đã khẳng định bản năng tình yêu là bản năng đầu tiên và sâu xa nhất của con người.

Trong Ca Dao Việt Nam có câu:

*Mình với ta tuy hai mà một*

*Ta với mình tuy một mà hai*

thi thi hào Ấn Độ Tagore cũng với câu nói mang cùng triết lý tình:

*Toujours un et toujours deux, c'est le chant de l'amour.*

*(luôn luôn một và luôn luôn hai, đó chính là bài ca ái tình.)*

Trong cuộc sống vô thường, tình yêu cũng có khi đến và đi như chưa bao giờ hẹn trước; có thể trong một tình huống bất ngờ nào đó, trong mưa gió bão bùng:

*Chiều nay sâu thẳm một màu*

*Tự dung lộng đớp ngang đầu...ô mưa*

.....

*Vội vàng ta nép vào nhau*

*Mái đầu che lấy mái đầu thoảng hương*

.....

*Từ môi mưa giọt xuống môi*

*Nhắm chung một hạt mưa rơi mặn mà*

(Nguyễn Duy)

Và rồi trong một bài khác tác giả nối tiếp chuyện tình trời mưa:

*Trắng trong từng hạt mưa rơi*

*Để cho em nép vào tôi thế này*

*Trắng trong từng hạt mưa bay*

*Để cho tay chạm vào tay... giạt mình.*

Mưa gió cũng đã từng tạo điều kiện cho tình yêu phát sinh, thậm chí đến như tiên giáng trần còn sa vào lưới tình giăng trong mưa, như câu chuyện kể trong nhạc bản “Huyền Thoại Một Chiều Mưa” của Nguyễn Vũ:

*“Một chiều cuối tuần mưa bay lát phát  
và mây trắng giăng giăng  
Em đến thăm anh vì trời mưa mãi  
nên không kịp về*

.....  
*Thiên quốc đang vui  
Một nàng tiên nữ làm rơi ly ngọc ngà  
Đang say nên Trời bèn dọa dấy  
nàng tiên xuống trần gian...*

.....  
*Tiên ơi, nếu mà Trời gọi về  
thì tiên có về không?  
Mỉm cười tiên nói...  
Tiên thích dương gian  
với chiều mưa thật nhiều....*

Mưa là thể, huống chi trong bão bùng, giông tố như trong truyện “The Storm” (cơn bão), tác giả Kate Chopin đã khéo léo mô tả tình yêu đến bất thần và tự nhiên trong hoàn cảnh ‘chẳng dặng dưng’ (không thể lui bước), đã thôi thúc Calixta và Alcee sa vào lưới tình. Họ không là vợ chồng nhưng đã đột nhiên ‘cho nhau’ một cách tự nhiên tuy không lành mạnh.

Những tình huống gây nên tình sự vừa là do nhịp điệu lên xuống, nhấp nhô của cây kim trong chiếc máy may (sewing machine) mà Calixta đang may, thêm vào đó vì bão tố nên chồng và con

nàng không về nhà được mà vợ cùng các con của Alcee Laballiere là Clarisse đang nghỉ hè ở Biloxi nên gặp bão chàng tìm nơi trú chân và gặp Calixta đang ở nhà một mình, trong căn phòng ẩm áp, ánh đèn lung linh, mờ ảo, làm sao ngăn được ngọn lửa tình.

**Maldives**, Thiên đường tình yêu.

Maldives, một quốc đảo độc lập ở phía Nam Ấn Độ và Sri Lanka với cảnh trí trữ tình tuyệt vời đã trở nên nơi lý tưởng cho những cặp tình nhân trong thời kỳ trăng mật và những ngày vui sống bên nhau.

Nơi đây có khoảng 200 hòn đảo, khí hậu ẩm áp với biển xanh và cát trắng. những khu du lịch được xây dựng trên những hòn đảo khác nhau, dưới biển những loài cá nhỏ nhiều màu sắc bơi lội...

Một khi đã yêu làm sao tránh khỏi nhớ nhung và nhớ hân sẽ dẫn tới tương tư như trong “Tương Tư Khúc” Tiểu Vũ Vi viết:

*Biền biệt mấy độ thu sang  
Tóc mây sương điểm mà chàng nơi đâu  
Biết chẳng mòn mỏi đêm thâu  
Trăng nghiêng bóng, thiếp rũ sầu bên song!*

Tình là thể, yêu là thể, có khi kết quả của ái tình là ‘yêu những cái mình không được và được những cái mình không yêu’, trong yêu thương có hương thơm và mật đắng, có ngày không có đêm và ngược lại, có tổ ấm và địa ngục trần gian v.v., dầu vậy vũ trụ này vẫn là chiếc nôi của tình yêu./.

## ĐÊM NGUYỆN CẦU

Cứ mỗi năm tới ngày 30 tháng 4 chúng ta lại hồi tưởng những kỷ niệm đau thương của biến cố 1975. Bài thơ này nhớ lại đêm 27/4 hai mươi lăm năm trước dưới bầu trời lất phất mưa bay, ngay tại chân Washington Monument, kể bên bức tường ghi tên trận vong chiến sĩ. Thanh niên Việt Nam đã tổ chức đêm không ngủ, đêm nguyện cầu cho Tự Do Dân Tộc. Hàng trăm đồng bào đến tham dự một đêm đầy ý nghĩa.

Đêm nay,  
Đêm thao thức  
của hàng trăm trái tim cùng chung nhịp đập  
cùng hướng về tổ quốc Việt Nam  
nơi xa xôi cách trở ngút ngàn  
Quê hương ơi, nơi muôn vàn ủ ấp

Trong ánh lửa bập bùng  
Muôn tiếng ca dồn dập  
Muôn tiếng hò cho Độc Lập, Tự Do  
Muôn tiếng kêu cho Hạnh Phúc, Ấm No  
Cùng cầu nguyện cho Việt Nam một ngày  
mai tươi sáng

Mẹ Việt Nam ơi!  
Chúng con xin nguyện  
Một mai đây, chúng con sẽ trở về  
Tay trong tay, dựng lại làng quê  
Cứu đất nước thoát quỷ đỏ hôn mê  
cuồng bạo...

Mẹ Việt Nam ơi!  
Con dân cần cơm áo

với những ước mơ của một kiếp người...  
Chúng con, những thanh niên tuổi đôi mươi  
Xin đoàn kết đấu tranh vì dân tộc

Mẹ Việt Nam ơi!  
Chúng con quỳ gối  
Đêm Nguyện Cầu giành lại giang sơn  
Những khuôn mặt già nua hằn nét căm hờn  
Bên những khuôn mặt trẻ rạng ngời  
nhiệt huyết

Tất cả mọi người  
tâm đã quyết  
đều hô to đòi Cộng Sản  
trả lại Tự Do  
Trong rừng cờ vàng tung bay  
Giữa những tiếng reo hò  
trả lại Hạnh Phúc, Ấm No cho dân Việt

Mẹ Việt Nam ơi!  
Chúng con thành tâm tha thiết  
Xin người dang rộng vòng tay  
Đón chúng con từ muôn hướng với ý  
nguyện dựng xây  
Dòng tâm lực đổ dồn về nước Việt

**NGUYỄN LÂN**

30/4/1991



## BUỒN THEO NĂM THÁNG

Có lệ chia ly mặn vị đời  
Lời yêu giả tạo lướt bờ môi  
Khi tình xa chạy ngoài ngàn dặm  
Nghĩa đá vàng là ảo mộng thời

Có ước mơ tầm tay khó với  
Tiếc không hiện hữu ở trong đời  
Loay hoay tìm kiếm đành buông bỏ  
Ăn oán tình thù cũng nghỉ chơi

Có người khách lạ rời phi trường  
Áo khoác ba lô đầm ướt sương  
Nghĩa địa tìm thăm, đâu mộ bạn?  
Chim trời xao xác tiếng kêu thương

Có điệu văn ngàn câu tưởng niệm  
Đêm cầu kinh nền thấp trang nghiêm  
Chiến trường xa xác anh nằm lại  
Nắm mộ còn trong mỗi trái tim

Có ly rượu đắng đợi ngày xuân  
Sững sốt bỗng nghe nhạc vọng gần  
Bài hát bao năm nằm ngục tối  
Thoát gông cùm hội ngộ người thân

Có tháng ngày buồn nơi viễn xứ  
Xa quê lỗi hẹn tiệc đoàn viên  
Mong còn gặp bạn thương binh cũ  
Lạc lõng bên đời sống lãng quên

Đâu hào quang một thời danh vọng?  
Những tượng đài giờ thấy trống không  
Viễn khách về trong lòng phố cũ  
Nghe buồn vang gió hú chiều đông

**Lý Hiểu**

VA, Tháng 03/2016

## BỐN MƯƠI MỐT NĂM DƯ

Tôi ngồi như pho tượng  
Bốn mươi một năm dư  
Đêm đen trời vằn vũ  
Gào thét mặt đất khô.

Tôi ngồi như pho tượng  
Đếm mãi buồn Tháng Tư  
Bàn thờ khói nghi ngút  
Niệm niệm đau vô bờ.

Tôi ngồi như pho tượng  
Nghe tiếng súng chát khô  
Tur Lệnh tôi nằm xuống  
Đôi mắt còn mở to.

Lai Khê ơi ! máu chảy  
Bến Cát rợp mây mù  
Hồn tôi nghe lạnh buốt  
Mãi mãi vành khăn sô.

Bốn mươi một năm dư  
Tôi ngồi như pho tượng  
Thời gian là lao tù  
Vây quanh hồn tị nạn.

**ĐẶNG NGUYỄN**

Texas, 4-2016





# TIẾNG VIỆT TIẾNG MỸ

## Thủ Bàn Về Ngữ Pháp Và Văn Hóa Việt Nam

### ĐẶT THU LỆ

Cũng như bao nhiêu người khác, tôi sinh ra và lớn lên trên đất Việt, nói và viết tiếng mẹ đẻ một cách tự nhiên như hơi thở ra thở vào, suy nghĩ và hành động trong cách tự nhiên của một người được hun đúc trong lò văn hóa Việt. Khi thành linh bước chân sang đất Mỹ năm 75, phải tranh đấu để hội nhập với đời sống văn hóa Mỹ, phải lo sinh tồn trên mảnh đất mới, phải nói tiếng Anh hàng ngày trong công việc và có rất nhiều lần tôi khựng lại tìm chữ hoặc tìm câu dịch từ Việt sang Anh để diễn tả điều tôi muốn nói, tôi mới nghĩ nhiều và quan tâm đến sự khác biệt của ngôn ngữ và văn hóa giữa người với người. Cũng từ đó nhìn thấy sự cảm thông giữa mọi người là một vấn đề quan trọng và ngạc nhiên thích thú về những đặc tính của ngữ pháp Việt Nam.

Theo làn sóng tỵ nạn năm 1975, tôi coi là may mắn được tiếp tục nghề dạy học mặc dù phải cố gắng học hỏi và thích nghi với môi trường văn hóa giáo dục mới. Trong giờ dạy văn phạm Anh Văn, khi giảng về sự quan trọng của các dấu chấm phẩy trong câu cũng như vị trí của các từ đặt trong câu làm cho câu có thể có một ý nghĩa khác hẳn, tôi đem

câu tiếng Anh dưới đây ra làm thí dụ. Chỉ một chữ ONLY ta có thể có 3, 4 câu ý nghĩa khác nhau tùy theo chữ ONLY được đặt ở chỗ nào:

*I only love you.*

*I love you only.*

*I love only you.*

*Only I love you.*

Câu 1: Tôi chỉ yêu em (chứ không muốn làm gì khác như sống với em hay lấy em). Câu 2 và 3 có lẽ có cùng một ý: Tôi chỉ yêu em (chứ không yêu ai khác). Câu 4: Chỉ có tôi yêu em thôi (chứ đâu có ai !)

Thầy trò chúng tôi có bàn cãi đến cái gọi là “từ đặt sai chỗ” (misplaced modifier), nếu để nhầm chỗ có thể gây hiểu lầm cho điều mình muốn nói. Học trò tôi là học trò trường Mỹ nên rất tiếc là tôi không thể đem những thí dụ của ngữ pháp Việt Nam ra để mong có sự thông cảm và nhấn mạnh thêm sự quan trọng cũng như tai hại của những cụm từ đặt sai chỗ. Khi cụm từ bị đặt sai chỗ, khi dấu chấm phẩy bị đặt sai chỗ hay thiếu sót, và khi có sự khác biệt về văn hóa thì dễ gây ra hiểu lầm nhất là trong văn viết. Trong lời nói thì thấy ít vấn đề hơn vì có đối thoại hay giọng nói có chỗ nhấn mạnh hoặc chỗ ngừng (pause) trong câu có thể làm sáng tỏ vấn đề.

Nhưng trong văn viết thì sự thông hiểu hoàn toàn phụ thuộc vào cái gì được trình bày trên giấy và vì vậy đã giới hạn sự hiểu biết và cảm thông.

Các bạn thử đọc mấy câu tôi lượm được ở trên mạng:

1. Let's eat Grandpa.
2. Let's eat, Grandpa.

hay

3. Mary finds inspiration in cooking her family and her dog.

4 Mary finds inspiration in cooking, her family, and her dog.

thì chắc ai cũng thấy rõ ràng là những dấu phẩy ở câu thứ 2 và 4 đã giúp tránh được sự hiểu lầm và đã giúp ...cứu mạng mấy người thân rồi!

Tiếng Việt mình không thiếu những trường hợp như trên. Xin mọi người thử nghe câu này từ miệng một bác sĩ dẫn bệnh nhân: “Ăn cơm không được uống rượu.” Ông bác sĩ cũng cẩn thận viết vào toa cho bệnh nhân đem về. Người vợ rất lấy làm thích thú: “Thấy chưa, có bác sĩ bảo mới chịu nghe.” Nhưng ngày 1, vẫn thấy ông chồng uống rượu. Bà vợ hỏi tại sao không nghe lời bác sĩ thì ông chồng trả lời: “Ăn không ngon thì phải uống rượu chứ!” (Ăn không được, uống rượu). Ngày 2, vẫn thấy chồng uống rượu, vợ giận lắm, hỏi tại sao. Ông chồng lại bảo: “Cơm chẳng có gì ăn thì phải uống chứ.” (Ăn cơm không, uống rượu). Những thí dụ khác kiểu “Mỗi gia đình hai con vợ chồng hạnh phúc”

hoặc “Nam sinh bỏ áo trong quần nữ sinh mặc áo dài” đã đem lại nhiều trận cười trong lúc trà dư tửu hậu...

Nhưng trong tiếng Việt, vấn đề không phải chỉ là “misplaced modifier” mà là sự linh động của ngôn ngữ Việt trong khả năng hoán chuyển các từ trong câu làm câu có ý nghĩa nội dung khác nhau.

Một số những từ ghép không thay đổi ý nghĩa khi hoán chuyển, chỉ giúp cho câu văn dễ nghe hơn (nhất là khi nó ở cuối câu vì tiếng Việt có âm thanh trầm bổng như hát – một tonal language) hoặc làm câu thơ vần hơn hay đúng hơn về luật bằng trắc. Thì dụ: vui tươi hay tươi vui thì cũng vậy, rồi nhớ thương hay thương nhớ, cay đắng với đắng cay, sông núi với núi sông, cây cày và cày cây...v.v. thì cũng thế.

Nhưng đa số những từ ĐƠN khi hoán chuyển vị trí đã thay đổi hẳn nghĩa của câu, đem mình vào mê hồn trận. Chẳng hạn như trong vài hát “Ly rượu Mừng” của Phạm Đình Chương có câu “Kìa nơi xa xa có bà mẹ già...” mà thằng con 12 tuổi của tôi (chắc chữ Việt ăn đong!) đã hát thành “Kìa nơi xa xa có ...mẹ bà già...” thì mình đã thấy xa đi hàng trăm cây số rồi. Hoặc là viết “chó con” thành “con chó”, hay “chịu ăn, chịu uống” thành “ăn chịu, uống chịu”...v.v. Chúng ta thử bỏ một câu 5 chữ vào rọ, sóc lên như chơi trò xổ số xem chúng ta góp được bao nhiêu câu khác nhau. Xin lấy một thí dụ tôi gom được từ email trên mạng gửi đến:

## SAO KHÔNG BẢO NÓ ĐẾN?

Sao nó bảo không đến?  
Sao không đến bảo nó?  
Sao nó không bảo đến?  
Sao? Đến bảo nó không?  
Sao? Bảo nó đến không?  
Nó đến, sao không bảo?  
Nó đến, bảo không sao.  
Nó bảo sao không đến?  
Nó đến, sao bảo không?  
Nó bảo đến không sao?  
Nó bảo không đến sao?  
Nó không bảo, sao đến?  
Nó không bảo đến sao?  
Nó không đến bảo sao?  
Bảo sao nó không đến?  
Bảo nó: Đến không sao.  
Bảo sao nó không đến?  
Bảo nó đến, sao không?  
Bảo nó không đến sao?  
Bảo không, sao nó đến?  
Bảo sao? Nó đến không?

Sơ sơ chúng ta đã có 21 câu khác nhau. Các bạn có thấy ngán không? Người ngoại quốc nào mà học tiếng Việt kiểu này và bạn nào định dạy con cháu con rề Mỹ tương lai những thứ này thì chắc con cháu mắt xanh tóc vàng hết hồn và chạy luôn quá! Để thực sự hiểu nghĩa từng câu, tôi đã thử ngồi xuống dịch những câu trên sang tiếng Anh để giúp con tôi hiểu thì thấy câu dịch chẳng có gì là khó hiểu hay nhầm lẫn. Sao, các bạn đã ra khỏi “mê hồn trận” chưa?.

Nói về sự khác biệt ngôn ngữ & văn hóa và ảnh hưởng hỗ tương của sự hình thành và phát triển của hai phạm trù này thì chúng ta hãy thử nhìn vào tiếng Việt của chúng ta. Tuy cùng là người Việt, nói cùng một thứ tiếng nhưng ba miền Bắc, Trung, Nam cũng có những từ ngữ, lối nói lối sống khác nhau, và cách ăn uống nấu nướng cũng khác nhau. Chỉ một động từ tiếng Anh là chữ “COOK” nghĩa là nấu chín (bằng sức nóng, bằng cách đun sôi, bỏ lò, hay chiên sào) mà chúng ta có thể diễn tả bằng bao nhiêu từ khác sau. Chỉ riêng phần dùng nước và sức nóng để làm chín đồ ăn, chúng ta có thể: nấu, luộc, hấp, ninh, um, om, kho, bung (cà), tần (vịt), thối (com), chao, chụng và ... còn gì nữa? Những động từ này chắc không có trong kho tàng ngôn ngữ Việt thời nguyên thủy. Chắc phải nhờ tài nấu nướng muôn màu muôn vẻ trong văn hóa ẩm thực của các bà nội trợ Việt Nam mới khai sinh ra các từ này và làm giàu cho ngôn ngữ Việt.

Tại sao lại “thối” com thay vì nấu com? Có phải vì ở nhà quê có sẵn rơm nên người ta lấy rơm thay củi và phải thối lửa đốt hết một đồng rơm to tướng mới nấu chín một nồi com? Tôi còn nhớ những buổi sáng ở quê ngoại, tôi mò xuống bếp co ro trong tấm áo đơn, lấy cục than hồng còn lại trong đồng tro để làm mồi hay cái bùi nhùi, ép một nắm rơm gần cục than, phồng miệng thối cho lửa bắt vào rơm. Thối com xong còn đám lửa tàn mà “lùi” một củ

khoai vào đó cho chín thì phải biết là ngon vô cùng! Đã một đôi lần tôi thắc mắc không biết văn hóa và ngôn ngữ cái nào có trước ? không biết cái trứng có trước rồi nở ra con vịt hay con vịt có trước rồi đẻ trứng? Tôi thắc mắc nhưng không dám không dám hỏi ai về điều này sợ bị “quê”. Nếu các bà nội trợ Việt nấu nướng và làm giàu cho ngôn ngữ ẩm thực thì chắc văn hóa phải có trước cũng như mấy người thời tiền sử, kể từ lúc ở hang , kiếm ăn bằng cây cỏ, săn bắn đến lúc biết ngồi xuống trước đồng lửa, biết hơ miếng thịt trên lửa để nướng cho thơm thì đã là có văn hóa và gọi nhau bằng tiếng hú hay ra dấu hiệu bằng tay thì có luôn ngôn ngữ rồi? Và em bé “thoạt sinh ra thì đã khóc chóc” thì chắc lại là có ngôn ngữ trước? Đừng cười tôi lần thân nhé!

Các bạn cứ thử mở một cuốn tự điển Việt cỡ trung bình thường dùng ở nhà, không cần phải cuốn lớn như thường thấy ở các thư viện, mà xem. Các chữ khác thì chẳng có gì đáng nói, nhưng thử tìm xem động từ ĂN có bao nhiêu chữ? Ít nhất là có 3 trang với hàng trăm từ ghép để thành động từ, danh từ hoặc tính từ có chữ ĂN, áp dụng cho các trường hợp ở ngoài đời dù chẳng dính dáng gì tới chuyện ăn uống. Thí dụ như ăn cắp, ăn khách, ăn gian, ăn ảnh...v.v Trong khi đó nếu mở một cuốn tự điển tiếng Anh mà tìm chữ “EAT” thì giỏi lắm bạn thấy có được 1/4 trang với vài động từ ghép với các giới từ hay trạng từ như eat up, eat out và vài thành ngữ

như “eat your heart out” “eat your words...v.v Sự khác biệt về lượng này nói lên được điều gì về phương diện văn hóa? Có phải rằng văn hóa Việt của chúng ta coi trọng phần ẩm thực không? Người ta bảo “Miếng ăn là miếng nợ nần” mà. Lại nữa “Khách đến nhà không gà thì gỏi”. Có con gà nuôi ngoài sân, chỉ khi nào có khách quý đến mới đem vào “hy sinh” đãi khách. Mâm cao cỗ đầy, ăn uống linh đình để rồi ngày hôm sau khi tàn cuộc lại com rau thanh đạm. Tại sao chúng ta phải làm thế? Có phải tại trong một văn hóa không được dư thừa về phương diện vật chất, chúng ta sợ bà con làng xóm biết mình nhà nghèo (vì không đủ ăn)? Dù có nghèo túng thật cũng không muốn lộ cho ai biết, vì vậy có gì ngon nhất thì “nhịn miệng đãi khách”. Làm nhiều hơn sức người có thể ăn, không tính “soản” phần ăn mỗi người (để vừa ăn đã thấy hết), coi sự dư thừa đồ ăn là dấu hiệu của sự phồn thịnh, “có của ăn của để”. Hèn chi chúng ta thích chụp hình bên cạnh bàn ăn ...và trước khi ăn, như một chứng tích của sự thành công, tiến lên một bậc thang xã hội, lâu dần trở thành một tập tục và người Việt mình được tiếng là hiếu khách!

Trong khi đó, chúng ta nhận thấy các bạn bè Mỹ của chúng ta không vất vả hay quan tâm lắm về vấn đề ăn uống. Tôi đến chơi nhà một người bạn Mỹ, thư thả uống một ly ca phê hay nhâm nhi một vài cái bánh. Có khi ngồi nói chuyện đã đời chẳng ăn uống gì, cũng

không ai thắc mắc. Văn hóa này không cho người ta những “nhãn hiệu” căn cứ vào chuyện ăn nhiều hay ăn ít, nhất là phần lớn đang cố nhịn ăn để thân hình được gọn gàng thon thả hơn. Riêng với người Việt chúng ta thì không phải rằng chúng ta chỉ chú trọng việc ăn cho no hay ăn cho ngon mà làm như sự quan tâm đó có bao hàm một sự hài lòng, mãn nguyện, một kiêu hãnh về bậc thang xã hội mà mình đang leo lên, một thành công (không phải về ăn uống) mà mình đang đạt được...

Bây giờ trở lại cuốn tự điển tiếng Anh, thử tìm chữ “TAKE” hay chữ “GET”. Các bạn sẽ thấy mỗi chữ có ít nhấ 3 trang nhưng là take up, take off, take on, take out, take over...get up, get down, away, through...Mỗi chữ có một nghĩa khác nhau báo hại các học sinh ESL học muốn chết mà cũng không nhớ hoặc dùng lộn. Chữ PRENDRE của tiếng Pháp cũng kể là có khá nhiều. Điều đó nói lên cái gì? Có phải văn hóa Âu mỹ là ..thực tế, năng nổ hơn văn hóa Việt không? Người ta “nắm”, “giữ”. “lấy” cái gì ra cái nấy, tính toán rõ ràng, phân tích rành mạch để có thể là “go-getter”. Người bạn Âu Mỹ chắc phải là tháo vát, tự tin, năng nổ (aggressive), thực tế hơn người bạn Việt chăng?

Cách đây khá lâu, tình cờ tôi được một người bạn ở Pháp cho mấy trang bản thảo của một cuốn tự điển Việt nam đang soạn. Theo lời anh bạn hỏi đó thì một bậc lão niên ở Pháp là cụ Đào trọng Đủ đang soạn một cuốn tự điển

VN dưới hình thức văn vần. Cụ Đủ chắc cũng nhận thấy chữ ẰN tràn ngập trong kho tàng ngữ vựng VN nên mới sưu tầm và viết ra những dòng thơ sau này. Tôi không biết sau này cuốn tự điển của cụ đã hoàn thành và đã xuất bản chưa, và cũng không rõ cụ có còn sống không? Nhưng tôi còn giữ những dòng thơ này và xin chia sẻ với các bạn để thấy tiếng Việt mình “giàu” như thế nào và văn hóa đã làm giàu cho ngôn ngữ ra sao:

### CHỮ ẰN

*Chữ ăn ý nghĩa rồi rào  
Tha hồ thi sĩ nghèo ngao ồm ờ  
Bị ăn cắp ngòi trơ mắt ếch  
Vị ăn tham nên méch lòng nhau  
Ằn thừa vang vẻ gì đâu  
Ằn gian ăn lộn của nhau bẩy chầy  
Người từng bán ăn vay từng bữa  
Kẻ giàu sang ăn bữa từng xu  
Ằn chơi quen thói lu bù  
Ằn tiền hối lộ như “vu” mới là (tiếng  
Pháp “vous” = you)  
Ông ốm ghen vì bà ăn rở  
Cậu đi tu để mợ ăn chay  
Trước khi ăn tiệc “mề đay” (tiếng  
Pháp me’daille = huy chương)  
Học cho biết cách ăn mầy huy chương  
Chồng cạm cùi ăn lương nhà nước  
Vợ ung dung hút thuốc ăn trầu  
Tổ tôm ông phải ngồi châu  
Cái khàn không phỗng mặc dầu bà ăn  
Mong chóng đến ngày xuân ăn tết  
Tam cúc ai ăn kết xe điều  
Bánh chưng bánh tết cho nhiều*

Để dành ăn giỗ bao nhiêu cũng vừa  
 Ba ngày tết ăn bữa ăn bãi  
 Tết xong xuôi họ lại ăn chơi  
 Nhạc thời ăn nhịp cờ thời ăn quân  
 Người lao động cời trần ăn nắng  
 Khách khuê phòng da trắng như ngà  
 Thiên nhiên sẵn đúc một tòa  
 Để cho ăn nắng chẳng ma nào thềm  
 Vải nào vải ăn khem suốt tháng  
 Sư nào sư ăn mặn quanh năm  
 Ăn ngồi rồi lại ăn nằm  
 Ăn kham mặc khổ Quan Âm độ trì  
 Ăn hương hỏa thiếu gì sung sướng  
 Ăn hoa hồng tôi tưởng bền hơn  
 Ăn thẻ là để rửa hồn  
 Nhân dân đầy đủ giang sơn vững vàng  
 Kẻ xấu thói ăn lương ăn lận  
 Người quen mui ăn bản ăn bày  
 Ăn lời ăn lãi không đầy  
 Bụng ta cũng vậy bụng tây khác gì  
 Người ăn xôi ở thì vô số  
 Kẻ ăn không nói có “da na” (tiếng  
 Pháp, “je n'en ai pas-tôi không có cái đó”)  
 Ăn non rồi lại ăn già  
 Ăn gian cò bạc mới là người ngoan  
 Ai chẳng biết làm quan ăn lễ  
 Ai không hay lính lệ ăn bòn  
 Ăn quèo ăn quẹt mới ngon  
 Ăn quanh ăn quẩn vẫn còn ngô nghê  
 Ăn lót dạ tỷ tê rồi đói  
 Ăn thông lưng sành sỏi càng no  
 Ăn chung đồ lộn tự do  
 Ăn cầm chừng để vừa cho có chừng  
 Trai cướp vợ ăn mừng ỏm tỏi  
 Gái tranh chồng ăn hội linh đình  
 Ăn thua có một chữ tình  
 Để người ăn cắp rồi mình ăn năn

Ăn mới thực văn nhân tài tử  
 Ăn nguyên là văn tự quốc gia  
 Trăm năm trong cõi người ta  
 Không ăn thiên hạ cho là dở hơi.

Động từ ghép “ĂN” nhiều vô kể  
 Xin chép thêm mong để chư tôn coi cho  
 đỡ nhớ đỡ buồn, vì còn tiếng Việt mới  
 còn dân Nam  
 Ăn chung ăn dứt ăn tham  
 Ăn đụng ăn ké ăn gian ăn mày  
 Ăn cười ăn rồi ăn vay  
 Ăn vụng ăn bám ăn chạy ăn lường  
 Ăn chèo ăn chực ăn sương  
 Ăn vạ ăn tái ăn đường ăn non  
 Ăn gẫu ăn hiếp ăn bòn  
 Ăn hại ăn vơ ăn dòn ăn dơ  
 Ăn chặn ăn cướp ăn nhờ  
 Ăn gồi ăn khớp ăn thua ăn vôi  
 Ăn rở ăn khách ăn lời  
 Ăn nhạt ăn cánh ăn chơi ăn dè  
 Ăn vật ăn xôi ăn thẻ  
 Ăn ghé ăn chực ăn rê (?) ăn tiền  
 Ăn quẩn ăn hiếp ăn kiêng  
 Ăn bậy ăn bớt ăn riêng ăn phạm...

Thịnh thoảng tôi có đọc lại những  
 dòng thơ này và ước gì tôi có một lũ  
 con cháu xung quanh để có thể ngồi đây  
 đồ nghĩa của chữ ĂN. Ước gì các con  
 em và các cháu ở các trường Việt Ngữ  
 hải ngoại có thể tham dự trò chơi của  
 thầy cô và có thể cảm nhận tiếng Việt  
 mà thầy cô đang truyền đạt. Đây là một  
 niềm tin hay chỉ là một hy vọng hão  
 huyền, không tưởng?

**THU LÊ** (20 tháng 4 năm 2016)

# HÀ-NỘI: Hoài Niệm Một Thời Chưa Cộng Sản

\*

## TRẦN NHẬT KIM

Chúng tôi quyết định về thăm nhà khi cô em tôi cho hay sức khoẻ không mấy khả quan của mẹ tôi.

Tôi lấy vé đi Hà Nội bằng chuyến bay của hãng Hàng Không Cathay Pacific theo lộ trình: khởi hành từ Thủ đô Hoa Thịnh Đốn (Washington DC) tới phi trường Frankfurt (Đức). Sau một giờ đồng hồ chờ tại phòng đợi của sân bay, chúng tôi bay tiếp tới Hong Kong. Từ Hong Kong chúng tôi đổi chuyến bay đi Hà Nội và sau đó lấy chuyến bay đi Saigon.

\*

Chúng tôi ghé phi trường Hong Kong đã 6 tiếng đồng hồ để chờ chuyến bay đi Hà Nội. Theo thống kê, phi trường Hong Kong là một trong những phi trường bận rộn nhất thế giới, cách 7 phút lại có một chuyến bay cất cánh. Thành phố này vừa trả lại cho Trung Hoa vào giữa đêm ngày 1 tháng 7 năm 1997, mới cách đây 5 tháng.

Trước thời gian đổi chủ, nhà nước Trung Hoa cộng sản đã đoan chắc vùng đất này sẽ được hưởng quy chế “một quốc gia có hai chế độ hành chánh riêng biệt”. Nhưng giờ phút này, người dân Hong Kong vẫn không mấy tin tưởng

vào lời hứa của chế độ mới, mà cách đây không lâu, khu vực này được mệnh danh là một nơi có đời sống lý tưởng nhất. Trục nối Hong Kong – Saigon – Singapore đã mang đến cho những vùng đất này một sự phát triển đặc biệt cả về kinh tế và văn hóa.



Theo tài liệu về Hong Kong, Jorge Allvares, người Bồ Đào Nha đầu tiên đến khu vực Hong Kong năm 1513. Sau đó các thương gia Bồ Đào Nha bắt đầu tới buôn bán ở miền Nam Trung Hoa và xây dựng công sự tại Đồn Môn. Do các cuộc xung đột quân sự giữa Trung Hoa và Bồ Đào Nha, khiến người Bồ Đào Nha bị trục xuất. Năm 1685, vua Khang Hy cho mở cửa giao dịch hạn chế với người ngoại quốc bắt đầu từ Quảng Châu.

Năm 1839, chiến tranh Nha Phiến xảy ra giữa Đại Thanh và Anh quốc. Đảo Hong Kong bị Anh chiếm vào ngày 20-1-1841 và theo thỏa ước Xuyên Tị để thực hiện cuộc ngưng bắn, Trung Hoa đã nhượng Hong Kong cho nước Anh. Đến ngày 29-8-1842, Hong Kong mới chính thức nhượng cho nước Anh theo điều ước Nam Kinh.

Dưới sự cai trị của người Anh, dân số Hong Kong từ 7.450 người Hán vào năm 1841, đã nhanh chóng tăng lên 115.000 người Hán và 8.754 người Âu vào năm 1870. Năm 1898, theo các điều khoản của Hiệp định, nước Anh được quyền thuê đảo Lạn Đầu trong vòng 99 năm. Từ đó lãnh thổ Hong Kong không thay đổi, với diện tích 1.103 Km<sup>2</sup>.

Chiến tranh Thế giới lần thứ II xảy ra. Nhật chiếm Hong Kong ngày 8-12-1941. Các lực lượng bảo hộ của Anh và Canada phải giao quyền kiểm soát Hong Kong cho Nhật vào ngày 25-12-1941. Dưới quyền kiểm soát của Nhật, nạn đói hoành hành vì thiếu lương thực. Sau khi Nhật bại trận năm 1945, dân số Hong Kong chỉ còn 600.000 người.

Sau Thế chiến II, kinh tế Hong Kong phát triển nhanh chóng. Người Trung quốc rời khỏi lục địa xin tị nạn tại Hong Kong để tránh nội chiến đang xảy ra. Sau khi Trung quốc trở thành Cộng hòa Nhân dân Trung hoa vào năm 1949, nhiều người dân lục địa nhập cư Hong Kong vì sợ Trung cộng ngược đãi.

Việc chuyển giao chủ quyền Hong Kong cho Trung quốc được thực hiện vào giữa đêm ngày 1 tháng 7 năm 1997. Khoảng 10% dân số Hong Kong đã di dân tới các quốc gia khác trước ngày trao trả vì không muốn sống dưới chế độ cộng sản.

Sau thời gian đổi chủ, người Hong Kong vẫn quen với nếp sống cũ, do ảnh hưởng sâu đậm của 99 năm trong không khí tự do dân chủ, họ không chịu gò bó dưới sự khắc nghiệt của chế độ cộng sản. Đảng và nhà nước CS Trung hoa phải miễn cưỡng để người dân Hong Kong sống theo ý họ. Vì đây là cửa ngõ kinh tế giao tiếp với các nước trên thế giới. Nó sẽ vực dậy một nước Trung hoa nghèo đói hay sẽ là một ngôi nỏ làm suy sụp chế độ cộng sản của quốc gia này.

Thiên An Môn vẫn là một ám ảnh đe dọa cho nếp sống vốn êm đềm ở đây, mà cách đây không lâu, hàng ngàn người tay cầm nến thấp sáng các con phố, bước âm thầm trong bóng đêm, để tưởng nhớ các tấm gương kiêu hùng đã gục ngã trước làn đạn, dưới lớp xích sắt của đoàn xe thiết giáp tại quảng trường Thiên An Môn ngày nào. Những hành động này chứng tỏ sự quyết tâm cho khát vọng tự do dân chủ, mà cũng là lời cảnh cáo của người dân Hong Kong đối với chế độ cộng sản.

\*

Đến giờ khởi hành, hành khách lần lượt lên tàu...



Tôi yên lòng khi rời Hong Kong trên chiếc máy bay Air Bus trông còn mới của hãng Hàng Không Việt Nam, ít nhiều khác với tâm trạng của tôi khi xa Sài Gòn vào năm 1984, trên chiếc máy bay “TU” sản xuất tại Nga Sô, đường bay Sài Gòn – Bangkok.

Mọi người đã yên vị. Phi cơ rời phi đạo, bay cao mãi, để lại phi trường Hong Kong nhỏ dần như một miếng giềng nằm gọn giữa rừng cao ốc chọc trời đang lặn trong màn sương buổi sáng. Xa xa chân trời vừa ửng hồng, ánh vàng đang đổi màu bóng đêm.

Tôi nghĩ đến thời gian sắp tới, liệu có gì xảy ra cho tôi không. Thân nhân tôi cho hay không có gì phải lo ngại, nhưng những việc xảy ra ở đây, theo những người mới ra đi cho hay, khiến tôi khó yên tâm. Tôi ở miền Bắc gần chục năm từ sau ngày 30 tháng 4 đen tối, đã di chuyển bất kể ngày đêm, từ trại tù này đến trại cải tạo khác, từ vùng Châu thổ sông Hồng đến miền núi rừng Việt Bắc. Vừa chán vừa sợ nên tôi không muốn trở lại những nơi đó nữa.

Nhiều người lên tiếng phản đối nhà nước cộng sản Việt Nam về chính sách hai quốc tịch của người Việt đã nhập quốc tịch của quốc gia khác. Nếu vì lý do nào đó nhà nước CS muốn giữ lại, những người này được coi là người Việt vì quốc tịch gốc vẫn còn. Do đó, dù mang nặng tình cảm quyến luyến gia đình sau nhiều năm xa xứ, những người muốn về thăm quê vẫn ngần ngại, vì luật pháp của chế độ này thay đổi bất chợt.

Đặc biệt hơn nữa, những người có dự phần vào các hoạt động ở hải ngoại, như đòi dân chủ tự do cho người Việt trong nước, được cấp thông hành về thăm quê, nhưng khi đến phi trường Nội Bài của miền bắc hay Tân Sơn Nhất tại miền Nam, một số đã bị giữ lại. Nếu may mắn, sau một đêm ngụ tại khách sạn phi trường, ngày hôm sau bị đưa lên máy bay trở về nước cư trú. Trong trường hợp khác, thời gian ở phi trường sẽ kéo dài cho đến ngày hết hạn, đã gây thiệt hại cho người về thăm quê. Nhà nước cho hay họ thuộc thành phần tham gia các hoạt động gây bất lợi cho chế độ cộng sản.

Nhiều người có nhận xét, nếu biết họ là thành phần gây bất lợi cho chế độ, Tòa Đại sứ tại các quốc gia liên hệ, nên từ chối cấp giấy thông hành, vừa tránh thiệt hại vô lý cho người về thăm quê, mà cũng che dấu được phần nào bản chất vô luật pháp, trống đánh xuôi kèn thổi ngược của chế độ CS Hà Nội.

\*

Trở lại chuyện cũ...

Tôi mừng rỡ khi thoát khỏi phòng cách ly của phi trường Tân Sơn Nhất vào năm 1984. Lòng tôi lâng lâng, cảm thấy không khí bên ngoài thoáng hơn không khí ngột ngạt ở trong kia, như trút bỏ được một phần gánh nặng, như tôi có cảm giác bước ra khỏi cổng trại tù cải tạo, dù rằng vào lúc đó, tôi mang cảm giác vừa thoát khỏi trại tù nhỏ để bước vào một trại tù lớn hơn, một nơi có vợ con tôi đang sống. Tôi đang trốn

chạy khỏi quê hương yêu dấu của tôi để đến một nơi xa lạ, mà mọi người ở đây gọi đó là “Miền đất hứa.” Vợ chồng tôi nắm tay các con tôi theo đoàn người lên tàu. Hành trang của chúng tôi nhẹ tênh. Vì còn có gì để mà mang theo.

Hành khách đã yên vị. Động cơ được khởi động trước khi khởi hành. Tôi mong máy bay cất cánh càng sớm càng tốt, như mang nỗi sợ của cánh chim trên cành cây cong. Tôi hồ thẹn khi có ý nghĩ coi đây là một vùng đất nguy hiểm, đầy đe dọa bất trắc, mà không lâu trước đây, tại vùng đất thân yêu này, tôi đã sống những ngày vô cùng hạnh phúc. Tôi cảm thấy quá ích kỷ, vì trong giây phút chỉ nghĩ tới an nguy của cá nhân mình, mà quên đi số phận hẩm hiu của những người còn ở lại.

Bất chợt từ máy phóng thanh, một âm thanh giọng nữ nghe thật ấm dịu: “Xin hành khách có tên Nguyễn Văn Ba đến phòng hải quan có việc cần”. Một người đàn ông trạc tuổi tôi, vẻ mặt ngơ ngác, mang theo túi xách tay bước ra khỏi tàu. Khi máy bay cất cánh vẫn không thấy vị khách ấy trở lại.

Trán tôi đỏ mồ hôi khi nghe máy gọi. Vợ tôi lặng lẽ nắm tay tôi thầm chia sẻ với tôi niềm ưu tư lo lắng. Trước khi đi tôi đã nghe nhiều chuyện như thế này. Những vụ vì không biết phải trái với địa phương, người ra đi bị giữ lại sau khi hoàn tất thủ tục lên tàu.

Về phần tôi, khi từ trại tù cải tạo trở về, tôi luôn sống trong cảnh pháp phòng lo sợ. Đám công an khu vực vẫn theo

rồi, quan sát tôi từng bước không kể hàng tháng phải trình diện phường khóm, và hàng tuần phải có mặt tại các buổi họp khu phố để nghe đọc về thành quả cách mạng dưới tài lãnh đạo ưu việt của đảng và nhà nước CS. Tôi nghe đã chán tai, vì đây là những thứ đã được lập lại như một máy thu băng dưới tên “học tập”, nên trong suốt thời gian dài tại các trại tù cải tạo, tôi không có lấy một chữ vào đầu. Tôi phải có mặt các buổi học tập tại quận không ngoài mục đích điểm danh, vì nhân số mỗi ngày một ít do tình trạng vượt biên hay bị bắt trở lại trại tù cải tạo. Tôi có cảm tưởng mình đang sống trong một nhà tù, chỉ khác trại cải tạo ở chỗ tôi được gần gũi gia đình.

Khi có giấy xuất cảnh tôi cũng chẳng được yên thân, vì trước ngày đi sở công an thành phố có gửi “giấy mời làm việc”. Tôi không quên lời người công an nhấn mạnh nhiều lần: “Tôi lưu ý anh sang Mỹ đừng ồn ào. Anh nhớ còn thân nhân ở đây...” Gia đình tôi cả đêm với một ngày lo lắng khi tôi nhận được giấy mời. Tôi hiểu luật pháp bây giờ là thế, quyền sống con người ở đất nước này là thế và ý nghĩa “Tự Do” dưới chế độ này là thế...

\*

Quay sang nhà tôi, nàng tựa sát ghé ngò, nhắm mắt như cố dỗ giấc ngủ sau thời gian dài vất vả đợi chờ tại phi trường, cũng như lo âu cho thời gian sắp tới.

Tôi lơ đãng nhìn qua khung cửa kính, ngoài trời nắng đã chan hòa, những dải mây trắng ngần như tấm thảm bông bông bồng lớt dưới thân tàu. Tôi chợt mỉm cười, hình ảnh Hà Nội gợi nhớ trong tâm tư của tôi cả một thời tuổi trẻ, ở tuổi khi vừa biết yêu, bị “mê hoặc” bởi vẻ đẹp và giọng nói ngọt lịm của người con gái Bắc Hà. Có người cho rằng, người con gái Hà Nội có vẻ kên kiệu, bề ngoài trong giao tiếp. Nhưng thực ra, đó chỉ là do ảnh hưởng của giáo dục gia đình về công, dung, ngôn, hạnh đã trở thành một nếp sống. Vì vậy, người con gái Hà Nội dịu dàng nhưng ý tứ, ánh mắt thân mật nhưng không sàm sỡ, tế nhị nhưng không gò bó trong cách giao tiếp hàng ngày.

Nét đẹp đặc biệt ấy của người con gái Hà Nội như được thiên nhiên ưu đãi thêm sắc hương điểm lệ. Nhất là vào mùa Xuân, mưa phùn giăng kín bầu trời như làn lụa mỏng đã tạo cho Hà Nội không khí ẩm cúng, gần gũi và điểm tô cho người con gái Hà Nội nét óng ả vui tươi. Mưa nhẹ như những hạt bông bám trên mái tóc mây óng ả, vương trên bờ vai thon nhỏ, lăn dài trên các tà áo màu...Mưa không thấm ướt đôi má, không làm hoen màu son trên môi, chỉ lấp lánh trên rèm mi như những hạt châu muôn sắc.

Tôi không biết danh từ mưa phùn có từ bao giờ, diễn tả động tác nào, hay đó chỉ là những hạt nước nhỏ li ti, đan quện vào nhau tạo thành một tấm màn mỏng như khói sương buổi sớm, phủ mờ Tháp Rùa và những tàng cây xung quanh

hồ, tạo thành một bức tranh thủy mặc thiên nhiên mờ ảo. Vừa mang nét cổ kính, vừa đượm vẻ thơ mộng hữu tình.

Mưa phùn đẹp thật, nhất là mưa phùn trên thành phố Hà Nội. Những hạt mưa bé nhỏ mỏng manh đã làm xanh các chồi nhánh, làm mơn mẩn các cánh hoa đào, làm lòng người thêm phần khởi vào dịp Xuân về.

Người Hà Nội tự hào về nét thanh lịch trong nếp sống, qua lời ăn tiếng nói với ngôn ngữ chính xác, mẫu mực, không quen dùng danh từ thô tục. Luôn nhún mình, mềm mỏng mà không khoe khoang, biết tôn trọng mọi người.

Dù sau nhiều thăng trầm biến đổi, dù dưới bất cứ hoàn cảnh nào, người Hà Nội vẫn giữ được nét hào hoa phong nhã. Điểm đặc biệt này được ca ngợi qua ca dao:

“Chẳng thơm cũng thể hoa nhài,  
Dẫu chưa thanh lịch cũng người Tràng An.”

Hà Nội có nhiều di tích cổ xưa. Theo truyền thuyết, năm 1009, khi Thái Tổ Lý Công Uẩn đi ngang qua thành Đại La, thấy nơi chân thành có một đám mây hình con rồng bay lên, Vua cho là điềm báo tốt nên đã dời đô về Đại La và cho đổi tên là thành Thăng Long vào năm 1010.

Vào đời nhà Trần, Thăng Long vẫn được tiếp tục mở rộng và phát triển. Đến đời nhà Nguyễn, Vua Minh Mạng thứ 13 cho thành lập Tỉnh Hà Nội vào năm 1931. Tỉnh Hà Nội gồm 4 phủ: Hoài Đức, Ứng Hòa, Lý Nhân và Thường Tín. Tỉnh lỵ là thành Thăng

Long cũ. Ngày 1-10-1888, Vua Đồng Khánh ra đạo dụ nhượng cho Pháp thành phố Hà Nội. Sau Hiệp Ước Patenotre, Tổng Thống Pháp, Sadi Carnot, ra sắc lệnh thành lập thành phố Hà Nội. Năm 1902 Hà Nội là Thủ phủ của Liên Bang Đông Dương (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Lào và Mên).

Hà Nội nằm dọc theo hữu ngạn sông Hồng, còn gọi là Nhị Hà, vì trước khi tới Hà Nội sông Hồng tách ra một nhánh nhỏ chảy tới tỉnh Hải Dương mang tên sông Đuống. Từ đây, Hà Nội ngày một mở mang, trong đó phải kể tới khu “phố Cổ Hà Nội”, xây dựng từ cuối thế kỷ XIX sang nửa thế kỷ XX. Hà Nội trở lên sầm uất hơn, trung tâm thành phố được mở rộng. Các ao, hồ, đầm dần dần bị lấp kín để phát triển thành phố, hầu đáp ứng dân số ngày một gia tăng.

“Hà Nội ba mươi sáu phố phường” là biểu tượng của khu phố Cổ, được giới hạn về phía Bắc bởi đường Hàng Đậu, phía Tây là đường Phùng Hưng, phía Đông là đường Trần Nhật Duật và đường Trần Quang Khải, phía Nam là đường Hàng Bông, Hàng Gai, Cầu Gỗ và Hàng Thùng. Khi xưa, “khu vực 36 phố phường” có nhiều ao hồ. Khu này được bao bọc bởi sông Tô Lịch ở phía Bắc, sông Hồng ở phía Đông và Hồ Hoàn Kiếm ở phía Nam. Vào thế kỷ XV, khu Kinh Thành Thăng Long gọi là Phủ Trung Đô gồm 2 huyện với tổng số 36 phường.

Theo sử cũ, vào thời Nhà Lê, Thăng Long còn gọi là Phủ Phụng Thiên gồm hai huyện Vĩnh Xương (sau đổi ra Thọ Xương) và Quảng Đức (sau đổi ra Vĩnh Thuận). Mỗi huyện có 18 Phường. Phường là tổ chức theo nghề nghiệp, chỉ dùng riêng cho kinh thành Thăng Long, tương đương với Xã của nông thôn.

“Phố” khác với Phường. Phường là một khu vực hành chánh, còn Phố là một chỗ bán hàng, nơi bày hàng, (cũng có nghĩa là cửa hàng cửa hiệu), nằm sát nhau thành một dãy.

“Hàng” chỉ là tên gọi của các cửa hiệu bày bán một mặt hàng giống nhau nằm sát nhau trong một khu phố (Hàng đào, Hàng đường...) Sau bao nhiêu thay đổi, có nhiều phố nguyên là tên Hàng đã mang tên mới như: Hàng Cỏ đổi thành phố Trần Hưng Đạo, Hàng Dẫy là Nguyễn Thái Học...

Sau khi Pháp chiếm Hà Nội, khu Phố Cổ có nhiều thay đổi, các con đường được chỉnh trang, có hệ thống thoát nước, nhà cửa hai bên đường được xây gạch, lợp ngói. Mở mang các khu buôn bán như chợ Đồng Xuân... Kể từ năm 1945 đến 1985, nhiều gia đình từ chiến khu trở về được cư ngụ tại Phố Cổ. Mỗi căn nhà có hai, ba gia đình. Nhân số trong mỗi gia đình cũng tăng, khiến Phố Cổ ngày càng đông. Kể từ năm 1960 đến 1983, khu Phố Cổ vốn là nơi buôn bán sầm uất trước kia, đã trở thành khu dân cư thuộc các gia đình cán bộ.

Như vậy, chỉ “Kinh Thành Thăng Long” thời Nhà Lê mới có 36 Phường.

Còn “Hà Nội 36 Phố Phường” mà chúng ta gọi hiện tại chỉ là một danh xưng không có trong thực tế.

Trong tác phẩm “Việt Nam thi văn hợp tuyển” của ông Dương Quảng Hàm có ghi những câu ca dao về 36 phố ở Hà Nội:

Rủ nhau chơi khắp Long thành  
Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai:

*Hàng Bồ, hàng Bạc, hàng Gai,  
Hàng Buồm, hàng Thiếc, hàng Bài,  
hàng Khay,  
Mã Vĩ, hàng Điếu, hàng Giấy  
Hàng Lò, hàng Cốt, hàng Mây, hàng Đàn,  
Phố Mối, Phúc Kiến, hàng Ngang,  
Hàng Mã, hàng Mắm, hàng Than,  
hàng Đồng,  
Hàng Muối, hàng Nón, cầu Đông,  
Hàng Hòm, hàng Đậu, hàng Bông, hàng Bè,  
Hàng Thùng, hàng Bát, hàng Tre,  
Hàng Vôi, hàng Giấy, hàng The, hàng Gà,  
Quanh đi đến phố hàng Da,  
Trái xem hàng phố, thật là cũng xinh.  
Phồn hoa thứ nhất Long thành,  
Phố giảng mắc cửi, đường quanh bàn cờ.  
Người về nhớ cảnh ngân nga,  
Bút hoa xin chép văn thơ lưu truyền.*

Những Đền đài Lãng miếu có từ thời dựng nước, khiến hình ảnh của Hà Nội đã đậm nét trong tâm tư mỗi người, nhất là Hồ Hoàn Kiếm với Tháp Rùa. Về địa lý, Hồ Hoàn Kiếm nằm theo hướng Bắc Nam, song song với sông Hồng và cách sông Hồng gần một cây

số. Theo sử lược, tên gọi Hoàn Kiếm xuất hiện từ Thế kỷ 15 với truyền thuyết Vua Lê Thái Tổ trả lại gươm báu cho Rùa thần. Theo bản đồ thời Hồng Đức, Hồ Hoàn Kiếm là một phân lưu của sông Hồng chảy qua vị trí các phố Hàng Đào, Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Hàng Chuối trước khi chảy vào nhánh chính của sông Hồng.

Đến thời Lê Trung Hưng, Thế kỷ 16, Chúa Trịnh cho chỉnh trang Hoàng thành Thăng Long. Chúa Trịnh cho ngăn hồ lớn thành hồ Tả Vọng và Hữu Vọng dùng làm nơi duyệt quân thủy chiến. Đến đời Tự Đức (1847-1883), hồ Hữu Vọng được gọi là hồ Thủy quân, còn hồ Hữu Vọng là hồ Hoàn Kiếm. Năm 1884, chính quyền Bảo Hộ Pháp cho lấp hồ Thủy quân để mở mang Hà Nội.

Ngoài Tháp Rùa nằm ở trung tâm của hồ Hoàn Kiếm, được xây dựng vào khoảng giữa năm 1884 đến tháng 6-1886, còn có các di tích khác bao quanh hồ như:



Cho đến cuối thập niên 1980, phố cổ còn được giữ gần như nguyên vẹn

Đền Ngọc Sơn và Cầu Thê Húc (1) nằm về phía Bắc, do nhà từ thiện tên Tín Trai lập ra nằm trên nền cung Thụy Khánh. Đền Ngọc Sơn có tên là Tượng Nhĩ, sau đó vua Lý Thái Tổ đặt tên là Ngọc Tượng. Đền Ngọc Sơn thờ thần Văn Xương, hiện thân của văn chương, khoa cử. Đền cũng thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo, vị anh hùng của dân tộc.



Ngoài Đền Ngọc Sơn còn có nhiều nơi mang dấu ấn lịch sử, trong đó phải kể là Cầu Thê Húc xây dựng năm 1865, mang ý nghĩa “một nơi chan hòa ánh sáng mặt trời buổi sáng”. Kế đến là “Tháp Bút” gồm 5 tầng xây dựng vào năm 1865, nằm về hướng Đông Bắc của hồ. Trên đỉnh tượng trưng cho một ngòi bút hướng lên trời. Phần thân tháp có khắc 3 chữ “Tả Thanh Thiên” (viết lên trời xanh). Tầng thứ ba có khắc bài “Tháp Bút Chí”. Gần Tháp Bút có “Đài Nghiên” cũng được xây dựng cùng thời với Tháp Bút. Ba chân kê Nghiên là hình tượng ba con cóc. Trên thân

Nghiên có khắc một bài “Minh”, gồm 64 chữ Hán.

Trên bờ phía Đông của hồ có “Tháp Hòa Phong”, là di vật còn lại của chùa “Báo Ân” (Chùa bị phá bỏ vào năm 1898). Tháp gồm ba tầng, các cửa hướng về bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc. Mỗi cửa đều có ghi: Báo Đức môn, Báo Ân môn, Hòa Phong tháp và Báo Thiên tháp. Tầng tháp dưới đáy cao và lớn hơn hai tầng trên. Bốn mặt của tầng thứ hai có hình Bát quái. Tầng ngọn Tháp có chữ “Hòa Phong Tháp.”

Trên bờ phía Đông Bắc của hồ có Đền Bà Kiệu xây dựng từ thời Lê Trung Hưng. Do việc mở đường nên Đền chia làm hai: Tam quan ở sát bờ hồ, còn Đền nằm phía bên kia con đường. Đền Bà Kiệu thờ ba vị nữ thần: Liễu Hạnh Công Chúa, Đệ Nhị Ngọc Nữ và Đệ Tam Ngọc Nữ.



Cổng đền Ngọc Sơn: trán cổng ghi ba chữ “Đắc nguyệt lâu” 得月樓 tức là lầu (hứng) được (ánh) trăng

(Còn tiếp một kỳ)

# PHƯỢNG

(Tiếp theo số báo trước)

Mấy đêm sau, Phượng lại nghe thấy tiếng đàn và sáng dậy lại thấy đôi dép đã đổi chỗ từ cuối giường lên đầu giường. Một lần khác, Phượng nghe như có tiếng đi rón rén ngoài hành lang và trên mái nhà.

Các anh chị Phượng cũng kể lại những sự việc đó với một giọng thần nhiên, không ai tỏ ra sợ hãi. Dần dần mọi người không còn để ý đến chuyện ma nữa, cho đến một hôm cách đó có đến năm hay sáu tháng sau.

Một buổi sáng thức dậy, mẹ Phượng mở cửa trước ra nhìn rồi lo sợ tái mặt đi, chạy vào gọi cả nhà:

- Ra mà coi kia.

Mọi người theo ra nhìn và thấy một dãy nồi niêu úp trên sân gạch ngay trước cửa chính. Đó là những nồi niêu thường để ở từng dưới cùng trong trạn gỗ dưới bếp. Không biết làm sao mà những nồi niêu đó bây giờ lại úp cả ở trên sân gạch này.

Sau một hồi bàn tán, chẳng ai biết làm gì hơn là cùng nhau ra mang những nồi niêu kia xuống bếp để vào chỗ cũ.

Liên tiếp ba ngày liền cứ như thế. Nồi niêu ở trong bếp như có chân bò lên nằm ngay trước cửa chính. Với con Vện và con Mực cả đêm chạy sục sạo chung quanh nhà, nhất là những đêm sáng

trắng như mấy đêm vừa rồi, không một người lạ nào có thể vào đây để làm những chuyện kỳ quặc đó mà không bị hai con chó cắn nát xương, hay ít nhất cũng sủa vang cả xóm. Nhưng cả nhà Phượng không ai nghe thấy một tiếng chó sủa nào suốt ba đêm qua.

Đến ngày thứ tư, bố Phượng bàn:

- Hay là đêm nay mình chia nhau thức để canh chừng. Cứ đứng trong nhà nhìn qua khe cửa ra xem thì biết.

Phượng và Bà Nội không được giao công tác canh chừng đó nên hai bà cháu đi ngủ như thường lệ.

Phượng đang say sưa trong giấc nồng thì tỉnh dậy khi nghe có tiếng chị cả thì thầm gọi Bà Nội:

- Nội ơi, dậy mà coi.

Nhờ ánh sáng trăng lọt qua những khe cửa vào, Phượng thấy Bà Nội ra khỏi giường và đi theo chị Cả về phía cửa trước. Phượng cũng đi theo ra.

Ghé mắt sát vào khe cửa, Phượng thấy hai bóng đen từ bếp đi lên. Hai bóng đen, không phải là bóng người, đầu đội một chiếc nồi, thông thả tiến về phía cửa chính. Nhìn kỹ nữa, Phượng nhận ra hai bóng đen đó là con Vện và con Mực.

Hai con chó đứng thẳng mình lên, chỉ đi bằng hai chân sau, còn hai chân trước thì buông xuôi ở trước ngực. Trên đầu mỗi con đội một cái nồi. Hai con chó đi thật thông thả, dò từng bước một. Con Vện đi trước; con Mực theo sau. Đến cạnh sân, gần bậc thềm cửa chính, con Vện nhẹ nhàng bỏ hai chân trước xuống,

rồi cũng nhẹ nhàng để cái nôi úp xuống sân. Con Mực bắt chước theo y hệt.

Sau đó hai con chó nhảy cẫng lên và chạy vòng ra bờ ao như thể mừng rỡ về việc làm của chúng. Một lúc sau, Phụng lại thấy hai con chó đi vào bếp. Nhưng có lẽ nôi niêu đã mang ra hết rồi, nên hai con chạy vòng ra sau vườn nô nghịch với nhau.

Ngày hôm sau Phụng nghe thấy Mẹ nói với Bố, nhưng cũng là nói với cả nhà:

- Hai con chó lâu ngày đã thành tinh quái rồi. Mình phải tìm người bán đi thôi.

Phụng rụng rời chân tay, chỉ nói được một câu:

- Mẹ ơi! Đừng bán.

Rồi cổ nghẹn lại, nước mắt chảy ra tràn trụa. Cảnh con chó Vàng bị làm thịt hai năm trước lại hiện lên rõ ràng trước mắt Phụng.

Bà Nội như hiểu ý cháu, nói tiếp:

- Hai con chó mình nuôi trong nhà đã mấy năm nay, thân thiết như con cháu mình. Đem bán rồi lỡ người ta làm thịt thì mình mang tội. Chó nó khôn, nghịch ngợm như trẻ con đấy thôi, chứ có ma quái gì đâu. Tối nay mình đem nôi niêu để hết lên nóc chạn, chó không với tới được là hết nghịch ngợm.

Nghe Bà Nội nói có lý, cả nhà làm theo và quả nhiên từ đó trở đi nôi niêu không còn bị mang ra bày trước sân nữa.

Vừa lúc mọi người gần quên đi chuyện tính quái của con Vện và con Mực thì một chuyện khác lại xảy ra ở nhà bên cạnh.

## TA THẤY EM..

*Ta thấy em về trong dáng hoa  
Ta mơ em đến ánh trăng ngà  
Có lần gặp em không điểm hẹn  
Có nghĩa là... hương thấp thoáng xa..*

## NƯỚC MẮT EM..

*Nước mắt em lùa mây chìm ngọn sóng  
Ánh nắng tàn rớt hạt bụi hư không  
Môi em khô như mùa đông ráo lệ  
Con đường tình dài mãi biệt ngàn thông...*

VA, Noel 2015  
tặng P.Th

## BÙI THANH TIÊN

Buổi chiều hôm ấy Phụng đang đứng thờ thần sau nhà thì thấy đứa con trai nhà bên cạnh, cũng cỡ mười hai tuổi như Phụng trèo lên cây mãng cầu ở cuối vườn phá tổ chim. Nó bắt được một con chim non còn đỏ hoản bỏ vào túi mang xuống.

Vừa lúc đó cặp chim bố mẹ về tới nơi. Đó là một cặp chim sáo đen. Thấy tổ bị phá và con bị bắt, hai con sáo vừa bay chao xuống đầu thẳng nhỏ, vừa thốt ra những tiếng kêu giận dữ, ai oán. Thằng nhỏ vội chạy biến vào trong nhà.

Ngoài cửa hai con sáo đen vẫn bay chao qua, chao lại và vẫn kêu ai oán cho đến tối khuya mới yên. Nghe tiếng hai



con chim sáo kêu náo nức, Phượng chảy nước mắt thương hại. Nhưng cũng như đối với con chó Vàng bị làm thịt hai năm về trước, Phượng cảm thấy hoàn toàn bất lực, không thể làm gì được. Phượng thầm ước ao Phượng có thể cầm một cây gậy lớn và đánh chết thằng nhỏ để cứu con chim con.

Sáng sớm hôm sau, vừa tỉnh dậy, Phượng đã nghe thấy tiếng kêu náo nức của hai con sáo. Một lúc sau, tiếng kêu đó càng đồ hồ giận dữ, náo nức hơn. Phượng nhìn sang nhà bên cạnh thì thấy thằng nhỏ đã mang cái lồng tre trong có đựng con chim con treo ra hiên ngoài.

Thấy con, đôi chim sáo đen gào thét lên, bay chao xuống. Có lúc cặp chim sáo đen bám ngay vào thành lồng và thò mỏ vào mớm đồ ăn cho con. Mỗi lần thấy thằng nhỏ ra ngoài là cặp chim sáo lại gào thét lên và chao xuống như muốn mổ vào đầu, vào cổ nó. Thằng nhỏ sợ hãi cứ phải giơ hai tay lên chống đỡ.

Sáng sớm hôm sau, cũng cái cảnh đó diễn lại. Phượng đang mê mải xem cặp chim sáo bám vào lồng mớm mồi cho con, bỗng Phượng thấy cặp chim sáo bay vụt lên, kêu náo loạn.

Một con mèo khoang vừa xuất hiện ở trên bờ tường gần chỗ cái lồng. Con mèo ngấm nghĩa, lấy đà, rồi nhảy vọt lên, bám được hai chân trước vào lồng. Cái lồng chao mạnh đi, và tuột khỏi cái móc, rơi xuống đất, cửa lồng bung ra.

Nhanh như cắt, con mèo lao tới, cho chân vào cào con chim con ra, và cắn cổ

thả vào trong góc hiên ăn thịt. Hai con sáo kêu lên những tiếng ai oán thảm thiết.

Ngày hôm sau, Phượng thấy hai con sáo ủ rũ đậu trên cành cây trước cửa nhà bên cạnh. Cả hai con như tê cứng, không động đậy. Chỉ những lúc thấy thằng nhỏ hay con mèo xuất hiện, hai con sáo mới thốt ra những tiếng kêu ai oán giận dữ, rồi chao xuống như muốn xé xác, ăn tươi thằng nhỏ và con mèo. Vài hôm sau, Phượng không thấy hai con sáo đâu nữa.

Một hôm đi học về, Phượng nghe có tiếng khóc ồn ào ở nhà thằng nhỏ bên cạnh. Bà Nội nói cho Phượng biết thằng nhỏ đã chết. Nó tìm thấy một tổ chim khác và trèo lên phá. Không ngờ hai con chim sáo kia vẫn quanh quẩn đầu đó, nhào đến mổ nó. Thằng nhỏ hoảng sợ, luýnh quýnh thế nào, rồi tuột tay té xuống đất. Người nhà đưa đi nhà thương cấp cứu, nhưng nó bị gãy cổ, bác sĩ không lành gì được. Nghe Bà Nội nói, Phượng rùng mình, tái mặt đi. Đúng là hai con chim sáo đã trả thù cho con. Bà Nội cũng nghĩ thế.

Và rồi cả xóm cũng nghĩ thế khi chỉ một ngày sau con mèo khoang lại bị xe cán chết. Nó đang băng qua đường đuổi theo một con mèo cái thì cặp chim sáo ở đầu sà xuống như muốn mổ nó. Con mèo mãi quay đầu lên chống trả với cặp chim sáo, không kịp tránh cái xe hơi vừa lao tới và bị cán nát xác.

Cũng ngày hôm đó, Phượng thấy trên trang nhất báo *Tự Do* có đăng tin:

*“Đêm qua một người đàn ông đã giết năm đứa con từ một tuổi đến tám tuổi bằng cách đợi cho các con ngủ say, rồi lần lượt ẵm từng đứa ra sân sau, dốc đầu vào chum nước, nhận cho chết.”*

Phượng không thể không so sánh người đàn ông tàn ác đó với hai con chim sáo đen, liệu mình cứu con và trả thù cho con.

\*\*\*

Những chuyện đó đã xảy ra hơn ba mươi năm trước. Cô nữ sinh bé bỏng tên Phượng bây giờ đã trở thành một giáo sư vật lý không gian tại một đại học nổi tiếng ở Hoa Kỳ. Năm tháng đã qua đi, nhưng giáo sư Phượng vẫn nhớ những chuyện đó rõ ràng như mới xảy ra ngày hôm qua.

Giáo sư Phượng đã khám phá nhiều bí hiểm về thế giới vật chất. Với ống kính viễn vọng điện tử, giáo sư đã nhìn sâu vào vũ trụ cả ngàn năm ánh sáng, tìm thấy những thiên thể mà từ trước đến giờ chưa ai nhìn thấy. Hàng ngày, trước những con mắt thán phục của sinh viên, giáo sư đã giảng giải những lý thuyết rắc rối nhất về việc thành hình của vũ trụ.

Nhưng giáo sư Phượng vẫn chưa tìm thấy câu trả lời cho những thắc mắc của cô bé tên Phượng hơn ba mươi năm về trước: Có ma không? Người ta có linh hồn không? Loài vật có linh hồn không? Giáo sư cũng chưa có một nhận thức rõ ràng linh hồn là gì. Đối với thế giới siêu hình của linh hồn, giáo sư vẫn

chỉ là cô bé tên Phượng mười hai tuổi, không hơn, không kém.

Giáo sư Phượng cũng thường về thăm Bà Nội. Bà cụ đã hơn chín mươi tuổi, nhưng vẫn còn minh mẫn.

Mỗi lần bà cháu gặp nhau là lại có dịp ôn lại những chuyện ngày xưa. Giáo sư Phượng biết chắc chắn Bà Nội học không hết lớp Năm; nhưng sao giáo sư có cảm tưởng rằng Bà Nội hiểu biết nhiều hơn mình về linh hồn, về thế giới siêu hình.

Giáo sư Phượng nhớ lại câu nói với Bà Nội hơn ba mươi năm về trước: *“Có người có linh hồn; có người không có linh hồn. Còn chó thì có linh hồn”*. Giáo sư Phượng mỉm cười một mình với câu nói ngây thơ đó, nhất là với cái định nghĩa thô kệch của bé Phượng về linh hồn. Giáo sư nhớ lại chuyện đôi chim sáo thương sót con, liệu mình cứu con và trả thù cho con. Giáo sư bỗng liên tưởng đến một chuyện vừa được báo chí Hoa Kỳ đăng tải:

*“Bà Susan Greene đã thú nhận với cảnh sát là chính bà giết hai đứa con trai ba tuổi và một tuổi bằng cách để chúng ngồi vào ghế sau xe hơi rồi cho xe lăn xuống hồ.”*

Giáo sư Phượng vô tình so sánh người mẹ đó với đôi chim sáo và nói một mình:

- Chim sáo có linh hồn; còn người mẹ kia thì không.

**PHẠM HỮU BÌNH**

# MỘT THOÁNG HƯƠNG ĐÊM

Kim-Vũ

Đêm đã khuya lắm. Có lẽ cũng đến khoảng hai giờ sáng rồi chứ không sớm hơn. Tích vừa thức dậy sau một giấc ngủ ngon và đầy. Hồi chiều, sau bữa cơm, điện đột nhiên tắt trong khi chàng đang đọc cuốn “Chuông Nguyện Hồn Ai” của Hemingway, và chàng đã thiếp đi lúc nào không hay. Có những hôm, chàng ngủ thật khó khăn, nhưng cũng có những ngày khác, giấc ngủ đến với chàng thật êm nhẹ, và chàng nghĩ, thật là sung sướng nếu ta vẫn còn có thể có được những giấc ngủ êm đềm. Giấc ngủ không ác mộng là một nguồn hạnh phúc lớn, và không phải ai cũng có thể luôn có những giấc ngủ như thế, dù người ta chẳng hề làm cái gì có thể gây ra những ám ảnh đi chăng nữa. Chúng stress thời đại không từ một người nào.

Ít lâu nay, Tích cố tạo cho mình những thói quen tốt. Tập thể thao buổi sáng, bớt uống rượu, hút thuốc, ăn rau dưa nhiều, đọc sách vừa phải để khỏi căng đầu đến độ cần điều thuốc lá cho dẫn bớt thần kinh. Và bạn bè vui chơi trong mức độ phải chăng để giữ mối giao hoà cùng cuộc sống. Một phương thuốc chỉ giản dị có thế, nhưng hình như mang lại kết quả không ngờ. Ít ra là chàng cũng cảm thấy như vậy.

Chàng vừa hút xong một điếu thuốc lá rẻ tiền. Chàng đã có thể không làm như vậy nhưng vẫn cứ làm, để xem nó ngon đến chừng nào. Không ngon. Lại hơi làm cho đầu căng. Một dấu hiệu tốt. Cứ như thế này, có lẽ chàng có thể tiếp tục giữ được mức hút thuốc ở chừng mực thấp như trong ít lâu nay.

Trời đêm nhẹ nhàng, tĩnh mịch. Không có trăng. Hôm nay đã vào hạ tuần tháng bảy ta. Mấy hôm rồi mưa nhiều, chàng hơi bị cảm cúm, và khi đi ngủ, chàng đã phải mặc thêm áo lót phòng lạnh. Vào giấc sáng sớm, trời chuyển lạnh hơn mọi thời điểm trong ngày, và nhiều khi chàng phải dùng đến tấm chăn mỏng đắp lên người mới tiếp tục ngủ ngon.

Bây giờ mới khoảng hai giờ sáng. Vẫn còn sớm. Chàng đã phải bỏ cái áo lót ra khi ngồi vào bàn viết, mới đủ cảm thấy cái lạnh nhẹ nhàng lan thấm vào da thịt. Lại một dấu hiệu tốt. Chứng tỏ sức khoẻ chàng chưa đến nỗi tồi tệ đi.

Cuộc sống tiếp diễn được như thế này, chàng tưởng rằng chẳng thể mong mỏi gì nhiều hơn nữa. Vẫn cảm thấy từng ngày qua đi mà không phí phạm. Dù rằng hồi sau này chàng cũng chưa làm được gì nhiều để có thể gọi là đã tận dụng tiềm năng của mình. Chàng thấy rằng chàng bình tĩnh lạ thường, tự tin lạ thường.

## **Đóa Hoa Lòng**

*Hoa tình thương nở trong lòng  
Vẫn còn tha thiết theo dòng đời trôi  
Quê nhà giờ quá xa xôi  
Đồng xanh hương mạ bồi hồi luyến thương  
Đòng đòng trĩu ngọn tinh sương  
Nhớ mùi lúa chín gió vương tóc dài  
Đêm trăng vọng tiếng hò ai  
Vần công đập lúa gái trai ước nguyện  
Cau trầu sinh lễ nên duyên  
Bên nhau đầm thắm cần chuyên dịu hiền  
An lành hạnh phúc triển miên  
Con ngoan mái ấm ven miền Hậu Giang  
Loạn ly chinh chiến về làng  
Gia đình chia cách hai hàng lệ rơi  
Con đồ tách bến chơi vơi  
Mái tranh thâm lặng bên trời chênh vênh  
Lối mòn chân bước nhẹ tênh  
Lá khuya xào xạc mộng mênh nỗi buồn  
Ước mong nước lại về nguồn  
Cung đàn hòa nhịp tràn vui mừng*

**Đỗ thị Minh Giang**

Làm rất ít mà không bao giờ nghĩ rằng mình đang phí phạm thời gian vàng ngọc. Chàng có đang tự mãn quá chăng? Mà ngay cả những dự định có thể gọi là lớn, chàng cũng chẳng có lấy một ý niệm nào. Tất cả còn đang ở

trong dạng tiềm tàng. Chàng còn đang ở trong giai đoạn tích lũy vốn sống. Và chàng đã có cơ hội để hiểu ra rằng, không cần phải lúc nào cũng bận tâm lo lắng là mình đang tích lũy cái gì, cho công việc gì. Tích lũy vốn sống, cho cuộc sống, thế thôi. Để sống cho đúng hơn, đẹp hơn. Những toan tính căn cơ, chàng cho là biểu thị một tinh thần ấu trĩ, cơ hội, rồi ra cũng chẳng đưa đến cái gì đáng kể. Cứ sống cho đây, cho tự nhiên. Rồi ra cái gì tới sẽ tới. Goethe nói đã bỏ ra bốn mươi năm để viết Faust”, nhưng chàng chắc chắn trước khi ông ngồi xuống bàn viết bắt đầu tác phẩm, những tư tưởng tình cảm của ông cũng chỉ ờ dạng mang mang mà thôi. Đó là bản thể của thế giới sáng tạo, bản thể của cuộc đời. Chỉ khi nào có một hiện tượng như là “đột biến gen”, thì như là một tia lửa đốt cháy cánh đồng, tất cả mới tụ họp lại, và một tác phẩm ra đời, có thể chỉ cần batháng, có khi ít hơn không chừng. Nguyễn Du khi viết “Kiều” chắc cũng thế. Van Gogh cũng đã có ngày vẽ được cả chục bức tranh. Newton không phải chỉ nhìn quả táo rơi một lần mà tìm ra luật vạn vật hấp dẫn. Có một cái gì tương tự như sự “đón ngộ” trong Thiên.

Dù sao thì lúc này Tích cũng không mấy bận tâm về chuyện mình có thể làm được cái gì. Một con người có định mệnh. Một tác phẩm cũng có định mệnh. Một dân tộc cũng vậy. Cái mà ngôn từ thời thượng gọi là “tất yếu lịch sử”, mặc dù nó bí nhiệm và kỳ ảo gấp

vạn lần ý thức con người. Khi tất cả những điều kiện đã chín muồi, một cái gì mới đột nhiên xuất hiện, do một người nào đó, một tập thể nào đó, như một phép lạ. Chẳng việc gì mà rồi lên. Như trong đêm nay, hãy thưởng thức cái không khí tuyệt vời của một đêm yên tĩnh đã. Có tiếng gà gáy xa xa, và cả những tiếng động rõ ràng của vài xe cộ không động cơ nữa. Trời Sài Gòn về đêm sao tuyệt diệu lạ lùng. Như một miền quê êm đêm không chiến tranh. Sau những tháng năm dài trong bom đạn, đất nước chàng giờ đây đã lại hoà bình. Còn có thể đòi hỏi gì hơn nữa? Dĩ nhiên cuộc sống còn vô số vấn đề. Chuyện cơm ăn áo mặc, nhà ở, việc làm cho một số dân không dưới bảy chục triệu người không bao giờ là một vấn đề đơn giản. Và những chuyện hà hiếp bức bách, tủi nhục oan khiên không phải là ít.

Thế nhưng chàng tin ở dân tộc mình, một dân tộc có truyền thống, có sinh lực, thông minh và nhạy bén, luôn luôn hướng tới tương lai. Và đang trên đà hồi phục.

Chàng sẽ đóng góp vào công cuộc xây dựng mới đó, bằng cách nào, qua con đường nào, chàng chưa thể rõ. Tất cả còn đang mang mang, đang trong quá trình quy tụ. Nhưng chàng cảm thấy trong chàng, nguồn sinh lực cũng dồi dào như trong dân tộc chàng, sung mãn nhưng không sôi sục, khoẻ mạnh nhưng không non xanh.

“Em ơi anh vui quá em có biết không? Anh hạnh phúc quá em có biết không? Anh diễm phúc quá em có biết không? Bởi vì lúc nào, ở đâu, anh cũng có em để mà chia sẻ những ước mơ. Mà những ước mơ của anh mới tươi đẹp làm sao, mới rực rỡ làm sao, mới sáng sủa làm sao! Hạnh phúc thay là người lúc nào cũng có tri kỷ kề bên, như máu chảy trong tim, như không khí để thở, như dòng nước mát đầu nguồn.”

“Anh vừa đọc xong một chương về tình yêu của Hemingway. Và anh ngạc nhiên hết sức. Hemingway cũng có thể viết về tình yêu đấy! Và rất tuyệt vời nữa chứ! Nghe đây em:”

“... Em yêu anh, ôi em yêu anh lắm. Anh để tay lên đầu em đi...” Cô gái nói, mặt ngoảnh về phía khác và vẫn úp vào gối. Anh để tay lên đầu cô vuốt ve và bỗng dưng cô gái không úp mặt vào gối nữa. Cô nằm lọt trong tay anh, ôm chặt lấy anh, áp mặt vào mặt anh và khóc. Anh ôm chặt lấy cô, cảm thấy cả chiều dài thân hình non trẻ của người con gái. Anh vuốt đầu cô, hôn lên đôi mắt ướt đầm nước mắt mặn mặn và trong lúc cô khóc, anh cảm thấy đôi vú tròn và cứng chạm vào người anh qua làn áo cô mặc.

- Em không biết hôn, cô nói. Em không biết hôn thế nào cả.

- Không cần phải làm gì cả. Cứ thế này là đủ rồi. Nhưng em mặc nhiều áo quá đấy!

- Em phải làm gì?

- Để anh giúp.

- Như thế tốt hơn ư?

- Ừ, tốt hơn nhiều lắm. Em không thấy thể dễ chịu hơn ư?

- Có. Dễ chịu hơn nhiều lắm. Thế em sẽ đi với anh như chị Pila nói chứ?

- Nhưng không đi về một nhà nào đâu. Đi với anh cơ.

- Không. Em sẽ về một cái nhà.

- Không. Không. Không. Đi với anh và em sẽ là vợ anh.

Hai người nằm trong túi chăn. Những gì trước kia còn che đậy thì lúc này không còn che đậy nữa. Những gì trước đây là vải thô cứng thì lúc này chỉ còn là một sự dịu dàng tròn trĩnh ép chặt, một cảm giác mát dịu ấm áp, dài, nhẹ nhàng gắn chặt vào nhau, ghì chặt lấy nhau, đơn độc, trống rỗng với những đường cong, cảm giác sung sướng, trẻ trung và yêu đương, và lúc này tất cả sự dịu dàng nóng hổi với một cảm giác trống rỗng đau nhói ở ngực, một cảm giác cô đơn mà siết chặt đến nỗi Jordan cảm thấy anh không chịu đựng nổi nữa, anh hỏi: "Em đã yêu ai chưa?"

- Chưa bao giờ..."

Sung sướng làm sao, anh đã đọc trang văn đầu tiên về tình yêu của Hemingway vào cái tuổi muộn màng này và có ngay em để chia sẻ. Chúng mình đã sống những giây phút như thế nào nhỉ? Hẳn là chẳng kém gì câu chuyện của nàng Maria. Chỉ tiếc là anh không có cái tài của Hemingway để nói lên điều đó. Nhưng Hemingway đã nói gần hết giùm anh rồi còn gì! Và anh thì

lại có em, điều mà Hemingway không bao giờ có. Em có ngạc nhiên không khi ngay lúc này, anh cảm thấy yêu đời đến thế. Và ngay lúc này, anh cảm thấy còn hơn cả Hemingway, dù chưa là nhà văn, dù chưa bao giờ bắt đầu một cuốn tiểu thuyết trong đời."

Đúng rồi, Tích cảm thấy, ngay lúc này, chàng cần một điều thuốc thật ngon.

May mắn thay, còn đúng một điều thuốc như thế cho chàng. Điều thuốc mang tên:

"Sài Gòn". Thơm, dịu lạ lùng, loại thuốc ngon nhất mà chàng từng hút trong đời. Sản xuất tại Việt Nam.

Chàng mỉm cười. Kể từ nay, chàng sẽ có "Saigon" hút thoải mái. Dù Sài Gòn không phải là Paris, và căn phòng của chàng không phải là khách sạn Ritz, nơi Hemingway đã từng khui hàng kết rượu thượng hảo hạng sau khi quân Đông Minh giải phóng Kinh Đô ánh sáng từ tay quân Đức Quốc Xã trong Thế Chiến thứ hai.

Dù sao, chàng vẫn có thể pha cho chàng một ly trà Bảo Lộc. "Ly Trà Buổi Sáng" của chàng.

"Cũng gần sáng rồi đấy, em nhỉ?"

Chàng nhìn vào trong giường. Vẫn còn đang say sưa trong giấc điệp. Chàng mỉm cười thú vị. Chàng vừa đã hôn nàng, và sẽ lại hôn nàng. Như Maria đã hôn Jordan.



# NGÃ NĂM BÌNH HÒA TẾT MẬU THÂN

Dẫn lộ:

*Miền Nam khói lửa toi bờ  
Dân tình nhón nhác ngập trời lo âu  
Đô Thành hồng rực đêm sâu  
Trong bom đạn xé canh thâu điêu tàn...*

Vỏ đạn rải rác khắp trên mặt đường. Máy bay vẫn vũ trên nền trời trĩu nặng mây xám. Đây đó một vài xác chết nằm còng queo, người thì ngửa mặt lên trời trông mắt chưa kịp khép, người thì úp xấp phơi lưng đầm máu khô bầm. Chị Ngọc sợ chết khiếp, bước đi không vững, tay níu chặt lưng áo Phong. Đạn vẫn vi vút đầu đó. Thình thoảng một tiếng gầm vang dội của đại bác ngay gần chỗ hai chị em đang dìu nhau chạy. Vỏ đạn lạc loài vài miếng rớt xuống những vũng nước mưa sôi xì xì cách chỗ hai chị em không đầy một thước. Chị Ngọc quíu chân, khụy xuống, hai tay ôm lấy đùi Phong. Chị nức nở khóc. Phong cúi xuống đỡ chị:

- Can đảm lên nào. Gần tới nhà rồi.

An ủi bà chị dâu nhưng Phong cũng biết hai chị em đang trong tình trạng nguy hiểm. Rơi đúng vào vùng chiến. Càng gần Ngã Năm Bình Hòa xác chết càng nhiều. Những xác mặc đồ nâu sồng, đồ bà ba đen, những xác Việt Cộng nằm vùng.

Con đường hẻm dẫn vào nhà mẹ như bị cầy nát. Nhà cửa, mái, tường lỗ chỗ loang lỗ những vết đạn. Cây phượng vĩ ngay trước cổng nhà nhiều tàn lá bị xé rách. Trên một cành cây trần trụi, cánh tay ai đầm máu nằm vắt vẻo. Chị Ngọc rú lên, ngồi thụp xuống, lạnh cứng người. Phong kéo lê chị đến tận nhà.

Cửa khép nhưng không khóa. Nhà vắng ngắt. Ánh sáng rọi xuống từ những mảnh ngói vỡ, mảng trần lủng. Nhiều tranh treo trên tường tuột xuống đất. Đồ đạc xê dịch một cách hỗn độn. Nơi đây một cuộc chiến mạnh bạo đã xảy ra. Quan đội Việt Nam Cộng Hòa đã thả bom chế ngự lính Cộng Sản trước khi xáp chiến. Đúng là vùng tử địa của tàn quân Việt Cộng.

Tiếng súng liên thanh vẫn xối xả đầu đây. Bỗng một tiếng nổ ầm chấn động vang âm dữ dội của đại bác. Chị Ngọc chạy tóe từ phòng trong ra, tay ôm gói đồ, mặt nhợt nhạt:

- Đi, chú! Rồi khỏi nơi này ngay! Tôi nghĩ nhà mình muốn xập!

- Không đâu! Tiếng súng đã xa đây rồi. Nhưng cả nhà đã chạy hết thì mình còn đón ai. Hay chị trở về để một mình em đi kiếm gia đình.

- Trời đất! Tôi đi cùng với chú luôn chứ về một mình tôi chết mất.

## COMME UN CHRÉTIEN

Tu allumes une bougie  
Tu attends que les autres le fassent  
Comme toi, un chrétien de Pie  
Et tu te fous d'eux dans l'impasse.  
Pourvu qu'ils te ressemblent  
Et qu'ils croient à tout ce que tu crois  
En Dieu, Père et Esprit sain  
Et qu'ils te suivent loin sur ta voie.

Il ignorent les dix commandements  
De prier, se prier, piller ou quoi encore  
Tu as peur qu'à leurs yeux le monde change  
Et t'aurais plus le temps de remplir tes poches.  
Ils condamnent les anarchistes et rebelles  
Qui ont découvert leur philosophie  
Et qui ne croient plus à ce que les hommes appellent  
Dieu, Père, et Saint Esprit.

Tu regrettes les moments déchirants  
Où tu as béni derrière les armes bénites  
Dévorant ces pays pour un idéal  
Pourvu que les bombes tombent sur l'ennemi.  
Maintenant que tu es sorti  
De l'endroit où tu as inventé la paix  
Pour leur donner la foi de ta vie  
Que tes gosses puissent dormir en paix.

Diễm Hoa  
30 Avril, 1995

Phong ngấm nghĩ. Chàng thấy nên đưa chị Ngọc về rồi quay trở lại Ngã Năm Bình Hòa. Chàng dìu chị dâu run lẩy bẩy trên đường vắng ngắt. Nhiều tàn cây bị xé nát. Những cành cây bị miếng đại bác chẻ đôi, tước thành từng mảnh nhỏ xà xuống đồ lá rơi rụng. Nhiều vũng nước mưa đêm qua vẫn còn xèo xèo với những mảnh bom cháy vừa rớt xuống. Vẫn những xác chết trẻ nằm cô đơn dúm dỏ rải rác. Bãi chiến trường này bao giờ mới được thu dọn để bà con chòm xóm trở lại sống thanh bình như ngày hôm qua?

Tình thế lắng dịu dần. Ngã Năm Bình Hòa vẫn hồi lại không khí cũ. Đại gia đình phân tán, ai về nhà nấy. Tin tức từ ngoài Huế đưa vào khiến mọi người thất thần ghê sợ. Những cảnh giết chóc man rợ. Những đầu lia khỏi xác mất mớ trợn trừng. Những mảnh xương vụn gãy. Những mồ chôn tập thể. Sự tàn nhẫn của bọn Cộng Sản đối với dân lành mà miền Trung gánh chịu khiến người dân quê miền Nam bắt đầu hiểu ra, bắt đầu e sợ.

Cầu Trời đừng cĩ một Tết Mậu Thân thứ hai cho miền Nam nước Việt!

NGUYỄN LÂN  
(Virginia)



# Đoạn Kết Một Chuyện Tình

## TẠ QUANG KHÔI

Cận nhìn qua cửa sổ. Bên ngoài tuyết mỗi lúc một dày. Về chiều, gió thổi mạnh, làm những bông tuyết như những cánh mai trắng bay toả. Những ngày đầu tiên vừa đặt chân lên đất Mỹ, Cận rất thích ngắm cảnh tuyết rơi. Tất cả chỉ một màu trắng xóa! Thật đẹp! Mùa đông đầu tiên khi mới lưu lạc sang xứ người, chàng náo nức chờ tuyết rơi. Bây giờ thì tuyết không còn hấp dẫn nữa. Tuyết rơi thì đẹp, nhưng lúc tuyết tan thật dơ bẩn!

Cận buồn bã nhìn đồng hồ. Đã gần năm giờ! Tuyết vẫn rơi, mỗi lúc một dày hơn. Nhìn nhịp độ tuyết rơi, chàng biết chàng sẽ phải về trễ. Chàng rất sợ lái xe trên đường đầy tuyết. Thật ra, về trễ đối với chàng không phải là một chuyện bất thường. Nhiều hôm, vì mải làm việc, chàng rời tòa báo vào lúc sáu giờ tối. Về đến nhà chàng cũng chỉ ngồi xem tivi một mình vì các con thường đi làm về muộn. Căn nhà trống rỗng lạnh lẽo càng làm chàng nhớ đến Hằng, người vợ thân yêu đã qua đời. Bảy năm rồi, chàng vẫn không nguôi thương nhớ. Hằng ra đi vào dịp Tết năm Mão. Ba tháng sau, chàng phải lách théch dất các con chạy trốn khỏi Việt Nam. Chàng và các con làm cái giỗ đầu tiên của Hằng trên đất Mỹ. Thời gian qua mau, nhưng

vết thương lòng của chàng vẫn còn nguyên vẹn. Chàng yêu Hằng khi nàng mới mười lăm, tóc còn kết bím sau lưng và còn đánh truyền, đánh chắt với bạn trên hè phố. Hồi đó, chàng tương đối trải đời, từng theo kháng chiến chống Pháp, hơn nàng đúng mười tuổi. Vì nàng, chàng đã bỏ hết, cắt đứt mọi liên lạc với dĩ vãng để chiều theo ý gia đình nàng. Chàng đi học lại để tạo dựng một tương lai tốt đẹp. Bốn năm sau, hai người làm đám cưới khi nàng vừa mười chín. Sau ngày cưới ít lâu, hai vợ chồng trẻ đã phải dất dúi nhau vào Nam. Cuộc sống của họ thật hạnh phúc, nhưng chỉ được có hai chục năm trời! Kỷ niệm nàng để lại cho chàng là hai đứa con, một gái một trai. Đứa con gái giống mẹ như đúc, từ đôi mắt, miệng cười đến tiếng nói, dáng dấp. Vì thế, chàng có ý thiên vị, chiều chuộng nó hơn thằng em. Con bé cũng biết thế, nên rất thương cha. Đã hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi mà vẫn chưa chịu lấy chồng, dù có nhiều bạn trai. Nó thường nói:

"Con đi lấy chồng, rồi ai lo cho ba? Khi đã có chồng, con phải lo tròn bổn phận một người vợ, rồi bổn phận làm mẹ khi có con."

Chàng cảm động, mỉm cười hỏi lại :

"Bộ con định ở giá luôn sao? Rồi khi ba già, ba chết, ai săn sóc con?"

Nó lắc đầu:

"Con chẳng cần ai lo hết. Ở cái đất Mỹ này, sống độc thân là sướng nhất."

Chàng đùa :

"Khi Chương nó lấy vợ, ba sẽ có con dâu lo cho ba."

Nó trề môi :

"Ba ở Mỹ lâu mà còn nghĩ như vậy là ba không thực tế. Ba có thấy con dâu nào ở Mỹ, dù là người Việt Nam, lo cho bố chồng chưa?"

"Con đừng bị quan quá. Việt Nam cũng có nhiều người giữ được lễ thói cũ hay đẹp. Với lại con cũng phải nghĩ tới tương lai của con. Ba tự lo lấy được hết."

Cảnh gia đình của ba cha con Cận thật ấm cúng. Điều mà chàng mừng nhất là hai con chàng chưa bị Mỹ hóa.

Bên ngoài, tuyết vẫn rơi. Nhìn những bông tuyết rơi rào rào, Cận biết gió thổi mỗi lúc một mạnh hơn. Đình ninh mình sẽ phải về muộn, chàng chán nản ngó chồng bài cao ngất trước mặt. Đó là những bài do độc giả khắp nơi gửi về và được xếp theo thứ tự ngày tháng nhận. Chàng hồ hững nhón lấy xấp trên cùng. Chàng liếc qua tên truyện và tên tác giả : "Người chiến sĩ không tên của Trần Lữ". Truyện viết tay, tuồng chữ đàn bà. Chàng hơi ngạc nhiên về tuồng chữ vì tên tác giả rõ ràng là tên đàn ông. Chàng chợt có một ý nghĩ ngộ nghĩnh cho rằng tác giả là một anh chàng lại cái nên mới có tuồng chữ đàn bà. Chàng tò mò thử đọc xem "anh chàng lại cái" viết gì. Nhưng chỉ mới đọc hết đoạn đầu, chàng ngạc nhiên và có vẻ chú ý hơn. Chàng không khỏi thắc mắc về sự trùng

hợp kỳ lạ. Truyện "Người chiến sĩ không tên" là truyện chàng viết gần bốn chục năm về trước. Trần Lữ cũng chính là bút hiệu của chàng hồi đó. Chàng vội vàng xem tên thật người gửi : Nguyễn thị Nam Ngọc. Cái tên hoàn toàn xa lạ. Tìm đến địa chỉ, chàng càng ngạc nhiên hơn, vì không quen ai ở tiểu bang Connecticut. West Hartford, Connecticut ! Lần đầu tiên chàng biết đến địa danh này.

Cận đọc lại một lần nữa truyện "Người chiến sĩ không tên". Vẫn những non nót, vụng về của một người mới chập chững bước chân vào nghề cầm bút. Nó là truyện ngắn đầu tay của chính chàng cách đây khoảng ba mươi lăm, ba mươi sáu năm, khi chàng tham gia kháng chiến chống Pháp. Những ngày xa xưa đó bỗng trở về với chàng...

Sau một thời gian đánh nhau với lính Tây trong thành phố Hà Nội, trung đoàn Thủ đô rút ra hậu phương. Cận được chuyển về công tác trong ban tình báo của bộ tham mưu liên khu 3. Tại đây, người ta giao cho chàng và một họa sĩ trẻ phụ trách xuất bản một tờ nội san viết tay: "Chiến sĩ vô danh". Trong số đầu tiên, chàng đã viết truyện "Người chiến sĩ không tên" để ca tụng các tình báo viên hoạt động âm thầm trong bóng tối. Đó là truyện đầu tay của chàng nên ý tưởng còn thô sơ, lời văn còn vụng về, non nót. Thế mà "Người chiến sĩ không tên" cũng được nhiều người trong cơ quan ưa thích.

Đã ngót bốn chục năm trôi qua, biết bao nhiêu lần "bãi bể biến thành nương

dâu", Cận cũng đã quên truyện đó. Nay bỗng thấy nó xuất hiện, chàng không ngạc nhiên sao được. Cái tên Nguyễn thị Nam Ngọc cũng hoàn toàn xa lạ với chàng. Càng nghĩ chàng càng thắc mắc. Trước khi xếp truyện "Người chiến sĩ không tên" sang một bên, Cận lấy bút đỏ ghi đậm hai chữ "Không đăng".

Nửa tháng đã trôi qua mà Cận cũng không sao giải đáp được thắc mắc đó. Lúc nào nó cũng canh cánh bên lòng. Rồi chàng lại nhận được bản chụp của truyện "Người chiến sĩ không tên". Chàng ngạc nhiên và tự hỏi : "Thế này là làm sao ? Người gửi có dụng ý gì ?" Vẫn Nguyễn thị Nam Ngọc ! Vẫn địa chỉ ở West Hartford, tiểu bang Connecticut ! Sau khi suy nghĩ kỹ, chàng quyết định viết cho người đàn bà mang tên Nguyễn thị Nam-Ngọc một bức thư riêng. Chàng vắn tắt cho biết đã nhận được truyện và đã trả lời trên báo là không đăng được, xin đừng gửi thêm nữa. Một tuần sau, chàng nhận được thư trả lời :

"Anh Cận,

"Anh còn nhớ cổ nhân không? Nếu anh chưa quên, hoặc anh lên gặp em hoặc cho phép em xuống thăm anh. Rất mong thư anh.

Em,

Lê thị Bích Anh"

Lần này, Cận bị xúc động mạnh, ngẩn ngơ nhìn lá thư ngắn ngủi, không biết đáng tin hay đáng ngờ. Thật hay mơ ? Chuyện xảy ra ngoài trí tưởng tượng của chàng. Lê Thị Bích Anh đúng là một cổ nhân. Nàng là mối tình đầu

của chàng và đã hơn ba chục năm không gặp lại.

Khi Trung đoàn Thủ đô rút khỏi Hà Nội, những người được chuyển công tác về bộ tham mưu liên khu 3 có cả Bích Anh, một nữ cứu thương xinh xắn, duyên dáng. Nàng vốn là một nữ sinh trường Đồng Khánh, Hà Nội. Cận yêu nàng ngay lúc mới gặp và mối tình đầu của chàng đã được nàng đáp lại. Hai người quấn quýt bên nhau được một thời gian ngắn, cho đến ngày Cận được gửi vào Hà Nội để hoạt động, sau một khóa huấn luyện cấp tốc về tình báo. Chàng đi và không bao giờ trở lại vì chàng đã gặp Hằng và yêu Hằng. Chàng rũ bỏ hết dĩ vãng và bỏ giờ công tác được giao phó để được sống vĩnh viễn bên cạnh Hằng. Đôi khi chàng cũng chợt nhớ tới Bích Anh, nhưng chỉ coi đó là một mối tình bông bột của tuổi trẻ. Trước khi cưới Hằng, chàng cũng nghe tin Bích Anh đã lấy người chỉ huy trực tiếp của nàng.

Nay Bích Anh bỗng xuất hiện, sau ngót bốn chục năm không liên lạc. Tại sao nàng lại ở Mỹ?

Cận đọc lại bức thư ngắn nhiều lần nữa mà cũng không tìm ra lý do Bích Anh muốn gặp chàng. Vì thế, chàng phân vân không biết có nên gặp lại người xưa không. Cả một tuần suy nghĩ chàng cũng không quyết định được. Chàng không thể lên thăm nàng, một phần vì công việc bề bộn, phần khác chàng sợ cái lạnh của miền Bắc về mùa đông. Mà để nàng xuống thăm thì cũng có nhiều bất tiện. Cho đến nay, dù đã

ngọt bốn chục năm trôi qua, chàng vẫn chưa dứt bỏ được cái mặc cảm bạc tình đối với nàng.

Vào một buổi sáng của tuần lễ thứ hai, kể từ ngày nhận được thư Bích Anh, một người đàn bà bỗng gọi điện thoại cho Cận. Câu đầu tiên, bà ta hỏi ngay :

"Anh có nhận ra tiếng em không ?"

Dù đã mấy chục năm không gặp, Cận vẫn chưa quên giọng nói của người yêu cũ, rụt rè hỏi lại :

"Thưa...có phải là....Bích Anh không ?"

Tiếng cười dòn vang trong điện thoại làm Cận bàng hoàng. Vẫn là tiếng cười trong trẻo của người nữ cứu thương ngọt bốn chục năm về trước.

"Anh có biết bây giờ em đang ở đâu không?"

"Ở trên Connecticut", chàng đoán.

"Không đâu ! Em chỉ cách anh có năm phút lái xe thôi."

Cận ngạc nhiên :

"Bích Anh xuống đây hỏi nào ?"

Lại có tiếng cười dòn :

"Hình như anh không muốn gặp em nên không vui khi biết em đang ở gần anh."

Cận ngập ngừng :

"Đã ngọt bốn chục năm không có tin tức của nhau nên tôi... không hiểu ý định của Bích Anh khi tìm gặp tôi ?"

"Anh sẽ biết ý định của em khi mình gặp nhau tối nay."

Cận lúng túng :

"Nhưng...Nhưng..."

Bích Anh ngắt :

"Không nhưng gì hết. Mình sẽ gặp nhau tối nay. Em sẽ đến thăm anh và

các cháu nếu anh cho em biết địa chỉ nhà anh...Hay anh muốn em đến tòa báo cũng được, em sẽ đến ngay bây giờ."

"VẬY...tôi xin mời Bích Anh đến nhà..."

Rồi chàng dành cho nàng biết địa chỉ của chàng. Ngừng một chút, chàng tiếp :

"Nhưng... hôm nay có thể tôi sẽ về hơi trễ..."

Bích Anh đáp ngay :

"Em sẽ ngồi nói chuyện với các cháu chờ anh."

"Chúng nó còn về trễ hơn tôi."

Bích Anh nói dối :

"Thì em cứ đứng ở ngoài cửa."

Rồi bỗng nàng đổi giọng, nửa đùa nửa thật:

"Anh Cận, em báo trước cho anh hay là lần này anh đừng hòng chạy thoát. Đã ngọt bốn chục năm đuổi bắt anh, em không thể để mất anh lần nữa."

Cận nghe lòng xao xuyến. Dù sao Bích Anh cũng là người yêu đầu tiên của chàng. Sau này, chàng yêu Hằng trong tình nghĩa vợ chồng, nhưng bóng hình Bích Anh không hoàn toàn phai nhòa trong tâm tưởng chàng, thỉnh thoảng vẫn còn phảng phất hiện ra mờ mờ nhạt nhạt.

Lại có tiếng Bích Anh :

"Chị bạn em cho biết từ nhà chị đến nhà anh rất gần, đi bộ chỉ vài phút thôi. Vậy chiều nay mình gặp nhau nhé...Đừng trốn tránh em lần nữa, tội nghiệp !"

Câu cuối cùng nàng nói bằng một giọng năn nỉ, ngọt ngào khiến Cận không khỏi cảm động. Từ phút đó chàng băng khuâng, suy nghĩ vẩn vơ,

trở về với dĩ vãng xa xưa. Suốt ngày chàng không làm được việc gì nên hồn. Chàng cứ thắc mắc tự hỏi Bích Anh sang Mỹ làm gì ? Chồng con ra sao? Cuộc sống hiện tại của nàng thế nào ? ... Và cả trăm câu hỏi khác nữa mà không sao giải đáp nổi.

Buổi chiều, Cận về sớm hơn thường lệ nửa giờ.

## X

Cận đứng lặng yên ngắm người đàn bà trước mặt. Đúng là Bích Anh của chàng ngót bốn chục năm xưa, một Bích Anh già nua tuy vẫn còn những nét quen thuộc cũ. Nếu tình cờ gặp nàng ở ngoài đường chàng không chắc đã nhận ra. Nàng cũng im lặng ngắm chàng, rồi lên tiếng trước:

"Trông anh già hơn tuổi."

Cận gật đầu :

"Vâng, tôi cũng biết như vậy. Khi buồn và vất vả người ta chóng già."

Bích Anh bỗng vui vẻ hỏi :

"Nhưng mà sao anh không cho khách vào nhà?"

Nói xong, nàng bước luôn vào, không chờ đợi mời mọc, rồi suýt xoa :

"Đứng ngoài lâu lạnh quá."

Cận ngượng ngùng xin lỗi về sự vô ý của mình.

Khi hai người đã ngồi đối diện trong phòng khách, Bích Anh hỏi :

"Sao anh không nhuộm tóc đi cho đỡ già? Để đầu bạc phơ như thế thì có lợi gì?"

Cận nhún vai :

"Chẳng lợi mà cũng chẳng hại. Tôi không cần phải giấu diếm ai hết. Tóc Bích Anh chắc có nhuộm ?"

"Vâng. Nhưng tóc em chưa bạc như tóc anh đâu, chỉ mới có ít sợi trắng thôi. Em lại nghĩ rằng việc gì mình phải khoe cái già của mình cho nó...ảm đạm cuộc đời, có ảnh hưởng đến tinh thần. Nhuộm tóc đi mình sẽ thấy mình trẻ lại và yêu đời hơn..."

"Mà Bích Anh có yêu đời thật không?"

"Đời người ta có lúc nổi lúc chìm, nổi thì yêu đời, chìm thì chán đời. Đã có lúc em chán đời vô cùng, chỉ muốn chết cho xong...Nhưng bây giờ thì em đang yêu đời."

Cận giữ im lặng, chỉ nhìn nàng đắm đắm. Nàng bỗng hỏi sang chuyện khác :

"Các cháu thường về lúc mấy giờ ?"

"Con Hương, con gái lớn của tôi, bao giờ cũng về khoảng bảy giờ, còn thằng Chương, em nó, thì không chừng."

Sau khi hỏi qua loa về những chuyện lặt vặt vãn vợ, Bích Anh nhìn thẳng mặt chàng nói:

"Em biết anh đang có nhiều thắc mắc về em. Nào, bây giờ anh muốn hỏi gì em xin trả lời."

Cận ngập ngừng rồi im lặng. Bích Anh lại nói :

"Nhìn vẻ rụt rè, e ngại của anh là em biết anh có nhiều thắc mắc lắm. Ngót bốn chục năm không có tin tức của nhau mà khi gặp lại em, anh cũng không mừng... Dù chỉ là hai người bạn không thân lắm, xa nhau lâu, tình cờ gặp lại nơi xứ lạ quê người, cũng mừng

mừng tủi tủi, vì 'tha hương ngộ cố tri' mà. Trong khi đó, anh với em chả gì trước kia...trước kia..."

Nàng bỗng nghẹn ngào không sao nói tiếp. Cận cúi mặt im lặng. Nhưng chỉ vài phút sau, nàng đã lấy lại bình tĩnh :

"Tính cho đến ngày hôm nay chúng ta xa nhau...băm năm, tám tháng và mười bảy ngày."

Cận thốt kêu :

"Khiếp ! Làm gì mà tính kỹ quá vậy?"

Nàng đáp :

"Em đếm từng ngày, từng giờ, anh ạ."

"Thế còn chồng con Bích Anh bây giờ ra sao ?"

Im lặng một lát, nàng khẽ thở dài :

"Bây giờ em xin kể từ đầu...Hơi dài dòng một chút, nhưng có thể anh mới hiểu hết được."

Cận im lặng chờ đợi. Nhưng nàng không kể ngay, lại hỏi :

"Hình như anh quên không mời khách uống nước thì phải?"

Cận giật mình, vội tìm cách tự bào chữa:

"Gặp lại Bích Anh, tôi quên hết ! Nào Bích Anh uống gì ? Nhà có nước ngọt, nước cam..."

Nàng gạt đi :

"Xin anh cho em một cốc nước lạnh, em không quen uống nước ngọt. Thôi, anh cứ ngồi đi, để em vào tìm nước lấy."

"Nhưng Bích Anh có biết ly để đâu mà lấy."

"Thì em cứ lục tung lên là phải thấy chứ gì."

Nàng vẫn có giọng tinh nghịch hồi trẻ. Chính cái tinh nghịch duyên dáng đó mà Cận mê nàng. Thoáng trong một giây, chàng cảm thấy vui được gặp lại nàng.

Bích Anh vào bếp không đầy nửa phút đã trở ra với ly nước lạnh. Sau khi đặt ly nước lên bàn, nàng nhìn chàng, vui vẻ :

"Nào, bây giờ mình bắt đầu phiêu lưu trở về dĩ vãng."

Rồi nàng cười lớn :

"Nói chuyện với nhà văn, nhà báo thì cũng phải văn chương chữ nghĩa chứ. Đừng cười em nhé."

Cận chỉ im lặng nhìn nàng, nhưng lòng rộn lên một niềm vui khác thường. Nàng hỏi:

"Theo anh, mình nên bắt đầu từ đâu?"

"Tùy Bích Anh, vì tôi đâu có biết Bích Anh định nói những gì."

Nàng ngập ngừng :

"Hay là... anh hỏi để em trả lời...như 'làm việc' với công an. Có khi như vậy lại chóng giải đáp được những thắc mắc của anh."

Cận phì cười :

"Bích Anh vẫn lém lỉnh, đùa nghịch như ngày xưa. Tôi không tin là Bích Anh đã ngoài năm chục, có thể có cháu nội, cháu ngoại rồi."

Bích Anh công nhận :

"Vâng, em đã có cả cháu nội lẫn cháu ngoại. Cảm ơn Anh đã...tưởng em còn trẻ. Thế mới biết nhà văn các anh khéo nói thật. Mà em xin thú thật với anh là em chỉ mới trẻ lại khi...nắm được áo anh thôi. Lần này thì em nắm thật

chắc. Trước đó, em cũng héo hắt, sầu muộn lắm. Tìm anh còn khó hơn tìm chim đáy. Nửa vòng trái đất, chứ có gần gì cho cam. Một phần cũng tại anh không lấy lại bút hiệu cũ ở Việt Nam, phần khác anh lại ít giao du, nên chẳng biết đâu mà hỏi nữa. Nhưng rồi cũng tìm ra. Hết chạy trốn rồi nhé."

"Bích Anh tìm tôi để làm gì?"

Nàng ngó chàng đăm đăm, ngạc nhiên:

"Anh hỏi thật hay đùa thế? Để làm gì? Ô hay, em tìm anh suốt cuộc đời em để làm gì nhỉ? Anh là nhà văn mà cũng có thể hỏi một câu...ngớ ngẩn như thế sao? Tuy nhiên, em cũng xin trả lời một cách nghiêm chỉnh rằng em tìm anh để... đòi nợ!"

Cận có vẻ hơi ngượng, ngồi chết lặng. Bích Anh tiếp:

"Nợ tình chưa trả mà anh."

Chợt nàng trầm hấn giọng:

"Anh cũng thừa biết rằng lúc nào em cũng chỉ yêu có anh."

Cận ngó đi chỗ khác như muốn trốn tránh một sự thật.

"Vâng, nàng tiếp, em chỉ yêu có anh trong suốt cuộc đời em...dù em vẫn biết anh không còn mấy may thương yêu em."

Cận lúng túng, ngập ngừng:

"Tôi...tôi không ngờ..."

"Anh không ngờ cái gì? Phải chăng anh không ngờ em vẫn yêu anh, yêu như hồi chúng mình còn ở trong rừng Lương Sơn tỉnh Hòa Bình? Hay anh không ngờ em có thể sang đến tận Mỹ để tìm anh?"

Cận lại bị Bích Anh dồn vào cái thế không biết nói năng làm sao. Ngay khi còn ở Việt Nam, chàng cũng chưa bao giờ nghĩ tới chuyện nàng tìm gặp chàng, huống chi nay đã ở Mỹ.

Bích Anh buồn buồn tiếp:

"Nhắc đến rừng Lương Sơn em lại...lại giận anh. Em không ngờ anh lại chóng quên lời thề như vậy. Em biết chắc hồi đó anh cũng yêu em...không thua gì em yêu anh..."

Cận thâm công nhận chàng đã yêu Bích Anh tha thiết và đã từng thề thốt với nàng.

"Ngày đó, anh biết không? Khi nghe tin anh say mê một cô gái Hà Nội, bỏ cả hoạt động, cắt đứt liên lạc với tổ chức, em lòng lộn muốn vào thành tìm anh ngay. Nhưng anh Kim đã tìm cách ngăn cản, cho người canh chừng em từng bước, vì anh ấy yêu em, biết rằng nếu để em đi, chắc chắn là mất luôn cả em."

Cận chỉ ngó Bích Anh và vẫn im lặng. Bích Anh có giọng tha thiết:

"Sau khi mất liên lạc với anh, em bị bệnh nặng, vừa suy nhược tinh thần vừa sốt rét ngã nước, tưởng đã chết mất xác ở trong rừng. Nhờ anh Kim hết lòng săn sóc và lo lắng cho em nên em mới qua khỏi. Khi anh ấy ngỏ lời xin cưới em thì em bằng lòng ngay. Hồi đó, em nghĩ rằng mất anh rồi thì...lấy ai cũng thế thôi...Người ta lấy em là lấy một cái xác, còn hồn em lúc nào cũng ở bên anh, dù bị anh hắt hủi."

Ngừng một chút, Bích Anh lại nói:

"Kim hơn em những mười lăm tuổi, lại là người Tây ở vùng Cao Bằng, làm sao em có thể yêu được. Nhưng lúc đó, em không còn một chút hy vọng nào được gặp lại anh, nên cũng liều..."

Mỗi lời nói của nàng như một nhát dao chém vào tim Cận. Nỗi đau khổ của nàng càng lớn bao nhiêu thì niềm hối hận của chàng càng ray rứt bấy nhiêu.

"Anh Kim cũng biết như thế, nhưng anh ấy nghĩ rằng sự chiều chuộng, sự săn sóc tận tình của anh ấy sẽ có thể làm em quên được anh. Rồi khi nghe tin anh cưới vợ, bỏ đi Nam, em hoàn toàn tuyệt vọng. Của đáng tội, những năm sống với anh ấy cũng là những năm sung sướng."

Cận nói :

"Thế cũng là có hạnh phúc rồi."

Bích Anh gật đầu :

"Vâng, nếu chỉ cần chồng yêu, chồng chiều là hạnh phúc thì em có hạnh phúc với anh Kim."

Ngừng một chút, nàng lại nói :

"Em không phải là gỗ đá, cũng không phải người vô tình. Người ta đối với mình như bát nước đầy, mình cũng phải đáp lại phần nào. Em đã tròn nghĩa vợ chồng với anh ấy."

"Bích Anh có mấy con ?"

"Ba, nhưng anh ấy chỉ nhận có hai thôi."

Cận trở mặt nhìn nàng :

"Thế là thế nào, tôi không hiểu."

"Vì...vì...đứa thứ ba anh ấy không nhận."

Cận lắc đầu :

"Quả thật tôi vẫn không hiểu. Tại sao lại không nhận ? Hay..."

Bích Anh bỗng phì cười :

"Anh lại nghi xấu cho em rồi. Em không phải là hạng người như vậy đâu. Với lại, người có thể đưa em vào con đường...tội lỗi thì đã bỏ em mà đi mất tăm mất tích lâu rồi."

Ngừng một chút, Bích Anh giải thích :

"Sở dĩ anh Kim không nhận đứa thứ ba là vì anh ấy nghi là con... của anh."

Cận đẩy nẩy :

"Con tôi? Sao lại kỳ cục như vậy được?"

"Đứa thứ ba em đẻ vào năm 1976, sau ngày giải phóng miền Nam. Năm nay cháu mới 7 tuổi và đang ở với em...Ngay giữa tháng 5 năm 75, dựa vào thể lực của chồng, em xin giấy vào Nam thăm họ hàng. Thật ra, em chẳng có họ hàng, thân thích nào ở trong Nam. Em chỉ vào để tìm anh thôi. Trước khi đi, em đã hỏi được địa chỉ của anh. Vào đến nơi em mới biết anh đã kịp chạy thoát ra nước ngoài và chị cũng mới qua đời...Tình cờ em gặp một người bạn học cũ từ thời thơ ấu, trước ở cùng phố với em, nên lảng vảng trong Saigon hơn một tháng mới về Bắc. Thấy em ở trong Nam lâu, anh Kim nghi em đã gặp anh..."

"Sao Bích Anh không nói cho anh ấy biết là tôi đã chạy ra nước ngoài ?"

"Sao lại không ! Nhưng anh ấy không tin. Rồi khi em sinh con bé Nam Ngọc, anh ấy không nhận nó là con. Có điều rất lạ là...cháu có nét giống...anh. Chính em cũng không hiểu tại sao."

Cận lắc đầu :

"Tôi không tin là Kim nghi Bích Anh có con với tôi. Việc kiểm chứng



có khó khăn gì đâu mà phải nghi bậy nghi bạ như vậy. Có thể còn có chuyện gì bí ẩn bên trong."

Bích Anh công nhận :

"Vâng, bí ẩn đó là chính anh ấy ngoại tình. Từ lâu anh ấy lén lút đi lại với một cô cán bộ trẻ dưới quyền. Bây giờ kiếm có muốn bỏ em để chính thức lấy cô ta. Mới đầu em còn muốn gỡ lại danh dự bằng cách không chịu ly dị. Sau em nghĩ rằng danh dự cũng chả làm cái quái gì, tốt nhất là làm sao tìm được anh. Em hỏi dò biết anh đang ở Mỹ, em tính chuyện vượt biên. Thế là em bán đồ bán đặc, vay cào vay cấu được ít tiền, em ôm con vào Nam... Rồi bây giờ em đã mãn nguyện vì được gặp lại anh sau mấy chục năm trời xa cách. Và còn điều này đáng mừng nữa... Cả anh lẫn em đều tự do... Em muốn cho anh biết một chuyện, nhưng anh không được giận em, em mới dám nói."

Cận dè dặt :

"Điều đó có hại gì cho tôi không ?"

"Không, chắc chắn là không hại gì đến ai, kể cả anh."

"Vậy thì Bích Anh cứ nói."

"Chính... chính cái tin chị đã qua đời thúc đẩy em tìm lại anh. Nếu chị còn sống, em cũng chẳng dại gì mà ôm con nhỏ lao đầu ra bể đâu. Anh không vượt biên nên anh không biết cái nguy hiểm của bể cả, mười phần thì chắc chết đến chín."

Cận chột khẽ thờ dãi. Chàng không ngờ Bích Anh lại liều lĩnh như vậy.

"Nhưng anh biết không? Lúc đó, nếu hai mẹ con em có phải làm mồi cho

cá, em cũng bằng lòng vì em đã chết cho tình yêu...May là em đã tới bờ được bình an. Bây giờ nghĩ lại, em vẫn thấy sợ."

Nói xong, nàng khẽ rùng mình. Cận gật đầu:

"Kể Bích Anh cũng liều thật. Bích Anh chết cho tình yêu đã đành, còn cháu bé chết vì sự liều lĩnh của mẹ. Bích Anh có nghĩ tới điều đó không ?"

"Em cũng có nghĩ, cháu còn nhỏ, bắt buộc em phải mang cháu theo. Nhưng Trời Phật đã thương em, không những hai mẹ con sống sót mà em còn tìm ra anh. Thế là em mãn nguyện rồi. Đó không phải là lý do em trở lại và yêu đời sao ?"

Câu chuyện liều lĩnh của nàng đã khiến Cận rất cảm động. Để che giấu sự cảm động đó, chàng hỏi lảng :

"Còn hai cháu lớn thì sao ?"

"Chúng nó có vợ, có chồng và con cái cả rồi."

"Thế là Bích Anh đã lên chức bà nội, bà ngoại."

Nàng cười :

"Thì cũng phải thôi. Tuổi anh và tuổi em nếu có cháu cũng chẳng sớm sửa gì."

Cận cố lấy giọng vui đùa :

"Thì ra mình già cả rồi...Thế mà mình vẫn còn lãng mạn quá. Nghe chuyện Bích Anh, tôi cứ ngỡ tôi đang đọc một truyện tình rất lâm ly."

Bích Anh cười :

"Truyện giữa anh và em còn lãng mạn và hấp dẫn hơn bất cứ một tiểu thuyết tình nào khác."

Cận nói tiếp :

"Và đang đi đến hồi kết cục."

"Chắc là vui lắm nhĩ. Có phải người Mỹ gọi thế là 'happy ending' không, anh?"

Cận gật đầu, cười :

"Chúng ta thì gọi là chuyện có... hậu."

Bích Anh vui vẻ nói ngay :

"Thế là anh hứa rồi nhé. Dù đã trễ, quá trễ, mà vẫn có hậu thì cũng là chuyện hay, anh nhĩ."

Cận biết Bích Anh khéo léo buộc chàng vào, nhưng cũng không biết nên nói gì. Thật ra, trong thâm tâm, chàng cũng không khỏi cảm động trước mỗi chân tình của nàng. Chàng nhớ lại ngày hai người mới gặp nhau.

Hồi đó, vào đầu năm 1947, Pháp đã mở rộng vùng tạm chiếm và bộ tham mưu liên khu 3 phải rút vào một khu rừng già thuộc châu Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Chàng yêu Bích Anh ngay khi mới gặp. Nàng có vẻ đẹp Tây phương. Đôi mắt to và nâu, lông mi dài và cong. Mũi cao dọc dừa. Miệng cười duyên dáng, quyến rũ vì một chiếc răng khênh. Vào những buổi chiều tà, hai người thường sánh vai đi dạo trên con đường mòn ven suối. Có đêm trời sáng trăng vắng vặc họ ngồi bên nhau trên một khối thạch bàn bên bờ suối. Chàng đàn, nàng hát nhỏ nhỏ bài "Suối mơ" của Văn Cao, chỉ đủ để hai người nghe. Mỗi tình của họ càng ngày càng thấm thiết và ai cũng tin rằng thế nào họ cũng sẽ tiến tới hôn nhân. Cả Cận lẫn Bích Anh cũng tin như vậy. Rồi Cận được lệnh tham dự một khóa đặc biệt về tình báo ở một bản cách xa cơ quan chính

khoảng bốn chục cây số đường rừng. Khóa học kéo dài ba tháng, nhưng đến giữa tháng thứ hai chàng bị bệnh. Con sốt làm chàng mê man, không ăn không uống gì được. Thuốc men thiếu thốn, bác sĩ không có, các cô nữ cứu thương của bệnh xá đều bó tay. Ai cũng nghĩ rằng chàng không thể qua khỏi, thậm chí người ta đã tìm cây nhờ người Mường khoét thành một cái áo quan dành cho chàng. Bỗng, vào một đêm đã khuya, Bích Anh cưỡi ngựa băng rừng đến thăm chàng. Thấy nàng xuất hiện bất ngờ, mọi người đều ngạc nhiên. Khu rừng chung quanh lớp huấn luyện, về đêm, vẫn nổi tiếng có nhiều hổ. Thế mà Bích-Anh dám một mình một ngựa, tay không, đi trong đêm tối. Vừa thấy chàng trên giường bệnh, nàng bật khóc. Nàng không ngờ hai người mới chỉ xa nhau có ít ngày mà chàng trông đã thảm thương, tiêu tụy đến như thế.. Nàng lấy trong túi dật ra một gói nhỏ, trao cho cô nữ cứu thương trực, dặn dò :

"Đây là thuốc sốt rét loại tốt nhất bây giờ. Gia đình tôi vừa từ Hà Nội gửi ra cho tôi. Xin cho anh ấy uống ngay, mỗi ngày ba viên."

Rồi nàng tự tay cho Cận uống viên thuốc đầu tiên. Đến sáng, chàng đã hơi tỉnh, nhưng đôi mắt còn lơ lơ mất thần nên không nhận ra nàng. Không thể ở lại săn sóc người yêu, nàng phải trở về cơ quan lúc gần trưa. Nhờ thuốc của Bích Anh, bệnh Cận thuyên giảm nhanh chóng, dần dần chỉ còn là những cơn sốt cách nhật và ngán. Khi khóa huấn luyện

chấm dứt, chàng trở về cơ quan và nghỉ ngơi được một tuần. Trong thời gian nghỉ ngơi này, Cận và Bích Anh càng hiểu nhau càng yêu nhau hơn. Rồi ngày lên đường nhận công tác cũng tới. Trong giây phút chia tay, họ không ngờ mãi ngót bốn chục năm sau mới lại gặp nhau.

Cận khẽ thở dài, nói :

"Tôi vẫn đinh ninh chả bao giờ mình còn được gặp nhau nữa... Ai ngờ..."

"Em cũng nghĩ như anh...Hiệp định đình chiến mới ký kết, em đã hấp tấp vào ngay Hà Nội với hy vọng được gặp anh. Nhưng nghe tin anh chị đã bỏ đi Nam."

Cận hỏi đùa :

"Lúc đó, Bích Anh còn giận tôi không?"

Bích Anh thành thật đáp :

"Giận anh thì lúc nào cũng giận...cho mãi đến lúc này...Mà yêu thì không bao giờ hết yêu...Vì thế, hồi đó, nếu có được gặp anh, em sẽ khuyên anh nên đi Nam. Anh mà ở lại thì rất nguy hiểm. Không chừng em cũng theo anh chị vào Nam luôn."

"Lúc đó, Bích Anh đã có con chưa?"

"Chưa. Ở ngoài hậu phương khổ lắm, không dám có con. Mãi năm 56, em mới có con đầu lòng, lúc đó em đã là giáo viên cấp 2."

"Thì ra Bích Anh là cô giáo."

"Mỗi lần dạy học trò tới đoạn Kiều "Tái sinh chưa dứt hương thề, Làm thân trâu, ngựa đền nghì trúc mai" là em nhớ tới anh...Nhưng anh ơi, em chả có lỗi gì để phải làm thân trâu, ngựa..."

Cận phì cười, nói ngay :

"Kiếp sau mới phải làm trâu, ngựa, vậy kiếp này tôi làm gì?"

Bích Anh nhìn chàng bằng đôi mắt triu mến:

"Làm gì thì anh tự biết lấy. Nhưng em cũng xin cảnh cáo là lần này em không để anh...chạy thoát đâu. Hết đường trốn rồi, anh ạ."

Trầm ngâm một lát, Cận nói :

"Hoàn cảnh bây giờ đã đổi khác. Chúng ta đều có con lớn..."

Bích Anh gạt đi ngay :

"Con cái không phải là trở ngại. Các cháu ở Mỹ lâu rồi, tinh thần cởi mở phóng khoáng chứ không hẹp hòi như còn ở Việt Nam."

"Thế còn con của Bích Anh thì sao?"

"Hai đứa nhớn ở Việt Nam không kể làm gì., con nhỏ đang ở với em, mới bảy tuổi. Cháu tên là Nam Ngọc."

"Nam Ngọc! Không phải tên con trai cũng không ra tên con gái."

"Hồi cuối bảy năm, em đi Nam về thì có thai cháu. Em coi cháu như viên ngọc của miền Nam nên mới đặt cháu là Nam Ngọc."

Cận cười :

"Mấy thầy cô giáo hay bày vẽ thật. Con gái tôi là Hương vì mẹ nó là Hằng, con trai là Chương vì tôi là Cận. Chẳng cần kỳ gì hết."

"Ấy vì cái tên Nam Ngọc và vì cháu hao hao giống anh..."

Cận cắt ngang :

"Giống tôi? Bích Anh nói gì mà lạ vậy? Làm sao mà giống tôi được!"

"Em cũng chả biết giải thích làm sao... Có lẽ hồi có thai cháu, em nghĩ nhiều đến anh. Bố cháu ghen âm ỉ và không nhận cháu..."

"Càng vô lý nữa! Bây giờ cháu ở đâu? Cháu có theo Bích Anh xuống đây không?"

"Có ạ. Chỉ có hai mẹ con, đi đâu em cũng tha cháu theo."

"Bắt cháu phải nghỉ học?"

"Không, cháu đang nghỉ mùa đông."

Bỗng Bích Anh nhìn đồng hồ, rồi nói :

"Gần bảy giờ rồi, em phải về để đưa cháu đi ăn."

Cận nhìn nàng đăm đăm, dịu dàng :

"Bích Anh vẫn như ngày xưa."

"Sao lại vẫn như ngày xưa được. Em thay đổi nhiều lắm. Hồi đó, khi gặp anh, em là một cô gái mới lớn. Bây giờ em là một bà già, có cháu nội, cháu ngoại rồi."

"Nhưng dáng dấp, cách ăn nói của Bích Anh vẫn như ngày xưa... Vẫn duyên dáng, quyến rũ..."

Bích Anh tủm tỉm cười, nhìn người yêu bằng đôi mắt tinh nghịch hỏi :

"Anh học thói... nịnh đầm từ bao giờ thế?"

Cận đáp một cách thản nhiên :

"Từ lúc gặp lại... em."

Tiếng "em" chàng buông nhẹ và rất triu mến khiến Bích Anh đỏ ửng mặt vì sung sướng, không thốt nên lời.

Hai người im lặng nhìn nhau một lúc khá lâu, rồi Bích Anh lên tiếng trước :

"Thôi, em phải về kéo cháu mong..."

Cận ngập ngừng :

"Em đợi anh viết cho các cháu mấy chữ, rồi anh đi với em...Anh muốn dành cả buổi tối nay cho em và cháu..."

Bích Anh hỏi lại ngay :

"Chỉ buổi tối nay thôi sao?"

Cận nắm chặt tay nàng, tha thiết :

"Tất cả quãng đời còn lại của anh sẽ dành hết cho em..."

Bích Anh nghẹn ngào không nói nên lời, đôi mắt rung rung...

TQK

\*

## **Nhà Văn HOÀNG HẢI THỦY viết về Nhà Văn TẠ QUANG KHÔI**

*Vê Cu,*

*Không biết tao đã gửi cho mày truyện này chưa? Đây là truyện cuối cùng của tao. Hết xí quách rồi, không viết gì được nữa. Truyện này không dài mà cũng không ngắn, chỉ dở dở ương ương thôi. Tiện thể gửi cho CTHĐ xem chơi. Khôi.*

Trên đây là đoạn thư ngắn ông Nhà Văn Tạ Quang Khôi, hiện sống và viết ở Virginia, Kỳ Hoa, gửi qua I-Meo Internet cho bạn ông là ông Nhà văn Văn Quang hiện sống ở Sài Gòn, Việt Nam. Nhân tiện ông Tạ Quang Khôi gửi bản "Truyện Cuối Cùng" của ông cho CTHĐ – tức là Tui – nên tui mới được đọc truyện cuối cùng của ông Tạ, và sáng nay tôi viết bài này.

Ông TQ Khôi gọi ông Văn Quang là Vê Cu – VQ – như năm xưa – trước năm 1975 – các ông văn nghệ sĩ Sài

Gòn thường gọi ông Nhà Văn Vũ Khắc Khoan là VêCaCa – VKK – tiếng gọi thân thương. Ông TQ Khôi vì nước da của ông trắng như bông bưởi nên được các ông văn nghệ sĩ gọi là Tạ Ông Khôi. Ông TQK còn có cái tên thứ ba là TêCuKa. TQK. Ông ký tên là “Khôi” dưới đoạn thư ông gửi ông VQ như quý vị thấy trên đây.

Năm 1956 khi tuần báo Văn Nghệ Tiền Phong – Chủ nhiệm Hồ Anh Nguyễn Thanh Hoàng – Số 1 ra đời ở Sài Gòn, ông Tạ Quang khôi – thanh niên Hà Nội dzô Sài Gòn năm 1954 – viết truyện dài Mưa Gió Miền Nam trên VNTP. Cùng khi ấy ông Mai Thảo giữ Trang Thơ VNTP. Ông không ký tên Mai Thảo, ông ký tên gì tôi không nhớ, và ông chỉ giữ Trang Thơ VNTP chừng hai, ba tháng là ngừng để lo việc biên tập Tạp Chí Sáng Tạo. Cùng khi ấy tôi được viết phóng sự *Vũ Nữ Sài Gòn* trên VNTP.

Tôi gặp ông TêCuKa lần đầu trong tòa soạn Văn Nghệ Tiền Phong. Ngoài việc viết tiểu thuyết, ông là nhà giáo. Có lẽ vì nặng chất mô phạm nên ông TQK là người viết truyện có đời sống ngang bằng, sỗ ngay – tức đàng hoàng – nhất trong giới viết truyện có nhiều người sống bê tha, bê bối.

Ngày vui, ngày buồn, tháng hồng, tháng sấm, năm sớm, năm muộn rồi cũng qua mau. Ba chìm, bảy nổi, chín lênh đênh trong cuộc biển dâu quốc nạn, rồi tôi và vợ con tôi cũng sang được Kỳ Hoa. Tháng 10 năm 1994 khi tôi đến Virginia được khoảng 10 ngày,

nhiều lúc tôi còn tưởng như tôi đang sống ở Sài Gòn, ông TQK – tức ông Tạ Quang Khôi – đến đón tôi, đưa tôi đi xem phong cảnh Washington DC. Sau 1975 bà vợ ông qua đời ở Sài Gòn, năm 1980 ông dắt các con ông vượt biên sang Mỹ. Ở Virginia, ông từng làm vài năm trong tòa soạn Văn Nghệ Tiền Phong. Nay ông đã retire. Trên xe đi, ông nói:

“Tao đưa mày đi mua quần áo. Ngày tao đến Mỹ, các bạn cho bố con tao quần áo cũ. Tao tủi thân lắm. Nay có bạn đến, tao đưa đi mua quần áo mới. Một bộ thôi, nhưng là đồ mới. Mày chọn cho mày một bộ, chọn cho vợ mày một bộ.”

Văn Quang, Uyên Thao và tôi ra đời năm 1933; Tạ Quang Khôi cao tuổi nhất trong ba chúng tôi. Tôi nghi ông vào cõi đời này năm 1930, có thể là năm 1928. Từ 10 năm nay ông sống một mình trong một apartment Bộ Xã Hội Mỹ dành cho những người già có tiền thu nhập thấp: Old Senior Low Income. Ông sống rất thư thái với hai dàn máy computer, một dàn để viết, một dàn để sơ-cua. Sống một mình nhưng ông không buồn một ly ông cụ nào. Mấy năm nay vì tuổi già, ông mắt mờ, tai điếc, tâm trí ông vẫn minh mẫn. Nay thấy ông cho biết ông ngưng viết vì tuổi cao, tôi bùi ngùi vừa thương ông vừa thương thân. Tôi cũng sắp không còn viết được nữa như ông. Thay vì viết tiếc thương ông khi ông không còn ở đời này, tôi viết về ông ngay khi ông còn sống.

# KỶ NIỆM TUỔI THƠ

Nhìn được vài tấm hình cũ của người quen gửi đến, trong đó có một hai bạn học thời nhỏ ở làng đánh cá Phước Hải (PH), trong tôi có niềm vui buồn lẫn lộn.

Thời gian qua mau quá! Hoàng (H) ngày đó, trong hình đứng bìa bên trái, mặc áo trắng bà ba, quần dài đen, chắc khoảng 11, 12 tuổi (?). Còn bây giờ, đã 60. Gia đình chồng con ra sao?

Hoàng học chung với tụi tôi nửa năm lớp nhì (lớp 4 bây giờ) với cô Thủy. Năm đó, vì lớp nhì bên nữ đông quá, nên trường đã sắp xếp cho khoảng hơn mười cô sang lớp trai. Sang năm hai lớp nhì nhập lại thành một lớp nhứt, trong lớp chỉ bốn con trai hơn 50 đứa học với thầy Huynh, không còn cô nàng nào.

Tôi vẫn còn nhớ đến Hoàng vì một kỷ niệm thật đặc biệt. Năm lớp nhì lớp nhứt, hình như Hoàng đã ở lại lớp nên đã không còn học chung với tụi tôi ở năm đệ lục. Cả năm đó tôi không còn gặp Hoàng, hoặc gặp nhưng không để ý, vì không còn ở trong cùng một lớp. Nhưng mỗi khi Tết đến bao giờ tôi cũng có dịp gặp lại cô nơi sông Bông Vụ, nhất nhì tam tứ ngũ lục. Ba Hoàng làm cái, Hoàng chỉ có nhiệm vụ ngồi bông con Vụ (búng con Vụ cho quay vòng vòng). Trong ngày Tết, suốt các con đường chính Phước Hải đầy những hàng Bông Vụ, Bàu Cua Cá Cọp, Lô Tô, xen

kẻ là các hàng ăn uống như hột vịt lộn, mực nướng, nước đá nhận, các loại chè, bánh, đồ chiên, thức ăn mặn v.v...

Ngày Tết, tôi không chơi Bông Vụ, Bàu Cua Cá Cọp, nhưng lúc nào cũng có dịp đứng coi, chỉ vì đi chung với Sác một người bạn thân, rất thích chơi loại này. Nhớ là ba bốn năm liên tiếp, lúc nào Tết đến tôi cũng thấy Hoàng ngồi ở hàng Bông Vụ bên cạnh ông già. Hoàng mặc quần dài đen, nhưng áo hình như chỉ có hai màu, đen hoặc trắng, bên cạnh ba, ông luôn luôn mặc bộ đồ Py-ja-ma màu trắng ngà. Thấy hai đứa tôi, Hoàng chỉ nhoẻn miệng cười một chút, rồi chăm chú tiếp tục ngay vào việc Bông Vụ. Còn ba Hoàng tôi chưa bao giờ thấy ông cười. Ai có chơi Bông Vụ rồi chắc biết. Sát lề đường đi, một tấm giấy lớn bằng mặt bàn ăn để ngay dưới đất. Trên đó kẻ ra sáu ô bằng nhau, mỗi ô được vẽ từ 1 chấm đến 6 chấm (nhứt, nhì tam, tứ, ngũ, lục). Hình như chỉ chấm nhứt màu đỏ, còn lại toàn màu đen. Trò chơi đen đỏ. Đặt tiền chơi có thể đặt ngay giữa ô (để ăn trọn 1 ăn 1) hoặc giữa hai ô (để nếu trúng thì được chung phân nửa thôi). Hoàng và ông già ngồi sau tấm giấy lớn này, trên tấm chiếu, cách ngồi như ngồi thiền, ngồi nghe kinh, niệm Phật. Mặt mày hai cha con "ưu tư" lắm, vì đang chơi trò sát

phật mà. Ba Hoàng chắc chỉ mong vào tài bông con Vụ của cô con gái để tránh phải cuốn gói về nhà sớm, vì chung cho người trúng đến hết tiền túi.

Bắt đầu một ván chơi, trước tiên, Hoàng phải lấy tay búng cho con Vụ (có 6 mặt, nhất nhì tam tứ ngũ lục) quay trên một cái đĩa. Lúc đầu con Vụ quay vòng vòng rất nhanh, sau từ từ chậm lại. Trước khi con Vụ rớt nằm xuống Hoàng phải nhanh tay lấy nắp đậy con Vụ lại. Khi chắc chắn con Vụ đã nằm yên, người chơi mới bắt đầu đặt tiền. Mọi người đặt tiền xong hết rồi, ba Hoàng phải hô to "đặt xong hết rồi phải không, lấy tay ra!". Khi đó Hoàng mới chuẩn bị để tay lại lên chiếc nắp đậy con Vụ và từ từ nhấc chiếc nắp lên. Động tác phải nhẹ nhàng, không để cho động đậy chiếc đĩa. Mọi người hồi hộp nhìn vào đĩa. Khi nhìn thấy mặt con Vụ xong, thường một tiếng la "ồ" reo lên từ những kẻ trúng người thua đang đứng ngồi chung quanh. Ba Hoàng không la, không lộ vẻ buồn vui, bình tĩnh, thắng cũng như thua, chỉ lẳng lặng lấy tay lùa tiền các ô thua vào. Còn ô trúng sẽ từ từ chung tiền sau.

Nhưng hình như năm nào Hoàng cũng giúp ông già làm ăn khấm khá trong ba ngày Tết này? Vì tôi thấy bạn Sắc của tôi bao giờ cũng thua xiển xiển, thua đến hết tiền phải đứng dậy đi về, sau khi được Hoàng tặng cho nụ cười "tiễn biệt". Trước sau hai nụ cười, nụ chào lúc tôi đến, nụ tiễn đưa khi tôi phải đứng dậy ra đi khi "sạch túi".

Còn suốt buổi bạn tôi đứng đó chơi, mặt Hoàng lúc nào cũng căng thẳng. Bây giờ nghỉ lại, ngày ấy Hoàng cũng chỉ bông con Vụ bình thường như bao nhiêu người khác thôi, vừa bông vừa niệm Phật, chớ làm sao canh cho con Vụ rớt xuống mặt nào theo như ý ba và ý Hoàng được.

\*

Cô bạn thứ hai, vừa thấy lại trong hình sau trên dưới 50 năm, bạn Lý. Như Nhân, Lý người ở Bờ Đập hay Long Mỹ, năm 11, 12 tuổi vì chiến tranh trong đó không yên nên nhà dời ra làng Phước Hải. Nhà Lý ở trên con đường xứ đỏ, để đi về ấp Nước Ngọt, qua Long Hải. Lý ngày ấy ốm, mảnh mai người. Bây giờ vẫn vậy. Lý nhìn ai hay có cái nhìn nghiêng nghiêng, miệng hay mỉm cười. Nụ cười an phận, hiền hậu. Bây giờ trong hình cũng vậy. Hình như Lý cũng nghỉ học sớm (?). Lúc học, hình như sau giờ học Lý lại lo phụ việc nhà, làm việc nhà, vì ít khi thấy Lý cùng bạn bè nam nữ tụ họp. Cả mấy mươi năm rồi bây giờ mới nhìn lại hình Lý, trong căn nhà đơn sơ. Không biết nhà này của Lý đang ở Phước Hải hay Long Mỹ, Bờ Đập?

Còn Nhân, sau năm đệ lục ở Phước Hải, về Bà Rịa học ở Sĩ Tải như tôi. Nhân chăm học, chỉ lo học. Tôi có gặp lại Nhân ở Sài Gòn, năm 78, khi có người cho tôi địa chỉ của Nhân. Tôi đến thăm. Lúc ấy Nhân đang là cô Cán Sự Y Tế làm trong bệnh viện Grall. Tôi đi bộ dọc qua những hàng cây cao đầy bóng mát, vào một nhà thương to lớn, đồ sộ nằm ngay

giữa thành phố Sài Gòn, để gặp cô bạn gái cùng học chung trường từ dưới quê, rồi lên tỉnh. Nhân khi ấy mặc bộ trắng tinh, y tế, đầu đội mũ trắng, cùng các bạn đồng nghiệp đồng màu trắng, đi lại trên những hành lang dài của bệnh viện như một đàn cò (trắng). Chắc giờ này Nhân đã nghỉ hưu và còn ở Sài Gòn?

\*

Thầy Huynh, Cao Văn Huynh. Kể từ cuối năm lớp nhất (nk 60-61), đến nay mới được dịp xem lại hình thầy. Quê Thầy đâu có xa, Vũng Tàu, nơi tôi đi lại thường xuyên vậy mà không một lần gặp Thầy. Bây giờ cũng chỉ được thấy qua hình! Người thầy giáo đầu đời để lại cho tôi rất nhiều ấn tượng về nhiệm vụ "người thầy". Hình như suốt một năm dạy ở Phước Hải, ngoài giờ dạy 4, 5 tiếng đồng hồ ở lớp Thầy chỉ ở nhà lo chấm bài, soạn bài, còn ngày chủ nhật Thầy về lại Vũng Tàu, nên hầu như không khi nào ngoài giờ học, đi chơi ngoài đường tôi gặp Thầy. Nếu gặp, chỉ trong lớp học. Mới đây Thầy viết, Thầy về dạy, đầu tiên trong đời làm thầy giáo là lớp nhứt, tháng 8 năm 60 ở làng Phước Hải.

Tôi vẫn còn nhớ Thầy vì hai việc. Năm học đó, Thầy dạy lớp nhứt bên nam, cô Vân dạy lớp nhứt hay nhì bên nữ. Giờ ra chơi tụi tôi ra hồ nước gần chia hai dãy lớp nam nữ tiểu học để chọi gheo mấy nữ sinh của lớp cô. Trông đánh vào lớp, cô Vân qua mời Thầy lên văn phòng để "méc vốn". Thầy về lớp, mặt giận hầm hầm, tụi tôi ngồi

run, sau đó Thầy kêu cả lớp từ từ tiến lên bảng, thầy lấy roi quất vào mông mỗi thằng một roi. Đánh đòn đến gần như nửa lớp, bên kia chắc cô Vân thấy, nên cô chạy qua đứng cửa lớp mời Thầy ra và xin tha tội cho bọn tôi, khi ấy Thầy mới ngừng tay. Hên cho những thằng ngồi ở những bàn phía sau.

Việc thứ hai, có lần tôi đã viết, ngày Tết năm đó, Thầy xuống tận nhà tôi để lấy nhánh mai nhỏ do ba tôi tặng để về Vũng Tàu ăn Tết. Hình ảnh Thầy, ngày đó y như bây giờ, kiến trắng, áo sơ mi trắng, quần Tây màu đen, khi ra khỏi nhà tôi một tay thầy cầm gui-đồng xe đạp, một tay cầm nhánh mai đưa lên cao, trong làn gió hây hây của buổi chiều trong mấy ngày trước Tết. Thầy đạp đường vòng qua ngã ba ông Tổng, theo đường xứ đỏ, về nơi dãy nhà của thầy cô giáo cư ngụ gần chợ cũ Phước Hải.

Bây giờ chắc chắn Thầy còn ở Vũng Tàu và đã nghỉ hưu. Thầy có viết năm lớp nhứt Thầy không còn nhớ tên em nào. Giờ nếu có nhắc ra chắc Thầy cũng không nhớ, kể cả lần đánh đòn cả nửa lớp. Nhưng hy vọng Thầy sẽ nhớ đến nhánh mai từ làng Phước Hải mà Thầy mang theo về ăn Tết với gia đình ở Vũng Tàu trong năm Thầy vừa ra trường về dạy ở Phước Hải? Và Thầy còn nhớ cô Vân không? Cô Thủy không? (cô Thủy dạy lớp nhì tụi này, năm trước khi thầy về). Rất mong được liên lạc lại với Thầy và cô Thủy.

**Vũ Nam** (Germany)



# Khuyñh Hướng của Toán Học, Khoa Học

**NGUYỄN THÙY**  
(Phiếm luận)

Lật mãi quyển Nam Hoa Kinh, không tìm đâu ra mười chín Ngũ ngôn, mười bảy Trùng ngôn như tác giả bảo, người viết bức mình, cần nhẫn, trách móc :

-Cái ông Trang Tử này ‘tào lao’ không thể tả. Nói úp úp mở mở, viết nửa kín nửa hở, tầm phào, têu hết chỗ nói..

Bỗng một cánh bướm chập chờn từ đâu xuất hiện rồi một giọng cười sang sảng, tươi vui :

-Chú bé trách ta đây à ? Hay lắm....

Người viết giật mình, nhìn quanh. Cánh bướm bỗng vút lên cao rồi một vị dáng dấp thư sinh, tuấn tú, trang nhã, có nét tiêu dao, phiêu hốt xuất hiện. Người viết run run, ngập ngừng :

-Thưa, Ngài là Trang Chu ?

-Ừ, ta là Trang Chu ..

-Ngài vừa từ cánh bướm...

-Đúng. Ta từ cánh bướm. Ta là Hồ Điệp, ta cũng là Trang Chu. Chú bé nhìn ra ta. Chú bé đang tư lự gì đây ?

-Thưa, Con đang đọc Nam Hoa Kinh của Ngài...

-Ồ ! Bây giờ mà chú bé còn đọc sách của ta, kẻ cũng lạ.

-Thưa tại sao ?

-Giờ này, con còn ê a nào Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử, Giê-Su, Trang Chu ;;thì quả con cũng ‘tiểu ngạo giang hồ’ lắm đó...

-Kính thưa, con không hiểu. Ngài chê hay khen con đây?

-Ta không chê cũng chả khen, chỉ tội nghiệp cho con thôi.

-Bẩm, sao thế?

-Con không hiểu sao? Bây giờ là thời đại của công nghiệp, của khoa học, kỹ thuật, của người máy, của Điện toán, Internet, của vệ tinh, của phi thuyền không gian, của Drone, của GPS, của kỹ thuật nano,...Con không thích ứng với thời đại mới sao? Đọc những Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca, Jésus, Trang Tử,...chẳng là lỗi thời rồi sao?

-Nhưng, thưa, chính giữa cái thời đại văn minh kỹ thuật này, con lại thấy cần đọc lại lời của Thánh nhân xưa vì con cảm thấy thời đại bây giờ như còn thiếu một cái gì đó khiến cuộc sống con người, trong đó có con, bị ngột ngạt sao ấy..Chính vì để hiểu thời đại bây giờ, con thấy cần đọc lại những kỳ thư xưa cũ; đây là cách ‘ôn cố tri tân’ theo lời đức Khổng. Con mạn phép nghĩ vậy, không biết có đúng không...

-Quả con còn ngây thơ, trong trắng. Con có lòng lo cho ngày mai. Ngày mai

làm khổ con người quá lắm. Ngày mai là động lực bắt con người quay tìm quá khứ. Ông Phật bên Ấn Độ nói một câu nghe chướng tai: *‘Hồi đầu thị nạn’*. Mà đúng vậy. Con chắc biết câu đó. Cái quá khứ chuyên vị về tương lai bắt con người phải bơi lội theo nó mãi. Mỗi môn học, trước nay cùng quy diu về đào bới quá khứ nguyên sơ đó vậy. Hướng đến là tìm về; tương lai chính là buổi đầu quá khứ. Con hỏi điều con nghĩ có đúng không, ta biết sao trả lời. Đúng cũng là ‘không đúng’; ‘không đúng’ cũng là ‘không không đúng’...

-Thưa Ngài, Ngài lập ngôn kiểu ấy, con hiểu sao được. Xin Ngài dùng ngôn ngữ bây giờ, may ra con mới hiểu phần nào...

-Con bắt ta làm một điều khó khăn. Ngôn ngữ bây giờ khó hơn ngày xưa gấp bội. Ngày xưa, ngày xưa, chữ nghĩa ít, lẫn lẫn có mấy tiếng, mấy câu, lặp đi lặp lại mãi. Còn bây giờ, chữ nghĩa quá nhiều nên lung tung lắm. Cái gì nhiều quá dễ thành...vô trật tự.

-Dạ...nhưng mà, thưa Ngài, bây giờ nhiều sự việc quá thì phải nói nhiều mới đủ chứ?

-Cứ cho là vậy, nhưng con biết không, mọi thứ, dù gì là gì cũng chỉ là cách nói muôn đời khác nhau về những thứ muôn đời chỉ một...

-Ngài nói hay quá nhưng quả tình con không hiểu. Con nhai đi nhai lại sách của Ngài mà chẳng hiểu mô tê gì ráo..

-Chỗ nào trong sách ta, con băn khoăn nhất nào?

-Dạ thưa, ở thiên Ngụ Ngôn ấy. Ngài bảo *‘Ngụ ngôn thập cứu, Trùng ngôn thập thất’* mà con tìm suốt sách Ngài chẳng thấy đâu ra 19 ngụ ngôn và 17 trùng ngôn cả.

-Ha, ha...Tội nghiệp cho chú bé. Chú có đào bới suốt đời cũng chẳng tìm đâu ra các con số đó...

-Thế sao Ngài lại viết như thế? Chao ôi,Con muốn điên đầu lên! Ngài ác quá...

-Chú bé trách ta à? Được lắm...Hãy lên án ta nữa đi...

-Xin Ngài tha tội, con lỡ mồm..Nhưng xin Ngài chỉ cho con chỗ nào tìm ra 19 ngụ ngôn và 17 trùng ngôn..

-Chẳng có chỗ nào cả. Con tìm trong đầu thôi..

-Con đã đập bẻ đầu con mà có thấy đâu!

-Tại sao lại thấy? Cái ở trong đầu thì không thấy mà chỉ nghiệm. Cái nghiệm thoát ra ngoài thành cái thấy. Cái thấy bên ngoài chỉ hữu ích khi trở thành cái nghiệm...

-Dạ, vâng...Nhưng con ngu tối, đầu óc bé bỏng, được gặp Ngài quả là một kỳ ngộ. Xin Ngài vui lòng chỉ giáo cho con đề *‘vắng người còn chút của tin’*...

-Con cũng đáo đả lắm, dám đem ý ông Nguyễn Du nhà con đề ‘cưỡng bức’ ta phải nói. Nhưng thôi, thấy con là kẻ có lòng, ta nói đây:

-*‘Ngụ ngôn,Trùng ngôn thì vô số, biết sao kể hết.Ta dùng các con số 19, 17 chỉ để nói về số nhiều thôi.Có dùng bao nhiêu ngụ ngôn, trùng ngôn, có*

*nhắc đến bao lời Thánh nhân, hiền triết thì cũng chẳng giải quyết được gì cõi đời này mà còn làm thêm rắc rối, nhiều khê. Con chẳng thấy chính sự viển vông lời người này kẻ nọ mà sinh ra cãi cọ, tranh chấp nhau lung tung sao, lại còn làm lệch lời người xưa nữa. Ta dùng các con số đó chỉ để gián tiếp nói rằng còn lẫn lộn, cò kè, đo đếm, tính toán hơn thiệt thì mọi sự chỉ thêm lồi thoi chứ không bao giờ sáng tỏ. Con số -con không biết sao -chẳng là ký hiệu thể hiện đo đếm, tính toán, phân biệt sao? Còn trong vòng phân biệt, còn trong thế đối đãi nhị nguyên thì vô minh còn đây; vô minh phát sinh từ lòng dục do những con số cò kè bớt một thêm hai đó....”*

-Dạ, thưa, con hiểu. Nhưng như thế, ngụ ngôn và sự việc mượn lời Thánh nhân hay nói theo lời Thánh nhân, không nên chăng?

-Nên chứ. Có cái gì không nên, có cái gì không không nên. Nên hay không, không ở sự việc mà ở cái ‘nhìn’, một nhà văn Pháp đã bảo thế. (‘Que l’importance soit dans ton regard, non dans la chose regardée’ – André Gide : Les Nourritures terrestres, livre premier).

-Thưa, cái nhìn thế nào ạ ?

-Cái nhìn bất nhị, cái nhìn ‘tề thiên địa, ‘đồng nhân ngã’ như ta đã nói trong sách. Chưa có cái nhìn đó thì dù dẫn ra bao nhiêu ngụ ngôn, bao nhiêu lời Thánh nhân hay của người này người nọ cũng chỉ nhằm biện hộ cho cái nhìn chủ quan, phiến diện của mình thôi, biết đâu chẳng do tà ý, tư tâm, nhiều khi còn tạo

thêm rắc rối cho việc đời vốn đã là mớ bòng bong.

-Cái nhìn bất nhị ? Nhưng làm sao có cái nhìn bất nhị giữa một vũ trụ toàn phân biệt ? Có cái nhìn bất nhị, liệu có phù nhận và lên án khoa học, toán học không vì khoa học, toán học mới dùng đến con số nhiều nhất ?

-Ấy, chính giữa cái vũ trụ đầy phân biệt nên mới phải cần có cái nhìn bất nhị chứ ! Đã có cái nhìn bất nhị thì đâu còn lên án hay không lên án bất cứ gì. **Trong cái nhìn bất nhị thì con số là con số của Tượng, con số ‘tượng số’ trong lúc con số trong cái nhìn sai biệt là ‘con số ‘hiện số’, con số qui ước.** Vô minh của cuộc sống phát sinh từ con số qui ước đó. **Khuynh hướng chung của Toán học, Khoa học chẳng là phá vỡ dần mọi qui ước để tiến tới khám phá cho kỳ được cái thoát ra khỏi mọi qui ước, cái không còn cần qui ước, cái không thể nào qui ước tức cái Thể thống nhất ban sơ, nền tảng, nguồn gốc của cõi sắc giới, của cõi hiện tượng qui ước. Càng nghiên cứu đến rốt ráo, Toán học, Khoa học sẽ đối diện với những thứ không thể qui ước được.** Toán học, Khoa học, nhất là môn Vật Lý Lượng tử đang trên hành trình đó mà có thể chính các nhà Toán học, Khoa học đó không ngờ. Con còn cố đi tìm cho ra 19 ngụ ngôn và 17 trùng ngôn trong sách của ta, quả con đã bị hạn chế trong cái tinh thần sai biệt của con số qui ước vậy.

# CON NGƯỜI VÀ TÁC PHẨM

## Đỗ Bình

Montparnasse là một khu phố thuộc Quận 14 của Paris. Từ cuối thế kỷ 19, thành phố Paris trở thành trung tâm nghệ thuật của toàn thế giới. Ở hữu ngạn sông Seine, khu phố Montmartre thu hút rất nhiều những họa sĩ. Vào đầu thế kỷ 20, nơi đây tập trung rất nhiều nghệ sĩ, nhà văn nổi tiếng. Pablo Picasso trong số những nghệ sĩ danh tiếng đầu tiên tới đây. Ở đây có những xưởng vẽ và giá thuê phòng không cao, cùng các quán cà phê bình dân giúp các nghệ sĩ nhanh chóng tìm thấy một không khí cởi mở và tương trợ. Tsuguharu Foujita không biết ai khi từ Nhật Bản tới Paris vào năm 1913, nhưng chỉ một buổi tối đã làm quen với Chaïm Soutine, Amedeo Modigliani, Julius Mordecai Pincas và Fernand Léger. Sau đó vài tuần thì Tsuguharu Foujita trở thành bạn của Juan Gris, Pablo Picasso và Henri Matisse. Trong thập niên 1920 «Những năm tháng điên loạn» Montparnasse đạt tới thời kỳ hoàng kim, tập trung rất nhiều họa sĩ lớn. Có thể kể tới: Pablo Picasso, Guillaume Apollinaire, Douanier Rousseau, Ossip Zadkine, Moïse Kisling, Marc Chagall, Nina Hamnett,

Fernand Léger, Jacques Lipchitz, Max Jacob, Blaise Cendrars, Chaïm Soutine, Michel Kikoine, Pinchus Kremegne, Amedeo Modigli, Ford Madox Ford, Ezra Pound, Marcel Duchamp, Suzanne Duchamp-Crotti, Constantin Brancusi, Paul Fort, Man Ray, Juan Gris, Diego Rivera, Tsuguharu Fujita, Marie Vassilieff, Grégoire Krug, Léonide Ouspensky, Léon-Paul Fargue, René Iché, Alberto Giacometti, André Breton, Pascin, Salvador Dali, Jean-Paul Sartre, Henry Miller, Django Reinhardt, Joan Miró và Edgar Degas trong những năm cuối đời. Như đã thu hút những họa sĩ nước ngoài, Montparnasse cũng được rất nhiều nhà văn tìm đến. James Joyce từ Ireland, Morley Callaghan từ Canada... Và đặc biệt từ Mỹ với Gertrude Stein, Peggy Guggenheim, Edith Wharton, Ernest Hemingway, F. Scott Fitzgerald... Các quán cà phê Dôme, Closerie des Lilas, Rotonde, Sélect, Coupole, Le Boeuf sur le Toit là nơi các nghệ sĩ tụ tập để gặp gỡ và tranh luận. Không chỉ là khu phố nghệ sĩ, Montparnasse cũng là nơi trú ngụ của một số chính trị gia lưu vong, như Vladimir Ilyich Lenin, Porfirio Díaz, Lev Davidovich Trotsky, Simon Petlioura. Sau thập niên 1930 thì Montparnasse vắng vẻ dần. Thế chiến

thứ hai nổi ra kết thúc thời kỳ hoàng kim của khu phố nghệ sĩ Montparnasse. Theo Cuốn từ điển của nhà xuất bản Roussard đã thống kê tới 4285 nghệ sĩ, từ danh tiếng đến ít tên tuổi, từng sống tại Montmartre trong hai thế kỷ 19 và 20. Từ khoảng năm 1820, các nghệ sĩ bắt đầu tập trung về đây. Đến cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, khu phố này từng là điểm đến của những họa sĩ nổi tiếng bậc nhất với các trường phái Ấn tượng, Lập thể, Dã thú... Cùng với Montparnasse ở bên tả ngạn, Montmartre trở thành trung tâm nghệ thuật của Paris. Tòa nhà Bateau-Lavoir từng đón tiếp Henri Matisse, Georges Braque, Pablo Picasso, Maurice Utrillo, Guillaume Apollinaire... Vincent van Gogh sống tại số 54, phố Lepic. Camille Pissarr vẽ đại lộ Montmartre. Moulin de la Galette từng là đề tài của Pierre-Auguste Renoir, Pablo Picasso, Vincent van Gogh, Henri de Toulouse-Lautrec, Maurice Utrillo... Các quán Cabaret Le Chat Noir, Lapin Agile có khách hàng là những nghệ sĩ, nhà thơ tên tuổi. (trích Nguồn)

### Kẻ Lãng Du Trong Tranh

Tôi rất mê hội họa nên hay đi xem triển lãm tranh ở Paris. Nhiều lần đứng trầm ngâm trước một bức tranh rất thích nhưng không thể lý giải được tại sao thích! Có lần chúng tôi cùng họa sĩ Nguyễn Đức Tăng được họa sĩ Vĩnh Ấn

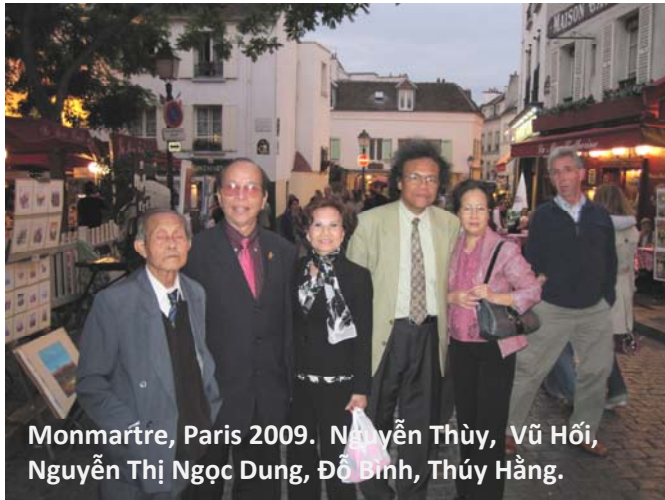
mời đến nhà dùng cơm, mục đích ông muốn cho tôi xem những họa phẩm đặc ý của ông và một số sách quý hiếm của nhiều tác giả nổi danh trên thế giới mà ông dày công sưu tầm, có những cuốn đã có mặt trên cõi đời này hàng trăm năm. Hẹn với họa sĩ Nguyễn Đức Tăng ở quán cà phê gần nhà họa sĩ Vĩnh Ấn để cùng đến. Khi gặp Nguyễn Đức Tăng tôi thấy anh mặc veste nhưng không đeo cà vạt, tôi hơi ngạc nhiên vì thói quen của người họa sĩ có một thời làm ngoại giao này lúc nào quần áo cũng tươm tất. Tôi hỏi họa sĩ Nguyễn Đức Tăng : «Sao hôm nay anh không thắt cà vạt ?» Nguyễn Đức Tăng trả lời : «Anh Vĩnh Ấn không thích cà vạt !». Nghe vậy, tôi liền liên tưởng đến những lần anh Vĩnh Ấn và chúng tôi gặp nhau dù ở sinh hoạt văn học nghệ thuật hay ở những quán cà phê Paris nghe anh đọc thơ của Paul Valéry (1871-1945), Jacques Prévert (1900-1977), Appollinaire Guillaume (1880-1918)..., hay nói chuyện văn chương Pháp; tôi vẫn thấy anh mang cà vạt. Tuy nghĩ thế tôi vẫn gỡ chiếc cà vạt, anh Nguyễn Đức Tăng thấy vậy ngăn, nhưng tôi vẫn tháo ra, và nói: «Lần đầu tiên anh Vĩnh Ấn mời đến nhà, tôi muốn như anh được tự nhiên, có lẽ anh ấy vui hơn khi tiếp mình», họa sĩ Nguyễn Đức Tăng cười, không nói thêm. Tôi kể cho anh nghe hôm dự buổi lễ tưởng niệm nhà biên khảo Phạm Trọng Nhân, lúc về chung với Gs Tôn Thất Thảo, anh Thảo kể cho tôi nghe về anh Vĩnh Ấn, anh

nói: «Anh Vĩnh Ấn qua Pháp 1951 lúc còn trẻ. Đến Pháp anh vừa đi học vừa đi làm, những năm sau đó anh gặp chúng tôi ở Paris tuy thời gian có khác nhau, nhưng anh nhận chúng tôi là anh em, trong đó có: họa sĩ Võ Đình, nhà văn Phạm Công Thiện, nhà thơ Thi Vũ Võ Văn Ái, và tôi Tôn Thất Thảo ít tuổi nhất. Các anh kia đều là văn nghệ sĩ trừ tôi đi dạy học, thỉnh thoảng có làm thơ, viết biên khảo.» Tôi ồ lên và nói: «Toàn là những cây văn nghệ độc đáo!» Đây là lần đầu tôi đến nhà anh chị Vĩnh Ấn, cảm giác làm tôi rất ngạc nhiên về cách sống của anh chị, một lối sống thanh bạch thật giản dị dù qua Pháp đã quá lâu nhưng vẫn giữ được nếp sống rất Việt Nam. Tôi cứ ngỡ dưới con mắt họa sĩ cách trang hoàng nhà của anh phải lộng lẫy kiểu tây phương, phù hợp với những câu chuyện về văn chương Pháp mỗi khi gặp anh. Nhưng không! Căn phòng với ngọn đèn trần không chụp tỏa, ánh sáng vừa đủ rọi vào một tủ kính lớn, mặt tủ được dán kín một lớp giấy báo tôi không biết trong tủ đựng gì ! Cách bày biện rất đơn sơ, giấy dán tường màu nhạt làm tăng sự mộc mạc của chiếc bàn gỗ loại nhỏ đặt giữa phòng, cách đó là chiếc kệ trên có chiếc radio thời thập niên 50. Tôi không thấy TV, có lẽ TV được để trong phòng ngủ. Trên tường không một bức tranh, nhưng nếu nhìn tổng thể căn phòng, bố cục như một bức tranh ấn tượng mà họa sĩ Vĩnh Ấn có tình sắp xếp. Anh chị Vĩnh Ấn rất vui đón chúng tôi, anh nói: «Để chuẩn bị

đón các bạn văn nghệ, chúng tôi sẽ mời các bạn dùng món quê hương, món Huế do chính chúng tôi làm.» Sau khi dùng cơm xong họa sĩ Vĩnh Ấn mới mở tủ lấy những sách quý ra giới thiệu, lúc đó tôi mới biết anh sưu tầm sách quý của VN và thế giới, tủ sách của anh là một thư viện nhỏ, cuốn nào cũng đóng hộp cứng. Anh cho tôi xem những tập thơ cổ của Pháp, Ý...vv ... sách không đóng bìa, rời từng trang được viết tay hoặc in trên giấy đẹp, khổ lớn. Anh say sưa đọc những bài thơ Pháp. Anh hứa sẽ vẽ bìa cho tập thơ tôi. Anh nói: «Muốn thực hiện hình bìa thì họa sĩ phải đọc tất cả bài thơ nhiều lần để cảm hồn thơ, tìm xem tác giả muốn gửi gắm gì qua thi tập, sau đó mới hòa cảm xúc mình với thi tập để thực hiện chủ đề. Về tranh phụ bản nếu không do họa sĩ minh họa từ bài thơ trong thi tập thì thà để trống, chứ đừng đem một bức tranh có sẵn của một tác giả nào rồi nhét bừa vào tập thơ, bảo là phụ bản, ép duyên thơ và tranh thật là tội nghiệp !»

Sau khi đọc thơ xong, họa sĩ Vĩnh Ấn mời chúng tôi vào một phòng bên cạnh, phòng này chứa toàn tranh, những bức tranh khổ lớn 1m20 không treo, nhiều bức chưa khung. Anh đem từng bức ra cho chúng tôi xem. Khi xem đến bức tranh hình thể không rõ nét, màu sắc ảo, nửa phần trên dùng những gam buồn ánh sáng nhạt hắt vào mảng màu xanh đen tạo một khoảng không gian xoáy ốc sâu thẳm và tĩnh lặng. Bỗng họa sĩ Nguyễn Đức Tăng hỏi: «Bức

tranh này khó hiểu, anh muốn nói gì?». Họa sĩ Vĩnh Ân không ngược mặt về phía anh Nguyễn Đức Tăng, mắt vẫn chăm chú vào tấm tranh tiếp tục đưa bức tranh khác cho chúng tôi xem, và trả lời: «*Xem tranh thì xem bằng mắt và cảm nhận bằng tâm hồn, đừng nghe bằng tai.*»



Monmartre, Paris 2009. Nguyễn Thùy, Vũ Hối, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Đỗ Bình, Thúy Hằng.

Họa sĩ Nguyễn Đức Tăng chỉ đưa mắt nhìn tôi chẳng tỏ ý phiền về câu trả lời đó. Tôi biết họa sĩ Nguyễn Đức Tăng nhà văn hóa xã hội nổi tiếng ở Paris rất cảm phục họa sĩ Vĩnh Ân, họ hiểu nhau. Riêng tôi, quả thật tôi cũng chẳng hiểu bức tranh đó họa sĩ muốn nói gì, dù thời trẻ có thời cầm cọ chơi sơn dầu! Tôi chợt liên tưởng đến câu chuyện trong tác phẩm *La Seconde Chance* của Virgil Gheorghiu viết năm 1952: «*Một người khách đến thăm một xưởng vẽ của một họa sĩ, nhìn bức tranh vẽ một con chim bay, người khách thấy lạ lùng hỏi họa sĩ: "Thưa họa sĩ,*

*ông vẽ một con chim đang bay sao tôi nhận không ra ?! Họa sĩ vẫn cầm cúi vào vẽ, không ngẩng đầu lên trả lời : Tôi không vẽ con chim đang bay, mà vẽ cái bay của con chim*». Họa sĩ Vĩnh Ân từng đoạt những giải thưởng quốc tế: Pháp, Bỉ, Tây Ban Nha...vv. Giải thưởng Lá Cọ Vàng Hội phê bình nghệ

thuật Paris (1980, 1982). Giải thưởng Huy chương Vàng Viện Hàn Lâm nghệ thuật văn hóa Âu châu và Mỹ châu (1982). Huy chương Vàng Viện Hàn lâm Quốc tế Lutèce (1982). Giải thưởng cuộc thi quốc tế Mỹ thuật lần thứ 17, năm 1985 (ngày trao giải 22.3.1986).

Họa sĩ Vĩnh Ân con người và tác phẩm như nhau, tâm hồn luôn say mê văn học nghệ thuật nên không nặng phần hình thức, sống đơn giản, thâm lặng nhưng rất tha thiết cuộc đời. Vì kín đáo, tranh lại khó hiểu nên tác phẩm của anh ít được công chúng VN hải ngoại biết đến. Nhưng may thay những nhà làm nghệ thuật quốc tế có con mắt chuyên nghiệp đã trân trọng anh qua những giải thưởng cao quý. Cả đời anh Vĩnh Ân say mê văn học Pháp, làm thơ rất nhiều nhưng không là thi sĩ, anh để hồn thơ gởi trọn vào sắc màu hội họa tìm con đường riêng lãng du mà người đời không sao hiểu hết! Người họa sĩ đó đã vĩnh viễn ra đi ngày 5.5.2008 tìm cõi khác phiêu du.

## Ánh Mắt Và Nụ Cười

Họa sĩ Heri Moinard sinh vào thập niên đầu thế kỷ 20 tại Bretagne, miền tây nước Pháp. Ông là một nhà giáo, một họa sĩ ấn tượng, từng đoạt giải thưởng. Với giải thưởng đó ông cảm thấy rất mãn nguyện; vì đối với hội họa rất hiếm họa sĩ thành danh lúc còn sống, họ chỉ được công chúng biết đến khi đã lìa đời! Chúng tôi có cái may là quen biết với họa Moinard lúc ông còn sanh thời. Nhân dịp có mấy người bạn ở Mỹ sang Pháp chơi lại rất thích hội họa, nhất là trường phái ấn tượng nên chúng tôi đã đưa các bạn đi xem các viện bảo tàng về hội họa ở Paris. Thăm khu phố Montmartre, viện bảo tàng của danh họa Claude Monet người thầy vĩ đại của trường phái ấn tượng ở Giverny, nhưng có lẽ các bạn còn vẫn vương màu sắc nên có người đề nghị muốn gặp một họa sĩ Pháp còn sống, chúng liền phân cho họa sĩ Moinard ngõ ý muốn đến thăm xưởng vẽ của cụ. Họa sĩ Moinard rất vui và hẹn ngày mời chúng tôi đến. Hôm đi thăm xưởng, cùng đi với chúng tôi còn có một số bạn người Pháp. sau khi xem tất cả những số tranh, cụ bỗng ngẫu hứng tặng chúng tôi mỗi người một bức sơn dầu. Họa sĩ lấy cớ đề nghị vẽ tặng hai người đàn bà Việt đi chung mỗi người một bức chân dung, cả nhóm rất hoan hỷ đón nhận tặng phẩm tinh thần bất ngờ này. Khoảng nửa giờ họa sĩ vẽ xong hai bức chân dung và trao cho hai chị. Chúng tôi vây quanh ngắm hai bức chân dung, điều thật ngỡ ngàng

hai bức chân dung chẳng giống người thật! Chúng tôi cả Việt lẫn Pháp đều nhìn nhau biểu lộ sự thắc mắc trong im lặng. Họa sĩ Moinard hiểu được sự ngạc nhiên đó, nhưng lại dẫn cả nhóm ra vườn xem hoa. Trước khi tiễn chúng tôi ra về cụ mỉm cười giải thích: *«Tôi đã vẽ bà thứ nhất ở cặp mắt, bà thứ hai ở nụ cười.»* Họa sĩ nói tiếp: *«Nhiều năm sau, thời gian có thể làm thay đổi dáng vóc, và khuôn mặt hai bà, nhưng ánh mắt và nụ cười đó sẽ còn mãi với thời gian.»*

Chúng tôi ra về mang theo hình ảnh người họa sĩ cặm cụi say mê nghệ thuật, dù tuổi đời đã quá chín mươi. Không biết các bạn của tôi nghĩ sao, riêng tôi lòng cảm thấy thẹn những điều mình biết quá ít về nghệ thuật như giọt nước giữa đại dương! Hội họa là một thế giới mênh mông, riêng biệt, dù trong những khoảng sắc màu tĩnh lặng không âm thanh đó, lại chất chứa nỗi sâu thẳm từ đáy hồn của họa sĩ một tiếng vọng mãnh liệt. Nhưng có những họa phẩm thật độc đáo: ý tưởng, màu sắc đường nét đầy sáng tạo của họa sĩ, vẫn thiếu người đồng cảm về lòng say mê đó !

Họa sĩ Moinard đã già từ màu sắc của thế giới này từ một phần tư của thế kỷ trước. Tranh của ông vẫn treo trong phòng khách nhà tôi cùng với nhiều bức tranh khác của các bạn tặng, mỗi ngày tôi ngắm nó để nhớ người.

**Đỗ Bình**

(Paris)



# MƯU KẾ

## Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

Cuối cùng rồi Toàn cũng phải bằng lòng gắp Quyên theo sự sắp xếp của hai bên gia đình! Nói cho đúng là của hai bà mẹ là bạn thân nhau từ hồi họ miệng còn thơm mùi sữa! Toàn tự nghĩ: “Đúng là cù lân lửa”! Cả đời Toàn có bao giờ nghĩ đến chuyện quen một cô gái nào mà phải có sự giúp sức của người khác, nhất là cha mẹ của mình!

Nghĩ đến chuyện lâu nay mẹ hay nài nỉ Toàn lấy vợ, một cô gái theo lời “quảng cáo” của mẹ là nét na công dung ngôn hạnh đầy đủ... nhưng rốt cuộc lần nào mấy cô đó cũng chỉ có trong mình một hai chữ! Cô có “dung” coi được được thì mất nét! Cô “hạnh” hiền lành lại khờ câm, ngồi im một cục đến nỗi không dám nhúc nhích chân tay... mấy đứa em cũng phải ý kiến “chán như con gián!”

Cô “ngôn” thì nói chuyện tía lia, không dứt, chẳng cho người khác chen vô một câu! Còn cô “công” thì lúc nào cũng đặt tiền bạc lên hàng đầu! làm gì cũng quy thành tiền, tiền to như cái bánh xe bò!

Không phải đích thân Toàn gắp gỡ mấy cô đó để nhận xét như vậy đâu, mà chàng đã khôn ngoan dùng tiền mua chuộc đứa em kế mình là Dung, để nó dò xét và “chê” trước cho mẹ nản chí, làm nghĩa cử đẹp giúp cho ông anh phong độ của mình.

Trong hăng cũng có nhiều cô thích Toàn, nhưng chàng chỉ coi họ như những người bạn thuần túy thôi, không có tình ý gì cả.

- Sao anh không chịu cô Kim, em thấy cô đẹp quá, nghe nói hồi còn sinh viên cô đậu hoa hậu đó...

Toàn cười:

- Nhỏ này không thông minh chút nào! Lấy vợ thì chỉ cần dễ thương, đẹp đẹp một chút, hiền lành, biết lo cho chồng là được... lấy hoa hậu về cho nó đi à?

- Anh bao thầu hết mọi cái hay của người đàn bà rồi! Nhưng cũng có hoa hậu thương yêu chồng con vậy!

- Cái đó hơi hiếm! nhưng cá với em hoa hậu không chảnh nhiều cũng chảnh ít... đúng không?

- Chắc vậy, bởi người ta là hoa hậu thì ông nào cũng khoái, cũng yêu chiều, muốn gì được nấy cho nên họ mới lên chân! Lỗi tại mấy ông bày vẽ chứ ai!

- Không có anh!

- Anh ngon... nhưng mà coi chừng quá lứa rồi “chổng mông” mà gào!

- Bậy bạ, câu đó dành cho đàn bà con gái, đàn ông mấy tuổi mà lấy vợ không được? Có ông vừa già vừa xấu nhưng có chút tiền, về Việt Nam tung hê, lấy toàn hoa khôi, hoa hậu chân dài hai mươi tuổi không đó!

- Bởi vậy nhân gian mới có câu “thà 1 phút huy hoàng rồi chợt tắt, còn hơn buồn le lói suốt trăm năm”! Mà mấy bà chân dài này cũng có nhiều loại... đa số chỉ muốn đi Mỹ, khi có thể xanh rồi là cao

bay xa chạy... làm mấy ông già ôm nhau khóc hận thiên miên... Chuyện này xưa như trái đất chứ có mới mẻ gì đâu!

- Sao mày rành quá vậy?
- Báo đăng dài dài tuần nào không có!
- Thôi đừng nói nhảm nữa, tao muốn hỏi là mày biết cô Quyên không?
- Quyên nào?
- Ai biết! Quyên con của một người bạn nào đó của má.

- Chắc là chị Quyên kẹo rồi!
- Là sao? Nó kẹo kéo lắm hả?
- Không, bà đó đang làm “manager” hăng kẹo...

- Má đang ép tao phải gặp cô đó! Cô ta đẹp không?

- Đàn ông sao ai cũng háo sắc vậy ta! Câu trả lời là đẹp, nhưng em lưu ý với anh bà không phải người dễ tính!

- Vậy thì nói cho má biết!
- Ai biết mà nói! Nhưng sao anh không gặp thử coi sao? Biết đâu chị ta khó tính với người dung, nhưng với anh thì khác?

Câu nói của Dung làm cho Toàn suy nghĩ... Phải đó, lúc này rảnh, sao không thử làm vui lòng má thêm lần nữa, gặp rồi nếu không hợp thì từ chối là má khỏi cần nhần!

Má của Toàn là một người đàn bà lo toan trong nhà tuyệt hảo. Chồng con lúc nào cũng được âm êm, công việc nhà không bao giờ má bắt hai anh em đụng tới, mà chỉ khuyến khích hai đứa học hành cho giỏi, như vậy là bà hài lòng rồi.

Nghe Toàn chịu gặp cô Quyên, bà Phũ vui quá sức. Trong bụng bà đã nghe

nói đến cô Quyên con bà Thu lâu rồi. Mấy người bạn bà quen biết thì ai cũng công nhận rằng cô Quyên xinh đẹp, học lực cao, đang là hiệu trưởng một trường Tiểu Học tư trong vùng.

Cô đi chiếc xe lán công hiệu BMW, ăn diện đúng thời trang lịch sự. Hôm trước tình cờ hai bà mẹ gặp nhau ở khuôn viên nhà thờ, họ đã nhắc đến con cái của họ khi thấy Quyên lái xe đến đón mẹ về. Vui miệng, bà Phũ hứa hẹn với bà Thu sẽ giới thiệu con trai của bà cho hai đứa quen nhau!

- Con nhỏ có nhiều chàng trai tìm đến làm quen, nhưng nó chẳng ưng ai cả!

- Sao giống thằng con tôi thế! Tụi trẻ bây giờ không biết chúng nó mong chờ cái gì!

- Chắc chúng nó muốn sự tự do.

- Chẳng những thế chúng còn không muốn bị ràng buộc, trách nhiệm!

Thế rồi ngày đó cũng đến, phải nói là cả hai mẹ con bà Phũ lần này đều công nhận cô Quyên hợp nhãn. Cô ăn nói nhỏ nhẹ, xinh đẹp lịch sự như sự mong ước của Toàn từ trước. Thịnh thoảng cô lại biết nói những câu làm cho mọi người cười vui...

Tuy vậy, khi Toàn mở lời mời cô đi chơi gặp gỡ lần tới, thì cô đáp:

- Dạ, anh cứ Email cho em, rồi em coi lại lịch làm việc, sẽ trả lời cho anh sau!

Trên đường về Toàn nghĩ nhiều về Quyên. Hình như Toàn đã bị tiếng sét ái tình đánh trúng tim hay sao! Cô Quyên bề ngoài có vẻ hơi lạnh lùng trong việc kết thân, nhưng đôi mắt của cô đã thực

sự hóp hồn chàng trai, cô có đôi mắt tròn to, hàng lông mi cong vút, khác hẳn mắt của bà mẹ chỉ có một mí lót! Chắc có lẽ cô đẹp giống cha.

o o o

Toàn về nhà gặp Dung đang ngồi lẩm nhẩm đọc cái gì đó mà miệng thì cười toe toét. Toàn hỏi:

- Đọc gì mà vui vậy?

Dung khoe:

- Anh nghe nè... họ nói về những câu có chữ “tử” buồn cười lắm, nghe nha:  
*Đang mạnh khỏe mà chết gọi là Mạnh tử.*  
*Chết già gọi là Lão tử.*  
*Người to con mà chết gọi là Khổng tử,*  
*Chết mà bị dòi tới dòi lui gọi là Du Tử*  
*Chết ở sông gọi là Giang Tử.*  
*Bị lạnh chết gọi Hàn Mặc tử*  
*Cung nữ mà chết gọi là Tử Cung.*  
*Chết trong chùa gọi là Tự Tử.*  
*Chết một cách lãng xẹt gọi là Lãng Tử.*  
*Bị chấy rận cắn chết gọi là Chí Tử.*  
*Điện giật chết gọi là Điện Tử,*  
*Cha chết gọi là Phụ Tử,*  
*Mẹ chết gọi là Mẫu Tử,*  
*Em chết gọi là Đệ Tử,*  
*Vợ chết gọi là Thê Tử,*  
*Thầy giáo chết gọi là Sư Tử,*  
*Học trò chết gọi là Sĩ Tử,*  
*Quân lính chết gọi là Quân Tử,*  
*Bị đánh bầm dập mà chết gọi là Nhừ Tử,*  
*Chết mà bị chặt ra từng khúc gọi là Thái Tử.*  
*Chết trong khi đi toilet gọi là Tiểu Tử....*

- Haha... Không biết ai rảnh mà ngồi nghĩ ra mấy câu ba láp ba xàm đó nhỉ? Anh cũng đọc được vài câu trên NET cũng khá thú vị, hông biết em đọc chưa?

- Câu gì?

- Nghe nè:

- *Người gian không thích sấm, người dâm không thích sáng .*

- *Làm dâm thì chưa mà làm chúa thì dâm .*

- *Người nhiều mộng vào đời để rồi mời nhiều người vào động ...*

- *Vua khi ngồi trên ngai là khi ngai trên ngai .*

- *Không nên giỡn quá lớ trong ngày giỗ quá lớn .*

- *Có những người chỉ đi mưa mà chưa đi Mỹ .*

- *Các cô thích anh chàng nông mà không thích ông chồng ngang.*

- *Cây sấu đông mọc ở đồng sâu hay ở đầu sông .*

- *Say để đỡ nhớ ngày xưa và đỡ ngửa nhờ say .*

- *Chơi hụi thì chết chơi hết thì trụi .*

- Nghe cũng đúng chứ! À này, chuyện tình của anh với cô Hiệu Trường tới đâu rồi? Vậy mà lúc trước em cứ tưởng là cô Quyên kẹo... để em còn được ăn kẹo, ai ngờ lại gặp Quyên cô giáo!

- Em sửa soạn quần áo để đi ăn cưới là vừa.

- Hả, khi nào?

- Bốn tháng nữa.

- Trời, quen nhau mới vài tháng mà cưới rồi sao!

- Hai bà mẹ đều muốn vậy, tụi anh cũng Ok luôn.

Thế là một ngày không xa Quyên bước chân về làm dâu nhà bà Phủ. Đúng ra trước khi cưới Quyên cũng nói

ý định của cô là muốn Toàn về ở bên nhà mình, bởi bố cô đã mất mấy năm nay, mẹ chỉ có một mình cô, nên cưới xong hai đứa ở bên nhà Quyên tốt hơn.

Toàn bàn với mẹ nhưng bà Phủ quyết liệt phản đối. Toàn kể cho Quyên nghe:

- Không được đâu, mẹ anh bảo không muốn mang tiếng ở rề!

- Em lấy chồng rồi mẹ ở một mình tội nghiệp quá!

- Thì cuối tuần tụi mình về thăm mẹ...

Quyên tâm sự với mẹ mình thì bà bác ngay:

- Trời, sao con lại bắt nó về đây! Lấy chồng là phải theo chồng chứ! Ai lại làm thế bao giờ!

- Con không muốn mẹ ở một mình buồn lắm!

- Đừng lo cho mẹ! Mẹ còn sức khỏe đi thăm con được mà! Mẹ còn có bạn...

Quyên an tâm xách va ly về nhà chồng. Lúc đầu bà Phủ thích thú vì con trai đã nghe lời mình lấy cô dâu do mình chọn, theo đúng nguyện vọng của mình... Nhưng rồi chỉ một thời gian ngắn sau, bà bắt đầu cảm thấy khó chịu, không thể hòa hợp với cô con dâu này được!

Ái đời từ khi cưới vợ, thay vì mỗi sáng Toàn dậy sớm 7 giờ ra sân tập thể dục, thì bây giờ cậu lại nằm ì trong phòng cho đến tận gần chín giờ mới cùng vợ bước ra khỏi phòng, quần áo gọn ghẽ để đi làm luôn, không ăn sáng cùng bố mẹ như xưa. Quần áo của Quyên cuối tuần Toàn chịu khó bỏ vào máy giặt và gấp gọn ghẽ...

Đây là điều bà Phủ thấy ngứa mắt và coi như hỗn hào, dám qua mặt cha mẹ!

- Con này cô giáo mà không biết phép tắc gì cả!

Tính tình của Quyên và bà mẹ chồng lại hoàn toàn khác hẳn nhau. Con dâu thì sao cũng được, mẹ chồng trong nhà lúc nào cũng sạch sẽ, mọi thứ bóng lộn như lau như li! Bực nhất là những lúc chúng nó đi làm, bà mò vào phòng xem xét... nhiều khi thấy giường nệm bừa bãi, không gấp chăn mền lại thứ tự... chẳng ra đâu vào đâu!

Bà Phủ bắt đầu bực mình, lên tiếng chỉ trích cô con dâu nhiều thứ! Lúc đầu thì âm ỉ trong lòng, nhưng về sau bùng nổ cả nhà đều biết! Ông Phủ nhiều lần nén tiếng thở dài, Toàn thì lúc nào cũng xoay trở giải hoà cho hai bên, vợ và mẹ không thể bỏ ai, lại nữa Quyên mới bắt đầu cần thai! Không khí trong gia đình lúc nào cũng căng thẳng, mệt mỏi.

- Em có trả lời hỗn hào gì với má đâu! Má nói thì em im lặng thôi... mà sao má anh khó chịu thế, em vừa đi làm vừa có thai, về nhà lại còn phải săn sóc chiều chuộng hầu hạ anh nữa, thì giờ đâu mà dọn nhà cửa, phòng ốc của mình sạch bong như má được!... Vậy mà má cứ soi mói để chỉ trích em là thế nào! Phòng mình má để ý làm gì!

Cách của Quyên khiến bà Phủ không thể chịu đựng được nữa... Hừ, nó ỷ học thức dám coi thường mình, bà Phủ nhất quyết phải cho “con này” một bài học!

Nghĩ là làm, bà đi gặp một người bạn của mình là bà Thân. Bà Thân tu tại gia

từ sau ngày chồng bà mất trong lần đi chơi du thuyền với bạn bè, ông đứng tựa lan can làm sao mà bị té xuống tầng dưới chết liền tại chỗ, khi tàu vừa cập bến!

Sau đó không lâu, hai đứa con trai của bà đi lính cùng đồng quân bên Iraq đều tử thương do tui Bom Cảm Tử gây ra! Bà Thân khóc lóc vật vã đau buồn... Bà tự nghĩ chắc mình ăn ở thiếu đạo đức, cho nên chồng con bà mới bỏ bà mà đi sớm như thế! Từ đó bà lập bàn thờ Ông Bà Tổ Tiên tu tại gia, mua trử các loại thuốc tây và ta để tặng cho người nghèo... khấn hứa là sẽ giúp đời để nguôi ngoai chuyện nhà...

Sau khi nghe bà Phủ than phiền về đứa con dâu, bà Thân hỏi:

- Vậy mục đích của bạn hôm nay đến đây là để tâm sự với tui cho vui bớt nỗi bức dọc phải không?

- Đúng vậy, với lại tui thấy bà có trồng những loại thuốc Nam giúp trị bệnh rất hiệu nghiệm cho mấy người không có thể y tế... vậy bà giúp tui được không?

- Bà muốn tui trị bệnh gì?

- Bà có thể cho tui một loại thuốc gì mà khi người ta uống vào đầu óc trở nên nặng nề u ám, chậm chạp, không còn hứng thú hoạt động gì nữa không?

- Bộ bà muốn đầu độc con dâu hay sao? Nó đang mang thai cháu nội bà mà?

- Thì đó... tui chỉ muốn nó mụ mẩn đi, đừng có lên mặt chống đối, khinh thường tui nữa... Ai đời con dâu mà mình nói nó im lặng chẳng trả lời trả vốn gì cả! Coi cái mặt phát ghét!

- Hồi xưa bạn bè đồn bà thích con dâu này lắm, nhất quyết bắt con cưới cho bằng được! Sao nay lại để ra sự thể như vậy?

- Thế mới bức mình... thôi bà ráng giúp tui đi... mà bà có loại thuốc đó không?

Bà Thân gật:

- Có chứ, nhưng khi tui cho bà thuốc, thì bà phải làm theo lời tui dặn, vì rủi con dâu bà có mệnh hệ gì, thì người ta không nghi ngờ.

- Được, tui sẽ làm theo những lời bà dặn... Nhưng...

- Nhưng sao? Hay bà sợ rồi, muốn thay đổi ý định? Tui nói thiệt dù sao thì nó cũng phận con cái, mình ở chung thì thế nào cũng có vấn đề... Hay bà cho chúng nó ra riêng, bà sẽ hết ngứa mắt?

Bà Phủ trợn mắt:

- Riêng cái gì, thằng Toàn là con trai trưởng trong nhà, hai đứa em nó thì đang học nội trú xa, rồi sau đó có việc làm chắc gì chúng ở gần nhà... Tui nhất quyết không cho ra riêng...

- Vậy thì tùy bà, tui chỉ giúp bà toại nguyện, có cuộc sống thoải mái vui vẻ thôi...

Bà Thân đi lại tủi tìm tòi, một lát sau lấy ra vài gói lá khô. Bà cười tươi nói:

- Đây, xài thứ thuốc này thì bà nhớ không thể vội vàng cho bệnh nhân uống nhiều một lúc được, vì thuốc phải có thời gian ngấm từ từ...

- Phải, phải... tui cũng không muốn trong nhà để ý!

- Dùng thuốc từ từ thì chất độc tác dụng đúng để phát tác ra chất đầu độc

con dâu, như thế mọi người sẽ không nghi ngờ, và bà lại có sự an toàn nếu có chuyện gì xảy ra...

- Cách dùng làm sao?

- Dễ thôi, nhưng bà phải học đóng kịch mới xong!

- Vậy là sao? Tui không hiểu?

- Tức là khi dùng thuốc này, bà phải làm như thương yêu con dâu, tha thứ mọi chuyện xích mích nhỏ từ trước đến nay... Hàng ngày, khi con dâu đi làm, bà ở nhà hãy chuẩn bị nấu những món ăn cô ấy thích..

Bà Phủ la lên:

- Cái gì mà ngu vậy! Tại sao tui phải hầu nó?

- Vì trong lòng cô ấy dụ xuống bao nhiêu, thì thuốc mới càng hoành hành lớn bấy nhiêu! Nghe tiếp đây... khi nấu xong, bà cho một chút những vị thuốc này vào thức ăn của con dâu trộn đều. Bà phải rất cẩn thận, tỏ ra phóng khoáng, quên hết chuyện cũ, gần gũi và thân thiện với cô ấy, không nói xách mé hay la mắng, chửi xéo người ta, mà phải đối xử đàng hoàng tử tế, chân thật như con ruột mình...

- Nói chung là bà muốn tui coi nó như một ông trời con? Đúng không nào? Được thôi, màn kịch sẽ được bắt đầu từ bây giờ!

Ngày tháng trôi qua, bà Phủ học cách dụ ngọt với con dâu, phục vụ con cái những món đồ ăn tuyệt hảo. Bà luôn ghi nhớ những lời bà Thân nói để tránh không bị ai nghi ngờ. Đúng là “Một sự nhin, chín sự lành”...

Làm theo những gì bà Thân nói, bà Phủ cảm thấy trong lòng mình phơi phới... con dâu bà rồi đây sẽ nhũn như con chi chi, nghe lời bà một cách triệt để, cái miệng nó hết “lý luận”... Ờ mà có bao giờ nó lý luận với bà đâu, chỉ là với nhân viên và học sinh trong trường thôi!

Thấm thoát thế mà đã được ba tháng! Chỉ với ba tháng trôi qua mà không khí trong nhà có vẻ thay đổi. Không còn cảnh chì chiết nhau hàng ngày giữa mẹ chồng con dâu! Con dâu lễ phép và nghe lời mẹ chồng triệt để. Toàn và bố được mẹ và vợ tận tình chăm sóc. Mẹ lại ăn nói ngọt ngào gió đưa với con dâu... Có vài lần Quyên thử thi:

- Anh à, trước đây chắc em cũng có làm cho má bức mình, thật là đáng tiếc. Em thấy thương má quá.

- Anh thấy giờ má hiền và thương em hơn, không còn cần nhằn em nữa. Cũng mừng.

- Chẳng những thế, má còn nấu nướng cho em những món em thích, nghĩ mà hối hận quá! À... hay là sắp đến sinh nhật của Má, mình làm tiệc gì đi anh...

- Má anh có bao giờ tổ chức sinh nhật đâu, vì má không thích!

- Thật sao? Em nghĩ ba và anh vô tình quá đó... chứ mình cứ làm, thế nào má cũng cảm động cho coi... Để em chủ động vụ này.

Theo như cách của Quyên, là trước sinh nhật má, bố sẽ đưa má đi du thuyền ở lại trên đó 1 đêm, ngày sinh nhật họ hẹn gặp nhau ở 1 nhà hàng gần bãi biển,

vợ chồng Quyên sẽ mua bánh sinh nhật và đặt tiệc tại đó, mời thêm vài người bạn thân má thích nhất...

Quyên đặt hết tâm lòng để làm việc này vì mấy tháng nay thấy thực sự quý mến mẹ chồng, cũng như muốn chuộc lỗi hồi xưa. Đạo sau này bà Phủ khác hẳn lúc trước, thương yêu và săn sóc nàg, nói năng dịu ngọt, không còn thái độ bất bẽ... hay là vì đứa cháu nội sắp ra đời chăng?

Tình hình như vậy thì Quyên đâu còn cãi lại mẹ chồng, và bà thì dễ tính hơn rất nhiều, cũng không dòm ngó theo dõi hay phê bình từng cử động của nàg nữa!

Chính vì hai bên đối xử với nhau như vậy, mà tính tình bà Phủ đối với Quyên thay đổi lúc nào không hay. Bà đã coi Quyên như con ruột. Khi ra ngoài, bà thường ca ngợi với bạn bè rằng Quyên là cô con dâu quý của bà. Những gì đang xảy ra khiến Toàn cảm thấy vô cùng hạnh phúc.

Buổi tiệc sinh nhật bất ngờ làm cho bà Phủ thực sự ghen ngào! Từ nào tới giờ, chồng con bà rất vô tâm, hay tin theo những lời bà nói, luôn cả câu “bà đặt sinh nhật làm gì, má không cần”!

Cầm gói quà Quyên vừa trao tặng, mở ra là một chiếc khăn quàng bằng lụa màu cẩm thạch có in vài cánh hoa lan hồng, bà sung sướng quá. Món quà này bà rất thích vì nó đúng ý của bà, cả cái hộp đựng khăn cũng rất đẹp... Nhìn Quyên, bà không hiểu tại sao hồi xưa bà lại ghét nó! Bà chỉ còn biết ôm Quyên

thật chặt tỏ lòng... hối hận và cảm ơn. Quyên cũng siết mẹ chồng trong tay!

Sáng hôm sau bà Phủ lật đặt tìm đến nhà bà Thân, bà ngượng ngùng khi nghe bà Thân hỏi:

- Sao? Tình trạng mẹ chồng con dâu đến đâu rồi?

- Bà ơi, giúp giùm tui đi, bà có thuốc gì có thể hoá giải những độc tố tui đã cho con bé uống lâu nay không bà?

- Sao thế, bà hết thù ghét nó rồi à?

- Chắc là hồi đó tại tui khó khăn, hay bất bẽ nó nên nó chống đối tui, chứ từ khi bà bảo tui phải tử tế dịu ngọt khi cho nó uống thuốc, thì nó lại cảm động và kính trọng, thương yêu tui ra mặt... Tui hết ghét nó rồi... lỗi tại tui một phần...

Nhìn ánh mắt bà Phủ đầy lo lắng, bà Thân ôn tồn:

- Tui chưa bao giờ làm điều gì ác cả thì tại sao lại đưa cho bà thuốc độc chứ... Bà đừng lo, tui không có thuốc độc hại người giữ trong nhà... các loại lá thuốc bà cho cô dâu uống đều là lá cây rau mồng tơi phơi khô tán nhuyễn thôi... Chất độc duy nhất bà có chính là tư tưởng nằm ở trong đầu của bà, và thái độ của bà với nàg dâu. Tuy nhiên, chính nó đã bị hủy diệt bởi sự thay đổi tình cảm từ từ giữa bà và nàg dâu... cho dù là giả vờ, nhưng bắt đầu từ đó mới uơm mầm tình cảm hai người với nhau...

Nghe bà Thân nói, bà Phủ thở phào, thấy toàn thân nhẹ nhõm...



# 40 NĂM NỘI CHIẾN

*\*Tặng nhà văn Kathy Trần  
và phu quân Bùi Thắng.*

Hôm nay trời đất bỗng vui  
Đón nàng vẫn sĩ miệng cười như hoa  
Chồng nàng khăn đóng áo “ta”  
Tay trong tay giữa tiệc trà “hấp hân”

Từ cuối dãy bàn tiệc, cô dâu chú rể nắm tay nhau chậm chậm tiến lên “khán đài” sân khấu, cùng ba “chiến lợi phẩm” (một gái hai trai) sau gần bốn mươi năm dài “nội chiến” (chữ của Bùi Thắng & Kathy đây nhá!) giữa tiếng reo hò chúc mừng của bạn bè và quan khách. Cô dâu hôm nay mặc áo dài đỏ, đeo kiềng vàng nhưng quên cầm hoa và nói: “Có được chồng rồi nên mừng quá quên cả cầm hoa”. Chỉ cầm tay chồng thôi, miệng cười tươi rồi đọc thơ:

Mất gì thì mất trời ơi!

Xin trời để lại cho tôi ông già... Bùi Thắng.

Đùa chơi chữ hai chữ Bùi Thắng là Xí Muội (XM) tự thêm vào để ghẹo Kathy ấy mà. Chú rể Bùi Thắng hôm nay cũng mặc lễ phục ta (khăn đóng áo dài màu xanh) đeo lưng lẳng bên mình chiếc máy chụp hình không lúc nào rời, tùm tùm cười “theo” vợ và các con lên sân khấu chỉ nói dăm câu cảm ơn rồi đẩy cây cho Kathy thao thao bất tuyệt (nhà văn có khác). Thì ra hôm nay (29 tháng 3) là ngày kỷ niệm bốn mươi năm lễ thành hôn của “đôi trẻ” (Bùi Thắng và Kathy Trần) tổ chức tại “Thiền Viện Vô Ưu” (TVVU) của ni sư trụ trì Thích Nữ Đồng Kính. Cái tên của ni sư gọi cho XM nhớ lại một kỷ niệm khó quên cách đây vài

năm trước, khi đi chùa Vạn Phật với bạn. Các chị bạn XM ai cũng tíu tít gọi nhau ới ới bằng những pháp danh họ Đồng mà lần đầu tiên XM mới được nghe, làm XM cứ ngẩn tò te nghe lạ quá! XM cứ tưởng hỏi nào đến giờ cứ hề đi tu thì đàn ông là Thích, đàn bà là Diệu tuốt tuốt tuốt chứ chẳng có cái họ nào khác ngoài hai danh từ “Thích” và “Diệu” mà thôi! Các chị cứ thế mà giới thiệu lẫn nhau: Tôi Đồng Hoa, em Đồng Thảo, chị Đồng Xuân vv... Bất ngờ có một chị quay sang XM hỏi:

- Em là Đồng gì?

XM đâu có biết mình là Đồng gì? Vì pháp danh của XM đâu phải họ Đồng, sẵn có máu têu trong người, XM vừa cười vừa trả lời rụt rè vì sợ các chị ấy giận:

- Dạ thưa chị... em... “Đồng Bông” ạ!

Các chị hơi bất ngờ một chút rồi cùng nhau rũ ra cười nói:

- Con nhỏ này thiệt là quá quắt.

Mô Phật! May quá các chị ấy không giận. Đây! XM chỉ thích chơi với các chị lớn tuổi là vậy! Có tấm lòng bao dung và hiểu XM nói câu nào là đùa, câu nào là thật. Mong ni sư cũng từ bi mà đánh chữ đại xá cho, con kể cho vui chứ không có ý gì cả. Tánh XM hay đùa nên đi chỗ nào cũng khó mà nghiêm chỉnh được. Các chị ấy tuy hiểu nhưng cũng có lúc phải giựt dây để XM dần bớt cái mồm “Cự môn hãm địa” của XM lại. Chuyện tên tuổi vừa xong thì liền sau đó XM lại tía lia tía lia khi nhìn thấy đàn công của chùa xoè đuôi múa đẹp quá! Có chị thắc mắc không biết con nào đực, con nào cái. Một chị có vẽ rành về đàn



## Hạt Bụi Vô Thường

Ta đem thơ ra vườn gió  
Thả thơ lên chín tầng không  
Thơ bay, thơ không trụ xứ  
Hương thơ tám hướng bình bằng

Nguyện lòng xa rời ngũ trược  
Kiếp đời, còn mất có không  
Giữ gì! Theo ta vọng tưởng  
Trầm luân mãi chốn bụi hồng

Thơ bay ra sông ra biển  
Thơ vui cỏ nội hương đồng  
Gió lành ngát hương thanh khiết  
Thanh thơ thơ vào hư không

Còn ta đứng trong vườn gió  
Như nhiên mây, gió chuyển vòng  
Giữa không gian vùng tịch tịnh  
Sát na chợt ngộ Sắc, Không

Ta nhìn trời cao thăm thẳm  
Ta nhớ biển rộng mênh mông  
Một vòng, một vòng ảo giác  
Nơi về, rồi cũng là Không

Thơ trải lòng ra sông biển  
Thơ giữa đất trời mênh mông  
Phải thơ như là hạt bụi  
Hạt Bụi Vô Thường Sắc Không.

Tuệ Nga

công nên chỉ vào một con nói:

- Con này là con cái nè!

Chị kia lại thắc mắc:

- Sao con cái này nó không xoè đuôi  
múa như mấy con kia vậy?

Đến đây thì XM ngứa miệng rồi liền xen vào:

- Mấy con kia là con “công ngữ” chỉ  
không biết sao? “Công ngữ” nó mới biết  
“xoè” đuôi để dụ mấy con cái...

Một chị hiểu rành về nói lái lật đặt bịt  
mồm XM lại và mắng nhỏ vào lỗ tai XM:

- Hừm... hừm... hôm nay mình đi chùa,  
ở đây là chùa Vạn Phật đấy nhá!...

Biết mình bị giựt dây dụi mắt không bị  
quá đà, thế là XM im tịt. Hôm nay đến dự  
tiệc kỷ niệm 40 năm hôn lễ của Kathy Trần  
tại TVVU khiến XM nhớ đến Ưu Đàm  
Viện (UĐV) của ba chị em họ Bửu mà XM  
quen biết quá chừng. Định khi về sẽ ghé  
thăm chị Bửu Hậu nhưng sức nhớ là đi ké  
xe của ông bà cụ chủ tịch... ngôi Chu Văn  
An nên đành phải để dịp khác vậy. (Quý vị  
nào muốn biết về UĐV và ba chị em họ  
Bửu: Bửu Hậu, Bửu Bạch và Bửu Bảo thì  
xin mời đọc lại bài “Ưu Đàm Viện” đăng  
trên Việt Nam Nhật Báo khoảng 9, 10 năm  
về trước thì biết ngay). Có hai điểm khác  
biệt giữa UĐV và TVVU mà XM nhận  
thấy ngay được là, mặt tiền của TVVU đồ  
sộ và “hiện đại” hơn nhiều. Còn UĐV thì  
có vẻ thiên nhiên, non bồng nước nhược  
bởi hàng rào trúc bao quanh và thế đất mấp  
mô lên xuống. Điểm thứ hai là TVVU có  
thùng “công Đức” giống như bao chùa khác  
từ trước đến giờ, UĐV không có, thế thôi!  
Còn ngoài ra cảnh đẹp thì mỗi chùa một vẻ  
mười phần vẹn mười, tùy theo con mắt và  
cảm xúc của lòng người khi đến tham quan  
chùa. XM đã “chăm” UĐV của ba chị em  
họ Bửu từ cái duyên làm chung hàng với

chị Bửu Hậu cho đến khi duyên chị bị đứt đoạn khi chị sắp sửa bước lên xe hoa để tận hưởng cái ngày vui và đẹp nhất của đời người con gái bởi chồng chị bị tai nạn xe qua đời. Rồi ba chị em xuống tóc tu ngay tại căn nhà của chồng chị để lại đã biến thành cái am “Ưu Đàm Viện” hoặc cái cốc mà XM thường gọi đùa là “Tuyệt Tình Cốc” hay “Hoan Gia Viện”. Vì mỗi lần XM buồn thường hay tìm đến tâm sự với chị Bửu Hậu, khi về cảm thấy lòng lại thơ thới an lạc ngay thôi, XM gọi “Hoan Gia Viện” là vậy. Chị Hậu xem XM như hai đứa em gái của chị, XM cũng xem UĐV như là nhà của mình vậy, cho nên XM không dám viết nhiều về TVVU sợ không được khách quan. Thôi thì để tùy nhân quan mỗi người vậy cho nó công bằng, Kathy há!

Trở lại chuyện “40 năm nội chiến” của Bùi Thắng và Kathy Trần, nghe cái tựa đề cứ tưởng bờ chắc là “hấp dẫn” lắm đây nên hăm hở đi cho sớm để xem sư cô giải thích làm sao với cái tựa đề “40 năm nội chiến”. Uả! Mà sư cô đi tu thì biết quái gì chuyện “lừa dối” mà nói ta? XM thắc mắc và tò mò chờ xem sư cô nói gì? Ai dè “có gì” đâu? Sư cô chỉ đem sáu điều trong Lục Hòa của giới tăng ni ra giảng dạy mà thôi! Mô Phật! Đầu óc XM lúc nào cũng hắc ám, cứ bị ám ảnh bởi hai chữ “nội chiến” trên cái poster mà cô dâu chú rể dùng làm đề tài chính cho cái buổi lễ ngày hôm nay của họ hoài. Có điều là “nội chiến” của người ta mà sư cô ơi! Có bị hồi hộp theo không mà lại đọc lộn 29 tháng 3 ra thành 29 tháng 4 vậy sư cô?

Sau phần nghi thức trước chánh điện do sư cô Đồng Kính chủ trì là phần “sự phân” với cái thực đơn vô cùng hấp dẫn toàn những danh từ Phật Giáo:

- Bát bửu An Lạc

- Bánh bao Bát Chánh Đạo
- Gỏi Lục hòa
- Mì tiềm Tuệ Hải
- Xào thập cẩm Như Ý
- Cơm chiên Hương Tích
- Tráng miệng Thanh Tịnh

Ăn ngon quá quý vị ạ! Ai nói gì thì nói, XM đây cứ cầm đầu cầm cổ mà enjoy cái đệ nhất khoái của đời người. Có thực mới vực được đạo cho nên XM cứ “sực” là sực thôi! Đến khi hà hê rồi thì trên bàn sạch sành sanh. Thì ra nam thực như hổ, nữ cũng chẳng thua. Nó nê rồi XM mới đưa mắt quan sát quan cảnh chung quanh. Bây giờ chương trình văn nghệ đang hồi hấp dẫn. Ca nhạc sĩ Tú Minh trình bày hai nhạc phẩm do chính cô sáng tác, trong đó có một nhạc phẩm mang âm hưởng hát chèo mà XM chỉ nghe được “không không có có, có có không không gì đó!” Theo tác giả nghĩ, bài hát này mà được trình bày trong một căn phòng nhạc thính phòng thì hết xẩy. Bài hát quá hay XM rất thích, định một chốc nữa đến diện kiến nhạc sĩ để hỏi thăm xem có CD bán không XM mua về bắt chước hát. XM rất thích hát chèo, không thua gì ca sĩ Ngọc Hạ đâu đấy nhá! (cười)..... Nhưng vì không để ý nên nhạc sĩ “chẩu” bà nó từ đời nào rồi thì có chán không cơ chứ lị! Thôi kệ, có duyên thì sẽ gặp lại thôi! Lúc đó XM sẽ “xin” cho bằng được bài hát đó mới thôi.

Nhìn “đôi trẻ” nhón nhờ nắm tay qua lại và nghe MC Dương Bích hải kể về phần tiểu sử tình yêu của họ sao ta nhớ anh của Phương Ninh quá Kathy ơi! Cô bạn thân Trung Vương của nhà mi đấy nhớ không? Ta “mê” và yêu anh của Phương Ninh biết là dường nào, hôm nay chàng đi xuống miền Nam có việc cho nên ta mới thui thui

một mình đến đây nhìn hạnh phúc của người ta để mà... thêm. Ngắm lại tui thấy tui với bà có nhiều điểm giống và đối chọi nhau đến ngộ nghĩnh Kathy ạ! Này nhé! Bà tuổi dân, ta cũng cạp... lại giống nên nhất hơn bà nhiều. Bùi Thắng của bà mê máy ảnh, anh của Phương Ninh chỉ mê... gái (cười nữa!) Bà có sư cô Đồng Kính (bạn học Trung Vương ngày xưa) và Thiền Viện Vô Ưu. Ta cũng có chị Bửu Hậu (chị nuôi) và Ưu Đàm Viện. Bà tìm được người mình thương và được mặc áo hồng, đội hoa lên xe bông về nhà chàng. Ta cũng tìm được người thương mình thiệt là thương (anh của Phương Ninh đó!) nhưng chưa kịp mặc áo cô dâu thì chàng đổi đi lấy dzợ mất tiêu chỉ vì câu nói “ôm ờ” của ta: “Thôi! Anh đi về đi!” Thế là chàng quay đầu đi một nước mà không cần đánh dấu “question mark” thì có tức không cơ chứ lì!

Rồi vận nước đổi xoay chiều, bà với Bùi Thắng phải tạm “đình chiến” một thời gian vì chàng đi du học kẹt lại bên Mỹ. Sau đó chàng của bà vào quốc tịch mới làm giấy tờ “dốt” bà qua được để tiếp tục “nội chiến” dài dài. Còn ta sau thời gian dài một mình âm thầm thất tình, lặng lẽ hát nhạc Vũ Thành An:

“Em bảo anh đi đi! Sao anh không đứng lại?

Em bảo anh đừng đợi! Sao anh vội về ngay?... thì Việt cộng vô, Vận nước đổi xoay chiều xoay luôn cuộc đời anh của Phương Ninh 180 độ luôn. Chàng lếch thếch lang thang không nhà không cửa vì nhà của cha mẹ Phương Ninh đã bị nhà nước lấy với lý do: “gia chủ chạy theo Mỹ Ngụy”. Anh của Phương Ninh bấy giờ tuy chỉ còn trên răng dưới rún nhưng vẫn hùng dũng hiên ngang quay trở lại nhất quyết đòi

“quản ný” đòi ta khi biết ta vẫn còn phòng không chiếc bóng. Còn ta rút kinh nghiệm lần trước nên chả dại gì mà ôm ờ “em chả” nên đã lật đật gặt đầu “Yes! I do” để chàng hiên ngang hùng hục ủa quên! Hùng dũng lái thiết vận xa M113 diu ta vào “cuộc chiến”. Rồi ta cũng được mặc áo hồng, đội hoa qua cầu để chàng diu bước sang sông đưa về dinh USA giống bà. Chiến lợi phẩm bà thu về là hai trai một gái, ta đổi lại là hai gái một trai. Giống hông? Bà thấy chúng ta có nhiều điểm giống và đối nhau hông? Chúng ta đã được cuộc đời chiều đãi, quá may mắn đạt được hai chữ HẠNH PHÚC to tướng. Anh của Phương Ninh hết xây, hiểu và chiều vợ không ai bằng cho nên suốt những năm dài “nội chiến” ta luôn luôn hát bài ca Tạ Tình của Hoàng Thi Thơ: “Tình yêu này em cảm ơn anh”.... Khỏi cần hỏi, chỉ nhìn nét mặt rạng rỡ của bà thôi ta cũng biết, chắc chắn bà cũng hạnh phúc như ta mà thôi! Xin chúc mừng, chúc mừng!!!

Còn nữa! Kỷ niệm “40 mười năm nội chiến” của hai người, tổ chức giữa Phật Đài như vậy không biết có phải mình đã vô tình đem đời đi vào đạo không? (Xin lỗi nếu có gì mạo phạm khi viết tếu cho vui). Còn XM chỉ mới có 36 năm thôi! Phải đợi tới 4 năm nữa mới đủ “tuổi” 40 năm bằng bà để làm một buổi lễ kỷ niệm tuyên bố hai chữ... “đình chiến”... hi hi hi và đưa đạo đi vào đời (lại thêm một điểm đối nhau nữa!) Mô Phật! Con xin ăn năn xá hối tội lỗi thân khẩu ý nghiệp mà con đã gây ra từ vô lượng kiếp đến nay, và xin hồi hướng cho tất cả những nạn nhân (dù là con người hay con vật) mà con đã từng dẫm là vô tình hay cố ý làm hại và gây tổn thương đến họ. Nam Mô A Di Đà Phật...

**TÔN NỮ MẶC GIAO.**

# Thi Phẩm “CÒN LẠI CHÚT TÌNH”

Tập thơ song ngữ Việt Anh của Nguyễn Phú Long, Hoa Tiên xuất bản năm 2016 với sự đóng góp của các dịch giả Thanh Thanh Lê Xuân Nhuận, Shelley Girdner và Diễm Trân, với Lời Dẫn Nhập (Introduction) của nhà thơ Phan Khâm, Phó Chủ Nhiệm Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm.

Chúng tôi vừa được Thi Sĩ Nguyễn Phú Long ở vùng Hoa Thịnh Đốn gửi tặng tập thơ song ngữ Việt Anh, trình bày in ấn rất mỹ thuật.

Thi phẩm nhan đề “Còn Lại Chút Tình”. Nhà thơ Nguyễn Phú Long từ tiểu bang Oklahoma chuyển về vùng Washington DC. Hoa Thịnh Đốn từ khi nghỉ hưu đến nay cũng khoảng trên 10 năm rồi. Anh sửa soạn bước vào tuổi bát tuế. Quen biết anh cả chục năm tuy chưa có dịp nào ghé qua vùng Hoa Thịnh Đốn để được diện kiến nhâm nhi ly rượu với thi văn hữu. Tuy chưa được gặp tác giả nhưng đọc qua những tác phẩm anh đã cho xuất bản, được biết anh là người rất trân quý tình bằng hữu, tình yêu thơ văn chẳng khác chi bậc tiền bối Thi Sĩ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu ngày xưa, cũng thích thơ, thích rượu, thích ngồi khề khà nhâm nhi rồi cao hứng đàn hát ngâm thơ cho nhau nghe. Quả đúng như nội dung được diễn tả trong một bài thơ viết tay rất đẹp ở cuối

thi phẩm “Còn Vương Tơ Lòng” của anh, xb năm 2009 như sau:

Học đòi bắt chước người xưa  
Câu thơ ly rượu sớm trưa khề khà  
Trước sau bè bạn gần xa  
Đều là một hội cùng là thân thương  
Mai kia dù vạn nẻo đường  
Còn non còn nước “còn vương tơ lòng”.  
(Lời Kết, thơ NPL)

Thi phẩm “Còn Lại Chút Tình” gồm những bài thơ ghi lại những tình cảm gia đình với người thân như cha mẹ (Mother’s Day, Xem Tờ Ga Phả), hoặc giữa vợ chồng:

Đưa tặng bậu bài thơ  
Ngó nhau cứ thẩn thờ  
Yêu thương từ độ ấy  
Tình nghĩa đến bao giờ  
Mấy bận còn tha thiết  
Nhiều phen vẫn ngẩn ngơ  
Ánh trăng soi diệu vợi  
Nào biết tỉnh hay mơ  
(Cho Đêm Xuân Ấy tr. 32)

Hoặc như trong bài thơ “Nàng & Chàng” nơi trang 74, như sau:

Nàng từ huyền thoại tới đây  
Nhờn nhờ, điệu bộ, ngắt ngây, lòng vòng  
Chàng như cái bướm chờ mong  
Gặp rồi vui quá phải lòng nhau chơi  
Chàng từ chinh chiến xa vời  
Ngược xuôi như thể tìm nơi đi về  
Dừng chân, kỳ ngộ, vui ghê

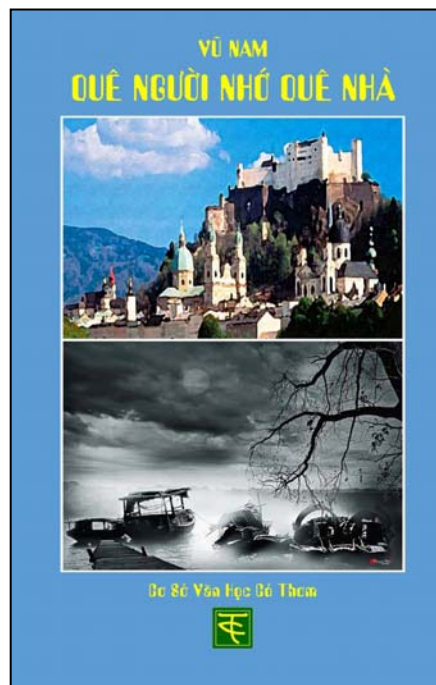
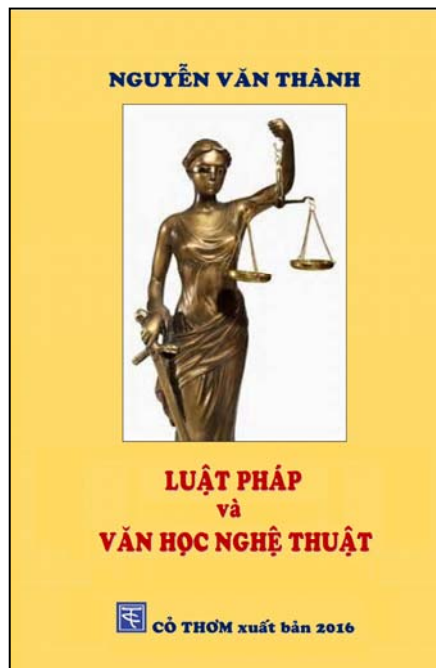


Thơ Nguyễn Phú Long, bài nào đọc cũng hấp dẫn, chẳng lẽ trích hết cả tập thơ, vậy xin phép thi sĩ cho Hồ Công Tâm tôi được trích thêm một bài thơ nữa, diễn tả một cách tự nhiên rất ư là hào sảng về tình bằng hữu và thi hữu, văn hữu của anh:

Thúy Kiều lẫn lóc với tình  
 Bây giờ tưởng chỉ thêm mình nữa thôi!  
 Không dè ông lại giống tôi  
 Vậy thì đồng bệnh có người có ta...  
 Uống đi! Hãy uống đi mà!  
 Rượu vào lấy trợn nói ra vài lời  
 Tóc xanh ngày ấy tuyệt vời  
 Tìm đâu ánh mắt nụ cười xa xưa!  
 Tôi yêu, kẻ lẽ là thừa!  
 Cái thằng Kim Trọng yêu chưa thăm gì!  
 Mười lăm năm có đáng chi?  
 Tình tôi mãi mãi đến khi trọn đời.  
 Tôi yêu “người-chẳng-yêu-tôi”  
 Nỗi niềm đùng tới bồi hồi vấn vương.  
 Cũng buồn, cũng giận, cũng thương,  
 Phải chăng số kiếp nên thường xót xa.  
 Nào đâu dám trách người ta!  
 Trách mình không nở, trách là trách thôi.  
 Bốn phương khói lửa thế rồi  
 Tôi đi chinh chiến ngược xuôi mịt mờ...  
 Hình như ông biết làm thơ?  
 Để mai ghép vận, bây giờ uống thôi.  
 Phù du tan hợp ông ơi!  
 Trăm phần trăm nhé! Xin mời cạn ly!  
 (Câu Chuyện Đưa Cay, NPL trang 14-16).

Austin, April 6, 2016

Hồ Công Tâm



# KỠ DIỆU: THƠ NGUYỄN SA

Hai bản dịch sang tiếng Anh  
Cùng bài thơ phổ nhạc của Anh Bằng

## PHẠM TRỌNG LỆ

Bài thơ Kỳ Diệu của thi sĩ Nguyễn Sa (1932-1998) in trong Nguyễn Sa, Thơ, Tập Một do nhà xuất bản Đời in năm 1958 tại Sài Gòn. Ngày 18 tháng 4, năm 1998, khi được tin thi sĩ Nguyễn Sa mất, chúng tôi thu góp một ít tài liệu về nhà thi sĩ và giáo sư Triết của học sinh và sinh viên trong những năm 1958-1963, thời vàng son của thơ Nguyễn Sa và của miền Nam, để viết một bài tưởng niệm thi sĩ, và trong công việc đó, chúng tôi đã dịch bài thơ này sang Anh ngữ trong một mục có tên “Nói Có Sách, Mách Có Chứng” trên tuần báo Hoa Thịnh Đốn Việt Báo. Hơn một tuần sau, vào cuối tháng 5 năm ấy, tôi nhận được thư của một độc giả người Mỹ cũng gửi bản dịch bài Kỳ Diệu sang tiếng Anh. Thật vui mừng vì có độc giả đáp ứng. Đó là ông Donald C. Brewster, mà sau này tôi biết là một thành viên Thanh niên Thiện Chí IVS tại Saigon. Sau đó ông làm cho cơ quan USAID, và năm 1970 ông làm tùy viên văn hoá cho toà Đại sứ Mỹ ở Saigon, giúp việc cho đại sứ Graham Martin, và

là một trong những người phụ tá cùng ông Martin dùng trực thăng từ nóc toà đại sứ bay ra hạm đội Hoa Kỳ đậu ở ngoài khơi vào một ngày cuối cùng của tháng 4, 1975. Ông nói thạo tiếng Việt và có giúp việc dịch một số tài liệu Việt sang Anh. Ông mất năm 2009 ở Mỹ, thọ 75 tuổi.



Nay đăng lại bài thơ của thi sĩ Nguyễn Sa để độc giả đọc và nhớ lại những dòng thơ lãng mạn của nhà thi sĩ tài ba, và để tưởng niệm một nhà thơ đã làm mới thơ lục bát và thơ tám chữ mà những vần thơ nhiều học sinh chuyên tay nhau đọc hay chép vào sổ lưu bút. Bây giờ đọc lại những vần thơ ấy vẫn còn hay và vui, dù thời gian đã 18 năm sau khi tác giả mất. Bài viết này cũng đăng bản dịch của chúng tôi ngày May



12, 1998 và bài dịch của Donald C. Brewster ngày May 25, 1998.  
KỶ DIỆU

Khi áng mây cao dừng trên nếp trán  
Anh chợt nghe vỗ cánh chim bay  
Trái thơm ngon nặng trĩu trên môi  
Dòng suối lạ chảy qua hơi thở  
Bốn mùa xuân về đứng trên cơ thể  
Ổ giữa mầm lộc biếc và lá non  
Anh đứng nghe âu yếm gọi tên em  
Khi em đến nằm ngoan trên đồi cỏ

Có bờ ngõ là mặt trời bờ ngõ  
Có thôn xao là núi lớn thôn xao  
Cánh tay anh, anh đã dẫn nằm im  
Đôi mắt anh đã trở thành tinh tú

Đứng thật xa để canh chừng giấc ngủ  
Đứng thật cao như ngọn hải đăng  
Anh canh chừng con thuyền lạ đi ngang  
Sẽ chờ em về quê hương thần thoại

Cả mái tóc đã thành rừng lo ngại  
Mỗi chân tơ có mong nhớ xanh um  
Khi môi anh nặng trĩu trái thơm ngon  
Khi em đến mang theo dòng nhựa ngọt

Huyết quản thành sông chở linh hồn lá biếc  
Cánh tay là cầu mang thương mến qua sông  
Anh nghe thơ thức dậy tuổi mười lăm  
Anh nghe em bước vào thơ sáng lạn

Em chớ hỏi: sóng đi trên biển lớn  
Cớ làm sao thành nhã nhạc dâng lên  
Cớ làm sao muôn tinh tú trong đêm  
Bỗng rung động khi em cười rất nhẹ.

Nguyễn Sa

[Thơ Nguyễn Sa: Tập Một (1958),  
trang 31-32].

--Bản dịch 1 sang tiếng Anh:  
MARVELS

When clouds from high above linger upon  
your brow,  
I suddenly hear the flapping wings of birds.  
Succulent fruits hang heavy on your lips,  
And a mysterious brooklet runs through  
your breath.

Four seasons, all spring, return on your body  
Amongst green buds and young leaves.

I stand and listen to vernal sounds  
and lovingly call your name

when you come lying down gently on  
the grassy hill.

Embarrassed I'm not; it's the sun that is,  
Stirred I feel not; it's the giant mountain  
that does.

My arms—I have bid them to stay still,  
And my eyes have become bright stars.

That stand far away to safeguard your sleep,  
And high above like a lighthouse.

To watch the strange boat passing by,  
Lest it might take you away to the land of  
mythical romance.

Your locks of hair: a luxuriant forest of  
my worry,

At each root: a fine follicle grows thick of  
my longing,

As my lips are weighty with mellow fruits,  
When you bring veins of sweet juice.

Vessels of blood become rivers to carry  
my soul,

a verdant leaf,

Arms form a bridge that brings love across  
the river.

I listen to my poetry that awakens in me  
your fair image of fifteen,

I hear your steps that lead you to poetic splendor.  
Then ask me not: On the crest of waves on



high seas,  
 How come ditties and melodies rise?  
 How come ten thousand stars in the quiet night,  
 Suddenly move at your faint smile...?  
 (Translated by Pham Trong Le, May 12, 1998)

--Bài dịch 2 sang tiếng Anh:

#### WONDER

As lofty clouds nestle on your furrowed brows,  
 I suddenly hear the fluttering of birds in flight,  
 Aromatic fruit rests heavy on your lips,  
 Your breath is like a fresh mountain stream.  
 Four times has spring returned to your body,  
 Amid the green blossoms and tender leaves.  
 I stand listening and adoringly call your name,  
 As you come and lie gently on the grassy knoll.  
 I am not inexperienced, the sun is,  
 I am not animated, the mighty mountain is.  
 I have advised my arms to be still,  
 Both of my eyes have become stars,  
 That stand really far away to watch over  
 your slumber.  
 And stand really high like a lighthouse.  
 I watch the strange ships that pass,  
 That will carry you back to the mythical  
 homeland.  
 All of your hair has become a tangle of worries,  
 Each root fondly remembering the verdant mass,  
 As the aromatic fruit rest heavily on my lips,  
 You bring streams of sweet ambrosia.  
 Blood vessels become rivers that carry the soul, a  
 green leaf,  
 Arms are a bridge that carry love across the river  
 I hear poetry that awakens adolescence  
 I hear you walk into the dazzling poem.  
 Do not ask: how do the waves that crest,  
 On the mighty seas become refined music?  
 Why do the ten thousand stars in the night,  
 Suddenly move when you smile very faintly?

(Translated by **Donald C. Brewster**, 25  
 May, 1998)

-- Bài thơ được phổ nhạc

#### KỶ DIỆU

Thơ Nguyên Sa, nhạc Anh Bằng:

Khi áng mây cao dừng trên nếp trán  
 Anh chợt nghe tình vỗ cánh bay  
 Trái tim anh hồn đôi trên vai  
Đêm hạnh phúc như hạt sương gầy  
Bỗng mùa xuân về trên năm ngón  
Ôi bàn tay lộc biếc lá non  
 Anh đứng nghe âu yếm gọi tên em  
 Khi em đến nằm im trên cỏ biếc

#### Diệp Khúc

Có bờ ngõ là mặt trời bờ ngõ  
 Có thôn xao là sỏi đá thôn xao  
 Cánh tay anh, anh đã dặn nằm im  
Để người yêu thả trôi tóc mềm  
 Đôi mắt anh đã trở thành tình tú  
 Đứng thật xa canh chừng giấc ngủ ngon  
 Anh canh chừng con thuyền lạ đi ngang  
 Sẽ chở em về quê hương thần thoại

Trong bài thơ phổ nhạc trên, những  
 chữ gạch dưới và viết nghiêng là của  
 nhạc sĩ Anh Bằng.

Trong 16 câu trong bản nhạc, nhạc sĩ  
 Anh Bằng đã dùng 14 câu và thêm 2  
 câu của chính ông trong bài thơ 28 câu  
 của thi sĩ Nguyên Sa để phổ nhạc bài  
 thơ Kỳ Diệu:

Tóm tắt, nhạc sĩ Anh Bằng đã thay  
 đổi một số chữ, như câu “Anh chợt  
 nghe vỗ cánh chim bay,” thành “Anh  
 chợt nghe tình vỗ cánh bay”; hay câu

“Trái thơm ngon nặng trĩu trên vai,”  
thành “Trái tim anh hờn dỗi trên vai,”  
và thêm một câu của chính ông: **Đêm  
hạnh phúc như hạt sương gầy.**”

**- Vài suy nghĩ khi nghe bài thơ phổ nhạc.**

Nhạc sĩ Anh Bằng đã đổi 22 chữ trong bài thơ khiến lời thơ trở thành dễ hiểu hơn, có chỗ lãng mạn hơn, nhưng lời phổ nhạc cũng làm mất tính dí dỏm và lý luận ngộ nghĩnh. Như cách dùng phép chuyển tâm trạng rạo rực của nhân vật nam khi nói với người yêu thành tâm trạng của mặt trời và núi lớn bên ngoài: “Có bờ ngõ là mặt trời bờ ngõ/Có

xôn xao là núi lớn xô xao.” Có chữ đổi đi khiến thay hẳn nghĩa: “**Bốn** mùa xuân về đứng trên cơ thể,” được đổi thành “**Bổng** mùa xuân về trên năm ngón. Ý nghĩa khác hẳn tuy làm cho âm điệu mềm mại, không khô độc, dễ hát hơn.

Độc giả có thể nghe bài thơ phổ nhạc do ca sĩ Gia Huy trình bày bên dưới và sẽ thấy hình ảnh diễn tả nhiều diễn tích trong bài thơ:

<https://youtube.com/watch?v=7WVABfth7I8>

Clip này mở đầu bằng tiếng dạo đàn piano và hình ảnh một chàng điêu khắc mù đang tạc một bức tượng. Chợt một

thiếu nữ mặc áo choàng xanh biếc mở cửa nhẹ nhàng bước vào. Nàng ngồi xuống, gỡ chiếc khăn bịt mắt chàng. Hình này làm ta nhớ lại một phần tích truyện Pygmalion. Theo thần thoại, Pygmalion là chuyện một nhà điêu khắc, người tạc một bức tượng ngà một



nàng thiếu nữ và cầu xin—và được nữ thần tình yêu và sắc đẹp Aphrodite ban phép làm cho bức tượng sống lại. Nhà viết kịch George Bernard Shaw sau này cũng dựa vào tích truyện để viết nên vở kịch Pygmalion, sau dựng thành phim My Fair Lady tả giáo sư ngôn ngữ học Professor Henry Higgins (do Rex Harrison đóng) luyện

cho một cô gái bán hoa (Eliza Doolittle do Audrey Hepburn đóng) thành một vương phi quý phái bằng cách luyện cho cô bỏ giọng Cockney của người dân lam lũ ở phía Đông thành phố London để tập nói thứ tiếng Anh Received Pronunciation hay the King's English (hay bây giờ gọi là the Queen's English) của giới học thức bên Anh.

Cảnh kế tiếp trong clip nhạc Kỳ Diệu, hình ông già chở con thuyền rơm gọi lại tích ông già trong thần thoại. Nàng thiếu nữ đeo vương miện tết bằng rơm như chiếc miện gai trên đầu chúa

Giê-Su trên Thánh giá. Ông già chở thuyền rơm, như lời thơ, mang nàng về quê hương thần thoại gọi cho ta nhớ đến truyện thần thoại Hy Lạp: ông lão lái đò Charon ở Âm phủ (Hades) chở những linh hồn qua sông Styx và sông Acheron là hai con sông phân cách giữa thế giới người sống và thế giới kẻ chết. (Bởi vậy khi người chết, có tục để một đồng bạc ở cửa miệng, dùng làm tiền trả cho ông lái đò Charon.)

*-Huyết quản thành sông chở linh hồn lá biếc/cánh tay làm cầu mang thương mến qua sông.*

Linh hồn lá biếc: làm người đọc nhớ đến truyện xưa “lá thắm chỉ hồng”: đôi trai gái viết thư trên lá, nhờ giòng nước thủy triều dâng lên mà trao đổi tâm tình.

*Cánh tay làm cầu...*Câu này gợi cho người đọc nhớ đến câu thơ của Guillaume Apollinaire trong bài Le Pont Mirabeau trong tập thơ Alcools.

*Les mains dans les mains restons face à face  
Tandis que sous*

*Le pont de nos bras passe*

*Des éternels regards l'onde si lasse.*

Mặt nhìn mặt tay cầm tay

Vòng tay như cầu vòng

Mắt nhìn dù mỗi rươi

Ánh mắt vẫn không cùng

(PTL dịch)

*Mang thương mến qua sông:* câu này cũng gợi lại tích chàng chăn trâu Ngưu Lang và nàng con gái dệt vải Chức Nữ, vì yêu nhau mà bê trễ công việc, bị Trời phạt bắt xa nhau nhưng hằng năm được



**Ảnh Vịnh Hạ Long: Nguyễn Huy Linh**

Trời cho đàn qua bắc ngang Ngân Hà làm cầu cho hai người gặp nhau một lần.

Tóm lại, bài thơ đọc lướt qua có vẻ giản dị, nhưng thực ra có nhiều ẩn dụ và điển cố chồng lên nhau khiến người đọc xong càng tăng thêm mỹ-cảm. Lời bài nhạc đã giản lược một phần bài thơ nhưng vẫn giữ được ý chính là tình yêu lãng mạn của hai kẻ đang tuổi thanh xuân. Bài nhạc đã giúp phổ thông hoá bài thơ vậy.

--Viết xong tại Virginia May 1998, bổ chính May 2016.--PTLệ

# BẢN LUÂN VŨ CUỐI CÙNG CỦA U TÌNH

Diễm Trân

*Tháng năm 2016*

*Vài dòng về U Tình và Bản Luận Vũ Cuối Cùng trong tập truyện ngắn Sôi Nổi của Nguyễn Lân*

Bốn năm sau lần đầu gặp Nguyễn Lân, tôi được tác giả tặng quyển Sôi Nổi. Đây là tập truyện ngắn của tác giả đã phát hành từ năm 2002, trước khi tôi tham gia các hoạt động văn chương trong cộng đồng người Việt vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn. Tôi được biết tác giả là giáo sư Gia Long, tôi nghĩ cùng vào những năm tôi là còn là nữ sinh Trưng Vương. Tuy nhiên tôi được chỉ thị gọi tác giả bằng “anh” thay vì “thầy” nên tôi xin viết về “anh Nguyễn Lân” và hai truyện ngắn trong quyển “Sôi Nổi” của anh.

Lần đầu tiên tôi gặp anh là trong một buổi họp Ra Mắt Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm. Tôi hiểu ngay anh vừa là một văn thi sĩ, vừa là một nghệ sĩ tài hoa. Anh diễn tả một bài thơ anh mới sáng tác không những bằng giọng ngâm truyền cảm, mà anh còn cho khán giả thưởng thức một màn biểu diễn đặc sắc nhằm trải lột tâm trạng và cảm nghĩ của người thi sĩ trong anh. Sau khi biết anh đã từng là giáo sư trường nữ trung học Gia Long, tôi hơi... sợ... vì nể. Thật ra

thì tôi nể sợ tất cả các anh chị trong Cỏ Thơm vì theo tuổi tác, tôi đáng hàng em hay con cháu của quý vị; và phỏng theo tiểu sử văn chương, tôi chỉ là một con cá nhỏ trong cái hồ bự, ... rất bự. Ngoài một tiểu sử đáng kể trong nền văn chương Việt Nam vì là một nhà văn, anh Nguyễn Lân còn là một hậu duệ của Tự Lực Văn Đoàn, một nghệ sĩ đa tài, một cựu giáo sư,... Tôi cảm thấy vụng về, lóng ngóng. Điều đó là tự tôi thôi, chứ các quý vị văn thi sĩ nói chung và anh Nguyễn Lân nói riêng rất dễ thương đối với tôi.

Thăm thoát cũng đã hơn bốn năm rồi, từ ngày tôi bắt đầu cộng tác với Cỏ Thơm, nên tôi dần dần cũng đỡ lóng ngóng. Rồi trong một buổi sinh hoạt gần đây, tôi được anh Nguyễn Lân và chị Diễm Hoa đưa tặng hai tác phẩm, quyển truyện dài “Tìm Một Cối Vè”, và tập truyện ngắn Sôi Nổi. Tôi hơi ngạc nhiên được anh chị chiếu cố, nhưng cũng khoái chí, và vẫn hơi... sờ sờ.

Vì tôi nghĩ mình thích truyện dài hơn truyện ngắn, nên tôi bắt đầu đọc trước quyển “Tìm Một Cối Vè”. Nhưng vì tôi vừa bận rộn vừa đọc chậm, nên đến lần sinh hoạt Cỏ Thơm sau, tôi phải thưa với tác giả là tôi chưa đọc xong. Sau đó tôi nhận được email của anh Nguyễn Lân, yêu cầu tôi đọc hai truyện mà anh hài lòng nhất trong “Sôi Nổi”, đó là “U Tình” và “Bản Luận Vũ Cuối Cùng”.

Tôi đọc hai truyện này và đọc hết các truyện trong "Sôi Nổi". Các truyện đều lôi cuốn người đọc và làm tôi thích thú, nhưng "U Tình" và "Bản Luân Vũ Cuối Cùng" là thể loại khác nên có âm điệu riêng, khác biệt với các truyện khác. Chúng không cụ thể. Chúng bỏ độc giả vào một bối cảnh mơ hồ, hoang đường, cũng có thể hơi rờn rợn. Độc giả phải dùng trí tưởng tượng của mình để phân tích và hiểu biết những diễn tiến của câu truyện. Có thể mỗi độc giả có một nếp nhìn riêng biệt. Đối với tôi, "U Tình" là một liêu trai chí dị, còn "Bản Luân Vũ Cuối Cùng" có tính cách khoa học giả tưởng với những người máy biết nói và biết nhảy theo điệu nhạc, tuy cũng hơi "liêu trai." Cả hai truyện đều có những uẩn khúc làm độc giả ngạc nhiên, không đoán biết trước được những sự kiện sẽ xảy ra. Chúng đưa độc giả vào một thế giới kỳ thú, cho độc giả tò mò, bỏ độc giả ngỡ ngàng trong kết cuộc. Tôi tưởng tôi không thích truyện ngắn nhưng tôi thấy hai truyện đều thú vị trong bất chợt, lạ lùng, tuy ngắn gọn.

Vấn của anh Nguyễn Lâm linh động, làm độc giả dễ dàng hòa mình với nhân vật trong truyện, hiểu được tâm trạng của họ, và cảm thông sự đau buồn, khát vọng, tâm tình của họ. Tôi như trở thành người tình trong truyện, run rẩy, hoang mang, thu hút, mà không biết mình đang trong vực thẳm hay đang trên thiên đàng, mơ hay tỉnh, và người đối diện sẽ đem đến tình yêu tuyệt đỉnh hay đau thương phủ phàng. Chưa chấm dứt được u tình, tôi đã bị lôi cuốn trong

## HOA CHIA LY

Ngày xưa anh gọi hoa phượng vĩ,  
Là cánh hoa của những cuộc chia ly.  
Em đổi hờn sao anh nói thật kỳ,  
Vì chia ly là chẳng còn gì hết.  
Mình tái ngộ khi mùa thu vàng đến,  
Ba tháng hè qua mau lắm anh ơi,  
Mình vẫn là mãi mãi của nhau thôi.  
Em nói đúng, mùa hè qua mau thật.  
Nhưng trở lại trường chỉ mình anh đơn độc,  
Sân trường đã hoàn toàn vắng bóng,  
Cô nữ sinh tóc thề áo trắng.  
Anh vẫn gọi đùa là nhỏ Bắc Kỳ con.  
Thời gian trôi anh vẫn cứ mỗi mòn,  
Chờ đợi mãi nhưng em không trở lại,  
Bắc Kỳ con bây giờ tóc không còn xanh nữa,  
Đầu anh cũng lưa thưa nửa bạc nửa đen.  
Gặp lại nhau giữa chợ đời đầy những bon chen,  
Hai đứa mình cùng khác xưa nhiều lắm,  
Chỉ hoa phượng là vẫn còn đỏ thắm,  
Trên sân trường vắng lặng của ngày xưa.  
Bây giờ em đã chịu chấp nhận chưa?  
Gọi hoa phượng là cánh hoa ly biệt.

Hồng Thủy

bài luân vũ, chân tôi bước theo điệu nhạc chơi vơi, có thật ư đây sẽ là bản luân vũ cuối cùng?

Khi anh gửi email, anh nói anh “muốn biết ý kiến của những độc giả trẻ trong Cỏ Thơm.” Tôi không trẻ, thường không phân tách, chẳng phê bình hay cho ý kiến (trừ khi với ông xã), và cũng chẳng có dự định sẽ viết gì... nhiều. Nhưng sau khi đọc xong hai truyện ngắn này, cảm hứng khích động tôi làm một bài thơ. Bài thơ bắt đầu từ cảm giác của "U Tình", nhưng không hiểu sao nó không chịu ngừng ở đó, mà tiếp tục đi theo "Bản Luân Vũ Cuối Cùng". Bài thơ của tôi không cho nhân vật nữ được thoát khỏi "U Tình", mà quyến nhân vật nữ này vào cái thế giới nàng đã là con đom đóm tự hiển mình, một thế giới nàng đến bằng một con đường không phương trở lại. Tôi không còn là người tình trong vòng tay tình ái với một con tim nồng cháy, mà là một người ngoại cuộc, nhưng tôi không thoát ra khỏi bối cảnh, và vì thế, nhân vật nữ của "U Tình" phải tiếp tục cuộc hành trang để vào bối cảnh mới. Tôi cảm thấy hơi tội lỗi, nhưng tôi nghĩ tôi không có ác đâu, chắc tôi chỉ bị mất hồn trong một khoảnh khắc nào đó...

Tôi đắn đo không biết nên gửi bài thơ cho anh hay không. Tôi sợ anh phật lòng vì truyện của anh đã thay đổi. Nhưng bài thơ gạ gẫm, mời mọc tôi. Nó không muốn chỉ nằm trong máy tính của tôi. Tôi chần chờ, nhưng rồi cũng bỏ nó vào email, bấm nút gửi, và thấp thỏm chờ anh trả lời. Tôi mong là nếu anh không vui thì anh cũng không giận. Tôi chỉ muốn chia sẻ với anh cái cảm xúc của một độc giả đã bị "U Tình" lôi cuốn.

Tôi thở phào khi anh trả lời. Anh không phật lòng. Anh khen bài thơ “nóng bỏng hơn Sôi Nổi, đảo điên hơn "Bản Luân Vũ Cuối Cùng" làm tôi phồng cả mũi. Anh còn viết cho tôi thêm hai câu. Tôi đem hai câu vào bài thơ, tựa là “Bản Luân Vũ Cuối Cùng của U Tình.” Nhưng tôi để quý độc giả đoán xem hai câu nào xuất phát từ Nguyễn Lân.

*Em không biết mình mơ hay tỉnh  
Theo anh lòng xao xuyến để mê  
Rạo rực lửa tình trong tia mắt  
Vòng tay anh xiết chặt vai mềm  
Nụ hôn rát bỏng bên đầu gối  
Chiếm trọn tâm hồn chốn u mê  
Ánh đèn huyền ảo mờ trong khói  
Thoang thoảng hương bay cõi dương trần  
Nhắm mắt thả lòng vào mộng ảo  
Giải yếm rơi ngang cuối chăn hồng  
Rung động tâm hồn em ngộp thở  
Quay cuồng đầu óc gọi tên anh  
U tình như sóng chuyển đến nhanh  
Trong hơi men em đáp trả tình nồng  
Nư thiếu thân bay vào ánh sáng  
Em hiện mình trong ngọn lửa tình yêu  
Tiếng nhạc vang khi tỉnh khi say  
Nư mê hoặc em quay tròn điệu vũ  
Đảo điên vũ điệu thăng đồng  
Say mê chìm đắm trong vòng tay anh  
Giọng anh trầm ai oán bên tai  
Đêm nay em quả đẹp nào nùng  
Bản luân vũ cuối cùng anh xin tặng  
Thân xác ta đã quyến hòa đồng  
Đêm nay đôi ta theo nhịp nhạc hòa  
Thiên thu ta sẽ đời đời bên nhau.*

**Diễm Trân**

# MIỀN ĐẤT HỨA

## Ý Nguyên

Ngày đó, tôi mới bước vào tuổi 16 trắng tròn, cái tuổi mộng mơ yêu đời ấy chưa kịp đơm bông kết nụ đã bị héo tàn vì cảnh đất nước chia đôi, vì cảnh người đi kẻ ở. Sau bao nhiêu năm xa lìa miền Bắc thân yêu những tưởng thời gian sẽ làm phai nhạt nhưng nhớ ngày nào, nhưng hình ảnh chia ly trên con tàu định mệnh từ Bắc vào Nam năm 1954 như vẫn chập chờn đâu đây chẳng thể quên.

Ngày phải rời miền Bắc, bố tôi khóc đến khô lệ; cũng như mẹ, sụt sùi mãi không thôi. Chúng tôi nhớ từng lùm cây, ngọn cỏ, từng cây bàng nơi góc phố, sân trường; hàng phượng vĩ đỏ thắm dưới nắng hè thành phố Cảng. Nhớ tiếng rao hàng buổi sớm mai, tiếng mưa rơi lộp độp trên mái ngói, tiếng gió thổi đêm hè... Tất cả dư âm ngày tháng cũ như vẫn còn êm trôi trên dòng ký ức.

Vào ngày 16 tháng 8 năm 1955, chiếc chiến hạm khổng lồ Marine Serpent của Mỹ đã đưa gia đình chúng tôi cùng hàng ngàn người dân di cư khác ra khỏi miền Bắc. Được biết đây là chuyến tàu chót mà hiệp định Geneve đã ký kết thành thử số người trên tàu đông quá là đông có tới ít nhất là 6 ngàn người. Trong đó có đủ mọi thành phần từ giới trí thức, công chức, quân nhân các cấp, cho tới những người dân lao động bình thường, những người nông dân, cùng những đồng bào miền thượng du v.v... Người ta nằm la liệt khắp mọi nơi, từ dưới hầm tàu lên tới cả trên boong. Chúng tôi

được cho ăn uống đầy đủ, ngày 3 bữa, cơm sấy và đồ hộp. Ai đau ốm đều được bác sĩ và y tá chăm sóc tận tình. Nhưng chuyện gì rồi cũng có thể xảy ra. Khuya hôm đó tôi lò mò đi xin thuốc chóng mặt cho mẹ tôi nên đã vô tình được chứng kiến một cảnh tượng hãi hùng khi mấy người thủy thủ Mỹ thả một thây người xuống biển. Gia đình kẻ bạc mệnh lẫn lộn khóc lóc thảm thương. Tôi quá sợ hãi và xúc động trước cảnh tượng thủy táng đau lòng này.

Con tàu khổng lồ lằm lũi vượt trùng dương đưa người dân miền Bắc chúng tôi đến miền đất hứa, tràn đầy niềm tin yêu và sức sống. Trong những ngày lênh đênh trên biển cả như thế, tôi và mẹ đã phải đương đầu với những cơn say sóng thực khiếp đảm, nằm vùi một chỗ, nôn mửa tứ tung. Nghĩ mà bực mình và xấu hổ vì chung quanh chúng tôi chẳng ai làm sao, họ vui vẻ đi đúng chuyện trò vô tư mà mình thì không sao nhắc đầu lên được. Đôi lúc, tôi cũng muốn sử dụng vài ba câu tiếng Anh bồi của mình để dịch lại cho mấy bà Bùi Chu Phát Diệm di cư với mấy người lính Mỹ, nhưng không sao đứng vững vì cơn buồn nôn dồn dập đến, làm tôi chóng mặt như muốn ngã nhào. Nhớ lại, lúc đó tôi đã học xong chương trình lớp Đệ Thất, riêng tiếng Anh đã học hết cuốn L' Anglais Vivant 6ème Bleu nên khả năng Anh Ngữ ăn đóng của tôi coi như tạm đủ để thông dịch cho người không biết gì. Cho nên mặc dầu bị đập vùi vì say sóng, tôi vẫn cố tận dụng số vốn liếng tiếng Anh chập choạng của mình để thông dịch cho một số người trên tàu. Vào một buổi sáng, khi có mặt tại phòng vệ sinh nằm ở cuối boong tàu, tôi thấy các bà, các cô ngồi chồm hổm lên trên bồn cầu phóng uế, mất thắm mỹ quá. Vết giầy, vết dép dính vào thành cầu đen thui, giấy chùi tay vút bừa bãi dưới sàn tàu làm

mấy người lính Mỹ lau chùi và dọn dẹp đến đổ mồ hôi. Đối với gia đình tôi cũng vậy thôi vì từ hồi nào tới giờ chưa từng được sử dụng loại cầu xí tân thời này nên rất vụng về. Ngay lúc đó tôi được hỏi để thông dịch ít câu thông thường như: (Please do not squat on the toilet seat with your shoes; please drop your used paper towel into the trash can, etc.). "*Xin đừng ngồi xổm, đừng để giấy dế trên bàn cầu, xin bỏ giấy chùi tay vào thùng rác, v.v...*" Tôi viết mấy câu chữ Việt này lên một miếng carton và dán trong phòng vệ sinh. Ngay sau đó, bà con thông hiểu và thi hành đúng đắn, khiến mấy anh lính Mỹ rất hài lòng, họ cảm ơn tôi rối rít.

Thời tiết quả là đẹp trong suốt cuộc hải trình này, biển lặng, sóng êm. Bầu trời lúc nào cũng trong xanh. Gió biển lồng lộng thổi xua tan nỗi u buồn còn đọng lại trong tâm khảm người di cư chúng tôi. Hít thở làn không khí trong lành của biển trời vô tận, nhìn trùng dương sóng vỗ, tôi cảm nhận được một sự thay đổi lớn lao như đang len vào mạch máu của mình.

Qua hơn ba ngày lênh đênh trên đại dương, con tàu định mệnh đã cập bến Saigon một sớm mai đẹp nắng. Bình minh vươn lên như thể đang hòa vào cuộc sống mới của chúng tôi – nắng vàng rực rỡ của vùng trời Phương Nam đang sưởi ấm những tâm hồn tha phương cũng như đang đem đến cho mọi người một niềm tin mãnh liệt trên mảnh đất tự do đầy hứa hẹn này. Ôi! Chúng tôi đã có mặt tại Cảng Sài Gòn thực sự rồi. Dòng sông Saigon rộng mênh mông lẫn tăn gợn sóng như xô xao chào mừng sự có mặt của đoàn người di cư chúng tôi. Loáng thoáng, nhấp nhô trên sông nước là những chiếc cano máy, những chiếc đò ngang đưa khách từ bờ bên này sông qua bờ bên kia (sau này mới biết đây

là bến đò Thủ Thiêm). Vài ba chiếc thuyền nan nhỏ bé của mấy cô gái bán hàng rong trên sông ghé sát vào bên hông tàu để mời chào khách hàng. Từ boong tàu nhìn xuống phía dưới thấy họ nhỏ xíu xiu. Tiếng mời chào của các cô bị át đi bởi tiếng sóng vỗ vào mạn tàu nghe lúc được lúc mất. Lúc này mặt trời đã lên ngang tầm mắt. Ánh nắng chói chang của buổi sớm mai làm chúng tôi ngỡ ngàng thích thú. Nhìn cảnh thanh bình sung túc của Saigon, tôi ngậm ngùi nhớ tới thành phố Hải Phòng thân yêu của mình, nghĩ tới họ hàng thân thương, thầy cô, bạn bè... còn ở lại mà buồn đến đứt ruột... Mới đây, bạn bè còn bịn rịn tiễn chân chúng tôi trong lưu luyến bên bờ sông Bính, mà giờ đây tôi đã có mặt tại một nơi xa lạ. Lòng tôi thật xôn xang khó tả.

Vào giờ này, dưới đường những chiếc xe taxi sơn hai màu xanh trắng chạy tà tà trên lộ hoặc đậu ở hai bên lề đường chờ đón khách. Xe máy dẫu, xe đạp, xe nhà nổi đuôi nhau bóp còi inh ỏi. Đặc biệt là những chiếc xe xích lô máy, chở gà, chở lợn trông quá là lạ mắt. Dọc theo bờ sông, các quán ăn tưng bừng mở cửa sẵn sàng cho một ngày mới bắt đầu. Trước mắt tôi, có nhiều sự kiện mới mẻ quá, tôi chẳng thể nào nhớ cho hết, chỉ biết là tất cả đã rất khác lạ và rất lôi cuốn khiến tôi liên tưởng tới cảnh vắng vẻ tiêu điều của Hà Nội và Hải Phòng vào những ngày cuối cùng khi chúng tôi từ biệt đất Bắc.

Chiều tối, khi đèn đường bật sáng, quang cảnh xung quanh con tàu nơi bờ sông chợt bừng lên trong muôn màu rực rỡ. Ngay trước mắt chúng tôi lúc đó là khách sạn Majestic đồ sộ, nguy nga. Kế bên khách sạn là những toà nhà nhiều tầng cao ngất ngưỡng, cửa kính bóng loáng, đèn đuốc sáng trưng. Người ra kẻ vào nhộn nhịp. Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên và ngỡ



ngàng trước cảnh sắc lộng lẫy, huy hoàng và náo nhiệt của Sài Thành. Lúc xưa nghe nói Saigon là Hòn Ngọc Viễn Đông, quả thực chẳng sai tí nào. Cho nên dù chỉ mới thấy Khách Sạn Majestic mà mình đã bị hấp hồn như vậy, thử hỏi nếu được sống trong lòng thành phố thì cảm nghĩ của mình sẽ như thế nào nhỉ? Ôi! tôi thấy trong lòng háo hức làm sao!

Sáng ngày hôm sau, mới 7 giờ sáng đã thấy mấy cô gái bán hàng rong xuất hiện trên những chiếc thuyền nan bé con con chèo quanh bên hông tàu, nhao nhao mời chào khách hàng nhưng chúng tôi không hiểu rõ họ nói gì. Giọng rao hàng của mấy cô gái Nam nghe rất lạ tai: "Ai hột dzit lộn gà rửa hông?", "Ai ú hôn?", "Ai tét hôn?" Tôi tự hỏi, món ăn gì mà lại có vật lộn ở trong ấy và gà rửa là gì nhỉ, kỳ lạ quá chứ. Còn chữ ú ú, tét tét là sao?. Hóa ra hột *dzit lộn* tức là quả trứng vịt đã được luộc chín, khi ăn chỉ việc đập quả trứng ra là thấy nguyên một con vịt con bé xíu xiu, hai con mắt phồng to to nằm uốn cong queo với lòng đỏ. Ăn vịt lộn bắt buộc phải chấm với muối tiêu và nhâm nhi với ít cọng rau răm mới cảm nhận được hương vị thơm ngon của món ăn đặc sắc này. Vậy chứ, sau này ở trong Nam bao nhiêu lâu tôi chỉ dám ăn thử một lần cho biết rồi bye bye luôn. Hiểu ra *gà rửa* là trứng gà ung, chắc hẳn phải có vị ngon đặc biệt của nó. Hai tiếng *tét* và *ú* là tên của loại bánh nếp nhân thịt hoặc nhân đậu xanh, đậu đỏ, giống như bánh chưng vậy. Vài cô đem hàng lên tận trên boong tàu bán cho người di cư chúng tôi. Ngoài các thứ bánh tét và bánh ú, còn có nhiều loại quả tươi như soài, chôm chôm, măng cầu, vú sữa v.v... mà chúng tôi chưa từng thấy hoặc chưa được ăn bao giờ. Ôi, lần đầu tiên được thưởng thức những thứ trái cây tươi miền nhiệt đới cũng như những

món ăn lạ miệng của miền Nam sao mà ngon đến thế, có thể vì chúng tôi ăn đồ Mỹ ở trên tàu hơn 3 ngày ròng rã nên nay được ăn món ăn Việt Nam chắc chắn phải ngon rồi. Các cô hàng, cô nào cô nấy hầu như đều có một làn da mịn màng rám nắng, thứ nắng độc đáo của miền Nam nhuộm thắm da thịt người dân lao động là vậy. Đen hơn là trắng bủng. Một vẻ đẹp chân chất, mặn mà và khỏe mạnh của các cô không thể phủ nhận. Các cô mặc quần dài ống rộng thùng thình (vải để nguyên khổ), áo bà ba đen bó sát người để lộ đường eo cong thon thả, một chiếc khăn kẻ caro hai màu trắng xanh quấn trên đầu thay cho nón lá nhìn thật ngộ. Họ có một vẻ đẹp khác lạ so với các cô gái Bắc chúng tôi.

Đợi ở trên tàu khoảng hơn một ngày để lo thủ tục giấy tờ định cư và nhận tiền trợ cấp, không hiểu sao tôi thấy nôn nao đến thế. Cũng như bao nhiêu người di cư khác, mỗi người trong gia đình tôi nhận được 8 trăm đồng tiền mặt, loại tiền giấy lụa trên có in hình vua Bảo Đại là tiền trợ giúp cho người di cư trước khi xuống tàu để đi định cư. Được biết hầu hết các đồng bào Thiên Chúa Giáo được chính phủ Ngô Đình Diệm lo cho đi định cư tại các khu dinh điền như Hồ Nai, Cái Sắn, Gia Kiệm, Biên Hòa chẳng hạn. Những gia đình khác nếu có họ hàng thân thuộc nhận đón về sẽ được ưu tiên đi trước. Gia đình chúng tôi được cô Phương em gái bố tôi đưa về căn nhà đi thuê ở Đakao mà mẹ tôi trước đó đã gửi tiền vào Nam nhờ cô mượn dùm. Cùng ra đón chúng tôi hôm đó có cả chị gái tôi và ông anh rể đã vào Nam khoảng hơn một tháng trước.

Căn nhà đi thuê của gia đình tôi nằm trong khu xóm lao động tại dốc Cầu Bông thuộc Tỉnh Gia Định. Hàng xóm láng giềng đương nhiên đều là người Nam nên việc giao tiếp trong những ngày đầu thật dễ

ngõ. Chúng tôi phải dè dặt trong vấn đề xưng hô để không bị hiểu lầm nhau. Anh chị Kim ở kế cận nhà tôi còn ít tuổi cỡ trên 30 gì đó, nhưng bố mẹ tôi gọi họ là bác khiến anh chị ấy rất sượng sùng, vì cách xưng hô này chỉ dành cho người lớn tuổi, anh chị ấy còn trẻ măng mà. Thực ra đối với người Bắc, bố mẹ tôi gọi anh chị là bác ý muốn gọi thay cho chúng tôi. Có một điểm đặc biệt mà tôi muốn nói ở đây là người miền Bắc khi ăn cơm là phải mời chào phép tắc, do đó đem thói quen này áp dụng với người Nam làm họ chưng hửng và lúng túng vì rằng người miền Nam không có tập quán này. Điều này đã khiến họ hiểu lầm, cho rằng người Bắc chúng tôi thiếu thành thật. Đối với người Nam mời ăn là phải thông báo trước chứ đâu có mời ngang xương như vậy. Người Bắc gọi "dạ" bảo "vâng" nhưng người Nam thì gọi cũng "dạ" mà bảo cũng "dạ". Người miền Nam vốn rất chất phác hiền lành, có sao nói vậy, không quanh co, rào trước đón sau như người miền ngoài. Sau này, nhiều người về thăm lại miền Nam phải công nhận rằng vì kinh nghiệm sống, vì hoàn cảnh kinh tế trong một thể chế mới nên bản tính chân thật của người miền Nam đã phần nào thay đổi, ý nói họ đã phải khôn ngoan và mảnh lới hơn để không bị người Bắc 75 chèn ép?

Phải một thời gian sau chúng tôi mới làm quen với nếp văn hóa mới ở trong Nam cũng như quen thuộc với những âm ngữ như "đi dzia" hoặc "đi dzô" vì hiểu ra rằng người Nam phát âm chữ V là chữ D/Z. Lại có những từ mà hai miền Nam Bắc nói khác hẳn nhau như người Nam kêu cái "muống" người Bắc gọi cái "thìa". Người Nam kêu cái "chén ăn cơm", người bắc gọi "cái bát ăn cơm". Người Nam kêu cái "lỵ", người Bắc gọi cái "cốc". Người Nam kêu cái "gía" múc canh, người Bắc gọi cái "môi". Người

Nam kêu cái "mùng", người Bắc gọi cái "màn". Người Nam kêu "mền", người Bắc gọi "chăn". Trong Nam kêu "cái guăng", ngoài Bắc gọi "cái phễu". Ôi rõ thật rắc rối, người Nam kêu "kỳ cục" người Bắc nói "kỳ lạ". Buồn cười, người Bắc gọi cái rương đựng quần áo là cái "hòm" làm người Nam sợ khiếp vía vì người trong Nam kêu cái hòm là "áo quan" đựng người chết. Đúng là ngôn ngữ bất đồng gây hiểu lầm tai hại. Do đó mới nảy sinh ra câu chuyện người Bắc mang tiếng là tham lam quá mức đến nỗi "hòm áo quan" mà cũng mang theo từ Bắc vào Nam? Xin kể lại một câu chuyện liên quan đến cái hòm nghe ra khá khôi hài ... *"Áy, nhớ đừng quên khiêng mấy cái hòm xuống nhé"*, mấy bà Bắc Kỳ di cư nói với mấy ông phu xe ba gác như thế khi họ giúp chuyển đồ đạc từ trên boong tàu xuống bến. Lẽ tất nhiên mấy ông phu xe nghe nói vậy phải ngạc nhiên là đúng rồi, nên lẩm bẩm, *"Chi mà kỳ vậy, đi chạy nạn Cộng Sản mà còn đem theo nhiều quan tài đến thế ư?" Chết gì mà chết nhiều thế !*. Ở trong Nam chữ "ghe" có nghĩa là "thuyền", xem ra bài hát "Thuyền Viễn Xứ" mà thay bằng chữ "Ghe Viễn Xứ" chắc là nghe không lọt tai rồi. Ngoài ra chữ "ghe" và chữ "đồ" đối với người Bắc rất là tục tũ, nhưng là tiếng địa phương dân rồi chúng tôi cũng quen đi và sử dụng thông thường hàng ngày. Nói về âm ngữ khác biệt giữa miền Nam và miền Bắc, những lời ghi chép ngắn ngủi của tôi không thể nào diễn đạt được hết các ý của câu nói. Xin kể lại một mẩu chuyện vui vui mà tôi nghĩ có phần kịch tính hay hay... Hồi còn ở bậc trung học, vào một ngày cuối tuần, một anh bạn học người Nam rủ bọn nữ sinh người Bắc chúng tôi lên thăm vườn trái cây của gia đình anh ở Lái Thiêu, anh nói một cách chân thành và tự nhiên: *"Mời mấy cô lên 'giường' tôi*

chơi", làm cả nhóm con gái chúng tôi phá lên cười với nhau khiến anh ta chẳng hiểu ắt giáp gì. Thêm vào đó là những câu chuyện khôi hài mà bọn học trò cả Nam lẫn Bắc chúng tôi thường đùa rồn với nhau, ví dụ như trong một đoạn ca từ của bài hát Khúc Nhạc Đồng Quê của Thúc Đăng có câu: "Quê hương tôi gió chiều về trong nắng vàng..." Chúng tôi ma quái đổi lời để hát nhái: "*Quê hương tôi cái màn* mà kêu *cái mừng*." Nghịch ngợm hết chỗ nói! Cũng chính ở những câu nói bông đùa chân tình có tính cách vui nhộn này đã dần dà giúp tình bằng hữu của chúng tôi trở nên cởi mở và thắm thiết hơn. Một lần khác gặp anh bạn học gốc người Nam, cạo trọc đầu nhẵn thín, bọn con gái quý sứ Bắc kỳ chúng tôi xúm lại hỏi anh, anh vừa xoa đầu vừa nói: "*Tôi có dzái các chị ơi!*", thế là chúng tôi lại ôm bụng mà cười ngất làm anh khựng lại một hồi lâu, sau hiểu ra anh cũng phá lên cười cùng chúng tôi. *Dzui* ơi là *dzui*! Đúng ra chúng tôi hiểu ý anh ấy muốn nói có van vái khẩn nguyện điều gì đó nên mới cạo đầu ăn chay, nhưng chọc quê anh tí cho vui. Ngoài ra tôi để ý thấy hầu hết mấy ông người Nam bọc răng vàng sáng chói, khiến tôi tự hỏi, người trong Nam chắc là giàu có lắm nên người nào cũng gắn răng vàng? Có thể đó là một của người Nam lúc bấy giờ, sau này hình như ít ai còn bịt răng vàng nữa. Nói về trang phục, các cô gái Nam trông rất duyên dáng trong bộ đồ bà ba, quần ống rộng thênh thang vài Mi A nguyên khổ, rất dễ phân biệt với mấy cô gái Bắc. Tôi không rõ xuất xứ của chiếc quần ống rộng có lợi ra sao, nhưng được chứng kiến vài lần mấy cô mấy bà bị vấp ngã vì vướng vào gấu quần, tôi nghĩ như vậy quá bất tiện vì lúc nào họ cũng phải canh chừng, đi đứng cẩn thận. Nhưng một vài năm sau đó các cô gái Nam gái Bắc gì

xúng vậy đều ăn mặc giống như nhau không thể phân biệt được. Nhắc về vấn đề tiêu tiền giấy ở trong Nam vào giai đoạn này, tôi không thể không đề cập đến hiện tượng tiêu tiền giấy xé làm hai mới thực kỳ lạ mà tôi nghĩ chỉ phát hiện tại miền Nam Việt Nam mà thôi. Tiêu tiền kiểu gì mà khi cần trả lại (thối lại) cho khách hàng người bán cứ việc xé tờ bạc ra làm hai. Thế mới biết người trong Nam quả thật dễ dãi và dư giả đến cái mức không muốn phiền phức phải dùng đến tiền cắc (tiền xu) nên cứ xé tiền khời khời như vậy cho tiện. Đặc biệt hơn ở trong Nam một chục không phải là 10 mà là 12 hoặc 13-14 thế mới "ngộ". Cũng phải qua một thời gian dài chúng tôi mới thông thạo với lối đếm một chục là 12 chứ không phải là 10 như ngoài Bắc. Tuy nhiên cách đếm này chỉ áp dụng cho trái cây mà thôi. Đúng như bố tôi đã từng nói vào Miền Nam để thấy sự trù phú và nền văn hóa khác biệt của xứ sở mình. Đời sống văn minh, người dân giàu có, sung túc, ruộng đồng phì nhiêu bát ngát. Đúng quá đi chứ ỉ !

Vào ngày 26 tháng 10 năm 1955 qua cuộc trưng Cầu Dân Ý, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm được suy tôn làm Tổng Thống Việt Nam Cộng Hoà tại Miền Nam. Trong giai đoạn này, thành phố Saigon rất là hỗn loạn và rối bời bởi những cuộc biểu tình truất phế Vua Bảo Đại. Hình nộm vua Bảo Đại bị đốt cháy nằm ngổn ngang tại các khu phố và tại các ngã tư trong tiếng reo hò của lớp người biểu tình: "*Đả đảo Bảo Đại bán nước*", "*Đả đảo chính phủ bù nhìn*" v.v... Tiếp nối là chương trình hồi hương của người Pháp và những gia đình có con lại. Chỉ vài tháng trước đây, những người Bắc di cư chúng tôi đã phải đối diện với việc quyết định đi Nam, lúc này tình trạng của những gia đình có con lại Pháp cũng

đang gặp cảnh ngộ phân vân lưỡng lự tương tự như thế. Cũng như cô Phương em bố tôi, mặc dầu mang quốc tịch Pháp nhưng rất dấn đo và e ngại cho cuộc sống bấp bênh không đảm bảo nơi quê chồng ở Pháp nên cô đành gạt nước mắt chấp thuận cho hai đứa con của cô ra đi còn cô ở lại. Sau những biến cố Bình Xuyên và Hoà Hảo được chính quyền Ngô Đình Diệm dẹp tan, người dân miền Nam bắt đầu được hưởng một cuộc sống an bình. Có thể nói đây là giai đoạn thanh bình hạnh phúc nhất của nhân dân miền Nam (1958-1960).

Lạ nước lạ cái, chân ướt chân ráo khiến gia đình chúng tôi cũng gặp nhiều khó khăn để lo ổn định đời sống trong những năm đầu định cư. Dần dà, bố tôi tìm được một việc làm tại một hãng thầu xây cất ở tỉnh Quang Tín ngoài miền Trung nên hàng tháng bố vắng nhà đến 2, 3 tuần lễ. Anh em chúng tôi tiếp tục theo học trung học tại mấy trường tư thực. Tôi vừa đi học vừa tập làm thợ may áo dài phụ nữ để có phương tiện tài chánh lo phần học phí cho riêng mình và đỡ dần gia đình một phần nào. Nói là thợ may cho oai, thực ra tôi chỉ học luôn tà áo dài. Cái nghề mà tôi không thích từ ngày còn ở ngoài Bắc khi bà chị cả của tôi bảo tôi học nghề này. Tôi chê là nghề ghê dẹt ... không chịu học. Đúng là ghét của nào, trời trao của đó. Thế là tôi đi học nghề luôn (khâu) áo dài ở tiệm may Kim Loan trên đường Phan Đình Phùng, gần chợ Vườn Chuối. Chị Kim không lấy tiền học mà còn trả công chút ít cho tôi. Chẳng bao lâu tôi biết luôn tà áo rất nghề và rất khéo. Tôi chỉ làm nửa buổi, nửa buổi kia đi học. Một chiếc áo dài bình thường, nếu khâu nguyên ngày thì xong, nhưng vì phải đi học nên tôi khâu mất gần hai buổi mới hoàn tất. Khách hàng nào cần gấp chị Kim đưa cho cô thợ khác khâu. Chị Kim

thật tử tế. Chị đã thông cảm hoàn cảnh hiếu học và nghèo khó của tôi nên muốn giúp đỡ tôi, vì vậy tôi mới có việc "part time" mà làm. Mỗi ngày tôi đi học và đi làm bằng xe buýt. Mẹ tôi cho 3 đồng, trả tiền xe 2 lần mất 1.50, còn lại 1.50 tôi dùng mua cơm trưa. Một chén cơm và một quả trứng vịt kho tại một quán cơm bình dân trong chợ Vườn Chuối, bà hàng cơm tính tôi một đồng, vậy là tôi vẫn còn thừa 50 xu đem về trả lại mẹ. Kể lại chuyện hàn vi của tôi, người nghe không buồn cười thì cũng lạ. Có lần bữa tôi đem theo cơm trưa để khỏi tốn một đồng. Mẹ thường nấu cho tôi một nắm cơm trắng với chút đồ ăn dư từ bữa hôm trước. Tôi để nắm cơm và thức ăn vào trong một cái túi vải nhỏ. Trong lớp học, tôi giấu cái túi đựng nắm cơm dưới ngăn bàn. Chớ hề dám nói với bạn bè sợ tui nó cười mình nghèo. Tôi lại sợ nhỡ có đứa bạn nào mất đồ đi kiểm và lục thấy nắm cơm của mình thì xấu hổ chết. Nhưng cũng may cảnh ấy chưa từng xảy ra bao giờ. Hú hồn! Lại nữa, hồi đó làm gì có giày dép đoàng hoàng như thời nay, đàn bà con gái ai cũng chỉ đi guốc mộc hoặc guốc sơn thôi. Bởi vậy, tôi luôn khổ sở vì guốc đứt quai. Có lần bữa trời thì mưa, guốc thì đứt quai, quần áo ướt sũng nước, ngồi đợi xe buýt lạnh tím môi, bụng lại đói cồn, một tay ôm cặp sách, một tay cầm guốc đứt quai, xe buýt chạy xô qua xô lại làm tôi muốn ngã nhào. Cảnh mặc áo dài đi chân đất về nhà rất thường đối với tôi trong giai đoạn này. Nói tới sự kiện guốc đứt quai, tôi lại nhớ tới chị Đông Hải, chị có sập bán guốc trong chợ Đa Kao, tôi là khách hàng thường xuyên của chị, nên mỗi lần guốc bị tuột đinh tôi đều ghé vào chợ nhờ chị đóng lại dùm không tính tiền. Những năm gần đây, khi thăm lại Sài Gòn, tôi có tạt ngang tiệm guốc Đông Hải ở ngay

tại đầu Cầu Bông Đa Kao. Cửa tiệm này bây giờ đã được xây lên 3 tầng lầu thành xưởng sản xuất giấy dếp tằm cỡ ở Saigon với đủ mặt hàng có giá trị như bóp da, ví dầm và giấy dếp thời trang đắt tiền. Anh chị Đông Hải giờ đã về hưu, ba bốn cửa tiệm mở tại Saigon và bên Mỹ do mấy người con của anh chị trông coi. Đúng là trời chẳng đong cửa ai bao giờ...

Những năm đầu sinh sống ở miền Nam, anh em chúng tôi cũng gặp nhiều khó khăn vì phải phụ thuộc vào công ăn việc làm của bố mình. Do hiểu rõ gia cảnh của mình nên tôi phải cố gắng học. Tuổi bay bướm, yêu đời của tôi đương nhiên bị giới hạn. Tôi không dám nghĩ đến việc hưởng thụ như những đứa bạn con nhà giàu có. Tương lai trước mắt của chúng tôi là học vấn. Sách vở là người bạn thân thiết nhất của tôi hơn lúc nào hết. Sự đền bù cho tôi là những tấm bằng ban khen của nhà trường. Phải chăng cái nghèo là một điều bất hạnh trong đời nhưng cũng đẹp biết bao... Nghèo chép thành truyện. Nghèo dệt thành thơ. Nghèo mà trong sạch. Nghèo mà tự trọng. Nghèo chính là chất liệu sống của cuộc đời tôi. Chính cái nghèo đã hun đúc ý chí con người. Nghèo khiến con người vươn lên. Nghèo đã cho tôi sự hiểu biết về một nếp sống thanh cao và đưa tôi đến gần mọi người. Tôi chưa từng so sánh cái nghèo của mình với bất cứ một ai, và cũng chưa từng cảm thấy buồn vì nghèo. Bạn bè của tôi hầu hết thuộc gia đình khá giả, giàu có, đứa nào cũng có hoàn cảnh khác hẳn với tôi, chẳng hạn như Thuý Phụng, bố của Phụng là một nhà xuất nhập cảng tiếng tăm ở Hà Nội, nhà nó giàu có từ gốc mà tôi đã có lần đề cập tới, vào tới trong Nam vẫn còn giàu. Bố của Nghĩa làm tỉnh trưởng tỉnh Kiến Hòa, mặc dù gia đình Nghĩa rất đông anh em vậy mà chẳng

ai phải đi làm. Cũng vậy, gia đình của Trinh coi như một thương gia có tiếng ở vùng Chợ Lớn, còn ông già của Hưng là công chức sở Bưu Điện Saigon, nhà nó lại có cả một tiệm may quần áo phụ nữ đồ sộ, nằm trên đường Phan Đình Phùng. Ngay như Hợi là đứa bạn rất gần gũi và thân tình với tôi nên tôi biết rõ nhà Hợi cũng khá giả vì có một cửa hiệu buôn bán đồ phụ tùng xe gắn máy và xe đạp rất lớn tại đường Ngô Tùng Châu, Ngã Sáu Saigon... Phải nói Hợi là người bạn chí thân của tôi từ khi chúng tôi còn ngồi trên ghế nhà trường. Hưng Đạo ở Hải Phòng cho đến khi vào tới trong Nam, lúc nào Hợi cũng tử tế và giúp đỡ tôi chân tình. Nói là không buồn vì nghèo, nhưng thấy gia đình các bạn của mình, giàu sang quá tự nhiên mình cũng trở nên thèm thuồng, ao ước. Con người mà, ai chẳng thích cái hay cái đẹp, thích sự sung sướng không phải tay lấm chân bùn, như các cụ thường nói: *"Ai chẳng muốn đẹp muốn dòn, ai muốn tháo dạ cho mòn lỗ trơn"*. Nhưng đền bù lại, không có đứa bạn nào học giỏi hơn tôi...(hơi nổ một tí) Mặc dầu tôi không có nhiều thời giờ rảnh rỗi như họ, không có điều kiện tài chính để mượn cô giáo hay thầy giáo về nhà dạy kèm, tôi phải vừa đi học vừa đi làm thợ may bán thời gian, rất là vất vả vậy mà tôi vẫn luôn luôn được xếp hạng nhất trong lớp và được lãnh phần thưởng hàng năm chúng tỏ ông trời đã phân xử công minh, chả lẽ ông bắt tôi thua thiệt đủ điều sao. Phải chăng đó cũng là luật bù trừ. Cho nên sự học hành chăm chỉ giỏi giang của con cái đã làm bố mẹ tôi toại nguyện. Bố tôi luôn luôn nhắc nhở: *"Bố không giàu có, không nhà cao cửa rộng, không ruộng đất như người ta, không có của hồi môn để lại cho các con. Gia tài mà bố mẹ để lại là sự cần mẫn, siêng năng học hành của các con."*

*Đây là một kho tàng vô giá, là vốn liếng cho các con. Các con phải gắng làm sao mà gìn giữ kho tàng này, không những cho chính mình mà còn cho con cháu của các con sau này"*

Cũng vì ảnh hưởng vào lời khuyên của bố, tôi chỉ còn biết vui đầu vào việc đèn sách. Bố mẹ tôi rất hãnh diện về điều này vì mỗi năm tôi đều được lãnh phần thưởng, từ lớp Đệ Thất tới lớp Đệ Tứ. Hồi còn học lớp Đệ Lục tại trường tư thực Văn Hoá, trên đường Ngô Tùng Châu, Ngã Sáu tôi được phần thưởng nhất lớp về học giỏi và về hạnh kiểm tốt. Hôm đi lãnh phần thưởng ở toà Đô Chính Sài Gòn, bố tôi đưa đi, vì đây là phần thưởng đặc biệt do Tổng Thống Ngô Đình Diệm khen tặng. Khi nghe gọi tên mình lên lãnh thưởng, tôi vừa sung sướng vừa run sợ nhưng khi nhìn xuống phía dưới thấy bố tôi ngồi hàng ghế đầu với nét mặt hân hoan rạng rỡ mừng vui, làm tôi không sao dấu được nỗi xúc động như muốn trào nước mắt.

Đến khi học lớp Đệ Tứ trường Trung Học Cộng Hòa tại đường Pasteur do thầy Nguyễn Văn Vận, giáo sư Toán Lý Hóa làm Hiệu Trưởng, tôi mới nhận ra rằng, ngôi trường này đã cho tôi nhiều sự thương yêu của bạn bè cũng như sự tận tâm chỉ giáo của các thầy. Thầy Hoàng Tường Thụy là giáo sư toán của tôi. Tôi rất thích lối giảng dạy của ông. Rất mạch lạc và dễ hiểu nên dù tôi không giỏi về môn này nhưng qua lối giảng dạy của ông tôi đâm ra mê môn toán thể mới buồn cười. Nói chung tôi biết tôi không thông minh như nhiều người bạn học cùng lớp, vậy nên tôi phải đem bài vở về nhà, làm đi làm lại đến thuộc lòng, ngay cả các công thức và định luật toán tôi thuộc như in. Điều này đã giúp tôi giải đáp đúng

cả hai bài toán, hình học và đại số, hôm đi thi. Môn Việt Văn do Thi Sĩ Giáo Sư Bàng Bá Lân đảm trách. Thầy rất linh động giảng dạy môn này khiến học sinh không cảm thấy chán nản. Nhất là khi thầy giảng về Chuyện Kiều, rất thuyết phục. Bữa đi thi tôi gặp thầy trong phòng thi vấn đáp. Thầy hỏi tôi về đoạn nàng Kiều đi thăm mộ Đạm Tiên, có lẽ tôi đã trả lời câu hỏi một cách chính xác khiến thầy rất hãnh diện và khen tôi trước nhiều thí sinh đang đợi trong phòng thi. Kỳ thi ấy tôi đã đậu hạng Bình. GS Bàng Bá Lân vốn gốc người Bắc nhưng thầy rất yêu thích giọng nói của người Miền Nam nên thầy đã sáng tác một bài thơ rất nổi tiếng có tựa đề là: "*Tôi yêu tiếng Việt Miền Nam*" trong đó tôi còn nhớ hai câu cuối cùng của bài thơ này là: "*Nước non vẫn nước non nhà, Bắc Nam xa mấy vẫn là anh em.*" Bài thơ này tôi rất thích nên đã thường ngâm nga tối ngày đến thuộc lòng. Môn Pháp Văn là giáo sư Chinh, lối dạy của ông cũng rất dễ hiểu, cả lớp ai cũng mến vì ông hiền lành, ít nói. Môn Vật Lý do giáo sư Sung đảm trách, thầy người nhỏ con như thầy hiệu trưởng nhưng tiếng nói đổng dạc của thầy khi giảng bài rất lôi cuốn học sinh. Nói chung đối với tôi thầy nào tôi cũng quý mến và kính trọng như cha mẹ của mình vậy. Nói về giáo sư Anh văn, tôi không thể nào quên nhắc đến thầy Hoàng Lý Văn, em trai thầy Thụy. Thầy còn trẻ và rất vui tính, phần văn phạm (grammar) thầy dùng phương pháp họa đồ (illustrations) rất dễ hiểu để hướng dẫn học sinh, phải nói, học với thầy Văn mà học sinh không nhớ và tiến được thì không thể học thầy nào, hay học ở đâu để khá hơn. Sau này, khi định cư ở Mỹ, tôi đã theo phương pháp giảng dạy của thầy để áp dụng vào việc dạy Việt ngữ cho người Mỹ qua chương trình Continuing Education của Trường Đại Học

New Mexico (UNM), tôi nhận thấy rất có hiệu quả. Đúng là quả đất tròn khiến tôi đã gặp lại thầy Văn tại San Jose, California trong một dịp chúng tôi thăm viếng thành phố này vào tháng 10 năm 2015. Thầy năm nay đã trên tám mươi tuổi nhưng sức khoẻ tương đối tốt. Thầy trò gặp lại nhau sau gần 60 năm trời quả là một sự hạnh ngộ bất thường và quý giá đáng kể mà tôi không nghĩ rằng mình lại có cơ hội may mắn đến thế.

Tiếp nối câu chuyện tại trường trung học Cộng Hoà...Chỉ còn độ hơn 3 tháng là đến kỳ thi Trung Học Phổ Thông. Tôi cần có nhiều thì giờ để ôn bài vở, đồng thời tôi cũng vẫn cần phải đi khâu áo dài để lấy tiền thanh toán học phí. Tôi lo quá. Chẳng dám than với ai, chẳng dám hé môi với bạn bè, cho dù cả với mẹ mình, vì sợ bà lại suy nghĩ lo âu. Trời ơi, nếu tôi thi trượt kỳ này là tôi đã phụ lòng tin tưởng của bố mẹ, bao nhiêu kỳ vọng mà bố mẹ đã đặt hết ở nơi tôi. Không, không thể thế được, tôi không thể nào làm uổng phí công trình học tập cực khổ của mình. Tôi phải thi cho bằng đậu. Nhược điểm của tôi là con nhà nghèo mà nhan sắc lại quá khiêm nhường thì lẽ đương nhiên tôi phải lấy sự học và bằng cấp của mình để quân bình chứ. Đêm nào tôi cũng thức thật khuya để học bài và khâu áo dài mà chị Kim cho tôi đem về nhà khâu để kịp giao cho khách hàng sáng hôm sau. Có đêm tôi thức đến 3, 4 giờ sáng chưa đi ngủ, mẹ tôi thấy vậy la rầy: "*Sao con dậy sớm thế, không ngủ thêm nữa đi, trời chưa sáng mà*". Mẹ đâu có biết là tôi chưa đi ngủ, vẫn còn thức để khâu cho xong chiếc áo. Đấy, thuở học trò của tôi có sung sướng gì đâu !

Ngoài công việc khâu áo dài ra tôi không còn cách nào kiếm ra tiền để trả tiền học. Tình trạng này chắc chắn tôi sẽ thi rớt mất... Sau cùng tôi đánh liều lên văn phòng thầy Hiệu Trưởng hỏi xin giảm học phí. Tôi không dám nghĩ đến việc xin miễn toàn phần học phí, như vậy là quá đáng. Vì nếu xin giảm được phân nửa tiền học quả là tốt đối với tôi. Ai dè khi nghe tôi phân trần, tỏ oán, thầy Vận chấp thuận cho tôi được miễn phí luôn suốt mấy tháng trước ngày thi. Mừng quá, thế là tôi không phải cặm cùi khâu áo dài thuê nữa, tôi sẽ có nhiều thì giờ để học thi. Ha! Ha! Tôi sung sướng làm sao! Sự việc xảy ra ngoài sự mong muốn của tôi, thực không ngờ. Ngoài ra thầy hiệu trưởng còn bớt học phí cho anh Kỳ tôi, lúc này đang học đệ nhị cấp. Cả hai anh em tôi quả là may mắn nhận được sự giúp đỡ đáng kể này. Để đáp lại sự tử tế của thầy Hiệu Trưởng, tôi tình nguyện giúp bác Tổ, thư ký và thủ quỹ của trường, cộng số học bạ hàng tháng cho học sinh toàn trường. Biết được tin vui này, bố mẹ tôi rất mừng. Bố nói, số tôi luôn có quý nhân phù trợ. Có thể cũng đúng?

Hè đó, tôi trúng tuyển Trung Học Đệ Nhất Cấp với hạng Bình. Tôi sung sướng hơn cả người trúng số. Tôi được nhận thẳng vào đệ nhị cấp trường Trưng Vương miễn thi tuyển. Lúc chưa thi, tôi ao ước nếu đậu tôi sẽ tiếp tục việc học của mình. Tôi sẽ đương nhiên trở thành cô nữ sinh Trưng Vương nhí nhảnh, yêu đời. Sau này sẽ là một sinh viên trường Đại Học Văn Khoa, sẽ học trường Luật, hoặc sẽ học trường Sư Phạm và sẽ là cô giáo... Tôi ao ước sẽ được là một nhân vật quan trọng trong xã hội, sẽ dùng sự hiểu biết của mình để chia sẻ và giúp đỡ nhiều người. Ôi! Tôi tham lam quá, chưa gì mà tôi đã mơ ước

mông lung, sẽ làm hết điều này đến điều khác. Nào ngờ, hăng thâu không còn ký hợp đồng với bố tôi nữa nên vấn đề tài chánh của gia đình nhà tôi đã thực sự gặp khó khăn. Cả nhà chỉ trông vào lương hàng tháng của bố, bây giờ sự thể xảy ra quá đột ngột, tôi không biết phải tính sao đây. Tôi như trên trời rớt xuống! Niềm vui của tôi vừa hé lên, chớp nhoáng đã không còn. Tôi đành gạt nước mắt để chấp nhận việc học dở dang của mình. Nhớ lại trước đây đi xem bảng thi, tôi vui mừng khôn xiết khi thấy tên mình trên bảng vàng. Làm sao tôi có thể diễn tả được nỗi vui mừng của tôi lúc đó. Giờ đây bao nhiêu mơ ước của tôi đã tan biến hết. Chỉ tội cho bố, lúc nào ông cũng quan tâm đến tôi. Bố an ủi: *"Để thắng thắng bố sẽ kiếm được việc, con không phải nghỉ học, việc học là cần thiết, muốn có cuộc sống tốt đẹp mình phải có kiến thức cao và có bằng cấp thực sự."* Tôi biết bố luôn an ủi và khuyến khích tôi như thế. Nhưng thực tế, tôi làm sao tiếp tục việc học của mình trong khi điều kiện tài chánh của gia đình không cho phép. Tôi thực nản chí. Tôi không còn muốn tiếp tục nghề khâu áo dài mà hai năm trời tôi đã làm cái công việc tỉ mỉ và bận rộn này đến mờ cả mắt, mỏi cả tay mà công cán chẳng được là bao. Hồi tưởng lại những đêm ngồi miệt mài khâu áo dài thâu đêm suốt sáng dưới ngọn đèn neon yếu ớt không đủ sáng làm mắt tôi cay sè. Từng mũi kim khâu qua đi, luồn lại theo thời khắc là cả một sự chịu đựng phi thường của tôi. Hàng triệu triệu mũi kim đã giúp tôi hoàn thành những chiếc áo dài của khách để nhận về một đồng lương rất khiêm nhường. Nhưng chính những mũi kim khâu chịu đựng và kiên nhẫn đó đã giúp tôi tạo dựng một tương lai vững chắc sau này.

Thế rồi tôi nộp đơn xin việc làm khắp mọi nơi. Quả là mật ít ruồi nhiều, hay cũng tại mình thực tài không có nên tôi cũng rất lận đận trong một thời gian dài. Cuối cùng tôi được nhận vào làm việc cho Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam tại Bến Chương Dương Sài Gòn. Cuộc sống của tôi từ đó dần dần thay đổi, giúp tôi thoát khỏi cảnh túng thiếu vốn dĩ của mình. Hoá ra, Sài Gòn đã cho tôi cơ hội để vươn lên. Sài Gòn quả là **miền đất hứa** mà bố tôi đã chọn làm "quê hương thứ hai".

Phải chăng con người ta không ai tránh khỏi số phận của riêng mình. Có lẽ tôi sinh ra đời là để chịu đựng những sự thử thách và những thiệt thòi mà trời đã dành riêng cho mình. Do đó tôi không cảm thấy mấy may mắn tự ti mặc cảm, trái lại tôi luôn luôn hãnh diện và trân quý cái quá khứ mà tôi đã trải nghiệm qua quãng đời thơ ấu của mình. Cho nên, tương lai của tôi chưa hẳn dừng lại ở đây. Với ý chí cương quyết, với sự chịu đựng phi thường, tôi sẽ phải vươn lên cao hơn thế nữa. Những kinh nghiệm quý giá này sẽ là một học đường giúp tôi đạt được bằng cấp của trường đời như một lời giao ước của bố tôi lúc sinh thời.

**Ỗ Nguyên**

Maryland , May 2016





# Nhân đọc tập thơ

## Gió Cuốn Mây Bay của Hoa Văn

Chưa đầy hai năm, tháng Tư 2016 Hoa Văn lại trình làng tập thơ mới nhan đề “Gió Cuốn Mây Bay” làm ngạc nhiên bạn hữu về sức sáng tác vô cùng phong phú của thi nhân.

Sự kiện này đúng ra chẳng mới mẻ gì. Thực tế đã thấy, mới đây, ngay tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, có người cũng từng ra mắt hai tập thơ liền một lúc, rồi ở OKC, miền cao nguyên đất đỏ tít mù một thành viên của thi đàn Hoa Tiên cũng làm như vậy khi giới thiệu hai thi phẩm “Tiếng Gọi” và “Đoàn Khúc Lục Bát” trên tờ đặc san của hội số 39 Mùa Xuân 2016.

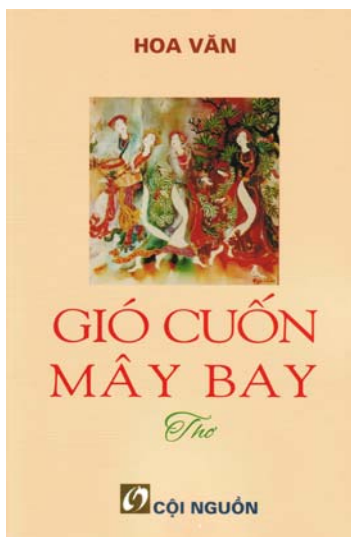
Nhưng nói Hoa Văn tạo bất ngờ thích thú cho bạn hữu vẫn đúng thôi. Có nhiều lý do lắm. Sinh năm 1932, như thể đã qua tuổi thất thập cổ lai lâu rồi. Cựu tù cải tạo, xương cốt mất mũi làm sao còn bình thường. Mãi 1993 mới tới vùng đất hứa, “hữu thân hữu khổ”... vậy mà từ đó vẫn miệt mài viết thêm được bảy tập, tính luôn Gió Cuốn Mây Bay thì cũng phải kể là một hiện tượng. Lại nữa nghe nói sang năm 2017 thừa thắng xông lên sẽ in thêm tập thứ tám.

Tuy nhiên đó mới chỉ bàn về lượng, thực ra cũng cần phải đề cập đến phẩm chất nữa thì sự phán xét mới đầy đủ vô tư công bằng!

“Gió Cuốn Mây Bay”

chia làm hai phần, mở đầu là sáng tác, tiếp theo là “Thơ Bạn Tặng Và Thơ Xướng Họa Của Bằng Hữu”. Phần I chúng ta được thưởng thức gần trăm bài lục bát mượt mà với ít bài số câu 8 chữ, hoặc 7 chữ, hoặc 5 chữ.. xen kẽ, cài răng lược và đặc biệt là bài nào thì, phần này, chủ ý mỗi bài cũng gói ghém bởi bốn từ cú phân đoạn tức chỉ có 16 câu thôi.

Sự chủ tâm này là một sáng tạo? Nó giúp cho vấn đề trình bày in ấn đều đặn cân đối trang nhã, nhưng chẳng biết có gây khó khăn cho tác giả là phải tính toán gò ép hoặc ngược lại phải giàn mỏng ý tưởng không thoải mái tự nhiên gì chẳng? Và nếu cứ theo như thế, nếu mọi kẻ sau này cứ làm như thế nó sẽ dần dần phần nào khiến ta cảm tưởng thơ thiếu phóng khoáng, tự do, thiếu thơ... giống như thơ thất ngôn bát cú của Tàu.



Gió Cuốn Mây Bay từ hình thức đến nội dung chừng chặc, sáng sủa, hoa mỹ, Khổ chữ lớn nét đậm rất thích hợp cho người cao niên. Ta thấy có ít bài ngông nghênh, cái đặc tính của nhiều nhà thơ Việt Nam, như Tản Đà “Lúc túng toan lên bán cả trời”. Hoa Văn viết :

Nếu tôi cũng được như ông Mân  
Tôi sẽ ngông hơn gấp mấy lần  
Không chỉ Huyền Trân mà phải có  
Hơn ngàn mỹ nữ giỏi thơ văn  
**Vua Chàm và Công chúa Việt.**  
(trang 16)

Mấy ai không vương nợ tình  
Nhưng là thi sĩ ngông nghênh hơn  
nhiều.

**Tình Lụy.** (trang 17)

Hoa Văn chẳng ưu tư về điểm khởi hành của kiếp người như Trương Nhược Hư đã thắc mắc:

Giang bạn hà nhân sơ kiến nguyệt  
Giang nguyệt hà niên sơ chiếu nhân.  
Cũng không suy nghĩ gì chuyện đời sau.  
Hình như ông chẳng “ke” mấy vấn đề sinh, lão, bệnh, tử. Đó là tự nhiên, ô tô ma tích như một thí dụ về tam đoạn luận trong bài triết học phổ thông thời cấp sách đến trường:

Người ta ai cũng chết.

Socrate là người,

Socrate phải chết.

Ừ thì cái chuyện tử sinh

Nay chưa, mai tới mặc đành chứ sao

**Gió Cuốn Mây Bay.** (trang 25)

Giới trẻ, hơn một lần hỏi tôi “Sao thơ Việt Nam thường có vẻ buồn buồn

thế?”. Nhiều người cho rằng đấy mới là văn chương. Văn chương phải viết cho thật nghiêm túc như vậy! Ngông như vậy! Đúng! Văn chương chẳng phải chuyện giỡn!

“Văn chương cao thượng, “cứu rỗi” thì xin cứ việc. Nhưng cũng đừng quên rằng nhiều lúc nó còn có một chức năng khiêm tốn khác là tạo vài tiếng cười đôi khi cũng cần thiết cho cuộc đời không phải lúc nào cũng sẵn.” Trần Kh. bảo vậy. Ý kiến này rất đúng dù ta không đồng ý với Phạm Lôi Vũ khi viết “Văn chương là sự nô đùa của những kẻ sĩ ngồi không lông bông trông rất chán.” Viết văn nghiêm túc, chừng chặc là khó. Song viết như Hồ Xuân Hương cho người đọc thấy vui, phấn khởi, tươi mát, đọc miệt mài... cũng chẳng dễ gì. Thí dụ chơi vậy thôi chứ mấy ai bì được bằng nữ sỹ Hồ Xuân Hương.

Kinh nghiệm nhiều người thích gằn kẻ cời mở chữ đối với mấy vị đạo mạo nghiêm minh ít lời thì ngại, chẳng hay tới tiếp xúc, chỉ “kính nhi viễn chi”! Xin mở một dấu ngoặc để ghi hai câu ca dao tự nhiên viết đến đây nhớ ra bèn chép để cùng thưởng lãm dù hơi có vẻ lạc đề một chút:

Ban ngày quan lớn như thần

Ban đêm quan lớn (cũng) tần mần như ma.

Tác phẩm đầu tay của Hoa Văn là

“Đường Em Hoa Nở” in năm 1964 từ ở trong nước, tính đến nay, như thế là đã trải qua hơn năm chục năm hoạt động viết lách liên tục. Từ trước đến nay

trong làng văn ít kẻ không ai là chẳng  
biết tới thơ lục bát Anh Hoa:  
Vớ em câu Sáu mở đầu  
Và tôi câu Tám cùng nhau một nhà  
Vớ đầu sẽ bảy chia ba  
Thì câu Lục bát vẫn là một đôi  
**Tôi Yêu Lục Bát** (trang 13)

Về sau không hiểu tiên sinh nghĩ thế  
nào lại đổi bút hiệu thành Hoa Văn.  
Mấy người thắc mắc việc này. Tôi hỏi,  
thì tác giả trả lời tóm tắt: Tên họ thật sự  
là Ngô Văn Hòa từ đó đi dần tới Hoa  
Văn...thiệt hay!  
Văn còn Hoa chỉ thêm Văn  
Văn bằng khuâng sớm vẫn tần ngần đêm  
**Thơ Mừng Xuân** (Trang 113)

Anh Hoa nay lại Hoa Văn  
Văn thao thức sớm vẫn trần trọc đêm  
**Thơ Chúc Tết, Hà Thượng Nhân**

Như trên đã báo, Gió Cuốn Mây  
Bay chia ra hai phần, tiếp theo phần hai  
gồm những kỷ niệm chúc tụng qua lại  
của tác giả và bạn hữu, ở đây cùng mấy  
áng thơ ưu ái, trầm trồ của bằng hữu với  
tác giả là đương nhiên. Tác giả đáp lại  
cũng trân trọng, nhã nhặn, đương nhiên,  
nào hẹn hò, tâm sự, bịn rịn: *viết cho  
nhau, vẫn chờ nhau, mai này xuân nhớ  
trở về đây, bao nhiêu ngày bấy nhiêu  
xuân, giao tình, lối cỏ, thôi, anh về trả  
lại nụ hôn, đêm nằm đếm tóc, chuyện  
đôi dép cũ.....và:*

**Trà Đàm Kết Nghĩa**  
Tặng Hoa Văn & Lương Quân

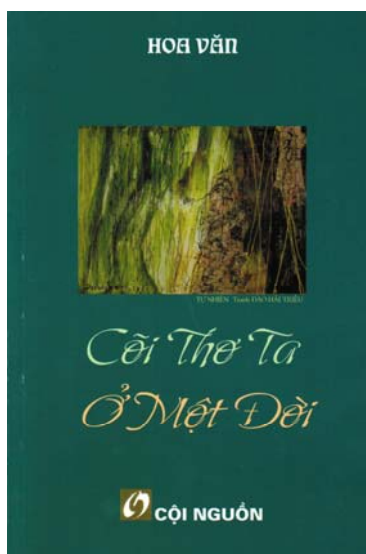
Hữu duyên ta được gặp ta  
Bốn phương trời những tưởng xa hóa gần  
Hoa Văn, Quốc Bảo, Lương Quân  
Mới sơ ngộ đã mười phần kính yêu  
Bút thơ cũng buổi xế chiều  
Hồn thơ ký thác bao nhiêu cho vừa  
Dĩ văn hội hữu lời xưa  
Bạn bè lẫn khuất, ta giờ còn nhau  
Tuổi già lụ khụ yếu đau  
Nhưng tâm nhật nguyệt trước sau giữa trời.  
**Trần Quốc Bảo** (trang 104)

Nhưng đặc biệt còn nhiều bày tỏ  
cảm tình rất cảm động thân thiết về biến  
cố mà Hoa Văn mới trải qua: Sự mất  
mát người bạn đời sau bao năm tháng  
với vô vàn kỷ niệm chung sống ngọt  
bùi kết quả để lại bảy người con trên đất  
khách. Xin đan cử một bài:

**Cánh Hạc Trời Tây**  
Kính dâng hương hồn chị Nguyễn Thị  
Nhưng Phu nhân thi huynh Hoa Văn  
Ngô Văn Hòa  
Cõi tam trăm năm nghĩ chẳng dài  
Tám ba hưởng thọ nào thua ai  
Trông nhiều phước thiện nơi trần thế  
Hải lăm duyên lành chốn Phật đài  
Thông cảm thi huynh lâm cảnh đây  
Ngậm ngùi lòng đệ nhận tin này  
Văn thơ thay nén hương cầu nguyện  
Thanh thân Trời Tây Cánh Hạc bay.  
**Lê Ngọc Kha** (trang 97)

Tóm tắt, theo Hoài Thanh “Cầm  
bút chưa phải là viết văn. Văn chương  
là vật quý, có đâu được nhiều thế”  
Trường hợp Hoa Văn dù không nghi

ngờ gì cả, song vô tư tôi không muốn đưa ra một kết luận. Bây giờ nhiều quý vị “cầm bút” quá, lại khoa bảng trí thức nữa, mắt kém, vàng thau có khi lẫn lộn, thực tế thấy nhan nhản, đi đâu cũng gặp. Lại còn cái sự “mặc áo thụng vái nhau nữa, cũng vui! Vậy xin đề độc giả xem, so sánh, thẩm định và sau chót là thời gian sẽ trả lời. Mới lại, bầm, “thơ là cái gì



không thể bàn tới, không thể diễn dịch gì được...”  
Bùi Giáng nói vậy.

Có lẽ là một trong số những kẻ được hân hạnh đọc Gió Cuốn Mây Bay từ lúc sách mới rời nhà in, tôi trân trọng và hân diện ghi lại mấy cảm nghĩ thô thiển, thành thực cảm ơn tác giả.

**Nguyễn Phú Long.**  
**May 2016.**

## **SOVEREIGN REALTY, INC.,**

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003  
TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



**CELL: (703) 598-6374**

### **DIANA NGUYEN**

**PRINCIPAL BROKER**

**NVAR, TOP PRODUCER**

**MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB**

**NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB**

**CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM**

**UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM**

**SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC**

# Niềm vui & Nỗi buồn

## PHẠM BÁ

Đã không biết bao nhiêu lần, ngày ấy, hắt qua lại trên đường phố này vào những chiều hè loang nắng. Hôm nay trong tâm tư nặng trĩu những bồi hồi của một ngày trở lại, hắt lững thững đi dưới hàng cây thưa lá - đường Nguyễn Huệ Sài Gòn, mắt ngoái nhìn lên tòa cao ốc đã một thời là trụ sở Ngân Hàng Quân Đội. Từ xa một người ngồi trên xe lăn vội vã di chuyển đến gần.

- Mời ông anh mua giúp em mấy tấm vé số... chiều nay xổ ...

Giật mình, hắt quay ngang nhìn người bán vé, gầy gò, đen đui, một chân cụt đến đầu gối. Không đáp lại lời mời mua vé, nhả nha, hắt hỏi:

- Bác đi bán vé số từ hồi nào? Sao lại bị tật nguyên như vậy ?

- Dạ ...Chẳng nói dấu gì ông anh, em nguyên là cựu quân nhân QĐ II. Bị mìn tại mặt trận Ban Mê Thuột trước ngày "gãy súng"... May mắn được tải thương về chữa trị tại Quân Y Viện Cộng Hòa ... Nhưng thực bất hạnh quá anh ạ... Ngay sau ngày 30-4, các thương bệnh binh chế độ cũ đều bị đuổi ra khỏi y viện... dù vết cưa chân cụt của em vẫn còn sưng và rỉ nước vàng... Sống dở, chết dở trong bao nhiêu năm trời... Cuối cùng, nghề duy nhất mà em nghĩ có thể sống qua ngày là đi bán vé số... Vậy mà đến nay... đã được mấy chục năm...

Qua một vài câu trao đổi ngắn ngủi với người phế binh về đời sống quân ngũ ngày xưa, về những cảnh đời nghiệt ngã của

những người ở lại... thoáng ngó xuống đôi chân mình..., hắt lặng lẽ trao cho anh phế binh mấy tờ năm trăm ngàn. Anh ngỡ ngàng nhìn hắt... Đôi bàn tay anh run rẩy rứt rề đưa ra cầm những đồng tiền quá lớn từ tay người khách lạ... Anh nắm chặt tay hắt... Nghẹn ngào... như muốn nói lời cảm ơn...



Thoắt cái, hắt xoay người đi, lặng lẽ tàn bước về phía bờ sông Sài Gòn trong cái nóng cuối ngày hùng hực hắt vào mặt hắt. Cái tên Sài Gòn, hắt quên sao được... không chỉ là một địa danh mà còn là một nỗi-nhớ-muôn-đời-vẫn-thế... đã một thời nuôi dưỡng hắt lớn khôn với biết bao nhiêu kỷ niệm của tuổi vào đời ...

... Hắt thẩn thờ đi dọc theo hè phố cũ, như cố tìm lại âm vang những bước chân quen ngày ấy...



## Ballad Of The Green Berets

Fighting soldiers from the sky  
Fearless men who jump and die  
Men who mean just what they say  
The brave men of the Green Beret

Silver wings upon their chest  
These are men, America's best  
One hundred men we'll test today  
But only three win the Green Beret

Trained to live, off nature's land  
Trained in combat, hand to hand  
Men who fight by night and day  
Courage deep, from the Green Beret

Silver wings upon their chest  
These are men, America's best  
One hundred men we'll test today  
But only three win the Green Beret

Back at home a young wife waits  
Her Green Beret has met his fate  
He has died for those oppressed  
Leaving her this last request

Put silver wings on my son's chest  
Make him one of America's best  
He'll be a man they'll test one day  
Have him win the Green Beret

**As Written & Performed  
by SSgt Barry Sadler**



## Bài ca Lính Mũ Xanh

*Hào hùng lính chiến trời cao  
Coi thường cái chết, nhảy vào không gian  
Đúng như thiên hạ vinh danh  
Những chàng chiến sĩ Mũ Xanh can trường*

*Phò đôi cánh bạc ngực chàng  
Những chàng trai Mỹ vào hàng tuyệt luân  
Thử tài trăm kẻ dự phần  
Ba người được tuyển thiên thần Mũ Xanh*

*Sống ngoài bình địa thực hành  
Luyện thêm chiến đấu tinh anh đêm ngày  
Vai sánh vai, tay trong tay  
Mũ Xanh can đảm tiếng đầy vẻ vang*

*Ngực đôi cánh bạc phò trương  
Đây là trai Mỹ giỏi giang thực tình  
Thử tài trăm kẻ đua tranh  
Ba người được tuyển Mũ Xanh oai hùng*

*Quê nhà vợ trẻ chờ chồng  
Mũ Xanh số phận trả xong giúp đời  
Chết vì giải phóng cho người  
Trối trăng vợ quý đôi lời cầu mong*

*Gắn đôi cánh bạc ngực con  
Nuôi con tuyệt hảo thành công dân mình  
Trưởng thành con sẽ đua tranh  
Thăng vào binh chủng Mũ Xanh hào hùng*

**Tâm Minh Ngô Tăng Giao  
chuyển ngữ (tháng 4-2016)**

## ĐI GIỮA ĐƯỜNG HOA

Đi giữa đường hoa, giữa gió ngàn  
Sầu lên chót vót tận không gian  
Hoa tàn mười cánh rơi rơi tả  
Tình chết bao lần khiến dở dang  
Vẫn nhớ vô vàn ngày tháng cũ  
Còn thương muôn thuở ánh trăng vàng  
Chao ôi! Vẹn nẻo đường ly biệt  
Mấy độ chia xa, mấy lối làng.

Kiều Anh



## NÔNG SƠN CỦA BỐ

Than vắn ấm ôm hồng lòng đất lạnh  
Người về xuôi ai còn nhớ đến anh  
Núi còn đây ủi an đời tức tưởi  
Hồn quặng đau âm ỉ gọi tên người.

Ý Anh

## ĐÊM

Đêm im lặng, đêm rơi sâu  
Cõi mệnh mộng bến bờ đâu  
Mộng thực hoà nhau ẩn khuất  
Hiển thơ lời hoá nhiệm màu.

Ý Anh

## ĐÊM KHUYA NHỚ NHÀ

Nhắc làm chi kỷ niệm quê nhà  
Càng nhớ càng thêm ngơ ngẩn ra!  
Thao thức đêm sâu dài tiếng thờ  
Mười ngón tay hoài đếm dặm xa

Ra sân nhìn ngõ vắng buồn hoe,  
Hương thoảng vườn hoa sương đọng khuya.  
Gió lạnh làn da, lòng giá buốt.  
Trăng đâu rồi nhỉ, chẳng ai chia?

Ngước lên cao, mắt vọng xa vời  
Mong ước ngàn sao vật đổi dời  
Nào có ngờ đâu còn vẫn sống  
Âm thầm khắc khoải kiếp chơi vơi

Nửa đêm chờ sáng, chốn quê người,  
Vẫn lạc loài thân phận nổi trôi.  
Năm tháng dần qua phai dĩ vãng  
Chung quanh lạ lẫm vô tình thôi.

Nhìn mây. Mây xé ngang đầu núi.  
Nhìn nước. Mông mênh đợt sóng nhồi.  
Mây-Nước. Có khi hồi cổ xứ,  
Riêng ta non nước biệt trùng khơi.

Nguyễn Mây Thu

Prades le Lez, 22-05-2016

## **HỌP MẶT CỔ THƠM MÙA XUÂN 2016**

### **Biên Khảo Gia Nguyễn Văn Thành Ra Mắt Sách**

### **"LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT"**

Cũng như số báo trước, Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm số 74, mùa xuân 2016 được phát hành vào buổi trưa ngày 27 tháng 3 tại tòa soạn. Nhưng lần này chúng tôi đặc biệt có một mục rất quan trọng là Biên Khảo Gia Nguyễn Văn Thành, anh cả của Cổ Thơm cho ra mắt soạn phẩm "Luật Pháp Và Văn Học Nghệ Thuật" (LPVVHNT).

Hôm đó trời không nắng, không mưa, không gió. Hoa anh đào Nhật Bản đang nở rộ khắp Thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Vùng trời ngoại ô êm đềm, ấm áp cho quan khách thoải mái đến Tòa soạn Cổ Thơm. Các nhà văn, nhà thơ và con cháu Soạn giả Nguyễn Văn Thành đều đến sớm. Ai nấy khệ nệ mang vào nhà sách, thức ăn, nước uống. Nặng nề nhất là Nhà văn Phạm Xuân Thái và Nhạc sĩ Hoàng Cung Fa đem đến keyboard, mixer và đồ nghề âm nhạc làm nổi đình đám hơn những lần phát hành báo khác chỉ có Karaoke.

Quan khách đều là những nhân vật nổi danh trong ngành luật và trong quân đội từ Khóa 1 Nam Định của Soạn giả Nguyễn Văn Thành lần lượt đến rất đúng giờ, chẳng mấy chốc ngồi đầy 53 cái ghế. Hơn 10 người con cháu của

soạn giả tình nguyện đứng, khi vào tiệc đều ngồi cầu thang ăn, trông rất dễ thương. Trong số đó có nhiếp ảnh gia Nguyễn Huy Linh vẫn gửi hình ảnh cho Cổ Thơm đăng báo và Website. Các cô, các cậu tận tình, đôn đáo tiếp tay cho buổi tiệc, thật có hiếu với bậc sinh thành. Bao nhiêu ghế trong nhà ngoài sân, ngoài vườn bị trưng dụng hết, trong đó có 16 cái ghế gấp được mua riêng cho sinh hoạt Cổ Thơm từ gần 20 năm trước. Soạn giả Nguyễn Văn Thành và phu nhân được mời ngồi hạng nhất, cái loveseat cho hai người rộng rãi. Nhưng chị Thành luôn luôn ngồi nép vào anh Thành như cần sự che chở của đảng phu quân. Trước đây, người ta thường ngưỡng phục và cảm động những khi gặp đôi uyên ương này ôm nhau khấn khít trên các sàn nhảy trong các sinh hoạt cộng đồng.

Đa số văn thi sĩ Cổ Thơm đều có mặt chỉ trừ ba vị không lái xe đến được. Học giả Nguyễn Ngọc Bích và Nhà thơ Phan Ngọc thì đã theo nhau sang thế giới vĩnh hằng, không bao giờ còn đến dự những buổi họp mặt Cổ Thơm nữa. Mỗi tác giả Cổ Thơm nhận 2 tập báo mới. Nhưng quan khách đều được trao



tặng một tập. Tất cả hoan hỉ đón nhận và khen ngợi bìa báo trang nhã, mỹ thuật, nội dung phong phú. Chính người trình bày báo là Ngọc Dung tôi đây cũng rất hài lòng đã tìm ra hai hình bức tranh lụa của cố Họa Sư Trương Cam Khải, thân phụ Nhà văn Trương Anh Thụy làm bìa báo xuân. Tranh được vẽ bằng màu mực Tàu trên lụa trông như tranh cổ. Nền bìa báo cùng tiếp màu hoa trong tranh. Chữ màu huyết dụ cùng màu thân cây và cảnh hoa. Nội dung gồm sáng tác của gần 70 tác giả, biên khảo gia, thi văn nhạc sĩ khắp tiểu bang Hoa Kỳ và Âu Châu. Quý vị sẽ đọc một nghỉ. Nhà sách và độc giả thường trông ngóng, gọi hỏi chúng tôi báo mới bao giờ ra. Đó là niềm vui và phần thưởng vô giá cho Cỏ Thơm.

Như những buổi phát hành báo trước đây, khi món ăn đã được bày hết ra bàn, vào khoảng hơn 12 giờ, Ngọc Dung ra chào mừng và cảm ơn quan khách tham dự, tắt chương trình buổi họp mặt và mời quan khách dùng tiệc. Món ăn có chả giò, bánh cuốn chả lụa, chả quế, bò kho, patê, bánh mì, xôi sắn, xôi lạc, nem chua (home made), salad, trái cây, bánh ngọt, ... Món gì cũng đầy ắp. Tàn tiệc, món dư ai mang tới phải mang về. Có ý kiến ra mắt sách thì không nên ăn uống trước. Nhưng Phó Chủ Nhiệm nội vụ Phan Khâm vẫn giữ vững lập trường, họp mặt vào buổi trưa thì phải có ăn uống trước, có thực mới vực được đạo, cùng nhau hàn huyên vui vẻ chuyện trò.

Khoảng hơn 1 giờ chiều như dự trù,

Phó Chủ Nhiệm ngoại vụ Phan Anh Dũng điều khiển chương trình ra mắt sách "Luật Pháp và Văn Học Nghệ Thuật" với bản Đón Xuân của Phạm Đình Chương do tất cả nghệ sĩ và cử tọa đồng ca thật hào hứng. Tiếp theo, Diễn giả Nhà thơ Ngô Tăng Giao giới thiệu tiểu sử có tầm cỡ của soạn giả và soạn phẩm (LPVVHNT). Xin quý vị đọc bài viết của diễn giả dưới đây thì sẽ biết công trình biên soạn của tác giả công phu, giá trị thế nào. Luật sư có khác, diễn giả giới thiệu mạch lạc, đầy đủ, không dài, không ngắn. Nhà thơ Ngô Tăng Giao nói lưu loát và rất có duyên. Quan khách được nhiều trận cười lý thú. Diễn giả cũng mời quan khách đến nhận sách từ tác giả ký tặng. Chúng tôi muốn nhấn mạnh "tặng" với nghĩa đen, nghĩa thực. Nhà thơ Hoàng Song Liêm đã nói: "Tác giả và Cỏ Thơm chơi sang quá, báo cũng tặng, sách cũng tặng".

Soạn Giả Nguyễn Văn Thành được mời lên có đôi lời cảm ơn thân hữu, Cỏ Thơm và con cháu đã giúp ông hoàn thành tác phẩm cuối đời. Tuy sức khỏe không được khả quan. Nhưng tiếng nói của ông vẫn mạnh mẽ, sang sảng, trí nhớ tốt. Ông tâm sự về việc tra cứu, biên soạn, viết quyển sách công phu như thế nào. Ông gom góp những bài viết đã đăng trên báo Cỏ Thơm trong 20 năm vào soạn phẩm. Cơ Sở Cỏ Thơm hân hạnh là nhà xuất bản "LPVVHNT". Xin có lời chúc mừng Biên khảo gia Nguyễn Văn Thành.

Một người cháu trai của tác giả là luật sư Jason Nguyễn, con của Nhiếp ảnh gia Nguyễn Huy Linh và Nguyễn Thu Trang đọc bài thơ tiếng Anh: Law Like Love của W.H. Auden được đăng trong quyển "Luật Pháp và Văn Học Nghệ Thuật".

Một vị cựu thẩm phán trẻ cùng tên với tác giả "PLVVHNT" và phu nhân lên chúc mừng và tặng hoa Soạn Giả Nguyễn Văn Thành.

Buổi họp mặt mùa xuân của Cỏ Thơm tiếp tục với một mục không thể thiếu: Văn nghệ. Nhạc sĩ Hoàng Cung Fa, Phạm Xuân Thái với Keyboard, Đàm Xuân Linh với Violin, Phan Anh Dũng với Guitar cùng với các nghệ sĩ được mến mộ trong cộng đồng.

Tâm Hảo ca Mộng Lành (Nhạc: Hoàng Trọng, lời: Hồ Đình Phương)

Dương Ngọc Hoán: Nửa Hồn Thương Đau (Thơ Thanh Tâm Tuyền – Nhạc Phạm Đình Chương)

Giáng Tiêu: Gởi Về Anh (Đỗ Thu) Phan Anh Dũng: Rồi Ngày Cũng Trôi Qua (nhạc: Hoàng Trọng; lời: Vĩnh Phúc)

Nguyệt Hằng: Bạn Lòng (Hoàng Trọng; lời: Hồ Đình Phương)

Hoàng Cung Fa: Hình Ảnh Một Buổi Chiều (Lâm Tuyền)

Ỗ Nguyễn là tác giả và ngâm bài thơ Xuân Về Nhớ Mẹ với sự phụ họa sáo tao đàn của phu quân Phạm Bá.

Phạm Xuân Thái và Nguyệt Hằng: Tình Khúc Cho Em (Lê Uyên Phương)

Hoàng Cung Fa: Những Ngày Thơ Mộng (Hoàng Thi Thơ)

Việt Bằng: Mùa Xuân Trên Đỉnh Bình Yên (Tư Công Phụng)

Ngô Tăng Giao: Dư Âm (Nguyễn Văn Tý)

Nguyễn Văn Thành: Tôi Xa Hà Nội (Anh Bằng)

Nguyễn Tường Vân: Giã Từ Tuổi Thơ (Nhạc: Phạm Tuấn; thơ: Nguyễn Tường Vân)

Bạch Cúc: Về Mái Nhà Xưa (Nguyễn Văn Đông)

Ngọc Dung chỉ xin thử tông với bản Hoài Cảm của Cung Tiến vì chỉ hát Karaoke, chưa bao giờ tập với đàn.

Toàn Cử Tọa: Xuân Hẹn Mặt (Văn Phụng)

Chương trình văn nghệ Cỏ Thơm chấm dứt với bản đồng ca "Gặp nhau đây rồi chia tay..." Gần hết cử tọa ngồi lại hàn huyên ăn uống một chập nữa mới ra về. Ai nấy đều hài lòng Cơ Sở Cỏ Thơm đã có một buổi họp mặt mùa xuân đầy ý nghĩa với mục ra mắt sách thành công. Ngay ngày hôm sau Cỏ Thơm đã nhận được nhiều lời khen ngợi thật cảm động. Xin chúc mừng soạn giả "Luật Pháp và Văn Học Nghệ Thuật", Nguyễn Văn Thành. Chúng tôi đều đồng ý phát hành báo tại tòa soạn thật tiện nghi, thoải mái, không bị giới hạn thời giờ.

Xin cảm ơn toàn thể quý quan khách, quý văn thi nghệ sĩ thân hữu đã tới tham dự buổi Hẹn Mặt Mùa Xuân 3/27/2016 của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm. Hẹn gặp lại quý vị vào buổi họp mặt Mùa Hè.

**Nguyễn Thị Ngọc Dung**

**Nhận xét về Buổi Ra Mắt Sách và Phát Hành Đặc San Cỏ Thơm số 74 vào ngày Chủ Nhật, 27 Mar. 2016 tại Tòa Soạn của Cơ Sở Cỏ Thơm, Reston, VA 20194 = Huy Chương Vàng.**

Về các thân hữu và văn thi hữu tham dự: rất đông đủ và tới đúng giờ, không ai bỏ ra về trước, bởi vì chương trình hấp dẫn tới giờ phút chót. Số người tham dự có lẽ là 60 thân hữu.

Về chương trình giới thiệu tác giả và tác phẩm: rất đầy đủ, Luật Sư Ngô Tăng Giao đã dẫn đưa khán giả tới Tác Phẩm của Bác Nguyễn Văn Thành, rồi sau đó Tác Giả là Bác Ng. V. Thành đã kể rõ hoàn cảnh nào mà viết ra tác phẩm.

Về Tác Phẩm "Luật Pháp và Văn Học Nghệ Thuật": đây là cuốn sách rất giá trị bởi vì từ trước, chưa có ai phối hợp Luật Pháp với Văn Học, tác giả lại còn trình bày nhiều bài viết về "luật pháp" một cách dễ hiểu cho độc giả, có lẽ chưa có "luật gia" nào viết cho đại chúng hiểu biết về luật pháp như trong tác phẩm này.

Về phần Văn Nghệ: hệ thống âm thanh rất rõ ràng và tốt đẹp, các nhạc sĩ keyboard, guitar và violin đều thuộc hạng cao cấp, các bài hát rất hay, mang nhiều ý nghĩa, các ca sĩ đều đẹp dễ, duyên dáng..., có đủ đơn ca, song ca, hợp ca... làm cho người nghe muốn nghe lại các bài hát mang nhiều kỷ niệm này.

Về phần ẩm thực: thức ăn quá ngon, quá nhiều, đông khách như vậy mà vẫn còn các thức ăn ngon khiến

cho gia chủ phải mời các quý khách nán nà ở lại "ăn thêm"...

Buổi Ra Mắt Sách là cơ hội để các văn thi hữu, các bạn bè gần xa... gặp mặt nhau, nói chuyện mới, kể chuyện cũ, nhận lãnh tác phẩm mới xuất bản, nghe các bản nhạc đặc sắc, thưởng thức các món ăn ngon của quê hương, cùng nhau chụp vài tấm hình kỷ niệm để lưu trữ lại những ngày tháng hạnh phúc vì niềm vui chung của mọi người tham dự.

Nếu có "Huy Chương Vàng" thì Buổi Ra Mắt Sách của Bác Nguyễn Văn Thành cùng với Buổi Phát Hành Đặc San Cỏ Thơm số 74 vào ngày Chủ Nhật, 27 Mar. 2016, xứng đáng lãnh chiếc "Huy Chương Vàng" này.

**Phạm Văn Tuấn. 28 Mar. 2016.**

\*

Anh P V Tuấn nhận xét và đề nghị gắn huy chương vàng là rất xứng đáng vì buổi sinh hoạt văn học nghệ thuật vui, đầm ấm, thức ăn ngon, ca nhạc đặc sắc trình độ cao ... và bằng hữu gặp nhau hội ngộ trong tình thân thương như trong một gia đình. Cảm ơn chị Ngọc Dung và tất cả quý bạn cho mấy tên già chúng tôi được có một ngày Chủ nhật đầu Xuân tuyệt vời nhiều ý nghĩa. Cụ bạn già huynh trưởng Nguyễn Văn Thành của tôi cùng gia đình chắc chắn là vui sướng lắm!

**Hoàng Song Liêm**

\*

Tôi xin phép đề nghị gán thêm huy chương vàng cho chủ nhà. Chị Ngọc Dzung đã không nề hà "thân gái dặm trường", mở rộng cửa đón đông khách tới như vậy. Tôi nghĩ chị bận rộn suốt một tuần trước đó để chuẩn bị, và rồi một tuần lễ này để dọn dẹp nhà cửa. Thế mà (theo văn chương chuyện kiếm hiệp thời xưa ) " sắc mặt chị không hề biến đổi, hơi thở vẫn đều hoà ", tươi cười chào đón khách, đon đả với mọi người. Chị chu đáo, lo lắng mọi chuyện. Không ai tìm thấy một khiếm khuyết nào trong buổi ra mắt sách. Phải gán huy chương vàng cho chị, nếu không chúng ta sẽ thiếu sót lớn.

**Dương Ngọc Hoán**

\*

*Thưa quý anh chị:*

Tôi đã có một buổi trưa chủ nhật được ăn ngon, gặp bạn bè cũ mới, cười vui thỏa thuê, lại được nghe những bản nhạc yêu thích do các nhạc sĩ Phan Anh Dũng, Hoàng Cung Fa, Phạm Xuân Thái, Đàm Xuân Linh cùng các ca sĩ điêu-luyện và các diễn giả nói hay. Dĩ nhiên và thú vị nhất là được nghe nói về tác phẩm **LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT** của tác giả Nguyễn Văn Thành (tôi đang đọc mấy chuyện đầu của cuốn này, mới đến trang 135): uyên bác, đáng phục. Ngoài những chuyện luật pháp cổ kim còn một ưu điểm của cuốn sách là tác giả Nguyễn Văn Thành còn phụ chú những

nguồn tài liệu đã dùng để viết nên những câu chuyện lịch sử và án lệ hấp dẫn để người đọc -- nếu tò mò-- có thể đọc thêm và cũng để tác giả gián tiếp giới thiệu những tác giả khác có bài dẫn chứng -- một đòi hỏi cần thiết mà những soạn giả nghiêm túc thường theo đúng phương pháp khảo cứu của đại học Âu Mỹ, dù rằng cuốn sách là một thâu thập những bài tác giả đã đăng báo. Đúng là "nói có sách mách có chứng". Xin thêm tạ tác giả. Tóm lại, đây là một buổi họp mặt đón xuân thân mật, mức độ tri thức và phẩm chất cao. Chắc còn lâu mới có một buổi họp vui và bổ-ích như vậy. Cũng không quên cảm ơn chị Chủ nhiệm và toàn BTC, kể cả là các vị lo xếp đặt món ăn, chỗ ngồi, và xếp lại bàn ghế sau khi buổi họp đã xong. Rất cảm ơn.

**Phạm Trọng Lệ**

\*

*Thưa quý A/C,*

Thấy quý A/C tặng huy chương vàng cho Cỏ Thơm và chị chủ nhiệm tôi cũng xốn sang muốn nhảy vô tặng thêm một huy chương vàng nữa cho Ban Tổ Chức buổi sinh hoạt Cỏ Thơm/ Ra Mắt Sách đặc biệt và đầy ý nghĩa này.

- Tôi nói "đặc biệt" là vì hình thức tổ chức lần này có khác các lần trước.

- Tôi nói "ý nghĩa" là vì BTC đã uyển chuyển đủ để cho phép một vài mục có ý nghĩa mà không có trong chương trình:

1) Chúng ta vui xuân nhưng không

quên những anh hùng liệt nữ đã hy sinh, bảo vệ Tổ Quốc để chúng ta sống an toàn trên đất Mẹ cho đến ngày bất buớc phải xa rời... và có được ngày nay nơi Quê Người.

2) Chúng ta ý thức được rằng dù chúng ta có là Ông Trời Con ở đây, chúng ta cũng vẫn thuộc vào một cộng đồng bé nhỏ trong cái quốc gia khổng lồ này. Cộng đồng tốt thì chúng ta tốt, cộng đồng xấu thì chúng ta xấu hổ. Vậy thì dù muốn dù không, chúng ta vẫn có bốn phận chung lưng vun xới cho Cộng Đồng nơi chúng ta đang sống được vững vàng, được lành mạnh... để có thể ngẩng cao đầu giữa các Cộng Đồng bạn.

3) Uống nước nhớ nguồn: BTC còn có mục tưởng nhớ những người có công với Cỏ Thơm nay đã khuất. Thật là đẹp! Nghe anh Phan Anh Dũng đọc cái danh sách những người của Cỏ Thơm đã ra đi, khá dài, tôi bỗng ngộ ra một điều là: rồi chúng ta cũng lần lượt đến phiên thôi! Cách ra đi của họ đều khác nhau. Người thì đi một cách thần tiên như cố Thi Sĩ Lão Thành Hà Bình Trung và anh Nguyễn Ngọc Bích, người thì nằm trên giường bệnh lâu năm... tùy theo cái "nghịệp" của mỗi người. Chúng ta chưa ai biết được cái "nghịệp" của mình ra sao, chỉ biết khi còn sống thì "sống đẹp", để khi ra đi người thân, bạn bè và cả người dưng cũng có thể... ít nhất dành cho một phút tưởng niệm!

Chị Đào Thị Hợi, bà quả phụ Nguyễn Ngọc Bích nhờ tôi chuyển lời

ân cần cảm tạ đến chị Chủ Nhiệm Ngọc Dung, Ban Quản Trị Cỏ Thơm, tác giả Nguyễn Văn Thành, và toàn thể Quan Khách buổi Ra Mắt Sách, cũng như các lời nhắn chia buồn của một số bạn bè qua tôi, hôm Chủ Nhật ngày 27 tháng 3 vừa qua.

Xin đa tạ!

**Trương Anh Thụy**

\*

Mừng Hội Tụ Đình Cỏ Thơm

tình bằng hữu như chung rượu ngọt  
nghĩa bút văn tựa đóa hoa thơm  
"Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ người  
Nhớ nơi kỳ ngộ vội dời chân đi\*"  
Cứ tam cá nguyệt định kỳ  
Lòng vẫn, thì sĩ tức thì nao nao  
Trời xuân đầy nụ anh đào  
Muôn hoa đua nở lối vào Cỏ Thơm  
Dập dìu tài tử bốn phương  
Túi đàn, bầu rượu lên đường gặp nhau.

\*(Bích Câu Kỳ Ngộ)

(27.3.2016 - Virginia)

**Hải Bằng.HDB**

\*

Thưa quý anh chị và quý bạn,

Một lần nữa xin cảm ơn sự hiện diện của quý vị trong buổi họp mặt phát hành báo và Ra Mắt Sách của anh Nguyễn Văn Thành (NVT) hôm qua tại tòa soạn Cỏ Thơm thật đông và vui. Cảm ơn quý anh chị đã đóng góp thức ăn, nước uống. Cảm ơn Đàm Xuân Linh, Hoàng Cung Fa, Phạm Xuân Thái và các ca sĩ

CỎ THƠM

đã giúp phần ca nhạc đặc sắc. Cỏ Thơm rất hãnh diện có Biên khảo gia Nguyễn Văn Thành, diễn giả Ngô Tăng Giao và MC Phan Anh Dũng.

Một điều chúng tôi muốn nhấn mạnh: Cỏ Thơm ra mắt sách của anh NVT tại Tòa soạn là vì sức khỏe của anh chị NVT, vì ý định của anh NVT chỉ muốn tặng sách người Cỏ Thơm và thân hữu. Nếu tổ chức nơi công cộng thì anh NVT phải tặng bao nhiêu sách

cho vừa??? Và lại, Cỏ Thơm còn nhiều dịp giới thiệu sách của anh NVT, không phải chỉ có ngày hôm qua. Rất nhiều tác giả đã từng RMS tại trụ sở Hội Cao Niên và Nhà VN đây thôi.

Cảm ơn quý vị đã tặng ND quà và hoa. Cảm ơn anh Phạm Văn Tuấn đã gắn Huy Chương Vàng cho Cỏ Thơm.

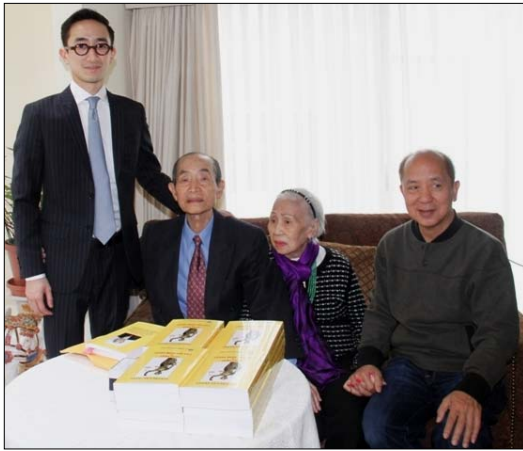
Chúc quý vị một mùa xuân vui đẹp, thân tâm an lạc.

**Nguyễn Thị Ngọc Dung**

---

**GIỚI THIỆU SÁCH**  
**"LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT"**  
của **Biên Khảo Gia Nguyễn Văn Thành** Với hình ảnh của **Nhiếp ảnh gia Phạm Bá, Phạm Văn Tuấn và Nguyễn Huy Linh**

















**BÁC SĨ**  
**NGUYỄN QUỐC QUÂN**  
**CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA**  
4217 Evergreen Lane  
Annandale, Va 22003  
(703) 354-2629  
**KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN**



# GS VÕ THU TỊNH: MỘT TÂM HỒN THANH CAO

## Đỗ Bình

Giáo Sư Võ Thu Tịnh, tác giả nhiều bộ sách viết về văn hóa VN, ông Sinh ngày: 2-07-1920, tại làng Long Phước, phủ Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Cử nhân giáo khoa Việt Hán, tốt nghiệp khoa chính trị Đại học Indiana, Hoa Kỳ.

Bút hiệu : Thu Tâm, chuyên biên khảo về văn học Việt Nam cho các tạp chí Pháp ngữ, Việt ngữ tại Pháp, Hoa Kỳ, Đức, Thụy Điển. Đã xuất bản 20 đầu sách Pháp Việt. Nguyên Giám Đốc Thông tin Trung phần (Huế 1955-56), rồi Nam phần (Sài Gòn 1955- 1961). Trong thời gian ấy, làm trưởng phái đoàn Báo chí Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam dự hội nghị Ban Dung (Nam Dương 1955) với tư cách quan sát viên. Năm 1961 từ chức Giám đốc, làm giáo sư các tư thục Sài Gòn (Hưng Đạo, Nguyễn Bá Tòng, Nguyễn Công Trứ, Thăng Long...). Sáng lập viên và chủ



nhiệm tạp chí văn hóa chính trị Mùa Lúa Mới (Huế 1955-56) với sự cộng tác của Võ Phiến, Nguyễn Văn Xuân, Đỗ Tấn.

Năm 1966, di cư sang Vientiane, Lào, làm Hiệu Trưởng các Trung học tư thục Aurore và Trung học Việt kiều Ai Lao tại Vientiane. Biên tập viên các báo Lao Sapada, Vientiane News, Vientiane (1967-1975), Sáng lập viên và Chủ bút tạp chí biên khảo về văn hóa Lào Bulletin des Amis du Royaume Lao (BARL, Vientiane 1970-1975), được sự hỗ trợ của Tòa Đại sứ Pháp tại Lào và Thủ tướng Hoàng thân Souvana Phouma, (Bộ Ngoại giao Lào, mỗi kỳ mua 300 số gửi cho các Sứ quán Lào khắp thế giới.

Tác phẩm : ‘Việt Văn Thế kỷ 19, 20’ (dùng cho Học sinh thi Tú Tài – Sài Gòn 1969, ấn hành 5 lần); ‘Tình Tự Dân Tộc’ (qua thơ văn truyền khẩu và chữ Nôm- nxb XuânThu 1999, CA USA) ; ‘Les Bulletins des Amis du

Royaume Lao' (Vientiane 1970-75, sang Paris đổi tên thành Présence indochinoise rồi Péninsule); 'La Littérature orale et populaire du Viet Nam' (Conférence faite à la Maison des Ecrivains belges, Bruxelles 9 Novembre 1978- Presse Indochinoise, Paris 1987); 'A la Découverte du Bouddhisme' (Présence Indochinoise, 1987), 'Les Origines du Laos', 'Quân Trung Đồi của Chu Kiêu' (biên khảo về người em ruột của Nguyễn Du); 'PhraLak-PhraLam, version laotienne du Ramayana hindou' ; 'Nang TanTay, the laotian Arabian nights'. Ngoài ra, nhiều bài ngắn chưa in thành sách như 'Khổng Tử, Lão Tử, Mạnh Tử' (những lần được mời thuyết trình), 'Văn Chương Việt Nam' (dùng cho lớp dạy tiếng Việt tại Hội Thánh Tin Lành Jean Baptist, Paris). Các tác phẩm Pháp ngữ được nhiều trí thức phương Tây hâm mộ nên đã giúp ông quen biết với bao vị Tiến sĩ Ấn Độ, Tây Ban Nha, các Giáo sư Viện Đại học Sorbonne, Vénézuella. Riêng các khảo luận trong Les Bulletins des Amis du Royaume Lao đã được ông Peter T White, Foreign Editorial Staff của tạp chí National Geographic Society trong thư ngày 02/11/1970 hết lời khen tặng: *"I have just enjoy reading numbers one and two of your admirable Bulletin---especially your historial study – and should very much like to receive subsequent numbers"* (Tôi vừa vui thích đọc số 1 và số 2 của tập san 'tuyệt

diệu' của ông – đặc biệt là bài tham khảo lịch sử của ông - nên tôi rất mong muốn được nhận các số tiếp theo). Có thể cũng do những tập Bulletins này mà thế giới Tây Phương biết đến Văn hóa nước Lào. Hoàng thân Soupanouvong, Thủ tướng Lào thời đó rất cảm mến và kính nể ông.

Con đường xây dựng văn hóa của GS Võ Thu Tịnh trải dài theo tuổi đời, đến giây phút cuối cùng, ông để lại nhiều công trình nghiên cứu, những bộ sách giá trị. Ông giỏi nhạc, yêu văn thơ và làm thơ rất nhiều, nhưng vì bản tính khiêm nhường ông không nhận mình là thi sĩ. Trong thi ca, nếu thi nhân gọi nguồn thơ bằng những lời âu yếm: Nàng thơ, vì thơ là cái đẹp, cái chân, cái thiện, tìm trong cõi phiêu bồng đầy mơ mộng đó có chút gì đã mất, đã qua để sống với ký ức trở về tuổi xanh, nên thơ được trân trọng, được xem như nghệ thuật của nghệ thuật. Qua những câu chuyện văn chương khi tiếp chúng tôi ở nhà riêng, một cách thân tình ông nói: *"Tôi chỉ làm văn những 'đoản văn', không dám nhận mình là nhà thơ!"* Thoạt nghe tôi nghĩ ông nói bóng gió tình trạng thi ca hiện nay nhà thơ và số lượng quá nhiều ! Nhưng tôi thấy trong đôi mắt ông chứa đầy chân tình hàm chứa một sự lo lắng về dòng thi ca hiện đại ở trong nước cũng như hải ngoại. Ông mở tủ lấy những tập bản thảo đã cũ cho tôi và nhà văn Nguyễn Thùy xem, nào là Đường Thi , nào là Thơ Mới từ hơn nửa thế kỷ trước đến nay. Ông đọc



cho chúng tôi nghe, quả thật thơ ông rất hay và sâu sắc. Tôi chợt hiểu tại sao một con người mang đầy tâm hồn thi sĩ, làm thơ đã từ lâu có những bài rất hay, rất lãng mạn nhưng lại ít phổ biến. Phải chăng do tính cẩn trọng ông không dám vượt ra khuôn khổ tìm kiếm những cái mới? Ông muốn những bài viết phải có tài liệu chứng minh, mà thơ thì nửa hư nửa thực lúc nào tâm hồn cũng bay bổng, không thực tế, làm ảnh hưởng đến những bài nghiên cứu của ông. Mặc dù thích thơ văn nhưng ông chọn một con đường an toàn dồn tâm trí vào sự nghiên cứu văn hóa dân tộc. Do đó ông nén nguồn thơ ấy vào cái khung lồng son, thỉnh thoảng vẫn làm thơ nhưng không đeo đuổi nghiệp thơ, không muốn vượt qua khuynh hướng hàn lâm để chuyên tâm về mặt sáng tác thơ văn như bao nghệ sĩ khác. Là một người bản tánh đôn hậu, cẩn mẫn, chăm chỉ học hỏi và nghiên cứu nên kiến thức rất uyên bác, GS Võ Thu Tịnh là một học giả, một người thầy hơn là một nghệ sĩ, vì thế tôi không ngạc nhiên khi ông không nhận mình là thi sĩ. Dù không nhận mình là nhà thơ nhưng ông đã giúp cho một số người mới làm thơ bằng cách góp ý, nâng những cánh thơ làm bóng ngôn ngữ chuyên chở được hồn thơ hoàn thành thi phẩm, nhờ đó trở thành thi sĩ trong vườn thơ hải ngoại. GS Võ Thu Tịnh sống rất thanh cao dù nghèo, vật chất không dư giả như những người khác nhưng lại giàu tình người, hay giúp người. Nhà của ông thường

được bạn bè lui tới thăm hỏi, trú ngụ, ngay cả đôi người chưa quen biết cũng đến trú ngụ ông cũng sẵn lòng. Tuy nghèo nhưng ông lại dám san sẻ tiền bạc để giúp một ai đó trong cơn ngặt nghèo. Có lần ông kể: Thời Đệ Nhất Cộng Hòa ông có được đề cử làm Tỉnh Trưởng, Đại Sứ nhưng ông từ chối, có lẽ ông thích Văn học hơn là Chính trị. Ông sống rất thanh đạm, sống nghèo, sống thiếu nhưng lúc nào cũng bình an, luôn giữ cái ‘hạo nhiên’ của một kẻ sĩ, phần nào như một Nguyễn Công Trứ ‘*Ngã kim nhật tại tọa chi địa, Cổ chí nhân tăng tiên ngã tọa chi, Ngàn muôn năm âu cũng thế ni, Ai hay hát và ai hay nghe hát*’ : ‘*Cái chỗ mà ngày nay ta đang ngồi đây, người thời xưa cũng đã từng ngồi rồi, có phải trong thời gian ngàn năm qua, xưa hay nay cũng chỉ là tán tuồng diễn đi diễn lại mãi chẳng ? Trong cái không gian này, thử hỏi ai là người trong cuộc (hay hát) đang múa men trên sân khấu của đời, mà ai là khách bàng quan (nghe hát) khán giả đang xem tán tuồng kia đang diễn ra*’ (Tinh Tụ Dân Tộc – trang 273) để rồi cũng như Nguyễn Công Trứ xác định vị trí, thân phận mình ‘*Không Phật, không Tiên, không vương tục*’. Do đó, Ông ít lui tới đám đông, ngoại trừ lúc được mời. Người ta biết đến ông, lui tới với ông hơn là ông giao du, tiếp xúc. Vào ngày 01 tháng 10 năm 2001, Câu lạc bộ Văn Hóa VN Paris tổ chức chiêu sinh hoạt nghệ thuật chủ đề Thu Đất Khách, nhiều văn nghệ sĩ ở khắp nơi về Paris.

Nhà thơ Hoàng Xuyên Anh từ Hoa Kỳ sang Paris được giáo sư TS Lê Mộng Nguyên giới thiệu thi phẩm và tác giả. Nữ sĩ Nguyễn Thị Vinh từ Na Uy sang thuyết trình về đề tài: Tự Lực Văn Đoàn Ngôi Nhà Ánh Sáng. Văn thi sĩ Nguyễn Hữu Nhật từ Na Uy sang thuyết trình đề tài: Người Cầm Bút Lưu Vong. Phần tác phẩm và tác giả, nhà thơ Đỗ Bình giới thiệu Những Tác Phẩm Nghệ thuật Điều Khắc của nữ điêu khắc gia Vương Thu Thủy, và một tác phẩm văn chương của đạo diễn Trần Song Thu. Nhạc sĩ Lão thành Xuân Lô nói về nhạc phẩm Nhật Nắng của ông sáng tác 1955 vang bóng một thời, và Nhạc sĩ lão thành Trịnh Hưng nói về nhạc phẩm Lối về Xóm Nhỏ, sáng tác vào giữa thập niên 50 từng vang bóng một thời. GS Võ Thu Tịnh thuyết trình về đề tài: Sự Xuất Hiện Thơ Mới và tâm Sự Người làm Thơ, ông đã phát biểu: *“Thơ là sự nổi loạn trong ngôn ngữ. Ngày xưa không có tiểu thuyết người ta dùng thơ để làm nhịp nhàng câu ca dao tục ngữ để dễ nhớ về đất nước mình. Đó là một hình thức lưu truyền ký ức của đoàn thể.....”* Đây là lần đầu tiên GS Võ Thu Tịnh nói chuyện ở Paris với hơn 400 khách mời chọn lọc. Người Việt Paris khám phá tài diễn thuyết của ông, và kể từ đó ông được mời đi diễn thuyết khắp nơi. Một lần khác, Câu lạc bộ Văn Hóa VN Paris tổ chức buổi sinh hoạt, GS Võ Thu Tịnh kể một câu chuyện: *“Có một lần, buổi họp thơ vào giữa mùa đông, tuyết phủ trắng xóa Paris, nhưng những*

*nhà thơ vẫn dầm tuyết đến hội. Tôi không phải nhà thơ nhưng vì nể lời mời nên đến. Hôm đó có người đưa ra bài thơ cũ tả phong cảnh mùa hạ Paris để các bạn họa, thế là những bài họa tả về mùa hạ thật hay dù ngoài trời tuyết giăng đầy. Tôi tự hỏi các nhà thơ đã lấy nguồn cảm hứng từ băng giá mùa đông để viết về mùa hạ, hay do hoài niệm?”* Sau khi nghe câu chuyện kể không khí trong phòng bỗng im lặng ngọt ngào, thấy vậy tôi góp ý vào câu chuyện GS Tịnh vừa kể để không khí bớt nhột nhạt: *“Theo thiển ý tôi, bài họa “vội vã” để trở thành bản sao; nên khó có sự đồng cảm để đồng điệu vì thiếu ngoại cảnh gây cảm xúc thật, nhất là bài họa nếu chỉ dựa vào văn mà quên phần cốt lõi từ thơ thì bài họa đó sẽ thành một bài thơ khác, như thế người họa phải vịn vào văn của kẻ khác mà đi thì còn đâu sáng tạo của thi sĩ?! Nhưng nếu bài thơ được một thi sĩ họa thì bài họa đó sẽ có sự đồng cảm, cộng hưởng để thành bài thơ hay.”*

Nhà thơ Phương Du tiếp lời: *“Thời xưa các nhà nho đều là giới khoa bảng, giỏi thơ phú vì thi cử cũng bằng thi phú. Do đó khi các nhà thơ xướng họa đều phải tuyệt tác họ mới dám khoe nhau”.* Nhà văn Nguyễn Thùy tiếp lời: *“Thời nay đã khác với thời xưa từ đời sống vật chất đến ngoại cảnh, nhất là người làm thơ trình độ không đều nhau ảnh hưởng đến những bài họa. Nếu bài thơ được đồng người họa thì bài họa sẽ có nhiều câu chữ giống nhau? Chắc hẳn điều đó không do sự đồng điệu mà do*

niêm luật bó buộc nên câu chữ được chọn cho không sai luật. Tuy nhiên sẽ có những bài họa tuyệt hay, hay hơn cả bài xương.” Từ đó những buổi họp thơ trở nên ít xương họa.

Giáo sư Võ Thu Tịnh cả một đời tận tụy cho văn hóa dân tộc, là một học giả nhưng viết rất giản dị, dễ hiểu, không dài dòng, văn hoa. Dù nói đến những vấn đề cao sâu như Đạo Khổng, Đạo Lão, Đạo Phật hay Đạo Chúa, ông diễn giải rất mạch lạc, ai đọc cũng hiểu ngay. Một điều cần đề ý trong các trước tác của ông là đề cập đến vấn đề gì, ông cũng nêu dẫn chứng rõ ràng giúp người đọc vững tin là điều ông nói có luận cứ xác thật. Rất tiếc, con người tài đức như Ông, sinh phải thời buổi nhiễu nhương

đành đem cất giấu mọi đau khổ nhân sinh, mọi cảnh tình đau đớn của dân tộc, đất nước vào cảnh sống cô đơn của mình, để chuyên chú vào việc trước tác văn học, văn hóa hầu giúp bây giờ và thế hệ về sau biết gìn giữ, tôn quý những gì hay đẹp của dân tộc, của nhân sinh.

Giáo sư Võ Thu Tịnh tạ thế ngày 1 tháng 2, 2010. Chúng tôi: nhà văn Nguyễn Thùy, nhà biên khảo Mỹ Phước, nhà thơ Nguyễn Mây Thu, Thúy Hằng và tôi vào nhà thương thăm giáo sư Võ Thu Tịnh, trước phút lâm chung giáo sư còn dặn chúng tôi: “Hãy cố gắng đi trọn con đường văn hóa, cố bảo tồn và phát huy nó” ./.

Đỗ Bình (Paris)

# BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

## Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

## CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



### GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

# NGUYỄN NGỌC BÍCH

## Một Người Đa Tài, Vui Tính Và Bình Dị

### Phan Anh Dũng & Tâm Hào

Một số văn thi hữu của Tam cá nguyệt san Cỏ Thơm cùng với Tâm Hào và tôi đến dự tang lễ của anh Nguyễn Ngọc Bích ngày thứ bảy 12 tháng 3, 2016 tại National Funeral Home, thành phố Falls Church, Virginia. Xin mạn phép viết là anh Bích thay vì Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích hay Ông Nguyễn Ngọc Bích vì chúng tôi quen biết anh chị Bích-Hội đã khá lâu. Nhóm văn thi hữu Cỏ Thơm tham dự gồm có: Nguyễn Thị Ngọc Dung, Ngô Tăng Giao, Phạm Bá, Ý Nguyên, Phong Thu, ÔB Hoàng Dân Bình, ÔB Phạm Hữu Bính, Phan Khâm, Vũ Hối, Cao Nguyên ... Tuy đã biết anh Bích quen rất nhiều người khắp nơi nhưng chúng tôi vẫn ngạc nhiên với số người đến viếng thật đông hôm ấy. Ngoại trừ thân hữu còn có nhiều hội đoàn, nghi lễ từ 10 giờ sáng: phủ cờ Việt Nam Cộng Hòa, điều văn, tụng niệm theo nghi thức Phật Giáo và sau đó đoàn người nghiêm chỉnh đi bộ sau linh cữu từ nhà quan để tạm biệt anh Bích ở nơi an nghỉ cuối cùng - đó là một chỗ trên đồi cao của nghĩa trang. Thời tiết hôm ấy nhiều mây, chưa chính thức vào Xuân nhưng không lạnh lắm. Thật may mắn là không mưa cho đến khi tang lễ xong xuôi đâu đó!



*Phái đoàn Cỏ Thơm đến dự tang lễ tại National Funeral Home từ trái: Ngô Tăng Giao, Ý Nguyên, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Tâm Hào, Phan Anh Dũng (không có trong hình: Phạm Bá, Phan Khâm, Vũ Hối, Cao Nguyên, ÔB Hải Bằng Hoàng Dân Bình, ÔB Phạm Hữu Bính, Phong Thu)*

Nhiều người quen cho rằng đám tang của anh Bích thật trịnh trọng và đông người tham dự tương tự như đám tang của Việt Dzũng (người nhạc sĩ tài hoa cũng là nhà tranh đấu cho nhân quyền và tự do dân chủ) ở California vài năm trước. Chúng tôi nghĩ thầm: "có lẽ khi nằm xuống vĩnh viễn rồi thì mới biết ai thật lòng quý mến mình"! Sau khi thấp nén nhang trước bàn thờ và khấn lời cầu nguyện mong cho hương linh anh Bích sớm về Đất Phật, vợ chồng chúng tôi



xếp hàng tuần tự đến viếng linh cữu anh. Nét mặt của anh thật bình thản và hiền hòa. Chúng tôi chấp tay niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” như một lời tạm biệt. Chị Hợi đứng ở cuối linh cữu nghẹn ngào: *"Phan Anh Dũng ... Anh Bích vẫn thường hay nhắc đến Anh Dũng và Tâm Hào ..."*. Tôi không biết gì hơn, chỉ ấp úng nói mấy lời chia buồn và xiết tay chị. Lúc ấy, tôi cảm được cái cô đơn và chịu đựng trên gương mặt của chị Hợi. Thấy thương người quả phụ từ nay không còn người bạn lòng và bạn đường đã cùng nhau làm nhiều việc "tâm đầu ý hiệp", chia sẻ buồn vui, thăng trầm ...

Trong lúc chờ đợi đi bộ đến huyết mộ, quý anh Đào Trường Phúc, Nguyễn Mậu Trinh và Trần Trung Đạo có cho tôi biết là sẽ thực hiện một "kỷ yếu về anh Bích" và mong sẽ phát hành vào ngày "Lễ tưởng niệm 49 ngày". Tôi hứa là sẽ cố gắng cộng tác về việc này.

Tôi còn nhớ buổi sáng ngày 3 tháng 3, 2016 như thường lệ, nhâm nhi cà phê buổi sáng và đọc email. Được tin "Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích đột ngột từ trần" đầu tiên từ BMH ở Maryland, tôi thật sự choáng váng! Liền sau đó, đọc thêm những tin từ các anh Đinh Hùng Cường, Phạm Trần (SBTN-WDC) rồi bài viết của nhà báo Đinh Quang Anh Thái (Báo Người Việt) cho biết thêm nhiều chi tiết đáng tin cậy, có đính kèm một hình anh Bích cầm micro với nụ cười cổ hủ rất tươi! Tôi chuyển tin chấn động này cho Tâm Hào: anh Bích đã ra đi thật rồi!

Nghĩ cho cùng, anh ra đi thanh thản, nhanh chóng vì heart attack xảy đến bất thình lình trên phi cơ, ngay tại vùng Biển Đông trước khi hạ cánh xuống Manila, Phi Luật Tân. Anh Bích lúc từ trần cũng không lẻ loi vì bên cạnh anh lúc ấy còn có chị Hợi và Ông Đoàn Viết Hoạt. Phái đoàn 3 người từ Hoa Kỳ đi dự hội nghị về bảo vệ Biển Đông (xoay quanh vấn đề Trung Cộng uy hiếp các quốc gia Đông Nam Á về chủ quyền các biên đảo). Được biết sau đó phái đoàn sẽ tham dự "Hội nghị dân chủ" với thành viên đến từ nhiều nơi trên thế giới. Tôi miên man nghĩ đến chị Hợi trong hoàn cảnh bi thương này nhưng cũng an lòng khi biết tin là Luật sư Trịnh Hợi sẽ đón phái đoàn ở phi trường Manila và lo thủ tục cần thiết để sớm đem quan tài trở về lại Hoa Kỳ.

Từ hôm được tin buồn 3/3/2016 đến lễ an táng 12/3/2016, tôi đã đọc nhiều phân ưu, bài viết và tin tức khắp nơi qua internet và emails. Theo kinh nghiệm về đám tang của Việt Dzũng, tôi đã thực hiện ngay một trang tưởng niệm về GS Nguyễn Ngọc Bích ở website Cỏ Thơm. Sau đó tiếp tục thu thập, chọn lọc tài liệu và bổ túc mỗi ngày ở link dưới đây: [http://cothommagazine.com/index.php?option=com\\_content&task=view&id=1280&Itemid=36](http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1280&Itemid=36)

Ngược dòng thời gian, tuy gọi là quen biết nhiều năm với anh Bích – qua sự giới thiệu của chị Trương Anh Thụy - nhưng thật ra chúng tôi không có nhiều dịp để làm việc chung với anh,

một phần vì ở xa Hoa Thịnh Đốn và một phần biết chắc là không thể theo kịp cách làm việc và chủ trương của anh. Anh Bích và chị Hợi đã dùng nhiều thì giờ chẳng những cho văn học nghệ thuật mà còn cho những việc lý tưởng để phục vụ Cộng Đồng, tranh đấu cho người vượt biển, cho nhân quyền-tự do dân chủ của người Việt dưới chế độ Cộng sản, cho người công nhân thấp cổ bé miệng, chống chủ trương bành trướng của Trung Cộng... Anh Bích cũng hằng hái tổ chức các buổi huấn luyện cho lớp người trẻ Mỹ gốc Việt để họ hiểu thêm về văn hóa, phong tục tập quán Việt Nam, kèm vào đó là thuật lãnh đạo để sau này họ có thể phục vụ Cộng Đồng hiệu quả hơn với một hướng đi rõ rệt. Anh Bích yêu miền Nam tự do, thể hiện qua 4 chữ VIỆT NAM CỘNG HÒA và lá quốc kỳ MÀU VÀNG 3 SỌC ĐỎ mà anh chị đã từng phục vụ với cả bầu nhiệt huyết, sau khi đi du học ở Hoa Kỳ và về nước vào đầu thập niên 70.

Khi thực hiện trang tường niệm anh Bích ở website Cỏ Thơm, tôi thật sự mới hiểu rõ hơn và kính nể anh hơn qua các hoạt động của anh trên nhiều lãnh vực với số vốn kiến thức rộng và sâu. Anh Bích có cách nói chuyện mạch lạc, giản dị, dùng chữ dễ hiểu. Tôi không khỏi ngạc nhiên khi xem những video qua Youtube: anh viết/giảng giải chữ Nôm tặng Đền Đức Thánh Trần ở California; những bàn luận về chính trị cũng như văn chương trong các buổi ra

mất sách... Anh trẻ trung và vui vẻ khi sinh hoạt với các sinh viên người Mỹ gốc Việt. Nhiều người công nhận anh Bích có tài nói chuyện trước đám đông một cách tự nhiên, hoạt bát, ít khi xem từ bài viết trên giấy - vì hầu như các điều anh muốn nói trong đầu tuôn chảy dễ dàng.



*Từ phải: Nguyễn Ngọc Bích, Tâm Hào, Trương Anh Thụy, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Anh Dũng (2005)*

Tôi xin được ghi lại vài kỷ niệm với anh Bích:

- **Ca khúc “Đỉnh Thu”**: Tôi nhớ khi bắt đầu sinh hoạt với nhóm Cỏ Thơm khoảng 2004, trong những buổi họp mặt, anh Bích cũng thường xuyên tham dự mục văn nghệ. Tôi ngạc nhiên khi lần đầu tiên nghe anh hát bài Đỉnh Thu, anh phổ nhạc từ một bài thơ của chị Trương Anh Thụy. Giọng hát của anh có nội lực mạnh nhưng không kém lời cuốn. Theo thiên ý, anh có cách diễn đạt phần nào như Nhạc sĩ Phạm Duy.

Anh Bích không hát theo nhịp, anh thích được diễn tả tự do theo cái hồn của lời ca và cũng thích nhấn mạnh một số chữ mà anh cho là điểm chính của bài hát. Hôm đó, theo yêu cầu của tôi, anh đã gửi bản anh thu âm trong một cassette để tôi và nhạc sĩ Đàm Xuân Linh xem lại, ghi ký âm và đăng lên báo Cỏ Thơm làm kỷ niệm.



- **Vietnam Film Club:** Ngày 11 tháng 9 năm 2010, Cỏ Thơm và một số hội đoàn vùng Hoa Thịnh Đốn đã tổ chức chương trình "Ode to Freedom" (Ca Ngợi Tự Do) giới thiệu dòng nhạc của composer Lê Văn Khoa với sự cộng tác của dàn nhạc giao hưởng nổi tiếng Kiev Symphony Orchestra and Chorus. Tôi còn nhớ lúc ấy vài người trong Ban Tổ Chức có câu hỏi: "lời ca nào thật sự là chính thức cho bản Quốc Ca Việt Nam Cộng Hòa?" Sau chương trình Ode to Freedom, Cỏ Thơm có nhờ anh Bích viết một bài về Quốc Kỳ và Quốc Ca Việt Nam Cộng Hòa để in vào báo. Anh không trả lời ngay nhưng sau đó tôi mới biết anh Bích và nhóm Vietnam Film Club (anh Bích là producer với sự cộng

tác của editor Chu Lynch và một số người) âm thầm thực hiện một số dự án với mục đích phổ biến khắp nơi một số tài liệu quan trọng về lịch sử Việt Nam cận đại qua hình thức DVD, trong đó có DVD Hồn Việt nói về Quốc Kỳ và Quốc Ca Việt Nam Cộng Hòa. Anh Bích đã nhờ composer Lê Văn Khoa giúp tay trong dự án này vì 2 người đã quen biết nhau từ đầu thập niên 1980. Các bản nhạc dùng trong DVD Hồn Việt được composer Lê Văn Khoa viết hòa âm phối khí riêng cho ban nhạc của Phủ Tổng Thống Cộng Hòa Ukraine. Lê Văn Khoa, Ngọc Hà và Chu Lynch cũng bỏ thì giờ đến thủ đô Kiev của Ukraine với công tác đặc biệt này. Sau đó, Vietnam Film Club tiếp tục với DVD Thảm Họa Bắc Thuộc, thực hiện với những dẫn chứng rõ ràng từ các tài liệu lịch sử được sưu tầm công phu. Các DVD này đã được phổ biến rộng rãi đến các Cộng Đồng Người Việt khắp nơi.



*GS Nguyễn Ngọc Bích phát biểu về mối thân tình quen biết với GS Lê Văn Khoa & Ngọc Hà*

Trong buổi ra mắt sách "Lê Văn Khoa, một người Việt Nam", ngày 29 tháng 12, 2013 ở Falls Church, Virginia, tôi nhận lời điều hợp chương trình và đã có cơ hội làm việc với anh Bích và nhóm Vietnam Film Club. Hôm ấy, anh Bích đã giới thiệu về DVD Hồn Việt, nói về kỷ niệm cùng ghi nhận sự đóng góp quý báu của composer Lê Văn Khoa.



Từ trái: Bùi Mạnh Hùng, Nguyễn Ngọc Bích, Phan Anh Dũng, Tâm Hảo, Nguyễn Mậu Trinh (29/12/2013)

- **“Vũ Đức Nghiêm, nửa thế kỷ viết ca khúc”**: Ngày 20 tháng 11 năm 2011, nhân dịp Lễ Tạ Ôn Thanksgiving, Cỗ Thơm và một số hội đoàn đã tổ chức chiều nhạc “Vũ Đức Nghiêm, nửa thế kỷ viết ca khúc” với sự hiện diện của chính tác giả, một số thành viên trong gia đình và thân hữu. Nếu tôi nhớ không lầm thì anh Bích rất bận cuối tuần ấy vì những buổi hội thảo của Nghị Hội Toàn Quốc Người Việt ở Hoa Kỳ - mà anh là Chủ Tịch. Tuy vậy, anh cũng

dành thì giờ đến tham dự phần đầu của chương trình. Anh thân tình đến trao tận



GS Nguyễn Ngọc Bích trao tặng NS Vũ Đức Nghiêm một món quà lưu niệm (bên cạnh là Vũ Trung Hiền, em ruột của Vũ Đức Nghiêm & Nguyễn Huy Long)

tay Nhạc sĩ, cựu Trung tá VNCH Vũ Đức Nghiêm một món quà đặc biệt: đó là bản dịch lòng trong khung kính với tựa đề "Calling to the Beloved", anh dịch qua Anh ngữ từ "Gọi Người Yêu Dấu", một nhạc phẩm rất nổi tiếng của Vũ Đức Nghiêm. Mới đây, nhà giáo Vũ Trung Hiền - từng học Anh Văn với GS Đào thị Hợi tại trường Sư Phạm Sài Gòn, cũng là em ruột của Vũ Đức Nghiêm - nhắc lại kỷ niệm này như sau: *"Bản tiếng Anh này, hôm sau, tôi đã hát ngay, ở nhà Dũng và Tâm Hảo, khi đưa anh Vũ Đức Nghiêm đến thăm vợ chồng Dũng. Từ 1969 cho đến nay, một số người đã thử đặt lời tiếng Anh cho bài Gọi Người Yêu Dấu, nhưng duy nhất,*



chỉ có bản tiếng Anh do GS Nguyễn Ngọc Bích phổ biến năm 2011 là hoàn hảo. Lời tiếng Anh, do con người uyên bác, và cũng thật tài hoa này viết, giản dị, đầy chất thơ, lột tả chính xác nguyên bản của tác giả, hát theo nhạc đệm rất dễ dàng, ăn khớp từng nốt một."

**CALLING TO THE BELOVED**

**Vu Duc Nghiem**

*Calling so many times  
To you in a whisper  
Floating cloud, o I miss you  
My dear beloved*

*Calling to you, my love  
I feel so much passion  
Old time's dreams come back to me  
Make me so ache*

*Beloved one, why I am so in pain  
Beloved one, I'm lonely in this fall  
Beloved one, the thousand stars are out  
My soul is out reminiscing old days*

*Love your eyes, stars twinkling blue  
Love your fingers ivory white  
Love your gait, shoulders flowing  
Love your dear arms embracing me*

*Love your sadness undefined  
Love your lips' innocent smile  
Love your hair softly streaming  
Love you flimsy, so orchid like.*

*Calling to you, my love  
I feel like by your side  
On the day we said adieu in soft evening*

*O my eternal love  
I feel, gosh, all choked up,  
Will our love, with passing days, ever go away...*

*English Singing Version by NNB  
Springfield, VA  
October 21, 2011*

- **Sinh hoạt với Cỏ Thơm:** Anh Bích là người trong Ban Biên Tập của Cỏ Thơm và đã cộng tác ngay từ năm đầu tiên. Trong Cỏ Thơm số 3 mùa Thu

năm 1996 anh đã viết một bài biên khảo công phu "Đồ Sứ Vương Giả" với nhiều tài liệu minh chứng sự cường thịnh của triều đại nhà Nguyễn, được Trung Hoa và các nước lân cận nỗ lực phục và phản ánh đến thơ văn và tư tưởng của người Việt trong thế kỷ thứ 19, trước khi người Pháp đặt chân đến Việt Nam.



GS Nguyễn Ngọc Bích tại nhà của anh Lưu Nguyễn Đạt nhân ngày phát hành Cỏ Thơm số 3 năm 1996

Anh chị Bích-Hội luôn ủng hộ những sinh hoạt chính của Cỏ Thơm, nhất là những buổi họp mặt thường niên. Lần cuối chúng tôi gặp anh chị và có ghi lại nhiều hình ảnh là buổi mừng sinh nhật thứ 20 của Cỏ Thơm vào ngày 21 tháng 6 năm 2015. Hôm ấy, tôi nhận thấy anh chị rất tươi, trẻ trung và cũng không quản ngại đứng tiếp văn thi hữu ở bàn giới thiệu sách báo, DVD ... do Cỏ Thơm, Cảnh Nam, Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ, Vietnam Film Club vv ấn hành trước giờ khai mạc.

Trong những năm gần đây, tôi nhận được một số tin phổ biến trên internet

và báo chí liên quan đến vài hoạt động của anh Bích, với những lời phê bình khá gay gắt những việc làm này của anh. Tuy không biết chuyện thật sự xảy ra phải hay trái, đúng hay sai, nhưng những lúc ấy tôi chỉ mong có ai thật gần gũi khuyên nhủ anh Bích nên chú tâm vào một số lãnh vực mà anh đã được kính nể và yêu mến. Tôi thiết nghĩ: "nhân vô thập toàn", không phải tất cả mọi việc anh Bích làm đều hay, đều đúng. Tính tình của anh xuề xòa, bình

dị nhưng hay cả nể, chẳng từ chối khi được nhờ vả và có thể anh không cần nghĩ đến thực chất cay đắng của việc anh nhận làm. Tôi chỉ hy vọng sau đám tang của anh, đa số người Việt Quốc Gia nhận thức được rằng phần lớn những thành quả hay công việc anh làm là từ tấm lòng thành với hoài bão cho Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại, cho xã hội-đất nước-con người Việt Nam thăng tiến hơn, tốt đẹp hơn, chứ không phải để nâng cao tên tuổi của anh hay vụ lợi riêng tư.



*Từ trái: NV Ý Nguyên, BKG Nguyễn Ngọc Bích, NT Nguyễn Thị Thanh Bình, ÔB Lê Văn Khoa, NT Diễm Hoa, NV Nguyễn Lâm*



*GS Đào Thị Hời & GS Nguyễn Ngọc Bích - Sinh Nhật Cỗ Thom năm thứ 20 (21 tháng 6, 2015)*



*Từ trái: BKG Trần Bích San, NV Nguyễn Thị Ngọc Dung, NT Nguyễn Thị Thanh Bình, NT Phan Khâm, BKG Nguyễn Ngọc Bích, NV Diễm Trân, Phan Anh Dũng.*

Chúng tôi hân hạnh được quen biết anh Bích ở cõi thế. Cầu mong **Tâm Thiện Nguyễn Ngọc Bích** được yên nghỉ an bình nơi chốn vĩnh hằng. Xin anh phù hộ cho những người trẻ tiếp tục con đường đấu tranh và thực hiện được đến nơi đến chốn những hoài bão của anh.

**Phan Anh Dũng & Tâm Hảo**  
**Richmond, Virginia USA – 6 tháng 4, 2016**

# Vài Mẩu Chuyện Tản Mạn Trong Cuộc Đời Nguyễn Ngọc Bích Mà Tôi Biết

## TRƯƠNG ANH THỤY

Tôi gặp anh Bích lần đầu tiên tại New York vào một ngày chớm thu, năm 1961, khi tôi từ Việt Nam qua Mỹ du học. Máy bay ghé New York. Tôi gặp anh Bích tại nhà anh, nơi mà nhiều sinh viên du học thời bấy giờ gọi là “Quán Giang Đầu” vì có rất nhiều người ghé đây tá túc, lúc lỡ độ đường hay chẳng



Quang cảnh phòng triển lãm tranh Võ Đình, NY, 1967. Họa sĩ VĐ sợ NNB & TAT không nhận ra chính mình, phải ghi chú cẩn thận! (Thủ bút của VĐ.)

cả lỡ độ đường!

Anh Nguyễn Huy Long, vị hôn phu của tôi đưa tôi đến gặp anh trước khi đưa tôi vào trường ở Pennsylvania. Sau đó tôi chỉ còn biết về anh qua các bài viết trên tờ báo Chuông Việt của Hội Sinh Viên Công Giáo Việt Nam tại Bắc Mỹ, có một thời anh còn làm chủ bút của tờ báo này. Bằng đi từ đó cho mãi đến sáu năm sau tôi mới thực sự có những liên lạc với anh khi đến định cư ở vùng Hoa Thịnh Đốn.

Gặp lại anh lần thứ hai là khi có cuộc triển lãm tranh của cố họa sĩ Võ Đình tại Nữ Uớc, năm 1967. Nhân có họa sĩ Phạm Tăng, một họa sĩ hàng đầu của VN cũng như họa sĩ Võ Đình, từ Ý ghé thăm, anh rủ tôi đi NY cùng cho vui. Chúng tôi đi xe lửa. Trên xe, ngồi giữa hai thức giả tôi cứ như người nhà quê ra tỉnh! Họ nói toàn những chuyện văn chương, hội họa, mỹ thuật... thứ chuyện mà từ ngày rời Việt Nam xa gia đình tôi chưa được nghe lại lần nào. Chuyến đi đó tôi học được rất nhiều, nhất là từ anh Bích. Mừng thầm trong bụng tôi đã chọn đúng chỗ để “lạc nghiệp”. Cùng ý nghĩ đó tôi hỏi anh tại sao anh bỏ Nữ Uớc để về Washington

làm việc? Anh bảo “Ồ Tòa Đại Sứ người ta có nhiều sáng kiến cho mình làm...” Tôi ngạc nhiên nghĩ: “Tại sao ở đời lại có người mê ‘làm’ đến thế!”

Không phải đợi lâu tôi hiểu ngay câu nói trên của anh. Ngoài việc anh phải thường xuyên đi diễn thuyết về văn hóa, đọc thơ Việt Nam anh dịch ra tiếng Anh ở các đại học hay tại các cuộc tổ chức văn hóa của Mỹ, anh luôn luôn được / bị Sứ Quán gửi đi “đổi đầu” với bọn phản chiến. Còn tôi thì được gửi đi (tình nguyện) thông ngôn cho một Hội người Mỹ, mang các em bé Việt Nam bị thương, bị phỏng nặng do bom Mỹ, đến Bệnh Viện Nhi Đồng tại Washington, DC để chữa chạy, và sau đó dùng vào mục đích phản chiến. Tôi hơi ngại nhưng anh Bích bảo cứ làm. Trước mắt là mình phải làm gì cho các em bé vô tội kia, còn bọn phản chiến thì hãy để đó, tính sau.

Tại Sứ Quán hồi đó hay có những sinh hoạt cuối tuần cho đồng bào đến dự. Một trong các sinh hoạt nổi bật là văn hóa Việt Nam, và bao giờ anh Bích cũng được giao trách nhiệm này. Một ngày Chủ Nhật anh mời vợ chồng tôi đến Sứ Quán nghe anh nói về thơ Cung Oán Ngâm Khúc. Đến nơi tôi ngạc nhiên thấy ngoài chúng tôi ra chỉ có một cặp nữa là chị Hoàng Tâm và anh Larry Hilton (chồng chị hồi đó--nói tiếng Việt rất giỏi.) Hỏi tại sao vắng thế này, anh bảo tại các cô thư ký quên không gửi giấy mời sớm, chỉ mới gửi ra hôm qua! Chúng tôi biết có buổi nói chuyện này

là do ngẫu nhiên, trong tuần anh gặp chúng tôi ở đâu đó nên rủ! Chúng tôi đề nghị hủy bỏ chương trình, ngồi nói chuyện chơi cho vui thôi, nhưng anh không chịu, bảo: “Đã mời quý vị đến đây nghe thơ thì phải nói chuyện thơ chứ!” Thế là anh thuyết giảng hơn một tiếng đồng hồ. Anh nói say sưa, mắt lim rim thả hồn vào thơ... như thể trước mặt anh có hàng trăm khán giả đang lắng tai nghe vậy! Sau đó tôi hỏi thăm các cô thư ký Tòa Đại Sứ thì được biết ngày hôm sau không ai thấy anh la cô nào cả!

Cũng trong khoảng thập niên 70, các hội đoàn Mỹ hay nhờ Sứ Quán cử người tham gia vào chương trình văn hóa, ca nhạc của họ. Một lần anh mời thêm hai cô Việt Nam nữa làm cùng. Tới giờ trình diễn chẳng thấy các cô đâu, anh bèn làm công việc “one man show” một cách tự nhiên, ngon lành... Rồi sau đó cũng lại chẳng thấy anh khiển trách cô nào hết!

Anh Bích là người lạc quan. Nhiều người bảo anh hay “lạc quan tếu!” BBT gọi anh là người “lạc quan đến hết thuốc chữa!” Người ta cũng bảo anh hay cả nể. Anh Vũ Thư Hiên còn nói “Nếu Nguyễn Ngọc Bích là đàn bà thì chắc chữa hoang đến mấy chục lần rồi!” Tôi tán đồng nên hề có dịp là lại mang chuyện này ra kể. Anh Bích nghe chỉ cười mỉm, lắc đầu! Giờ ngồi đây tôi chợt nghĩ và ân hận, có thể cái lắc đầu nhẹ của anh cũng đủ là dấu hiệu “trách móc” rồi, sao tôi không tế nhị để mà



thôi đi!

Tôi từng có cơ hội đi chung với anh Bích làm việc văn hóa, xã hội...vv... nhưng thú vị nhất là có một lần được sinh hoạt với anh ở ngay trên Quê Hương mình! Đó là vào tháng 6 năm 1974, một số bạn bè chúng tôi gồm Trần Văn Dương, Đỗ Hùng, Nguyễn An Thạch, Lê Trâm, Chữ Ngọc Hoàng Anh và Trương Anh Thụy tổ chức chuyến Về Thăm Việt Nam Hè 74. Trong nước chúng tôi được Bộ Dân Vận tổ chức cho đi mấy nơi miền Trung để “Thăm dân cho biết sự tình.” Trên một cái sân gạch rêu ở một ngôi trường cũ kỹ ở Nha Trang, anh Bích ngồi bệt xuống đất, say sưa vỗ tay hát chung với đám sinh viên quốc nội, quốc ngoại ngồi sát bên nhau... Ánh lửa trại bập bùng, dọi bóng chúng tôi lung linh trên vách tường... Chẳng thấy ông Cục Trưởng nào cả, chỉ thấy giữa chúng tôi một người Bạn yêu đời, yêu người, yêu tuổi trẻ, yêu đất Mẹ đến xót sa... !

Chúng tôi di chuyển bằng máy bay, nhưng trên đường về, từ Nha Trang tôi nảy ra ý định lén tách khỏi phái đoàn đi về Sài Gòn bằng xe đồ để có thể tận mắt quan sát dân tình. Nhờ có anh Nghiêm Phú Phát dẫn đường, tôi và một chị sinh viên quốc ngoại nữa đi cùng rất yên tâm. Nhưng... khi xe đồ đến Phan Thiết chúng tôi không được đi tiếp, chính quyền địa phương cho biết có Việt Cộng đang tấn công ở phía trước... Đêm đó chúng tôi ngủ lại ở Phan Thiết và bị một trận pháo kích... tưởng đến

long óc luôn! Chị sinh viên quốc ngoại và tôi hối thúc anh Phát đi tìm nơi lánh nạn. Anh bảo: “Lánh đi đâu bây giờ? Chúng tôi sống như thế này quen quá rồi các chị ơi! Sống chết có số!” Báo hại anh Bích, hôm sau phải thu xếp máy bay bốc chúng tôi về Sài Gòn ngay. Máy bay đáp xuống phi trường tôi thấy anh Bích đã đứng chờ sẵn nơi chân cầu thang. Gặp tôi anh lắc đầu, nói gọn có một câu: “Ấu thật!” Lại một cái “lắc đầu,” nghe nhẹ mà sao... nặng đến tận bây giờ!

**Anh Bích là người rất tự hào về cái tên Nguyễn Ngọc Bích cha mẹ đặt cho.** Anh rất bực bõ khi người Mỹ cứ viết tên anh ngược, khi thì Bích Ngọc Nguyễn, khi thì Ngọc Bích Nguyễn. Khi xưng hô giữa chỗ bạn bè anh hay xưng Nguyễn Ngọc Bích. Thân hơn nữa thì anh xưng NNB cho gọn, và gọi tôi bằng TAT, cũng... cho gọn!

**Anh sống theo triết lý mà tôi đặt cho nó cái tên triết lý “được cái là...”** vì anh luôn luôn tìm được khía cạnh tích cực của mọi sự vật hay tình huống xấu nhất. Có lần tôi đùa anh khi anh vừa cất lời: “Mấy cái thằng ‘Tàu khựa’ này khôn nạn quá...” Tôi tiếp luôn: “... ‘được cái là...’ con gái Tàu nhiều đứa đẹp đáo đề!” Anh cãi: “Không! Không! Lần này thì không ‘được cái là...’ gì hết!...” Rồi anh tiếp tục nói về “đường lười bò” nó áp đặt lên Biển Đông.

**Anh có cách xả bức xúc rất hiệu quả** bằng cách bỏ việc đó quay ra dịch một vài bài thơ... Mỗi khi nhận được bài

thơ dịch anh gửi qua Email vào giờ khuya khoắt, là tôi hiểu anh đang... có chuyện! Biết lúc đó anh cần chia sẻ, tôi bàn hiều tán vượn về bài thơ và góp ý xây dựng với anh... đưa anh ra khỏi hiện tại. Sau đó anh thư giãn... lại lao đầu vào thực tế đang trực chờ!

Mỗi ngày tôi nhận được ít nhất dăm ba Email từ anh gửi qua, nhiều khi chỉ vồn vện có 1 chữ hay đôi ba chữ như:

- “Khoe!”

Nhìn bên dưới là một bài thơ anh mới dịch, một bài bình luận anh mới viết, hay một email ai đó gửi cảm ơn hay khen anh cái gì.

- Hoặc giao việc:

“TAT,

Nho TAT mo xem co duoc cai nay khong? Neu duoc thi ngay mai NNB dem USB den chep lai. Thanks!” (Sic)

- Hoặc anh chuyển bài của người khác cho tôi với một câu dặn cụt ngủn:

“TAT phải xem!”

Riết rồi tôi đâm ra ý lại, không cả buồn tìm bài trên “net” để đọc mà chờ anh đọc trước giùm!

**Trong suốt chặng đường dài 49 năm** (1967-2016) tôi có nhiều cơ hội dong duỗi với anh trên các nẻo đường như ở Canada, Paris, Moscow, St. Petersburg, Ba Lan... và nhiều tiểu bang trên nước Mỹ. Chỗ nào có anh đồng hành là mọi người đều được vui, quên đi cái nhọc nhằn do mưa hay nắng. Có một chuyến đi mà tôi còn nhớ mãi: Chúng tôi trên một chiếc xe “van” gồm anh Viên Linh, Ngô Vương Toại, Hoàng

Bắc, anh Bích và tôi. Chúng tôi đi Canada tham dự Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, 1991. Suốt đường trường không lúc nào chúng tôi buồn ngủ là vì có Ngô Vương Toại ồn ào đã đành, anh Bích lại hát liên tục. Có lần anh hát một lúc đến chục bài anh làm nhạc phổ thơ. Hoàng Bắc chú ý nghe và nhận xét: “Bài nào cũng có giai điệu vui tươi tích cực, dù là từ một bài thơ tình cảm...”

Anh Bích là một người có chiều sâu cho nên chơi với anh người ta không bao giờ hết khám phá các cái hay, cái lạ ở anh. Gặp anh người ta đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, một phần tại vì anh làm nhiều, nói ít. Nhiều người chỉ biết anh có một góc cho nên mới có tình trạng người thì nói anh là nhà văn hóa, người nói anh là nhà chính trị, lại có người tệ hại đến nỗi chỉ biết anh nổi tiếng qua bài hát “Đền Cù!”

**Mấy năm gần đây anh để tâm vào chính trị hơi nhiều!** Nào là sáng lập “Giải pháp VN Cộng Hòa”, nào là tổ chức “Hội Nghị Thế Giới về Biển Đông Nam Á”...vv... toàn là những việc “vá trời”! Việc nào cũng tốn hao công sức và không thể chần chừ, vậy mà người ta vẫn thấy anh làm chuyện văn học. Ngày 13 tháng 2 tức là chỉ hơn hai tuần trước khi anh đi Manila, anh Bích sang Quận Cam ra mắt cuốn sách cuối cùng trong bộ Nhìn Lại Sử Việt của tiến sĩ sử gia Lê Mạnh Hùng, nhân có cả tác giả và phu nhân Lê Phan cũng từ Luân Đôn bay qua. Buổi ra mắt sách được tổ chức tại hội trường báo Người Việt đã thành công vượt bậc,

khuyến dư âm của nó vẫn còn vang vọng đến tận bây giờ. Mấy hôm nay tôi vẫn còn bận rộn gói sách gửi cho các độc giả ở nơi xa gọi về đặt mua.

**Nhiều người có thiên kiến anh Bích là người “làm” chính trị,** nhưng anh bảo tôi, ước mơ thực sự của anh là có một ngày có được thời giờ để chỉ ngồi nghiên cứu. Tôi hỏi anh thích nghiên cứu lãnh vực gì? Anh trả lời: Nhiều thứ lắm, lịch sử, văn chương, văn hóa, mỹ thuật...vv... Tôi nói nếu anh không sa lầy vào lãnh vực chính trị thì anh thừa thời giờ, thừa sức lực làm những chuyện này. Anh nói: “Đất nước mình đang trong cơn dầu sôi lửa bỏng như thế, ngồi im không đành chứ NNB có thích làm chính trị đâu!” Tôi đã giúp anh “scan” được một “file” đầy hình các đồ gốm. Anh đang toan tính thực hiện một cuốn sách về đồ gốm Việt Nam. Nghĩ mà thấy ngậm ngùi! Một mộng ước trong tâm tay, anh có thể đạt được dễ dàng cho riêng mình mà cũng không thành!

Anh ra đi nhiều người tiếc nuối rằng anh để lại một số công việc dở dang. Nhưng tôi nghĩ với NNB thì lúc nào mà chẳng có việc làm dở dang? Song song với tất cả những gì anh đang làm mà người ta có thể nhìn thấy, tôi được anh chuyển qua Email cho xem một cuốn Tự Truyện mới bắt đầu, một cuốn khác có cái tựa đề ngộ ngộ: “Những Bước Phiêu-Lưu Của Một Cuốn Sách,” (đã viết được hơn 70 trang.) Các thơ dịch thì nhiều vô kể, thơ Pháp, thơ Anh, thơ

Nhật, thơ Ba Tư... Bị tôi hối thúc mãi anh mới chịu cho nhà xuất bản của chính anh in một cuốn thơ Ba Tư anh dịch, có tựa đề Omar Khayyam Rubaiyat – Thơ & Đời. Anh cũng đang sửa soạn một cuốn về Nhân Văn Giai Phẩm chung với bình luận gia Nguyễn Minh Cần. Bên cạnh, anh đang hình thành một cuốn sách vĩ đại về Nguyễn Trãi gồm hơn 100 bài thơ anh dịch từ chữ Hán của Cụ.

Một ngày rất gần chúng tôi sẽ tung ra một cuốn sách vô cùng độc đáo tựa đề **“ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM- Qua Những Biến Động Trong Phong Trào CS Quốc Tế”** của tác giả Nguyễn Minh Cần để đánh dấu ngày ra đi vĩnh viễn của “nửa hồn” Tô Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ, Nguyễn Ngọc Bích.

Một sức làm việc phi thường như thế, có tim làm bằng sắt, dạ làm bằng gang thì cũng phải mòn, nhưng cái tâm, cái ý chí của anh thì sẽ còn đây mãi mãi trong lòng chúng ta và trong lòng dân tộc.

**Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ năm nay đã tròn 31 tuổi.** Thoạt đầu nó chỉ là sáng kiến của gia đình tôi, có sách của thân mẫu và của tôi cần xuất bản nên lập ra một nhà xuất bản để in sách của mình, lấy tên Tủ Sách Canh Nam và hợp thức hóa dưới tên “Canh Nam Publishers.” Chỉ một năm sau anh Bích bảo tại sao không làm rộng ra ngoài phạm vi gia đình? Trong số đồng bào di tản có những tác giả cần có nơi xuất bản sách và phát hành sách cho họ,

nếu có mình tiếp tay thì họ có thời giờ và phương tiện ngồi viết tiếp. Anh Bích lúc nào cũng có cái nhìn xa và luôn hướng về tập thể. Tôi thấy anh có lý bèn nhận làm chung với anh. Anh đặt tên cho nhà xuất bản là Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ. Năm đầu chúng tôi còn có anh Đặng Đình Khiết cho đủ bộ ba: Cảnh Nam, Hội Văn Hóa VN tại Bắc Mỹ, Nhà sách Thế Hệ, nhưng chỉ một năm sau anh Khiết đã bỏ cuộc! Tuy nhiên nhà sách Thế Hệ của anh vẫn là cơ sở phát hành chính của Tổ Hợp cho đến ngày đóng cửa. Tất cả các diễn tiến này cắt nghĩa được là tại sao cuốn sách nào của Tổ Hợp cũng mang cái logo CN. Nhiều người vẫn không quen gọi cái tên dài lòng thòng THXBMĐHK mà gọi là Tổ Hợp Cảnh Nam. Đã vài lần anh Bích “khiếu nại” việc này trước cử tọa trong buổi Ra Mắt Sách của Tổ Hợp để mọi người cười cho vui, thực ra trong thâm tâm anh chẳng hề “lý” gì ba cái chuyện lật vật ấy, cho nên ngày nay các cuốn sách vẫn có cái logo CN chêm chệch ngay trang đầu!

Anh luôn luôn hãnh diện tuyên bố trước độc giả mỗi lần ra mắt sách: “Sở dĩ Tổ Hợp Xuất Bản chúng tôi tồn tại được đến bây giờ là vì chúng tôi chủ trương nếu in một cuốn sách bán chậm thì cũng phải chờ in được một cuốn bán chạy để đền bù rồi mới tiến tới nữa.” Thật vậy, chúng tôi không chủ trương làm giàu, nhưng cũng không để xập tiệm, còn công sức bỏ vào đấy thì... không cách gì cân

đo được! Đó là cái giá phải trả của một người làm văn hóa thôi!

Tôi biết Tổ Hợp XBMĐHK là một trong những “con cưng” của anh Bích. Mấy năm gần đây hoàn cảnh tôi thay đổi, trong gia đình có ông xã bị Alzheimer nên tôi cũng lúng túng. Thấy chị Hợi sau khi về hưu cũng vui vẻ tiếp tay chúng tôi đi ra mắt sách hay đứng bán sách tại Hội chợ Tết, tôi bèn đề nghị với anh Bích cho tôi “nghỉ” để anh làm với chị Hợi cho tiện một nhà, cả anh và tôi khỏi chạy qua chạy lại nhà nhau như con thoi. Mấy năm trôi qua không thấy kết quả gì, một hôm gặp hai anh chị một lúc tôi lại đưa ra đề nghị trên. Chị Hợi giãy nảy “Thôi bà làm đi chứ tôi đâu biết gì chuyện in ấn mà làm...” Anh Bích lặng im không nói, nhưng sau đó anh gồng mình làm thêm cả phần việc của tôi, kể cả đi ra mắt sách một mình, nếu làm ở các tiểu bang xa. Không ngờ bây giờ lại chính anh phải “nghỉ,” nhưng tôi biết anh không bỏ cuộc, và tôi cũng sẽ không làm anh “broken heart” thêm một lần nữa!

**Anh Bích luôn hãnh diện là mình làm việc được với tất cả mọi người.** Theo tôi, đó là một ưu điểm, nhưng lại cũng có người không bằng lòng! Có người bảo tôi: Một cô gái có đẹp đến mấy đi nữa mà cứ “cười” với hết mọi người thì ai dám chơi! Thành ra đôi khi anh cô đơn! Anh lại cũng không ưa nói xấu ai nên anh không có phe phái. Nhưng tôi biết, trong trái tim anh có rất nhiều ngăn kéo. Mỗi người, mỗi

chuyện, mỗi hoạt động... anh để trong một ngăn kéo riêng. Cho nên tôi đổ ai tìm thấy Nguyễn Ngọc Bích tiết lộ bí mật của những người làm việc chung với anh bao giờ?

**Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ...** nói theo thứ tự người xưa đã đặt ra... Nếu ai tò mò muốn biết anh Bích “tề gia” như thế nào thì xin nghe tôi kể một câu chuyện rất điển hình: Một hôm có một cuộc họp bạn nho nhỏ ở nhà tôi gồm những “Việt kiều cũ” thăm giao từ trước 75, trong đó có anh Bích--chị Bích hôm đó vắng mặt. Cơm nước xong mọi người quanh chén trà thì nhau nói chuyện riều. Hết riều rồi các ông, bà quay ra “tố” nhau, chồng tố vợ, vợ tố chồng um xùm, náo loạn... (Ở đây xin mở một dấu ngoặc—Chuyện “tố khổ” này chỉ là giữa các bạn thân. Chúng tôi thân nhau đến độ biết hết “tật” của nhau, không nói ra cũng biết cả rồi, vì thế nói chỉ để xả ‘xú bắp’ và mua lấy trận cười mà thôi.) Một ông nói: “Ồi giời! Các anh chị không biết chứ, bà xã nhà tôi có một cái “Honey Do list” (Cung ơi! Làm cho em cái này...!) dài thòng. Mình cứ ăn “mật” của bà ấy riết rồi tới cuối ngày là mình chết giấc!” Một bà khác tố chồng: “Đâu bằng ông xã nhà tôi. Ông ấy thích trả lời điện thoại lắm, nhưng hễ lỡ gặp hội thiện nguyện xin tiền hay người quảng cáo chào hàng là ông bảo: “À cái đó tôi không biết. Đây ông/ bà nói chuyện với nhà tôi đây này.” Rồi ông ấy ấn ngay cái điện thoại vào tay mình và chuồn

mất! Mình chẳng kịp nói dối là đi vắng!” Câu chuyện cứ thế tiếp diễn cả giờ, bỗng một anh nhận thấy anh Bích từ nãy nghe chuyện có vẻ khoái chí lắm, cười thả ga... bèn hỏi: “Kìa anh Bích, sao anh có vẻ thích thú chuyện chúng tôi thế mà anh không cho nghe chuyện chị Bích đi?” Anh Bích còn chưa kịp trả lời thì chị Trịnh Đức Thông—anh Thông làm việc kỳ cựu ở đài VOA—bèn nhanh nhẩu nhảy vào “cứu bồ”: “Thế tại sao chúng ta không có thể nghĩ chị Bích là người hoàn hảo, không có tật thì ‘tố’ làm sao được?” Mọi người, kể cả anh Bích cười vang, tán đồng!

**Giai thoại là sản phẩm đặc thù của những nhân vật nổi tiếng.** Anh Bích lại càng có nhiều giai thoại vì anh làm nhiều, tiếp xúc nhiều, đi nhiều... nhưng tôi chỉ xin kể vài ba chuyện thoáng về trong trí nhớ:

Hồi còn là sinh viên anh Bích gây gò, nhỏ con lắm, vậy mà có lần anh đi Metro ở Nữ Ước, trong toa có một thằng say rượu to con. Hắn đi hai dãy ghế chia cái thô bỉ của hắn ra trước mặt các phụ nữ. Cả toa tàu ai cũng quay mặt đi, chẳng dám làm gì... Tới một lúc không chịu nổi nữa, anh Bích đứng dậy, lấy hết sức bình sinh cho nó một quả đấm thoi sơn vào ngực—chắc anh cũng chỉ đứng đến ngực nó! Nó ngã lăn ra sàn, một lúc lồm cồm bò dậy, trở về chỗ ngồi, im lặng. Cả toa tàu cảm ơn anh. Chắc chắn trong lòng họ phải khâm phục một anh chàng Á Đông nhỏ thó mà to gan!

Cùng ở Nữ Ước với anh Bích có một chị bạn thân chung của chúng tôi, chị Phương Dung, nay đã không còn. Chị kể: “Mọi người cứ thấy lúc nào anh Bích cũng có các cô xúm quanh, nhưng tôi biết anh ấy chẳng mê ai cả, anh chỉ mê cuốn sách! Tôi còn biết cái thời sinh viên nghèo anh đã nhiều lần nhịn bữa ăn tối, dùng tiền ấy để mua một cuốn sách.”

Ở Việt Nam, vào khoảng năm 73-74, tại Văn Phòng Thông Tin Quốc Ngoại, anh Bích có lần rất bức dọc về chuyện cái nhà vệ sinh cho khách ngoại quốc ra vào, dơ bẩn đến độ anh thấy xấu hổ. Anh cảnh cáo các cô có trách nhiệm nhiều lần nhưng đâu lại hoàn đấy. Một hôm anh xắn tay áo cọ rửa bồn cầu đến sạch boong! Thấy “xếp” làm như vậy, các cô sợ quá, từ đó mới chịu làm kỹ hơn. Tôi biết anh Bích thích ảnh hưởng mọi người. Nhưng trong thực tế tôi thấy, nhiều lúc anh bó tay... chịu thua!

Một hôm anh Linh, anh của anh Bích nói với ông xã nhà tôi: “Tức chết đi được với cái thằng Bích! Nó chỉ cần bỏ ra một tuần là nó viết xong cái luận án tiến sĩ mà nó không chịu làm!” Chị Ngân, chị anh Bích thì nói: “Chú Bích đã hai lần đóng tiền ghi tên làm luận án tiến sĩ mà cả hai lần chú ấy để quá hạn, mất tiền toi. Lần nào chú cũng nói là viết rồi nhưng thấy nó không hoàn hảo thì không nộp!” Với tôi anh bảo anh muốn chứng minh với thiên hạ rằng chẳng cần có bằng cấp cao người ta vẫn có thể giỏi được...

**Tình thần trách nhiệm của anh Bích được nhắc đến nhiều trong đám tang anh.** Ông cựu TT Hoàng Đức Nhã kể chuyện “anh Bích từ Hoa Kỳ trở về Việt Nam vào ngày 26 tháng 4 làm mọi người sững sốt...” Tôi xin kể phần anh Bích ở Mỹ, trước khi lên chiếc máy bay lịch sử Air Việt Nam về nước trong những ngày cuối cùng ấy: Hôm 19-4-1975 bỗng bà con Hoa Thịnh Đốn hết sức ngạc nhiên thấy anh Nguyễn Ngọc Bích, Cục trưởng Cục Thông Tin Quốc Ngoại xuất hiện! Người thì bảo anh đã nhanh chân chạy trước, người thì đoán anh là sứ giả của ông Thiệu mang sang một tin mừng gì đó để trấn an kiều bào. Các bạn anh thì biết ngay là anh, với bản tính lạc quan cố hữu lại toan tính một chuyện kỳ quái gì đây, chứ chắc chắn không đời nào anh lại chuồn sớm như thế. Ngay ngày hôm sau Trung tâm Thông Tin Quốc Ngoại ở Hoa Thịnh Đốn, trực thuộc Cục Thông Tin Quốc Ngoại trong nước cho mời sinh viên và kiều bào tới dự một cuộc họp khẩn cấp để nghe ông Cục Trưởng Nguyễn Ngọc Bích cập nhật tình hình trong nước. Tin của anh Mang sang hiển nhiên là đã quá lạc hậu so với nhưng biến chuyển nhanh như chớp ở bên nhà!

Ngày 23 tháng Tư TT Thiệu từ chức. Ngày 26 tháng Tư anh Bích lấy máy bay trở về Việt Nam (Ở đây tôi phải mở một dấu ngoặc, tôi nhớ anh về VN ngày 26 tháng 4 mà ông HĐN lại cũng bảo ngày 26 nhận được điện thoại của anh Bích gọi ở VN? – Thôi thì đành

để lịch sử sau này sửa cho tôi vậy!) Người ta hỏi ông Thiệu xuống rồi thì anh về làm việc với ai? Anh trả lời: “Tôi làm việc cho nước Việt Nam chứ đâu có làm việc cho một người nào?” Anh về đã cứu được vợ, được Mẹ, gia đình anh, em và cả bạn nữa... Sau này tôi gặp chị Nghiêm Thị Lan, vợ anh Ngô Vương Toại, nghe chị kể: “Anh Bích về đến Sài Gòn còn kịp vào văn phòng Cục Thông Tin Quốc Ngoại triệu tập các nhân viên đến, cấp giấy cho phép họ rời nhiệm sở để có thể tự do đi tìm... đường sống.

**Cuộc đời NNB được ghi nhận bằng hàng trăm việc làm công ích, vị tha...** hẳn anh không thể tránh đôi khi lầm lỗi như một “con người” với đúng nghĩa “con người”. Tôi đồ ai trong chúng ta dám nhìn vào gương mà nói “tôi không lầm lỗi bao giờ?” Nhưng “lỗi” không luôn luôn đồng nghĩa với “tội.” Cổ học giả Hoàng Văn Chí, một người thầy, người anh cả khả kính của anh Bích “mắng yêu” Nguyễn Ngọc Bích có cái “tội to lắm” đối với bà con hải ngoại, là đem theo toàn thể tủ sách khổng lồ của anh về Việt Nam hồi 1972. Nay anh Bích mang luôn cả bộ Encyclopaedia đi theo Cụ thì chắc là Cụ tha “tội” cho anh rồi!

Anh Bích rất hiếm khi trách ai, đặc biệt không thấy anh ngồi than vãn trước thất bại bao giờ. Anh bảo thất bại thì làm lại chứ mà ngồi than vãn có ích gì! Nhưng cuối cùng rồi chính anh cũng phải công nhận trong tử vi của anh, cái

cung “nô” thật quá tệ! Nhưng Trời Phật cũng đền bù cho anh được cái cung “quý nhân phù trợ.” Những “quý nhân” này lại không nhất thiết là những người từng chen vai sát cánh với anh mà là một “số đông thầm lặng” chưa hẳn đã có dịp tiếp xúc cá nhân với anh trong quá khứ. Họ biết anh qua bài viết, qua buổi nói chuyện trước công chúng, qua truyền thanh, truyền hình hay gặp nơi chùa chiền... Bên cạnh đó là giới trẻ nhiệt tình, vô tư, công bằng... Họ thấy anh “cần” thì họ nhảy vào cứu giúp, không đòi điều kiện, không đợi mời mọc, không chờ năn nỉ... Mấy hôm đám tang anh Bích tôi được gặp một số Phật tử đi đón chị Bích từ Phi Luật Tân về, một số tại nhà quán, và sau này tại nhà riêng trong việc tụng niệm cho anh 49 ngày, đó là các anh chị mà tôi được nghe anh Bích kể nhiều về tấm lòng của họ đối với anh vào những ngày cuối đời. Tôi nhìn họ với lòng ái mộ và nhìn đời bằng con mắt... tin tưởng trở lại!

**Ai cũng có thể thấy anh Bích là một người yêu nước**, nhưng phải nghe anh nói câu này mới hiểu hết tấm lòng của anh: “Chẳng ai lợi dụng được tôi cả, trừ Tổ Quốc tôi!” Trong khi nhà biên khảo Nguyễn Gia Kiểng bắt Tổ Quốc phải Ăn Năn, thì anh Bích lại cho Tổ Quốc thả cửa “lợi dụng” mình! Anh đã vô tình bật đèn xanh cho bất cứ ai làm bất cứ cái gì cho Tổ Quốc được lợi dụng anh, để rồi chính những người ấy lại chê trách anh là “ôm đồm”, “bao

biện!” Thật là oái oăm! Thật là trớ trêu!  
“Ồ sao cho vừa lòng người!”

Nhân phải trả lời nhà văn Hồ Trường An phỏng vấn tôi với câu hỏi: “*Sau khi chị ra đi chị muốn người ta nhớ về chị như thế nào?*” Tôi cũng hỏi anh Bích câu ấy chơi, chỉ để cho biết: “*Sau khi anh ra khỏi cõi đời này anh muốn người đời nhớ về anh như thế nào?*” Anh nói ngay: “**Là một người yêu nước!**” Rồi anh tiếp: “Vì yêu nước nên yêu đất, yêu con người, yêu lịch sử, yêu văn hóa, văn thơ vân vân...”

Trong bài viết của nhà văn Uyên Thao có câu: Nguyễn Ngọc Bích như luôn bị một lực huyền bí nào đó thúc đẩy lao vào bất kỳ việc gì anh thấy cần phải làm và có sức để làm...”

Anh Uyên Thao ơi! “Lực huyền bí” mà anh nói đó chính là “Tổ Quốc Việt Nam” đấy!

**Với anh Bích, mỗi ngày là một lên đường.** Đôi khi tôi cảm thấy như mình bị lôi cuốn vào cái “bánh xe” anh đi. Tôi vẫn tự coi mình là cái “xe bò” và anh là “người đẩy xe bò”! Tôi lười lắm, thú thực với quý vị, nhưng anh Bích không cho tôi ngừng nghỉ. Tôi làm gì anh cũng tiếp tay vô điều kiện, đôi khi còn làm nhiều hơn cả người khởi xướng!

Một lần tôi trách anh: “Tại sao ai anh cũng ‘phò’ vậy?” Anh không giận, cũng chẳng có mặc cảm gì với cái chữ “phò” hơi nặng tôi dùng, anh bảo: “Ai làm được gì cho đất nước thì NNB cũng ‘phò’ hết! Nếu TAT chịu đứng dậy làm

cái gì cho quê hương, cho dân tộc thì NNB cũng ‘phò’ chứ sao!” Biết nói gì nữa! Tôi đành phải “dậy mà đi...” \* thôi!

Ban Biên Tập cuốn sách này -- Nguyễn Ngọc Bích-Một Tấm Lòng Cho Quê Hương-- luôn luôn nhắc nhở mọi người là chớ có viết về mình. Tôi đã cố gắng tránh nói đến cái “tôi” trong suốt bài viết trên kia. Cuối cùng rồi cũng chẳng đành đừng đành phải mạn phép BBT, nhắc đến cái “tôi xe bò” này, coi như một lời đơn sơ nói lên tự đáy lòng, để đền ơn đáp nghĩa NNB một lần!

**TRƯƠNG ANH THỤY**

**TẠP CHÍ CỎ THƠM**

**Có bán tại**

**WASHINGTON MUSIC**

**EDEN CENTER**

**6795 WILSON BLVD. #26**

**FALLS CHURCH, VA 22044**

**TEL. (703) 538-4979**



# TƯỜNG NIỆM NHÀ THƠ PHAN NGỌC

Tạ thế ngày 01 tháng 4 năm 2016 (24 tháng 02 Bính Thân),  
tại Virginia, USA. Hưởng thọ 77 Tuổi.

## ĐIỀU VẦN

Kính thưa vong linh

Anh Phan Ngọc,

Thưa chị Nguyễn Thị Ngọc Anh, hiền  
thê của anh PN cùng gia đình tang quyến.

Hôm nay ngày 6 tháng 4, 2016,  
nhằm ngày 29 tháng 2 năm Bính Thân,  
tôi Phan Khâm, xin thay mặt cho toàn thể  
văn thi hữu Ban Điều Hành Cơ Sở Cỏ  
Thơm ở tiểu bang Virginia, cùng hiện diện  
nơi đây có Chị Nguyễn Thị Ngọc Dung  
Chủ nhiệm, Nhạc sĩ Vĩnh Điện.

Tôi cũng xin được thay mặt cho 32  
vị trong Nhóm Thân Hữu Thi Đàn do  
nhà thơ Ngô Văn Giai ở Richmond, VA  
kết nối thi hữu thân hữu 4 phương, lo  
lắng thông tin liên lạc từng giờ từng  
phút từ khi hay tin anh Phan Ngọc trở  
bệnh cho đến ngày anh ra đi.

Tôi cũng xin được đại diện cho nhà  
thơ Hạ Thái Trần Quốc Phiệt, ở San  
Jose, Bắc Cali, anh Phiệt đã có thời gian  
chung sống cùng anh Phan Ngọc ở Hội  
An trước năm 1975, Và tôi cũng thay  
mặt cho vợ ,gia đình con cái tôi thấp nển  
hương, nói lời tiễn biệt đến anh. Nói sao  
cho hết, biết bao nỗi niềm thương tiếc  
khóc anh Phan Ngọc nhà thơ Một Thời  
đã ra người thiên cổ anh ơi!

*Văn chương thi phú ở đời  
Ký tên hai chữ “Một Thời” thế thôi*

*Hôm nay vĩnh biệt anh rồi  
Cỏ Thơm khuất bóng con người thân thương  
Nhóm Thi đàn khắp bốn phương  
Mất anh Phan Ngọc buồn vương một trời,  
Nghẹn ngào đau xót anh ơi!*

Với thời gian rất hạn hẹp, không  
làm sao đọc hết ra đây những vần thơ  
khóc anh, vĩnh biệt anh của các văn thi  
hữu đăng đầy trên website trong mấy  
ngày hôm nay chỉ xin trích dẫn một đôi  
câu như nhà thơ:

*Lê Ngọc Kha ở Boston đã viết,  
Đặt vòng hoa trắng thương tình bạn  
Nhắm đoạn văn xưa nhớ tháng ngày,*

*Nhà thơ Thủy Lâm Sinh:  
Mỗi bước xa nhau mãi ngút ngàn  
Thôi rồi tiếc quá hồi chàng Phan*

*Nhà thơ Ngô Văn Giai:  
Tiếc khách thi nhân thôi sáng tác  
Nhớ Người tri kỷ biết tìm đâu?*

*Nhà thơ Thy Lê Trang:  
Đã vắng lâu rồi tiếng bạn thơ  
Người đi cổng khép tự bao giờ*

*Nhà thơ Tôn Thất Thiều:  
Tôi nay còn lại ở đời  
Buồn lên khóe mắt khóc người ra đi*

Nhà thơ Hạ Thái Trần Quốc Phiệt:  
*Dẫu đã lường mà tin nghe như sét đánh*  
*Tôi bàng hoàng viết khúc biệt ly*  
*Tiền anh đi còn biết nói năng gì!*  
*Xin cúi mặt dâng lời vĩnh biệt.*  
**Buồn da diết!**

Và tôi cũng xin được dâng lên anh bài thơ của anh, tác giả Một Thời đã được đăng trong Cỏ Thơm số 74 mùa xuân 2016 số báo mà anh không bao giờ cầm trong tay nữa.

### **TÂM SỰ**

*Bạn hỏi sao mà viết loạn thơ?*  
*Thưa rằng có quá ít thì giờ*  
*Không chừng tháng tới... hành thơ thần*  
*Có thể ngày mai... hóa ngẩn ngơ*  
*Lắm lúc cơ trời... đây được biết*  
*Nhiều khi số phận... đó không ngờ*  
*Cho nên cứ thảo nhiều càng tốt*  
*Để lỡ ai ơi bút cứng đờ..*

### **MỘT THỜI**

### **CHIỀU THƠ**

Họa  
Rượu rót đầy tràn cả chiều thơ  
Hồi tri âm! Cạn chén bây giờ  
Ngả nghiêng thân xác đang điều đứng  
Chao đảo linh hồn đã ngất ngờ  
Mất hết niềm tin bao nuôi tiếc  
Có còn hy vọng để trông chờ  
Giải sầu có thể nào vui được  
Mở mắt chong chong đọc chữ khờ  
**Phan Khâm**

Đây đúng là tâm sự của nhà thơ Một Thời, sống đời như anh viết, có ai học được chữ ngờ anh Phan Ngọc ơi!

Vĩnh biệt anh!

**PHAN KHÂM**

### **VĨNH BIỆT BẠN HIỀN**

Vĩnh biệt bạn hiền dạ thất đau  
Bàng hoàng xúc động một hồi lâu  
Đêm về khắc khoải nằm trăn trở  
Sáng dậy bàng khuâng đứng thắm sâu  
Tiếc khách thi nhân thôi sáng tác!  
Nhớ Người tri kỷ biết tìm đâu?  
Xin ơn Trời Phật đưa Anh đến  
Tĩnh độ Niết Bàn cõi nhiệm màu.

**Ngô Văn Giai**

Virginia, April 03/2016



NT Phan Ngọc và Phan Khâm

# Nhớ Phan Lạc Phúc và những chuyện xưa

-----  
**Văn Quang** – Viết từ Sài Gòn

*LTS: Nhận được tin buồn Nhà Văn Phan Lạc Phúc, tức Ký Giả Lô Răng, Nguyên Trung Tá Quân Lực VNCH, Nguyên Chủ Bút Nhật Báo Tiền Tuyến, đã qua đời vào lúc 1:32 trưa thứ Năm, ngày 28 tháng 4, 2016 tại Sydney, Úc Châu, hưởng thọ 88 tuổi. Cổ Thơm xin chia buồn cùng gia đình Ông Phan Lạc Phúc. Dưới đây là bài viết của Nhà Văn Văn Quang viết về Nhà Văn Phan Lạc Phúc.*

Tôi quen biết với anh Phan Lạc Phúc từ những năm 1956 từ khi còn làm chung trong Phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH. Hồi đó anh đã là đại úy và có thời làm Trưởng Ban Báo Chí, tôi làm dưới quyền anh nhưng anh vẫn xem tôi là bạn dù tôi ít tuổi hơn anh và mới chỉ là anh Trung Úy trẻ. Nhà anh ở ngay trong chợ An Đông, bà vợ là con một ông chủ tiệm vàng ở Quy Nhơn nên vào Sài Gòn nhà anh cũng mở tiệm vàng. Tôi mới từ Nha Trang đổi vào Sài Gòn, ở nhờ nhà bà di em của mẹ tôi.

Anh đã có chiếc xe Fiat thường đến đón tôi cùng đi làm. Mỗi buổi chiều chúng tôi thường chơi bóng chuyền ngay trước cửa Phòng 5. Anh Phúc cao ráo bảnh trai, đứng trên lưới đập bóng khá hay. Tôi là người nâng bóng. Tuy chân anh bị thương hơi tập tễnh, nếu không chú ý thường không thấy. Sau này có lúc anh làm Trưởng Phòng 5 Bộ TTM một thời gian. Tôi nhớ mãi hôm vào nhà Đại tá Vũ Quang anh được tặng một trái đào.

Anh đề dành mang về tặng cho mẹ tôi, anh nói nhìn bà cụ nhà ông tôi nhớ hình ảnh bà mẹ tôi. Thịnh thoảng nhà tôi có tổ chức vài món ăn đặc biệt truyền thống miền Bắc xưa mà ngày nay hầu như “mất tích”, không có bất cứ cửa hàng nào

bán và cũng rất ít nhà nào làm được vì sự nhiều khê của nó và những công thức gia truyền như phải chọn con cá chép hay cá mè như thế nào mới làm được món gỏi cá hoặc phải chọn thứ rau muống nào, nhúng nước sôi bao lâu mới



PHAN LẠC PHÚC (1928-2016)  
(KÝ GIẢ LÔ RĂNG)

làm được món nộm rau muống. Chưa kể cả món phụ gia rất lùng củng như giềng mẻ, muối mè, 7 loại rau đi kèm. Lần nào thường cũng có những người bạn của gia đình tôi như các anh Mặc Đỗ, Vũ Khắc Khoan, Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Phan Lạc Phúc, Thanh Nam.

Sau đó anh làm Trưởng Phòng Chiến Tranh Chính Trị Quân Đoàn 3 đóng tại Biên Hòa rồi về Trường Cao Đẳng Quốc Phòng.

Có một thời vào khoảng năm 1969 tôi về phụ trách Đài Phát Thanh Quận Đội, anh về làm chủ bút nhật báo Tiền Tuyến của Tổng Cục CTCT. Chủ nhiệm lúc đó là anh Phạm Xuân Ninh tức Hà Thượng Nhân. Anh thường viết bài hàng ngày và cái tên anh đặt cho mục đó là “Tập Ghi” ký tên “Ký Giả Lô Răng” được rất nhiều độc giả yêu thích. Từ đó chúng tôi gọi anh là ông Lô Răng.

Khi tôi lập gia đình, cần sang một cái nhà với giá 80 triệu đồng. Tôi không đủ tiền, xoay xở mãi cũng chỉ được một nửa. Ngồi nói chuyện ở Point de Blagueur tục gọi là “Mỏ Đấu Láo” bên bờ sông Sài Gòn, anh nói cho tôi mượn một nửa số tiền sang nhà. Nhờ thế tôi mới có cái nhà ở cư xá Chu Mạnh Trinh gần nhà ông Phạm Duy cùng nữ ca sĩ Thái Hằng.

### **Những ngày ở tù nghe Phan Lạc Phúc nói chuyện Kim Dung**

Sau tháng 4 - 1975, anh cũng kẹt lại như tôi và cùng vào trại tù Long Giao rồi cùng đi chuyến tàu thủy “lịch sử” từ

Nam ra Bắc, suốt 3 ngày đêm nằm dưới hầm tàu nơi dành để chuyên chở súc vật, đúng là cảnh “cơm đưa xuống phân đưa lên” nói trắng ra là khi đến giờ cơm, bọn cai tù mắc rổ cơm vào chiếc dây thừng thông xuống, chúng tôi đại tiểu tiện ngay tại chỗ nên lại phải thu gom phân vào bao đưa lên cho chúng mang đi đổ. Ra đến Vĩnh Phú, anh Phan Lạc Phúc nằm cùng phòng với tôi, cùng đi “nao động” phờ phạc và cùng ăn bo bo thay cơm. Những ngày chủ nhật nghỉ không được ăn sáng, chúng tôi đói meo, ngồi thừ nhìn nhau mãi cũng chán nên làm những quân bài mật chược bằng gỗ đánh với nhau cho quên đói. Ông Lô Răng cũng là tay mật chược khá cao.

Tôi nhớ có lần một anh bạn nhắc về kỷ niệm ngày xưa khi còn tung hoành trong quân đội, anh Phan Lạc Phúc hét lên: “Thôi xin ông đừng bao giờ nhắc lại chuyện xưa nữa, buồn lắm rồi”. Từ đó chúng tôi rất thận trọng khi nhắc chuyện xưa với ông. Có những đêm buồn và lạnh, chúng tôi nằm xúm lại bên nhau nghe kể chuyện cổ tích hoặc chuyện Tây chuyện Tàu. Ông Phúc có tài kể chuyện kiếm hiệp, những bộ truyện của Kim Dung ông nhớ rất rõ, một trí nhớ có thể gọi là siêu phàm. Ông Nhớ từng thể võ của từng nhân vật, những cuộc giao đấu “thần sầu” của “võ lâm ngũ bá”. Anh em nằm nghe hết đêm này qua đêm khác vẫn chưa hết pho truyện Kim Dung – Phan Lạc Phúc.

Sau đó chúng tôi bị đày lên Sơn La cùng Vũ Văn Sâm tức nhạc sĩ Thục Vũ

và Thục Vũ chết ở Bệnh xá này, chính anh Phan Lạc Phúc báo tin đó cho tôi khi cùng làm ở vườn rau sát bên bệnh xá.

### **Đám tang nhạc sĩ Thục Vũ**



Nhạc Sĩ Thục Vũ  
(Vũ Văn Sâm)

Một buổi chiều khi hoàng hôn gần xuống, đồi núi Sơn La bắt đầu có sương mù, chúng tôi cùng đứng lặng nhìn sang bên kia bờ ao có mấy anh lính vác súng AK đi đầu, theo sau là mấy anh tù khiêng chiếc quan tài đi trên con đường mòn vòng theo dãy núi cao rồi mất hút sau khúc quanh con đường mòn nhỏ xíu. Đó là đám ma nhạc sĩ Thục Vũ. Nước mắt chảy dài, anh Phan Lạc Phúc quay mặt vào trong lấy tay áo sờn rách che giấu nỗi đau buồn tức tưởi. Hôm sau chúng tôi mới biết phần mộ Thục Vũ nằm trên sườn đồi cô quạnh lối đi vào thị xã Sơn La.

Sau đó anh Phan Lạc Phúc chuyển vào trại tù Thanh Hoá, tôi không còn

gặp anh nữa. Hơn mười hai năm sau, từ nhà tù cải tạo được tha về, tôi cũng chẳng biết anh ở đâu. Sau cùng tôi được tin anh đi định cư ở Úc. Khi tôi cộng tác với nhật báo Chiêu Dương và tuần báo Văn Nghệ Úc của anh Nhất Giang và Vi Tuý, thỉnh thoảng anh Phúc đến toà soạn thăm anh em. Anh Nhất Giang thường móc điện thoại gọi cho tôi ở Sài Gòn nói chuyện với anh Phan Lạc Phúc. Lúc đó chúng tôi mới biết về cuộc sống hiện tại của nhau. Anh cho tôi số điện thoại ở nhà nhưng anh nói hàng ngày phải vào bệnh viện thăm bà xã nên khó gặp anh ở nhà.

Tôi không còn nhớ rõ từng chi tiết và ngày tháng ở đây, có thể có sai sót. Nhưng cuối cùng tôi cần phải nói rõ lúc nào tôi cũng coi anh như đàn anh tôi về mọi mặt.

### **Ký Giả Lô Răng trên giường bệnh.**

Cho đến hôm nay chiều ngày 17 tháng 4 năm 2016, Sài Gòn nóng như cái chảo lửa. Rất bất ngờ tôi nhận được thư anh Huy Phương từ Mỹ. Anh viết có gọi điện thoại cho tôi nhưng không gặp, anh gửi cho tôi cái tin buồn về anh Phan Lạc Phúc đang hôn mê trên giường bệnh. Anh Vi Tuý từ Úc cũng gửi cho tôi tin này.

Xin chuyển đến các bạn đọc của tôi tin buồn này, tôi chắc trong số bạn đọc cũng có rất nhiều vị biết đến tên ký giả Lô Răng – Phan Lạc Phúc và cầu nguyện cho ông. ☸



# ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ

Soạn giả: Ngô Tăng Giao (Luật sư Đà Lạt)  
Xuất bản năm 2010 (320 trang) / tái bản năm 2016 (430 trang)

## GỒM CÁC TIẾT MỤC:

\* Đà Lạt trước 1975 và bác sĩ Yersin \* Cao nguyên Lang Biang và huyền thoại \* Bộ tộc Lạch và Chill  
\* Thù rừng Đà Lạt \* Nhà đồng bào Thượng \* Bóng dáng người Thượng \* Con người Đà Lạt  
\* Đà Lạt bốn mùa \* Lên Đà Lạt bằng đường sắt \* Lên Đà Lạt bằng đường bộ \* Lên Đà Lạt bằng máy bay  
\* Đạo quanh Đà Lạt một vòng \* Theo bước chân rong rêu \* Bức tranh thủy mặc \* Bóng chiếc xe lam  
\* Tiếng xe thô mộc \* Đồi cao lưng thấp thông ngàn \* Suối trong hồ lặng \* Thác gieo nước bạc  
\* Mưa giăng sương phủ \* Trăng sao đắm đuối \* Thành phố ngàn hoa \* Hoa đào Đà Lạt \* Ai lên xứ hoa đào  
\* Em là con gái trời bắt xấu \* Truyện chứng minh \* Thành phố văn hóa \* Chuông vọng trần gian  
\* Chút duyên văn nghệ \* Các dinh thự \* Vua Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương \* Đà Lạt đầu tháng tư 1975.

## TRÍCH DẪN VĂN, THƠ, NHẠC, HỜI KÝ VỀ ĐÀ LẠT CỦA HƠN 150 TÁC GIẢ:

\* Alexandre John-Emile Yersin \* Étienne Tardif \* Gabrielle M. Vassal \* P. Duclaux \* Le Chemineau \* Ngọc Giao  
\* Hoàng Anh Tuấn \* Nguyễn Văn Ba \* Ngự Thuyết \* Vi Sao \* Phan Nghê \* Trần Cao Linh \* Đinh Văn Cừ  
\* J.J. Vassal \* Khánh Giang \* Nguyễn Văn Huy \* Nguyễn Anh Tuấn \* Kiên Thêm \* Khánh Ly \* Việt Trang  
\* Sư Viên Thực \* Tâm Minh \* Hồng Thủy \* Nguyễn Xuân Thiệp \* Trần Văn Lệ \* Hứa Hoàng \* Nguyễn Thị Ngọc Dung  
\* Trúc Tiên \* Nguyễn Thị Hoàng \* Hoàng Xuân Hân \* Tâm Đạt \* Trần Ngọc Toàn \* Vi Khuê \* Thủy Trúc  
\* Thiên Hương \* Quách Tấn \* Hàn Mặc Tử \* Lê Uyên Phương \* Phan Thái \* Lam Phương \* Nguyễn Sỹ Tế  
\* Cam Linh \* Lan Hinh \* Nam Giao \* P. Munier \* Nhất Tuấn \* Vũ Đức Nghiêng \* Hà Bình Trung \* Phạm Mạnh Cương  
\* Trường Kỳ \* Lê Hằng \* Thanh Tuyền \* Minh Kỳ \* Dạ Cầm \* Phong Vũ \* Trúc Chi \* Tô Giang Tử  
\* Sư Huyền Không \* Hồng Vân \* Nguyễn Quý Nhơn \* Đức Huy \* Tuyền Sơn \* Huệ Thu \* Lê Triều Phương  
\* Trần Uyên Thi \* Ngô Xuân Hậu \* Vũ Thành An \* Hà Xuân Tế \* Quách Giao \* Trần Mộng Tú \* Tuệ Nga  
\* Nguyễn Bá Trạc \* Quân Thụy Hoài \* Quỳnh Anh \* Nguyễn Tường Giang \* Vương Trùng Dương  
\* Hoàng Nguyên \* Nguyễn Ánh 9 \* Lê Khánh \* Hàng Ngọc Hân \* Nguyễn Thị Hàm Anh \* Vũ Chương  
\* Thục Vũ \* Miên Du Đà Lạt \* Nguyễn Minh Tâm \* Nghiêu Minh \* Nguyễn Nhân Bằng \* Từ Công Phụng  
\* Trương Toàn \* Nguyễn Cúc \* Christiane Đinh Bạch Nga \* Sư Viên Trí \* Bửu Ân \* Nguyễn Đình Tuấn  
\* Sư Tâm Ngô \* Sư Lê Trung Trang Nishio \* Tôn Thất An Cự \* Vua Bảo Đại \* Hoàng hậu Nam Phương  
\* Nguyễn Văn Lục \* Nguyễn Đình Cường \* Nguyễn Mạnh Trinh \* Bích Đào & Nina  
\* Nguyễn Tường Thiết & Nhất Linh \* Chữ Bá Anh \* Bùi Bích Hà \* Phạm Duy \* Lê Văn Phúc  
\* Đinh Lang & Diễm Liên \* Nguyễn Đức Nam \* Phạm Xuân Đài \* Hà Ly Mạc \* Vũ Lâm \* Đỗ Văn \* Lê Thị Ý  
\* Nguyễn Xuân Hoàng \* Anh Tâm \* Anh Bằng \* Trần Huy Sao \* Phạm T. M. \* Huỳnh Sơn \* Trịnh Nam Sơn  
\* Trần Thị Xuân Lan \* Nguyễn Tánh \* Phạm Công Thiện \* Hồng Liên \* Tuấn Huy \* Lâm Thủy \* Yên Hà \* Thảo Chi  
\* Tống Nữ Mộng Hoa \* Bùi Thanh Tiên \* Diệu Hương \* Hoàng Bạch Mai \* Hoàng Trọng & Hồ Đình Phương  
\* Nguyễn Tất Nhiên \* Duy Khánh \* Bùi Giáng \* Hoàng Trọng Hàn \* Hồ Mỹ Hạnh \* Trịnh Thanh Thủy  
\* Vương Đức Lệ \* Tuyền Sơn \* Tạ Thị Bích Thủy \* Văn Quang \* Phạm Mai Hương \* Như Anh \* Song Ngọc.

## THÊM 100 TRANG KHI TÁI BẢN NĂM 2016 VỚI CÁC TÁC GIẢ:

\* Alan Phan \* Bắc Mù \* Cao Đắc Vinh \* Cao Hữu Đạt \* Cao Nguyên \* Cầu Đất \* Chử Nhị Anh \* Chử Tứ Anh  
\* Cô Bé Quảng Khẩn Đồ \* Dương Tấn Hải \* Đào Thị An \* Đinh Cường \* Forget-Me-Not \* Hải Vân \* Hoàng Đức  
\* Huy Phương \* Hữu Nguyên \* Khương Hữu Điều \* Kim Thanh \* Lại Văn Long \* Lê Ngọc Trùng Dương  
\* Mai Thái Lĩnh \* Minh Vũ Hồ Văn Châm \* Minh Ngô Nguyễn Thái Hai \* Nguyễn Đạt \* Nguyễn Hữu Tranh  
\* Nguyễn Minh Diễm \* Nguyễn Ngọc Chính \* Nguyễn Quang Tuyền \* Nguyễn Thị Ngọc Dung (Vancouver)  
\* Nguyễn Vũ \* Phạm Mai Hương \* Phạm Mai Trang \* Phạm Tín An Ninh \* Quang (Già cơ) \* Thâm Diễm Hoa  
\* Trần Đại Bản \* Trần Thị Diệu Tâm \* Trịnh Công Sơn \* Tru Vũ \* Từ Kế Tường \* Túy Hồng.

## GHI CHÚ:

\* Sách dày 430 trang. \* Chi phiếu ghi: Giao Ngo  
\* Mỗi cuốn \$20 USA (bao gồm ấn phí và cước phí tại Hoa Kỳ). CANADA: \$25.  
\* Địa chỉ: 45481 Caboose Terrace, Sterling, VA 20166, USA  
\* Xin ghi rõ địa chỉ người nhận sách hoặc người được tặng sách.  
\* Liên lạc: [giaongo@msn.com](mailto:giaongo@msn.com)



7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hội. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

**Super buffet mỗi ngày**

- Lunch: \$7.95
- Dinner: \$9.95

**Mở cửa 7 ngày trong tuần**

- Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
- Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

**TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI**

# TỦ SÁCH CỎ THƠM

11623 CHAPEL CROSS WAY, RESTON, VA 20194, USA  
Tel. (703) 471-1271, Fax (703) 471-1196; Email: dsenser@yahoo.com

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM (Từ năm 1996)  
ĐIỂM TRANG LÀM DÁNG CUỘC ĐỜI (1999) - Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung  
TRĂNG NHỚ ĐÊM RẼM (2000) - Thơ Bùi Thanh Tiên  
NHƯ GIẤC MỘNG SAY (2000) - Thơ phổ nhạc Ngô Thy Vân  
TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN (2000) - Nhận định văn học của Hồ Trường An  
VĂN KHẢO (2000) - Trần Bích San  
MỘT THOÁNG MÂY BAY (2001) - Tập truyện Nguyễn Thị Ngọc Dung  
TÌNH ANH NHƯ THỂ ĐẤY (2001) - Thơ Kim Vũ; KHI YÊU EM (2002) - Thơ Kim Vũ  
BÊN DÒNG THẠCH HẸN (2002) - Thơ Phan Khâm  
SÔI NỔI (2002) - Tập Truyện Nguyễn Lâm; GIẤC MƠ ĐỜI (2002) - Thơ Bùi Thanh Tiên  
HOÀI CẢM (2003) - Thơ xướng họa của Hồ Trường An, Cao Mỹ Nhân, Phan Khâm,  
Nguyễn T. Ngọc Dung, Vân Nương, Trần Quốc Bảo, Vi Khuê, Huệ Thu, Ngô Tăng Giao.  
VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI (2003) - Thơ Hồ Trường An  
ĐÃ KHỎI DÒNG LÊ (2004)-Thơ Đăng Nguyên; HÌNH ẢNH TRÔI ĐI (2005)-Thơ Việt Bằng  
PHƯỢNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI (Tái bản lần II 2005)-Hồi ký Nguyễn T. Ngọc Dung  
SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THUỞNG (Tái bản 2005)-Hồi ký Nguyễn Thị Ngọc Dung  
GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG (2006) Bút đàm của HỒ TRƯỜNG AN với Việt Bằng,  
Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.  
DÒNG SÔNG THAO THỨC (2007) - Thơ - Phan Khâm  
NON NƯỚC ĐÁ VÀNG (2007) - Bút ký - Nguyễn Thị Ngọc Dung  
NÁO NỨC HỘI TRĂNG RẼM (2007) - Bút khảo - Hồ Trường An về các tác giả  
Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Nguyễn Thị Thụy Vũ,  
Trương Anh Thụy, Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung.  
KHÚC VÔ THANH (2008), 90 bài thơ - Bùi Thanh Tiên (2010)  
THƯƠNG VỀ KỶ NIỆM (2010) - Thơ Đỗ Thị Minh Giang  
ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ (2010) - Biên soạn của Ngô Tăng Giao  
GIỮ MÃI GIÙM ANH (2011) - Thơ Uyên Phương Minh Nguyệt  
CA DAO - CON ĐƯỜNG VĂN HÓA VIỆT (2012) - Biên khảo của Nguyễn Văn Nhiệm –  
NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI VƯỢT TUYẾN QUA RỪNG 1958 - Hồi ký Tô Bạch Tuyết (2013) –  
NHÀ VĂN VÀ TÁC PHẨM & DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ & KIẾN THỨC KHOA HỌC &  
TÌM HIỂU SỬ ĐỊA THỂ GIỚI: Biên khảo của Phạm Văn Tuấn  
MƯA XUÂN-SPRING RAIN-Thơ song ngữ: Tâm Minh Ngô Tăng Giao  
MONG MANH – Thơ: Ý Anh  
BƯỚC LẠ QUÊ HUƠNG – Bút ký: Nguyễn Thị Ngọc Dung  
LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT - Biên Khảo của Nguyễn Văn Thành



**PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO**  
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name): .....

Địa chỉ (Address): .....

Phone, Fax, Email: .....

Ngày đặt mua (Order date): ..... Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #) .....

Số tiền (US dollar amount) \$ .....

-----  
**GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM**

PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES

Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$40.00 [ ] - Gia Nã Đại (In Canada): US\$50.00 [ ]

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$50 [ ]

-----  
**GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ**

**trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")**

**1/2 trang trong: US \$30.00 ( )**

**1 trang trong: US \$60.00 ( )**

**Trang trong bìa trước: US \$100.00 ( )**

**Trang trong bìa sau: US \$100.00 ( )**

-----  
Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về  
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194

-----  
**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO  
LÀ AN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**

**Giá báo: US\$7.00**



Water-Lilies: Nguyễn Huy Linh